VĂN HỌC

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

tiến trình vương hóa mới
tạ chí đại trường
"hà nội" và hà nội
trúc chi
treo đầu dây quan họ
nam dao
những ngày mắc cạn
lâm chương
còn nắng trong chiều
trần long hồ
những chuyện vặt vãnh
lê minh hà
văn sĩ ngại ngần tình đầu
phùng nguyễn *phạm hải anh*
đối thoại với thế uyên
hoàng ngọc tuấn
đọc hồi ký của gs nguyễn đình-hoà
thạch hãn
thơ
hà thượng nhân ● đặng hiền ● thảo chi ● lê nguyễn

156

THÁNG 4 1999

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Thư Tòa soạn
Văn Học

Văn Học số 156 các bạn cầm trên tay là một số báo đặc biệt.
Kể từ số Văn Học Nghệ Thuật Tục bản đầu tiên ra ngày 1 tháng Năm 1985 đến nay, tạp chí này đã "ở" với bạn đọc tròn mười bốn năm.

Trong mười bốn năm đó, tạp chí đã trải qua nhiều thăng trầm, ban chủ biên nhiều lần thay đổi, hình thức tờ tạp chí cũng cải tiến không ngừng. Chỉ có một điểm nhất quán những người chủ trương Văn Học cố gắng duy trì suốt mười bốn năm qua: là trong bất cứ tình huống nào, Văn Học cũng cố gắng "ở sao cho phải" với văn hữu và bạn đọc.

Đối với các văn hữu, Văn Học mang ơn các bạn suốt mười bốn năm qua. Là những người cầm bút, chúng tôi hiểu rất rõ: để viết một tiểu luận, truyện ngắn, bài thơ...,biết bao nhiêu công sức đã bỏ ra. Viết được một tác phẩm ưng ý, các bạn lại còn mất công lo gửi đi, chờ đợi hồi âm, để cuối cùng không có phần thưởng nào đền bù tương xứng ngoài một tờ báo biếu. Chẳng những không phiền hà, các bạn còn khuyến khích chúng tôi, bỏ qua những sai sót của chúng tôi khi bài đăng lên không được như ý. Các bạn còn thông cảm cho tình trạng khó khăn của người làm báo văn chương ở hải ngoại, nhất là Văn Học, nên hết lớp cầm bút này đến lớp khác, Văn Học được phổ biến những sáng tác giá trị của văn chương hải ngoại.

Đối với quí bạn đọc dài hạn, rõ ràng chính các bạn là nguồn sống của Văn Học. Nhờ các bạn mà Văn Học đã tự đứng được trong thời gian qua, nhờ các bạn mà hằng tháng Ban Chủ biên có phương tiện tài chánh trả được hai món tiền chi tiêu duy nhất là tiền in và bưu phí. Dù không có quảng cáo như các tờ báo thương mãi, Văn Học vẫn cố gắng giữ giá báo ở mức thấp nhất, bằng cách hạn chế tối đa các chi tiêu. Tất cả mọi người trong Ban chủ biên đều sống bằng một nghề không liên quan tới văn chương, xem công sức đóng góp cho Văn Học như một phận sự cuối tuần.

Tòa soạn là tư gia của anh chủ bút. Nhờ hệ thống e-mail tiền công đánh máy được tiết kiệm tối đa. Các văn hữu vốn thông cảm cho Ban Chủ biên không trông đợi số tiền nhuận bút đáng lý phải có. Cuối cùng, chỉ còn hai khoản chi tiêu lớn là tiền in báo, và tiền gửi báo. Khoản chi tiêu sau cũng lớn xấp xỉ khoản trước, vì bạn đọc Văn Học ở rải rác khắp thế giới, trong khi bưu phí cứ tăng hằng năm. Không có số tiền mua báo dài hạn, Văn Học nhất định không thể tồn tại cho tới ngày nay.

Số báo kỷ niệm mười bốn năm vui buồn của Văn Học phải có gì đặc biệt hơn các số thường.

Như các bạn thấy, số báo này dày hơn số thường, nhưng lại ít bài hơn các số thường, phần thi ca giảm bớt tối đa, một số mục thường xuyên như "Giới thiệu sách mới", "Thư tín" phải gác lại để độ dày không biến số báo này thành số đôi, thiệt hại quyền lợi của bạn đọc.

Báo dày vì Văn Học muốn đăng vào dịp kỷ niệm long trọng này những bài vở giá trị, như một cách tỏ lòng biết ơn quí văn hữu và bạn đọc. Những bài ấy đều dài, nếu đăng làm hai kỳ sẽ bất tiện cho cả tác giả lẫn độc giả. Chẳng hạn vở kịch *Treo đầu dây Quan họ* của Nam Dao (51 trang), tùy bút *"Hà nội" và Hà nội* của Trúc Chi (24 trang), *Tiến trình vương hóa mới* của Tạ Chí Đại Trường (37 trang); chưa kể các truyện ngắn hay của Lâm Chương, Trần Long Hồ, Lê Minh Hà, Phùng Nguyễn, và đặc biệt là truyện của Phạm Hải Anh, một nhà văn nữ ở Hòa Lan Văn Học đã hai lần giới thiệu với quí bạn trước đây.

Sau mười bốn năm, Văn Học đã thực sự trở thành một công trình tập thể của đa số văn hữu và bạn đọc, những người yêu văn chương, trân trọng chữ nghĩa, và biết tôn trọng những gì khác mình.

"Ở với nhau sao cho phải", "Viết sao cho tử tế"; Bước vào năm thứ mười lăm, Văn Học mong ước những tiêu chuẩn thông thường (nhưng khó đạt) ấy là phương châm của Văn Học, để nếu không làm được những điều to tát, chúng tôi cũng không thẹn với chính chữ nghĩa chúng tôi viết ra..❐

Tiến trình vương hóa mới (1949-Thế kỉ XXI?)

Tạ Chí Đại Trường

Gởi một phần cho Nguyễn Xuân Nghĩa

Hồi còn ở trong nước, tình cờ đọc một tờ *Đất Việt* (Canada), thấy thật thích thú: "Té ra Mĩ có chợ trời! Văn minh con cháu Lạc Hồng đã truyền ra khắp thế giới mà mình không hay!" Tuy nhiên vẫn không biết một yếu tố văn hoá đi cả ngàn dặm xa rời đất gốc như thế đã có sự lệch lạc nào không, nó có ân hận chua xót, mang mặc cảm phản bội vì không còn nguyên dạng hình hài cũ hay không. Ở nhà nói phét mãi, không được, có cơ hội thì đi ra ngoài cho mở mắt với người ta! "Đi (không cần chỉ đi Mĩ) một ngày đàng..., cho biết đó biết đây, ở nhà bú mẹ (Đảng) biết ngày nào khôn." Và hiểu ra: Chợ trời cũng là sản phẩm Mĩ, hay có lẽ của bất cứ nơi đâu có hàng hoá! Đi vào Kmart, WalMart, chưa kể các nơi tập trung lớn, thấy hàng hoá mà ngợp, ngợp với giá so với túi tiền của mình, ngợp và sợ người người đông đúc vì cái tiếng Anh tiếng u của mình, tuy người bán, từ cô gái xinh xắn cho đến mụ già cốc đế đều rất lịch sự. Vả lại đều đặn mỗi tuần năm ngày chúi mũi trong hãng, có ngày nghỉ sao lại chui vào các hộp lớn có tên là Mart, Mall đó, sao không ra ngoài đất trời rộng thênh thang, dù là phải đi bộ mỏi chân?

Chợ trời Nam Cali thường nằm trên khu đất các trường Collège cho mướn vào hai ngày cuối tuần để gây quỹ riêng, chắc là bắt chước kế hoạch B của mình tuy không để cho máy cưa, tiếng rao hàng làm bận trí học sinh như của mình. Vậy thì ta đi chợ trời. Lại chẳng có nhu cầu gì nhiều để mua. Bàn ghế giường nệm để vào đâu? Áo quần mặc nhiều năm không rách, chờ tháng năng mua đồ lạnh, tháng lạnh mua sơmi, quần cụt có tốn thì giờ bao nhiêu đâu! Vậy là theo thói quen sà vào hàng sách. Sách không chỉ ở trong "hàng". Sách còn nằm lẫn lộn với áo quần vun

đống, đồ chơi con nít người lớn, đinh ốc hoen rỉ..., cả đến anh Mễ rao hàng cũng không quan tâm:"Một đôla một món, rẻ lắm!" (Mĩ, Mễ có chữ "mại dô" không?) Vì sách có thứ chỉ năm mươi xu một cuốn, hai cuốn thôi. Sách mới không biết ở đâu ra, nhưng năm, mười đô cũng còn là rẻ so với giá chính thức. Phần rất lớn là sách cũ năm mười năm, vài mươi năm. Chẳng hề gì. Cũ người mới ta. Đọc sách lúc này chỉ là làm một trò chơi kiến thức thì rảnh lúc nào chơi lúc nấy, nệ gì ở thời gian? Vả lại có những quá khứ còn rất gần với ta, gần tưởng chừng như mới xảy ra hôm qua. Như đời sống trong cuộc chiến vừa qua, ở nơi ta đã bỏ một phần máu thịt, ngậm ngùi cay đắng dính theo phần máu thịt lênh đênh. Sách của người Mĩ viết về chiến tranh Việt Nam như một suy ngẫm lại theo thói quen tò mò kiến thức, không giấu được chút tự dằn vặt, với những phát hiện mới, phát hiện lại rõ ràng không thay đổi được quá khứ mà cũng không ích lợi gì cho tương lai. Có điều người Việt đi theo trò chơi đó nắm được ý kiến, bằng cớ của người khác cũng có thể chen vào ý kiến của mình, cũng là một suy ngẫm lại, suy ngẫm thêm, cải đổi, mở rộng từ những hiểu biết hạn hẹp trong quá khứ.

Lại còn chuyện của ông bạn khổng lồ bên cạnh nữa. Khó chịu, lấn lướt, kẻ cả mà dẫn dụ tài tình. Cả hơn ngàn năm.

Đọc sách cũ nói về ông bạn, muộn đến hai, ba thập niên. Không hề gì. Quá khứ của bản thân, của những người cùng thời đại đủ để đem ra đối chiếu. Và chợt nhớ đến một định luật của sử gia Pháp A. Masson đưa ra từ năm 50: Hễ cứ mỗi lần Annam ta củng cố nền độc lập (trong đó có lần thắng Tàu) xong là lại bắt chước Tàu dữ hơn trước! Bị ám ảnh bởi chữ "định luật" nhồi nhét ở các lớp trung học, người ta dễ giật mình với nhận xét đó và tuỳ theo hướng chấp nhận mà mắng mỏ chửi bới hoặc, "ờ hé!" Tương quan nhân quả trong một thế giới vật chất nhất định như ở khoa học thực nghiệm có sự ràng buộc chặt chịa hơn là ở sinh hoạt tinh thần của con người. Ông sử gia kia bắt đầu bằng sự đối kháng của hai chủ thể Trung Hoa và Việt Nam trong một thế giới chỉ kể có hai nước. Cho nên cái dáng định luật hiện rõ ra, tuy phân tích kĩ thì vấn đề không hẳn là giản dị. Vậy mà cho đến khi với cách nhìn thế giới không còn chỉ có Trung Hoa và Việt Nam thì định luật, về khía cạnh bắt-chước lại vẫn còn đúng một cách lạ kì! Như những đường nét chính trong cuộc chiến vừa qua.

Ở đây không phải là chỗ bàn chi tiết về cuộc chiến ấy. Chiến thắng thuộc về bên nào đã thấy rõ, không phải "tại", "bởi", "bị"... Và người ta đi tìm nguyên nhân, sự kiện. Không phải để tìm bài học lịch sử. Chuyện xa vời. Tìm càng nhiều càng tốt, tìm kiến thức như một sự dằn vặt, như một

thân phận của con người. Trừ những người muốn sống như cây như cỏ. Điều nổi bật ai cũng thấy là Mĩ không được chuẩn bị và lựa chọn trong cách đánh của mình dù bên ngoài có vẻ là trái ngược lại. Ai cùng đi hành quân với lính Mĩ đều than phiền: "Mỗi lần bị thương là nó la hét, rên khóc như muốn chỉ chỗ cho VC biết mà bắn vào khỏi hao đạn vậy." *Nhà giàu đứt tay ăn mày đổ ruột*. Các cậu bé hút thuốc lá trộm, trốn học bị police ruồng bố, dự party để đè bạn gái, cùng trong một ngày muốn tắm nắng thì xuống biển lội sóng, muốn trượt tuyết thì phóng xe lên núi, đi lính một năm rồi về với Thế gian (World)... làm sao có đủ khả năng và tinh thần chịu đựng để đánh với những người chín mười năm chiến trận, chết với cục cơm vắt thiu bên mình, hay còn sống mà không có gì hết, chỉ rượt theo lính Cộng hoà với tiếng hét:"Bỏ ba lô xuống thì sống!" - để lấy gói cơm sấy! Có vũ khí nhiều để che cho tính mạng cũng không phải muốn làm gì thì làm, dù muốn tận lực. Thả bom thì dữ - mà dữ thiệt! Nhưng trong lúc người ta đòi đánh đến tận hang ổ kẻ thù và đã đánh đến dinh Độc lập, toà Đại sứ - hai lần, thì bom không làm rung một miếng ngói của Bắc bộ phủ, có hai đường tiếp tế vũ khí tối tân bắn rụng máy bay mình mà không dám thả gần biên giới, sợ Tàu giận, bất đắc dĩ mới phong toả Hải Phòng sợ đụng tàu Liên Xô hay của các nước khác! Lối đánh siết gọng kìm từ từ chỉ làm bung ra phản ứng đối kháng tương đương. Người ta đốt Trường Sơn đi cứu nước cháy lan qua đất Lào Miên trống đường cho xe chạy, dọn chỗ đóng quân chờ sẵn mà mình thì len lén thả bom, tung biệt kích như thằng ăn cắp, dẫn quân qua chỉ như xua gà vịt, bị la ó om sòm, lỡ phải ôm đầu máu chạy về thì bị cười nhạo khinh chê. Một vụ Mĩ Lai đem ra xử cho đúng với danh vị kẻ lãnh đạo thế giới tự do không được bắn giết dân chúng nên chịu sự phẫn nộ với cảnh ông đại tá bắn người biệt động mặc áo dân thường, không dám thả bom đê điều... trong lúc người ta nửa đêm gõ cửa lôi đầu người, cũng mặc áo dân thường đấy! đâm một nhát bỏ ruồi bu kiến đậu, hay chôn sống cả hàng ngàn người ở Huế mà khi phát giác ra còn có kẻ đỡ che, biện minh. (Tuy nhiên có vẻ như 5 000 oan hồn Huế 1968 đã lớn vởn hiện về chặn bớt bàn tay hạ xuống đầu cổ dân Sài Gòn - Miền Nam 1975 đấy!) Một phe đã không được quyền đánh nhau theo cách chọn lựa của kẻ thù, không phải! cách chọn lựa của địa phương, cách đánh nhau *bình thường* của khu vực. Như cách người lính Đại Hàn giữ yên vùng trách nhiệm của mình, như cách đối xử của Mật vụ Miền Trung mà người Cộng sản cũng công nhận hiệu quả. Như sau này, sau 1979, người chiến sĩ "làm Nhiệm vụ Quốc tế Cao cả" (Lê Đức Anh) giữ yên Kampuchia. Thật là ghê tởm, nhưng chiến tranh đâu phải là chuyện giao tình "đạm nhược thuỷ" của người quân tử!

Và người sĩ quan, chính khách, học giả Mĩ, thế giới mầy mò đi tìm cái lạ, cái đặc điểm, ưu thế của đối phương. Một lô những kiến giải, lí thuyết được đưa ra. Nhà binh nói về chiến lược, chiến thuật. Học giả sờ vào đấy một chút và biện giải về tình hình xã hội, nguồn gốc lịch sử, có khi chen vào một ít kiến giải của kẻ thắng - kẻ thắng nào lại không phải, cái thắng nào lại không có sự hữu lí của nó? Như mấy anh mù sờ voi. Bây giờ ta cũng tham gia vào đám loạn xị đó, có ông Masson và mấy quyển sách của chợ trời Mĩ hướng dẫn để đi sờ cái chân thứ năm của con voi.

Trên thế giới này, người Việt Nam nổi tiếng nhất sau ông Hô là Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Nổi tiếng đến nỗi che lấp cả công lao của ông Lê Duẩn, bởi vì chiến công thống nhất đất nước phải về tay ông này, người đã chuẩn bị cả một nền tảng nổi dậy phục sẵn ở Miền Nam sau hiệp định Genève, bám sâu bám chặt để không thể có trường hợp thứ hai như Hi Lạp sau Thế chiến II. Cả ông Hô nữa! Ông vua Lê-mới này từ đầu thập niên 60 chỉ còn hư vị ("Bác đã lẫn rồi." Tố Hữu?) Trong cuộc chiến Mậu thân, ông nằm khoèo buồn bã ở bên Tàu chứ không phải cao giọng đọc lời kêu gọi "Tiến lên..." ở Phủ Chủ tịch vào đêm giao thừa năm đó như người ta tưởng. Vòng hào quang của ông Giáp theo ông Hô ra đến mức huyền thoại trong nước đến nỗi Bà Đại tướng phải nhờ học giả X dò xem thử ở cuộc hội nghị quốc tế nào các tướng lãnh thế giới đã bầu đức Phu quân của Bà làm một trong năm bảy tướng lãnh giỏi nhất từ xưa đến nay. Ông Giáp nổi danh vì trận chiến Điện Biên Phủ. Lòng chảo thiên nhiên ĐBP trở thành hầm sụp chiến tranh chỉ vì Việt Minh có pháo lớn, toan tính không ngờ tới khiến cho sau loạt đầu nổ là viên chỉ huy pháo binh Pháp phải tự tử! Và pháo là của Trung Quốc đưa sang. Loáng thoáng rất lâu sau cuộc chiến người ta mới nghe nói có Trung Quốc giúp đỡ cố vấn. Nhưng che lấp sau đó là chuyện Đại tướng ta giỏi hơn vì đã sửa lại chiến thuật "tốc chiến tốc thắng" của Cố vấn thành lối đánh kiên trì thắng chắc dẫn đến thành công. Nhưng trong sinh hoạt giấu giếm thành thói thì sự thật đôi khi lại nằm trong phần phải đoán ra. Hơn bốn mươi năm sau, khi Cathérine Deneuve đóng phim và Điện Biên Phủ đón mời chính khách, cựu chiến binh, nhà đạo diễn thăm chiến trường xưa, có ông đại tá phe thắng ngực đầy huy chương khúm núm bắt tay tên thực dân bại trận thắng người nhìn xuống, vào lúc đó ta mới nghe chàng phóng viên nội địa than phiền người ta đã giữ gìn sơn-phết cho hầm của De Castries mà bỏ lơ cái hang nơi Đại tướng ta ngồi chỉ huy, *trong hang có đường thông tới nơi Cố vấn làm việc*. Vậy là sau khi đổi cách đánh thì ông Cố vấn thất nghiệp ngồi uống trà ngâm thơ hay có chen vào chỉ chỏ?

Trong lời trần tình vào dịp kỉ niệm sinh nhật lần thứ 76 (1998), tướng

Trần Độ có nhận rằng ông tuy có tích cực đấu tranh cho chế độ công tác chính uỷ trong quân đội theo một vài cuốn sách mỏng do Võ Nguyên Giáp trao (chắc lại cũng xuất xứ từ Trung Quốc), nhưng từ khi *"làm việc trực tiếp với quân giải phóng nhân dân Trung Hoa ở chiến dịch biên giới"* (1950, Cao Bằng, Lạng Sơn - chúng tôi nhấn mạnh) và sau đó nhiều năm làm việc trực tiếp với cố vấn Trung Quốc, nhận thức (quân sự và chính trị) của ông mới được nâng cao. Các chiến sĩ được huấn luyện ở các an toàn khu bên kia biên giới để trở về "bứng" các đồn chận con đường xâm nhập truyền thống từ phía bắc vào Việt Nam. Chiến thuật biển người, tiền pháo hậu xung, công đồn đả viện... là bài học có hiệu quả từ người anh lớn chỉ dạy. Những cuộc học tập chỉnh huấn, rèn cán chỉnh quân còn có ý nghĩa khác là *biết sợ phe mình hơn sợ phe địch*, nâng cao tinh thần chiến đấu. Bài học tổ tam tam đi vào chiến tranh chuyển sang thời bình thành nếp sống chính trị, mất tính chất tương trợ mà phát triển tính chất kiểm soát lẫn nhau lên đến tột độ để anh du học sinh, người đi nước ngoài không thể thoát ra khỏi vòng kiểm soát của Đảng được. Chiến thắng lấy lừng nhưng con đường vật chất thông thương mang người thong thả đi thì luồng gió tư tưởng cũng ào ạt tuôn vào. Suôn sẻ, không cản trở thì nó thành tự nhiên không gặp thắc mắc. Đã là tự nhiên thì nó trở thành máu thịt của mình. Sự chấp nhận trào lưu vương-hoá-mới có tên là Maoít, của Việt Nam thời hiện đại giữa thế kỉ này đã bắt đầu như thế đó.

Chúng tôi đã có giải thích về nhận định của A. Masson trong Tiểu luận Cao học năm 1964, riêng cho phần thời đại thống nhất với Gia Long (1802) cũng cho ta thấy không phải mỗi lần theo sát Trung Hoa là không có những yếu tố khác chen vào. Sự đoạn tuyệt sau ngàn năm Bắc thuộc đã không xảy ra bởi vì nền độc lập thành hình được cũng có yếu tố quan trọng từ chính sự ngoại thuộc kia. Đó không phải là một nghịch lí. Mẫu hình chung về một nền văn hoá đồng thau có tên là Văn hoá Đông Sơn trên vùng đồng bằng phía bắc Việt Nam trước khi chính quyền Trung Hoa đặt nền cai trị ở đấy, không chứng tỏ được sự hiện diện của một quyền bính thống nhất trên toàn vùng - trừ phi nói bừa không cho ai cãi lại. Một tổ chức kết tập như thế vốn là của các quan lại Hán Đường. Không phải là "công" của những người ấy, cũng không phải là do ân đức của các bậc Thiên tử ngồi ở Lạc Dương, Tràng An thấm nhuần đến tận phương Nam. Nhu cầu chiếm giữ một mảnh đất lạ khiến họ đem những phương thức cai trị quen thuộc của họ áp dụng ở đây và sau khi ra đi đã để lại các thành quả và dấu tích của một ưu thế mà người chủ mới sử dụng. Như người Việt hiện tại xài một phần Tây Nguyên, vùng giữa hai sông Vàm Cỏ,

thượng lưu sông Sài Gòn, sông Bé như của ông cha để lại từ đời kiếp nào chứ không phải do Pháp chiếm từ Cao Miên. Cũng như dấu tích của đế quốc La Mã trên vùng Pháp, Anh... sau thời kì chiếm đóng. Gần chúng ta hơn là trường hợp Đại Hàn (Triều Tiên / Cao Li). Bà Chin-Ning Chu, người gốc Thiên Tân, sống từ nhỏ ở Đài Loan, hiện ở Mĩ, cho rằng sự phát triển của Đại Hàn trong hiện tại là do ảnh hưởng từ thời kì chiếm đóng của Nhật, mặt khác, khi xem một phim Đại Hàn Bà đã tưởng đó là một phim Trung Hoa nếu đừng nghe tiếng nói, đừng nhìn y phục (Chin-Nin Chu, *The Asian Mind Game*, Mac Millan Publishing Co 1991, p. 228) Rõ ràng ở phần đất Á Châu, Trung Hoa có một cách thức tổ chức xã hội mang hiệu quả kết tập cao hơn một vùng đất khác cũng có một nền văn minh rực rỡ không kém: Ấn Độ. Và vì thế sau khi li khai, các thủ lãnh ở cựu Đô Hộ Phủ không những sử dụng những gì có sẵn mà còn cố vươn lên những gì họ không có lúc trước nữa. Ngô Quyền không sáng tạo ra cách đánh ở sông Bạch Đằng mà là áp dụng một phương thức của nhà cầm quyền cũ, rồi sau đó thì xưng vương như một tay chiếm được quyền bính, ví dụ ở Tứ Xuyên, Giang Nam vậy. Các tầng lớp trí thức của những vùng đất được hướng thượng như thế đã đẻ ra một lí thuyết cao kì thường là để biện minh cho hành động xâm lấn của họ. Người Pháp coi mình có sứ mệnh khai hoá (mission civilisatrice) các dân tộc An Nam, Berbères, Malgache... Các trí thức Trung Hoa trước Tần, chưa có Đế, chỉ đội được một ông Vương trên đầu nên dùng chữ *vương hoá*. Trong ý nghĩ của triều đình Hán, mẫu hình văn hoá của họ toả rộng tới đâu là sự vương hoá lan tới đó, và tích cực hơn, là bắt buộc các dân tộc còn sống "dã man" phải chấp nhận vương hoá như lời vua Tống nhắn nhủ Lê Hoàn trước khi cất quân chinh phạt.

Đến đây thì rắc rối lại xảy ra. Bắt chước tuy tỏ rõ một trình độ hoạt động kiến thức thấp nhưng cũng là một hành vi có ý thức. Cho nên tự mình bắt chước thì được, còn ai đấy bảo bắt chước thì không xong đâu. Huống chi "Nam quốc sơn hà Nam Đế cư", đất có chủ, chủ của đất không muốn biến mình thành anh tá điền. Và thế là đem nhau ra chiến trường giải quyết sau khi năn nỉ hay hăm doạ không đạt hiệu quả. Tiến trình chống cự mà chấp nhận, theo đuôi mà phủ nhận đã kéo dài suốt thời gian lịch sử giữa Trung Hoa và Việt Nam. Hẳn giao tình thù/bạn (thầy) giữa Triều Tiên và Trung Hoa cũng xảy ra tương tự.

Nhân loại tuy đồng tính nhưng tính chất khu vực cũng đem lại sự khác biệt to lớn. Không phải chỉ có đám dân xuất phát từ lưu vực Hoàng Hà tự cho mình là cái hoa, là nước ở giữa trung tâm trời đất (Trung Hoa - Trung Quốc.) Hi Lạp cũng tự phụ mình văn minh nên coi các dân tộc sống chung quanh là barbaros, còn lại đến nay với ý nghĩa khinh miệt. La

Mã nối tiếp truyền thống đó và bị bọn barbares phá tan tành sự nghiệp, chỉ còn lại những yếu tố văn hoá lan rộng khắp thế giới nhưng nằm dưới những tên quốc gia dân tộc khác nhau. Riêng Trung Hoa tuy có nhiều thời bị bọn di, địch (đồng nghĩa với barbares của Tây Phương) xâm chiếm nhưng vẫn là một nước - nước độc nhất - có sự liên tục quốc gia, văn hoá trường tồn cả năm ngàn năm. Điều đó đã ảnh hưởng đến tương quan chính trị, xã hội trong khu vực. Không phải bởi "ngoan cố" mà nhà Nguyễn cứ cố bám vào truyền thống hướng về Trung Hoa, cũ kĩ có tên là ông Khổng, ông Mạnh, mới mẻ có các kiến thức do các sứ thần đem về cùng với sách vở hiện vật. Tiến trình bắt chước Trung Hoa - nhà Thanh của triều Nguyễn đã được học giả Mĩ A. Woodside nghiên cứu kĩ (*Vietnam and the Chinese Model*, Harvard University Press 1971). Ngoài những yếu tố khác, sự quay lưng với Tây Phương của nhà Nguyễn còn là dấu vết của một sự chìm đắm quá lâu trong tiến trình chấp nhận vương hoá, gần như là hiện tượng của người ngủ say bị đánh thức dậy, đi theo thói quen hơn là cân nhắc, nhận chân sự vật trước mắt. Điều này không phải là không quan trọng khi ta nhìn vào tiến trình vương hoá mới - maoít hiện đại dù rằng chúng ta đã bị bạo lực rứt ra khỏi vòng ảnh hưởng Trung Hoa trong gần một thế kỉ bằng quân đội, bằng hành động tượng trưng sâu đậm: huỷ ấn nhà Thanh, bằng lối chữ viết mới với dụng ý cắt đứt quá khứ...

Một nước khổng lồ kéo theo một dân tộc đông nghìn nghịt làm cho các nước nhỏ chung quanh phải e dè. Một nền văn minh cao vừa là một yếu tố hấp dẫn mà cũng là một yếu tố đe doạ. Tình hình thực tiễn của địa lí khu vực đó đã đem lại một hình thái phong kiến riêng biệt trên bình diện quốc gia của các nước trong vùng, có tên ở trung tâm là chủ thuyết vương hoá. Mẫu hình đó cũng được các nước nhỏ áp dụng trong khu vực quyền hạn của mình: Cao Li đòi Lưu Cầu triều cống, Đại Việt ra uy với Chiêm Thành, Cao Miên, Lào, Mường, Mán..., làm ông Thiên tử một phương. Trong chủ thuyết vương hoá, tương quan Trung Quốc - phiên thuộc không phải là tương quan bóc lột mà là theo tinh thần cha-chú. Cống sứ là một hình thức buôn bán thường khi Thiên tử chịu thiệt mà vui vẻ với tinh thần của bậc trưởng thượng. Sứ bộ Lê sơ gồng gánh đi buôn nườm nượp mà còn được vua Minh ban tiền mang về nữa. Vì tinh thần đó Thiên tử cũng không coi các phiên thuộc là đồng hạng. Cao Li, An Nam (Đại Việt) được đối xử riêng biệt hơn các xứ Xiêm La, Lào, Miên, Miến... không đồng văn hoá. Cách nhìn thân, sơ một cách kẻ cả như thế được thi hành xuê xoa ngay cả đến trong những trường hợp bất đồng nghiêm trọng nếu nhìn theo một hướng khác: Triều đình Thanh biết - và hẳn vua Thanh

cũng biết - là tên mọi Quang Bình (Quang Trung) đến chầu không phải là kẻ đã đuổi tướng mình bỏ cả ấn kiếm chạy, thế mà vẫn tiếp đãi, cho hầu ôm-gối! *Nó có đến, biết sợ mà đến là được rồi!*

Tương quan thân tình cũng thể hiện ngược lại, một thứ thân tình gần với hướng gia tộc hơn là nhóm văn hoá. Khi ở thế cần cầu viện, Lê Chiêu Thống chạy thẳng sang Tàu không phải chỉ vì gần đường đất trong khi Nguyễn Ánh gần Xiêm La lại chỉ chịu đi khi bị ép buộc thôi. Sự tinh tế trong hướng thân tộc của sự chia xẻ văn hoá chung như thế dễ bị phủ nhận khi cần lí luận trong ý thức muốn giữ cách biệt, nhưng điều đó có thể *cảm nhận* được: Ta thấy niềm hãnh diện của Lê Quý Đôn khi viên sứ thần này cho biết rằng Đại Việt và Cao Li được đứng chầu vua Thanh trên chiếu riêng biệt, khác với sứ bộ Xiêm La chẳng hạn. Và ngày nay thì ta nghe ông Trần Độ, rất thành thật, nói rằng: "*... bất luận là thế nào, tôi cũng vẫn biết ơn Đảng cộng sản Trung Quốc, giải phóng quân Trung Quốc trong sự nâng cao nhận thức quân sự và chính trị*" (của ông - chúng tôi nhấn mạnh). Hướng tự nguyện có hướng dẫn trong sinh hoạt đã đi vào tận tâm khảm như thế khiến cho ông Hoàng Văn Hoan khi bất đồng ý kiến với Bộ Chính trị đã li khai ở Ấn Độ nhưng chọn Trung Hoa làm nơi ẩn náu. Các con ông còn lại trong nước không mất chức quyền chứng tỏ một tình thế không đoạn tuyệt để ông khỏi mang tiếng là Lê Chiêu Thống và các nhà nghiên cứu, học giả cao giọng đọc các bản tham luận chống bá quyền trong các hội nghị nghiên cứu, chỉ là làm việc thư lại của một giai đoạn giận dỗi mới của thời kì tiếp nhận vương hoá mới bắt đầu từ khi Hồng quân tràn xuống nam mang lại một hình ảnh Trung Hoa mới, một Thiên triều mới.

Mới và Cũ trộn lẫn nhau trong đó Cũ tiềm tàng nâng cao hình ảnh Mới để bào chữa cho nhu cầu tiếp nhận:

(Liên Xô) *Trung Quốc với mình anh em,*
Tình thân máu chảy ruột mềm,
Đường trường kháng chiến càng thêm vững lòng.

Tố Hữu

Hơn nửa thế kỉ bị ép buộc chấp nhận văn hoá Tây Phương không nhằm nhò gì so với ngàn năm chung đụng với Trung Hoa dù có lúc bị lấn lướt, phải đổ máu để giữ thân xác, thân phận mình. Một ví dụ muộn màng là khi ông Lê Ngọc Trụ Nam Kì cố công làm một quyển từ điển các tiếng vay mượn thì khi in thử vài trang năm 1992, trông nó giống như chữ trên hiện vật của các nhà khảo cổ, không phải chỉ tiếng Pháp mà là từ tiếng Miên, Phi... nữa! Không lạc hậu sao được khi đã mấy mươi năm người ta trải qua một thời kì chấp nhận mới, toàn diện, chi li đến mức cố sức theo

sát một âm vận, một vị trí của từ cũ vốn cũng chỉ là vay mượn: phản ánh, giản đơn..., rồi theo đà chiến thắng 75 xuôi nam, quét sạch dinh luỹ cuối cùng của tư bản thực dân đế quốc, đem những điều đã học được dạy phần đông bào, kẻ nguỵ chưa được vương hoá! Người học trò thông minh tới mức khi một người cầm trong tay quyển sách *China: Alive in the Bitter Sea* (Trung Quốc: Kiếp sống thừa trong biển đắng cay) của Fox Butterfield (New York, Bantam Book, 1982) nói về sinh hoạt chính trị xã hội Trung Hoa thời chưa mở cửa, hắn ta đã phải kêu lên: *Sao mà y chang!* Cũng nổi lên tính chất đơn vị, đoàn thể thay thế cho khuôn khổ gia đình cổ điển, cũng cuộc sống luồn lách bằng mối quan hệ riêng tư, cũng trò tem phiếu, sổ gia đình rắc rối... Cũng trò ở tù không cần án trong những trại cải tạo lao động *(lao cải)* được xưng xưng là nhân đạo mà không thấy rằng có án còn thấy được ngày về còn cải tạo thì vô phương mịt mù, và từ đó gia đình tan nát vì tuyệt đường hi vọng. Cả đến khi Trung Hoa giao tiếp với bên ngoài qua các hải cảng vì tiếng súng các tàu Tây Phương nên phát sinh ra chữ hải quan để chỉ loại chính sách quan thuế càng lúc càng có tầm quan trọng lớn đó thì ta cũng xài *hải* quan dù là đặt trạm đó ở Lạng Sơn, Lao Bảo hay Kà Tum! (Ở Trung Hoa điều đó vẫn còn có lí vì trong truyền thống người ta vẫn coi phía tây là một biển cát, Thanh Hải một màu trời trong xanh)

Thật ra thì cũng chẳng có cách nào khác. Ông Trần Độ đã rất thành thật khi nhìn lại quá khứ thanh niên của mình, thấy thuyết mácxít, *hiểu theo những đường nét đơn giản nhất*, là lí tưởng tuyệt vời để giải thoát cho đồng bào, dân tộc. Ông Hồ cũng đã trải qua thời kì chọn lựa như vậy. Hồ Hữu Tường (lúc đầu), Tạ Thu Thâu... hẳn cũng không khác. Những nhà trí thức lạc loài không tổ quốc, bị lôi cuốn theo các dòng tư tưởng quá khích lớn thường vẫn còn giữ sự kiêu ngạo riêng tư trong khi đi tìm quần chúng. Các nhà Đệ tứ VN bị Trosky rầy la vì tưởng ông thầy bỏ quên nông dân, nhưng họ vẫn giữ một thái độ quá khích không thoả hiệp khi thấy khác với định kiến, đường lối vạch sẵn khiến cho ta nghĩ rằng giá họ cầm quyền thì xương máu còn đổ ra nhiều hơn nữa. Sinh hoạt tư tưởng tự do ở các thành phố lớn Tây Phương đã đẻ ra những tay mơ mộng bàn cách giải quyết những vấn đề của con người, đẻ ra những lí thuyết ẩn tàng sự tàn bạo dưới lớp vỏ bọc nhân bản, chỉ lộ ra khi các tay đồ đệ - mang tính chất hoạt động, khác với ông thầy ít nhiều gì cũng là nói phét - đem ra thực hiện trên vùng đất họ đã thành công. Lenin theo ông Marx, thành công to lớn hơn, lâu dài hơn tuy/vì? giết người nhiều hơn trong khi Pol Pot theo các tay chủ trương xây dựng một nước cộng sản nông dân chỉ mới giết độ hai triệu người dân mình, chỉ kéo dài có vài năm vì tính toán chiến lược

sai lầm (đụng Việt Nam) đã phải trốn chui trốn nhủi, chết trong rừng, chắc để tránh toà án quốc tế! Liên Xô là một nước Âu-Á nhưng phần nòng cốt là Nga đã có hướng thiên về châu Âu khi Pierre Đại đế cải cách trong thế kỉ XVIII. Phải đợi Cộng sản Trung Hoa thành công, các lãnh tụ Việt Nam mới thấy một hệ thống gần gũi hơn. Và lịch sử xoay vần theo một vòng mới.

Người cộng sản Việt Nam (Đệ tam) còn là người Việt nên trong thời kì chưa có chính quyền đã nghĩ đến việc đối phó với trường hợp "Hoa quân nhập Việt". Ý tưởng đề phòng ấy mất đi khi "Hoa quân" không phải là quân Quốc Dân Đảng mà là Hồng quân. Sự ngây thơ trong lí tưởng là khởi đầu như đã thấy trong ngây thơ về lí thuyết giai cấp, thực tế trùng trùng nối tiếp là ép buộc có tự nguyện, cái này đưa đẩy cái kia, biện minh cho nhau trong đó phần quá khứ thúc đẩy nặng nề. Đảng cầm quyền cho in bản đồ quân sự Việt Nam ở Trung Quốc, cho các tướng lãnh Trung Quốc đi khảo sát địa hình trên đất Việt để phòng hờ một lúc nhờ nhõi mà không thấy mình mắc tội bán nước. Không có Kháng Mĩ viện Việt như Kháng Mĩ viện Triều trước kia chỉ vì người ta đã mất đi tinh thần vô sản quốc tế lúc khởi đầu và còn phải lo lắng vì rối loạn nội bộ của các bước Đại nhảy vọt, Cách mạng Văn hoá đấy thôi. Trong lúc phần lớn dân chúng Miền Nam ghét Mĩ - kể cả những người thấy cần Mĩ trong một giai đoạn - thì dân chúng Miền Bắc - trừ một vài người đây khích động như ông Vũ Thư Hiên chứng kiến (Đêm giữa ban ngày) - lại thấy quân Trung Quốc đến như một sự bảo vệ tự nhiên. Sự không thích ứng về văn hoá của dân Miền Nam đối với Mĩ đã góp phần vào sự tích cực theo Trung Hoa ở Miền Bắc. Người phiên thần phương Nam đã trở về trong giai đoạn mới.

Đã nói, triều Thanh coi Đại Việt Cao Li là hai phiên thần cao cấp, thân thiết. Nhưng Cao Li tuy gần Bắc Kinh hơn lại chịu áp lực Trung Hoa nhẹ hơn Đại Việt. Đám Di, Địch, trực tiếp là Mông Cổ, Kim, Nữ Chân đã ngăn cản người Hán hướng về phương bắc, đông bắc trong khi con đường xuôi nam suôn sẻ từ rất xưa với đám Nam Man tan tác dù có lúc gượng gạo vật vờ. Trũng Lạng Sơn với chi nhánh sông đổ vào Tây Giang là con đường xâm nhập truyền thống từ phương Bắc. Lại chẳng có thu hút mở đường ra biển cả nào ở phía đông bắc trong khi biển Nam ngùn ngụt thuyền bè càng lúc càng rộn rịp. Cho nên Cao Li sáng tạo nổi một thứ chữ hình vuông kiểu mẫu tự syllabic (?) còn Đại Việt chỉ có một thứ chữ hán loại mới, nặng nề đeo đẳng nguyên mẫu như một thân phận có kháng cự vừa phải mà không rứt ra khỏi được. Hơn cả ngàn năm chứ ít đâu!

Lại con đường xa vời từ lí thuyết đến hiện thực nữa. Lí thuyết, trong mơ hồ ảo vọng, có cùng đích là một thứ thế giới đại đồng mong mỏi từ

thời xa xưa. Lí thuyết, trong hướng dẫn thực hiện, là một bài học vỡ lòng chưa có nội dung thành phần cụ thể. Các nhà phân tích Pháp Mĩ nói đến một xã hội thuộc địa có sự đối kháng của nông dân với thành phần mà họ gọi là culture broker, thành phần thông ngôn được người Pháp tạo dựng làm trung gian nên nhận lãnh mọi sự căm ghét của dân chúng. (Ví dụ ở Tập thể tác giả *The Vietnam Experience - Setting the Stage*, Boston Publishing Company 1981, tr. 107.) Nhưng nông dân đã làm loạn từ xưa không đợi đến mácxít. Còn lãnh tụ hiện nay vẫn là con cháu quan lại, địa chủ, ông làng, nhìn cho kĩ cũng là thành phần culture broker kia. Các ông Đệ tứ cho dù cố mầy mò đi tìm một giai cấp vô sản cho đúng sách vở cũng chỉ thấy được quần chúng có một tầng lớp thợ thuyền đầy tính chất nông dân băng đảng hội kín mà họ đã hãnh diện kể lại trong các hồi kí lớn nhỏ. Vậy là lãnh tụ phải đi tìm quần chúng, điều chỉnh quan niệm về quần chúng, không có thứ này thì xài thứ khác, một thứ quần chúng mang nhiều ước mơ (giải phóng đất nước, thế giới đại đồng) hơn là đúng với lí thuyết của Lãnh tụ Cao Vời vẽ ra. Sự lường gạt, lừa dối đã hiện hình. Kháng chiến xảy ra lại càng làm mất biệt tầng lớp thợ thuyền nhỏ nhoi kia. Chỉ còn lại rốt ráo là nông dân. Quân kháng chiến có thể thắng quân Pháp bởi vì lần này không phải chỉ có một tập hợp đông đúc ồ ạt giáo gươm la hét rồi bỏ chạy khi bị thương một hai người như đã từng xảy ra khi vây đánh một làng đạo ở Quảng Nam cuối thế kỉ trước. Nhưng bị tinh thần lí thuyết ràng buộc nên phải đi tìm lí thuyết, mà phải là lí thuyết có nội dung cụ thể hợp với tình hình quần chúng cụ thể chung quanh. Việc đó có ông Mao Trạch Đông làm giùm rồi. Như ngày xưa ông Khổng Tử, hệ thống quan lại Trung nguyên... đã làm cho các vua quan Đại Việt, như gần đây ông Tôn Văn làm cho các lãnh tụ Quốc Dân Đảng Việt Nam dù ông ta chưa bỏ thói Thiên triều đối với dân Việt. Con sư tử Trung Hoa khi vùng dậy vẫn có dáng hấp dẫn đe doạ dễ sợ.

Có lẽ không nên nghĩ rằng áp lực Trung Hoa đã có ảnh hưởng ngay từ lúc đầu của thời kì tiếp nhận mới. Hãy nhìn Mao Trạch Đông thêm chữ "mục" (hoà thuận) vào tên Nam Quan. Hãy nghe lời phát biểu thành thật của ông Trần Độ để thấy sự hoà thuận lúc đó. Xét vào thời điểm muộn màng hơn, hãy đọc ông Vũ Thư Hiên nói về những giao tiếp của Hồng quân với dân chúng Miền Bắc những năm 60 ở đấy. Đây là sự tiếp nhận tự nguyện một phía, và cho không ở phía kia. Trơn tru vì có sự đồng cảm sâu xa, sâu và xa: cả về mức độ lẫn thời gian. Trơn tru vì khoảng trống trong đầu các lãnh tụ Việt Nam. Và người Pháp cũng có ảnh hưởng gián tiếp trong tiến trình này. Không phải chỉ vì người Pháp gây chiến chận mất một hướng mở ra thế giới cho dân Việt, bởi sự chọn lựa chủ thuyết đã làm

công việc đó rồi. Dù không đánh Pháp hay Mĩ, người Việt nào nói chuyện với người ngoại quốc, nhất là tư bản, vẫn bị công an mời về "làm việc" như thường! Vì lí do đó, không phải chiến tranh với Pháp (hay Mĩ) đã đẩy Việt Cộng vào tay Trung Quốc. Có điều người Pháp đã góp phần vào việc tạo khoảng trống trong đầu các nhà lãnh đạo mới Việt Nam khiến cho việc tiếp nhận bài học Trung Quốc trở thành sít sao hơn. Các lãnh tụ đó như đã nói, được đào tạo trong môi trường Pháp nhưng với mục đích trở thành một tầng lớp thư lại nên thật bỡ ngỡ khi nắm được chính quyền: Các hồi kí về những ngày 1945 không-quên đã chứng tỏ như thế. (Trong một chừng mực nào đó sự loạng quạng cũng hiện rõ trong chính quyền Sài Gòn từ 1954. Và với "Bác", sau mấy mươi năm cầm quyền cũng còn ngớ ngẩn làm di chúc đòi "tha thuế hai năm"!) Lí tưởng cộng sản lại phủ nhận hướng tiến về phía Tây Phương tư sản trong lúc họ không biết phải cai trị dân chúng mình như thế nào, nay được người ta chỉ cách với những dáng dấp quen thuộc thì hăm hở như anh học trò tìm được Minh sư, cái hăm hở đã có đà sẵn khi đi tìm đường cứu nước mà giác ngộ ra thế giới đại đồng. Thế là đã không cần thắc mắc thêm về lí thuyết, nên chỉ cần theo chỉ dẫn hành động, và từ đó nảy ra từ ngữ "học tập kinh nghiệm". Thế là *y chang*.

Thấy được vấn đề ruộng đất là quan trọng, các học giả đã đề cao chiến dịch cải cách ruộng đất như là yếu tố chính dẫn đến thành công. Tuy nhiên việc nông dân đòi chia ruộng thì cũng xưa như nước Tầu, thành công hay không lại là chuyện khác. Muốn thành công phải dùng phương pháp Mao Trạch Đông: Địa chủ sợ đã đành còn người bần cố chỉ hăm hở lúc đòi ruộng thôi, trước và sau đấy vẫn là sợ; cái sợ không dành riêng cho một giai cấp, sự khủng bố là toàn diện. Và cũng chớ nên tưởng rằng sự khủng bố toàn diện là điều không thể chịu đựng nổi: Cái đau nín nhịn có khi còn dễ chịu hơn cái đau rên la. Việt Nam Cộng hoà cũng có chế độ liên gia đấy chứ, chế độ học của Thương Ưởng từ đời Tần, sự khủng bố cũng có, có lúc cũng dữ đấy chứ, nhưng sự khủng bố không toàn diện nên không thành công. Chống đối, trong trường hợp đó không mất đi mà lại càng tăng theo với sự khủng bố không toàn diện trong lúc ngược lại, "bóp chết (chống đối) từ trong trứng nước" đã đem lại yếu tố tích cực cho nhà cầm quyền. Dân chúng Miền Bắc hăm hở chống Mĩ cứu nước, đó là sự thật, nhưng tổ chức hướng dẫn sức mạnh dân chúng theo một đường hướng dù phải cắt xén sự thật, là kết quả của một lề lối tổ chức xã hội mà ta đã gọi là y chang ở trên để tạo thành một nề nếp sinh hoạt mộng du đầy hấp dẫn đối với bên ngoài. Bài học maoít của thời kì tiếp nhận mới không phải là không dẫn đến thành đạt sâu xa.

Bắt chước dễ dẫn đến mức độ tiêu cực: a dua, mà tinh thần phe phía

có khi được bào chữa bằng sự chia xẻ lí tưởng chung. Khi Trung Hoa giành chủ quyền lãnh thổ 12 hải lí (theo nghĩa bao gồm các quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa) thì Thủ tướng Phạm Văn Đồng lên tiếng tán đồng ngay trong ngày. Cả Bộ Chính trị một đảng lớn không ngó xa hơn mấy đám ruộng được Nguyễn Công Trứ khai khẩn trong thế kỉ trước! Nhưng từ khi nắm được vận nước, dân chúng trong tay, các lãnh tụ dần dần cũng lấy lại tự tín để tìm ra một chút gì gọi là lí thuyết bình thiên hạ riêng. Đành rằng chẳng lãnh tụ nào chịu khó mầy mò ngồi viết diễn văn nhưng một anh cựu thợ hoạn như Tổng bí thư Đỗ Mười mà có sách sáng tác cả chồng dày cộm thì đúng là một sự soán đoạt quá quắt. Chỉ có thời Lê Duẩn ta mới nghe đến một thứ tạm gọi là triết lí chính trị bao gồm chính sách điều hành đất nước trong câu kinh nhật tụng đập vào tai dân Miền Nam sau 75: "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lí, Nhân dân làm chủ tập thể." Tuy trong cái vế câu trị nước ấy nhân dân chỉ đứng ở hàng thứ ba nhưng, có còn hơn không. Có để mà hãnh diện theo bằng cớ của ông Trần Độ "chính tai... nghe nhiều lần" TBT Lê Duẩn nói:" Mác không nói làm chủ tập thể, Lenin không nói làm chủ tập thể chỉ có ta (ta đây tức là Việt Nam và ta đây chính là Lê Duẩn - lời chú của Trần Độ) là nói làm chủ tập thể." Rồi theo với đà chiến thắng, sự tự tín càng dâng cao để Thủ tướng Phạm Văn Đồng tuyên bố ở bên ngoài rằng chỉ có Việt Nam là độc lập thật sự, còn các nước ví dụ ở Đông Nam Á khác vẫn còn nằm trong vòng của chủ nghĩa thực dân mới! Đó là cái đà của lời dạy dân: "Ta có dân chủ gấp vạn lần..." Nghe tung hô trong nước thành thói rồi cứ tưởng cả và thiên hạ đều là thần dân của mình! Với chiến thắng, mỗi nước có vận mệnh riêng, tương quan Trung Việt cũng theo một hướng mới. Sợi dây kết hợp quá mỏng manh so với quyền lợi tranh chấp to lớn. Binh lực tư bản đế quốc tạo sự đoàn kết tạm thời của các dân tộc trong vùng nay không còn nữa thì sự bất hoà thiên niên cũ nổi dậy. Như người Mễ than về Mĩ, người Việt cũng có thể than về Trung Hoa: "Ông trời (là cha của Thiên tử) quá xa mà Tàu thì quá gần!"

Ai cũng chỉ vào mặt nhau mà gọi tên "bá quyền". Chẳng ai thua ai cả, vấn đề còn lại là ai thắng ai thôi. Người Pháp đã tạo nên một tập thể gọi là Đông Pháp - "Đông Dương thuộc Pháp", thì Pháp đi rồi quyền lực phải về tay đám người năng động nhất trong vùng, đám người Việt. Y như hành động của ông Thiên-tử-(con) Minh Mạng cùng người nối tiếp, nếu không có người Pháp. Bây giờ, ông Tổng bí thư đảng Nhân dân Cách mạng Lào có một nửa Việt (phía cha) còn là chuyện giấu giếm lâu, nhưng phần tập kết của Pathet Lào là hai tỉnh nằm ở biên giới tây bắc, quân Liên

khu IV đánh sang Thakhet, Savanakhet, chuyện ai cũng thấy rõ. Cũng như về phía nam, quân Liên khu V "giải phóng" Hạ Lào, Đông Miên, quân Miền Đông Nam Bộ lấn sang Mỏ Vẹt (ngược với thời kì sau). Nhưng bậc Thiên tử Trung Hoa ngày nay có phiên thần Khmer sang chầu không phải mặc sarong dị dạng mà lại bảo đảm rằng "Tôi ôm gối Đồng chí còn chặt hơn thằng Duôn nữa kìa: Tôi đã cất nhà cho Anh Cả, Anh Hai... theo kiểu triều kiến của Đồng chí, tôi đã cho cấy lúa, đến cái bẫy bắt chuột cũng dùng của Đồng chí chứ không theo kiểu phong kiến của nước tôi. Thằng Duôn nó theo tên Xét lại làm cho Đồng chí lưỡng đầu thọ địch đấy!" Chủ thuyết maoít chỉ mới là trò chơi của vài anh lí thuyết gia tư sản, là trò biện minh bạo lực cho đám du kích Trung, Nam Mĩ hay là phần lợi dụng của anh Albanie, nay đã trở thành hiện thực trên một nước phiên thần cũ, sao lại không bênh vực hết mình? Có điều cũng như ngày xưa, cái Đức của Thiên tử không thể thay thế gươm giáo. Việt Nam mới vừa đại thắng xong, Khmer Đỏ trở thành nạn nhân của sự tự huênh hoang, tưởng giết người ngoài cũng dễ như giết dân mình, nên đụng trận mới mươi ngày đã tan tành sự nghiệp trong bao nhiêu năm. Đặng hay Mao cũng vậy thôi, vấn đề là ở cơ cấu tổng thể chứ không phải cá nhân, nên bậc Thiên tử phải ra uy, "dạy cho chúng nó một bài học." (Tuyên bố của Đặng khi đi Mĩ về ghé qua Nhật.) Tiếc rằng cũng như trận Đống Đa xưa, quân của Thiên tử Đặng ăn không ngồi rồi trong ba mươi năm lại đi đánh với đám người ba mươi năm gươm giáo không rời tay. Quân chinh phạt rút về đúng theo lệnh trừng trị có giới hạn để rửa-mặt cho Nước lớn, tuy khi bỏ Lạng Sơn đã chịu khó đập từng cái nồi đất theo tiêu chuẩn đánh nhau truyền thống - khác với phi công Mĩ than "hết mục tiêu"! Nhưng trong trường hợp này thì ai thua đã thấy rõ dù là chỉ mới kịp đụng với đám du kích, địa phương quân biên giới. Thời kì môi hở răng lạnh đã qua rồi, nhưng cứ ngậm mãi thì miệng hôi quá đi! Trừng phạt không xong thì chiếm vài ngọn đồi chiến lược để làm căn cứ đe doạ lâu dài, còn trong đoản kì thì bắn vài loạt súng phủ đầu để nhắc nhở Thiên uy. Để hướng tác dụng về phía khác. Ngoài biển khơi.

Có vẻ như từ trận chiến bại của hải quân Việt Nam Cộng hoà 1974, các lãnh tụ cộng sản mới chú ý đến vấn đề trên biển. Nhưng ăn xôi chùa ngọng miệng, đành chỉ nói gượng :"Vấn đề có thể thương lượng trên bàn hội nghị." Mốc xì! Vấn đề chủ quyền lịch sử, pháp lí chỉ là chuyện to tiếng cãi nhau. Mạnh được yếu thua mới là điều quyết định. Trung Quốc chiếm được Hoàng Sa vì Mĩ đã rút hạm đội đi, nghĩa là mất Hoàng Sa vì Việt Cộng thắng, vì "nhân dân ta anh hùng" đã theo lời lãnh tụ góp công sức vào đó mà không biết. Có ai còn đầy lòng yêu nước nghi ngờ điều này thì

nên nhớ trước trận chiến Biên giới 1979, Lê Duẩn đã kí hiệp ước tương trợ với Liên Xô cho hạm đội Liên Xô đóng ở Cam Ranh và gây cảm giác bất an trên biên giới Trung Xô. Nhưng 500 hải quân Liên Xô ở Cam Ranh không đủ khả năng đe doạ như Hạm đội 7 của Mĩ nên trận chiến 1988 lại xảy ra.

Với kinh nghiệm trước và ý thức chủ quyền mới, ngay từ trước khi thắng trên đất liền, Việt Nam đã cho hải quân ra chiếm các hòn đảo do quân Cộng hoà trấn đóng. Không rõ số phận của những người này ra sao. Nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ. Pháp với tính cách là một cường quốc mặt biển lẽ tất nhiên phải chú ý đến giải đất đầy những hòn đảo nhỏ và bãi cát mấp mô dưới sóng thuỷ triều nằm ngay trước mặt căn cứ Sài Gòn Vũng Tàu của họ. Họ cho lính "gạc" (Garde Civile Local e- Vệ binh dân sự) đóng ở hòn đảo lớn nhất: Itu Aba cùng vài nơi khác. Từ 1946, Đài Loan chiếm nơi ấy đổi tên là Ba Bình / Thái Bình, cũng đòi chủ quyền trên toàn vùng, như ai trước 1975 mua một quyển bản đồ Trung Quốc ở Chợ Lớn thì thấy rõ. Việt Nam Cộng hoà đã chiếm nhiều nhất và đã Việt hoá thành các tên: An Bang, Thị Tứ, Song Tử Đông, Song Tử Tây, Trường Sa (Spratley)... Trận chiến 1988 chỉ cho ta thấy những hành vi anh hùng của các chiến sĩ mà không cho biết kết quả mất đất tuy cũng hé mở cho thấy sự thật. Giữ đất trên biển cả mênh mông mà chỉ có một chiếc tàu tiếp tế già rũ của Sài Gòn để lại thì chiến sĩ biên phòng có cách nào khác hơn là ôm cột cờ giằng co với kẻ địch? Tạp chí *National Geographic* 12-1998 với một bản đồ sơ sài cho thấy các đảo xa đã mất, Việt bị giết khoảng 70 người. Không rõ tên các đảo mất, nhưng có hình ảnh Thị Tứ biến thành Pagasa của Phi đã là một căn cứ quân sự có phi trường. Nhìn các bản đồ của người Trung Hoa, Quốc cũng như Cộng, cho biên giới đông nam của họ thòng trong biển Đông như cổ con chim già đẫy, chắn đường thông thương Đông Tây, Nam Bắc thì rõ là Trung Hoa không dễ gì lấn chiếm hoàn toàn nhưng họ đã có chính sách tàm thực từ xưa, không cần phải nôn nóng, chỉ cần phải làm áp lực riêng biệt với người anh em thù nghịch bên cạnh, ví dụ như khi lấn chiếm bãi đá chặn đường dầu từ biển khơi vào! Và đến lúc phải giành lãnh thổ thì người ta lôi ngay làm bằng cớ cho phe mình cuộc kí kết ở San Francisco 1951 của chính phủ Việt gian bán nước Bảo Đại cùng những tuyên bố của các chính phủ tay sai Mĩ ở Miền Nam - các chính phủ người ta không chịu cho bàn giao chỉ vì là kẻ bại trận, để xử sự như kẻ chiếm đóng, và như thế thật là ngượng ngùng khi phải viện dẫn đến sự kế thừa!

Thù nghịch rồi hoà hoãn, chuyện của muôn đời. Lần này khá quan trọng, ít ra là đối với Việt Nam, vì sinh mệnh Đảng đã treo đầu sợi tóc. Liên Xô, "thành trì của chủ nghĩa xã hội", và Đông Âu sụp đổ. Lần này

thì không thể bào chữa gì về mặt lí thuyết được nữa, tuy cũng có gượng nói bừa: Chủ nghĩa xã hội là một mẫu hình chưa thành, nên nơi này, lúc này thất bại thì vẫn có thể xây dựng ở nơi khác, lúc khác! Điều này phù hợp với sự ngông nghênh cộng sản sau chiến thắng. Và thật ra thì vẫn còn ở một nước lớn, sừng sững. Chỉ khác chút xíu thôi: Trung Quốc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên nền tảng cực quyền phương Đông, một "nhà" mới, mỗi lần sụp đổ như vậy phải chờ đến hàng trăm năm như Chủ tịch Giang Trạch Dân mới đây (1998) tính cho tuổi thọ của đảng mình - kém thua đàn em, nói đến "muôn đời con cháu mai sau". Nhưng đứng một mình cũng không vui, có đàn em thì vẫn hơn. Chút khoảng cách cần thiết đó khiến đàn em dễ thở hơn, dễ mon men lại gần hơn. Nhưng Cuba không phải thật sự là đàn em, Bắc Triều Tiên có ông hoàng đế riêng, bướng bỉnh mà sống được như chỉ dấu của một sự hiện diện cùng phe. Cũng như ngày xưa, riêng lần này chỉ còn có Việt Nam. Sinh mệnh đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với đảng Cộng sản Trung Quốc, lần này theo một nhịp bước mới: học tập mà không cần ai dạy dỗ, không cần Cố vấn. Nguy hiểm trùng trùng, không chỉ bên ngoài mà còn bên trong: Dân chúng (có một bộ phận Tây Phương hoá, không như ở Bắc Triều Tiên) nghèo đói đòi hỏi thân phận riêng của mình, không còn ngoan ngoãn nữa, đảng viên phân hoá theo hai hướng truỵ lạc và đòi thay đổi, hướng nào cũng là làm yếu quyền bính cả. Thế là thay đổi, đổi mới, nhưng từ từ, rón rén như người đi trên băng mỏng. Chắc chắn hơn hết là cứ theo đàn anh mà làm. Thế là tự phê duy ý chí, xây dựng kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa với các khuôn vĩ mô, vi mô. Ông Đặng Tiểu Bình nói "Làm giàu là vinh quang" thì ông Đỗ Mười khuyến khích dân, cán bộ làm giàu. Mở cửa có sợ cho an nguy của Đảng thì đã có tiếng la chận họng diễn biến hoà bình (kiểu cũng của Giang Trạch Dân nhắc lại mới đây.) Thành phần kinh tế quốc doanh là chủ đạo ở bên kia thì bên này cũng chủ đạo, bên kia bán một chút thì bên này cũng bán một chút... Chi li cho đến nỗi bên kia đuổi người chống đối thì bên này cũng làm theo. Không cần cố vấn chỉ dạy. Tinh thần độc lập thể hiện rõ ràng.

Tất nhiên không phải là không có co giật như đã xảy ra trong tiến trình vương hoá ở quá khứ. Trần Nghệ Tông mắng mỏ các tên học trò mặt trắng đời Khai Thái đã bày vẽ đổi thay phương Bắc "nhiều không kể xiết." Chuyện đánh trống thổi kèn theo Minh hay không dưới đời Lê Thánh Tông ở thế kỉ sau cũng gây nên tranh luận ầm ĩ. Thời mới có những yếu tố mới. Hồng vệ binh không nhập Việt được có vẻ vì tình hình chiến tranh, cũng như cải cách ruộng đất không vào Nam vì ông Lê Duẩn ngăn chận sợ có hại cho chiêu bài giải phóng dân tộc. Tiến trình đi-về-Nam giải toả

bớt một phần áp lực của Thiên tử Trung nguyên, đem thêm sức mạnh cho Thiên tử địa phương, chứng tỏ một lần ở trận Đống Đa. Chiến thắng 1975 không những giải phóng Miền Nam mà còn "giải phóng" cả Miền Bắc. Cuối năm 1978, dân chúng ùn ùn kéo về Bắc Kinh để kêu cầu kể khổ với các bậc Thiên tử ở Trung Nam Hải, nhưng ở Việt Nam thì cuối 1998 mới thấy có người cầm đơn đứng trước nhà Thủ tướng Phan Văn Khải. Không có gì lạ. Sau chiến tranh người ta ùn ùn đi Nam theo bộ đội, công an, nhân viên dân sự; dân chúng đói nghèo lũ lượt ra các thành phố quen thuộc ăn mày (có khi chìa cả chứng minh Bí thư đảng uỷ), rồi mạnh dạn dần, đốt nhà đi Nam, trực tiếp hay gián tiếp hưởng tàn tích của chủ nghĩa thực dân mới, hưởng tiền của bọn lưu vong gởi về..., tình trạng ấy giải toả được sự nghèo đói một thời gian dài. Nhưng sự dung chứa đã đến lúc bão hoà mà giải pháp đổi mới lại không đủ bù đắp cho nên cuối cùng nông dân Việt Miền Bắc trễ hơn dân Trung Quốc đến hai mươi năm, tuy tiếng tăm bạo hành của đoàn thu sản mà Phùng Gia Lộc chứng kiến cũng được người tù phương Nam Nguyễn Xuân Thiệp nghe "dậy bóng" từ trước năm 1988. Ấy vậy mà trong khoảng thời gian đó, khác với ở Trung Quốc, nông dân đồng bằng Cửu Long chưa thấy bước tiến hợp tác hoá đã biểu tình đòi lại ruộng đất, những cuộc biểu tình không được tường thuật công khai nhưng diễn tiến đầy tính "nhân dân" chẳng khác gì đã xảy ra ở thời Mĩ Nguỵ trước.

Ông Vũ Thư Hiên thay cho rất nhiều người, thắc mắc tại sao một cuộc cách mạng khởi đầu đầy lí tưởng cao đẹp lại đi đến sự suy sụp thảm bại, biến những con người đầy phẩm chất cao quý trở thành tầm thường, hèn hạ như đã thấy. Lại cũng không có gì lạ. Dân Tàu đã than y chang như vậy. Nạn say mê quyền lực là của muôn đời. Thêm nữa, cách mạng dù muốn kiến tạo một xã hội mới cũng phải thành công trước ở phương diện nắm chính quyền, nghĩa là thành công bằng chính các điều kiện xã hội có sẵn trong khu vực như các học giả cố công tìm hiểu. Lãnh tụ cộng sản Việt Nam dù tin ở lí thuyết đấu tranh giai cấp cho mấy đi nữa mà năm 1945 hô hào thợ thuyền chiếm nhà máy, nông dân giành ruộng đất thì cũng chỉ làm thêm vài cuộc Xô viết Nghệ Tĩnh dữ dằn hơn, phức tạp hơn mà thôi. Thành công trên nền tảng cũ thì không thể không luỵ vì nó. Tính chất cực quyền của phương Đông lại là điều không thể chối cãi. Lãnh tụ Mao Trạch Đông có hình dạng của một anh Chu Nguyên Chương cũ, có điều đảng Cộng sản lại tổ chức chặt chịa hơn các hội kín nông dân thế kỉ XIV. *Chiếm được chính quyền rồi thì khó đổ.* Chỉ có những người quen với sự đổi thay soành soạch của thế giới Tây Phương mới ngạc nhiên như anh Việt kiều về thăm nhà:"Họ công khai nói chuyện nhạo báng, coi

thường Cộng sản, viên chức lớn nhỏ ăn tiền còn đậm và công khai hơn thời nguỵ, sao mà Cộng sản không đổ?" Ngày xưa người ta đã đặt vè để nhạo báng vua quan rồi mà triều đình có sụp đâu! Hối lộ, tham nhũng như lời nói kia thực ra cũng đã được hiểu theo thời mới: Viên chức ăn lương để làm việc thì không thể hưởng thêm một số quyền lợi vật chất nào từ công việc đã giao phó cho đó. Ngày trước vua cũng có trừng phạt tội tham nhũng, hối lộ nhưng tội này đặt trong tương quan riêng tư, cá nhân. Còn trong tương quan công quyền, hối lộ tham nhũng tuy không được nêu tên mà có đường mở lối: Quan đi đến đâu, tổng xã, địa phương phải cung phụng nhu cầu ăn ở, tạp dịch. Và vì thế ngày nay, hợp tác xã, đơn vị sản xuất, cơ quan địa phương dành riêng quỹ chiêu đãi lấy từ công sức của cá nhân để đặt tiệc, tặng quà... , tạo thêm hình thức "hối lộ công" như tình trạng "phong bao" cho người tham dự hội họp, hình thức "giao tế" giữa các đơn vị, địa phương với nhau, không có ngay cả ở thời xưa. Úm ba la ba ta cùng hối lộ thì làm sao gỡ cho ra? Có ai bảo hối lộ đâu mà anh Việt kiều kẹp tờ giấy năm mười đôla trong tờ passport "trình" Hải quan? Hối lộ hồn nhiên như thái độ hồn nhiên của anh hải quan kính trắng, áo quần thẳng nếp gạt tờ giấy bạc vào hộc, tiếp nối sự hồn nhiên của ông quan huyện đạp lên đống bạc của tên nhà quê bán lợn gà lư hương đem nạp thuế, rủi lọng cọng để văng từ hầu bao ra đến chân quan. Hối lộ hồn nhiên như lời thúc giục của người trong hàng chờ qua cửa ải: "Mau lên, bỏ mười đồng mau lên!" Chẳng cần nhớ mình làm assembler lương tối thiểu bị "xúp" Mễ nó chửi ra làm sao, thiên hạ sao mình vậy, thứ fatalism ngàn năm đã trở về! Chuyện luật pháp chỉ là sự rủi ro - chết người của cá nhân, chuyện tuỳ hứng, sĩ diện, là vấn đề an nguy của người cầm quyền chứ không phải là ý thức tôn pháp. Cái mới đã đặt căn bản trên cái cũ để nở rộ ra nên được coi là tự nhiên, được đặt tên mới đẹp đẽ xoá cái xấu ẩn tàng, có quá quắt thì cũng thật tự nhiên bào chữa, biện minh ("quà tặng trên mức tình cảm"), không chịu được thì đã có quyền bính hờm sẵn, "đều trời" mà cân bằng như vậy nên tham nhũng hối lộ không thể nào làm sụp đổ chính quyền được.

Đi sâu vào tính cách văn hoá, chú ý đến các yếu tố "tầm thường", năm 1985 một nhà báo Đài Loan đã cho xuất bản quyển *Người Trung Quốc xấu xí* gây nhiều phản ứng trong nước và ở thành phần diaspora. Thật ra có thể coi đây là phản ứng thứ hai trong cách nhìn tiêu cực về văn hoá Trung Hoa sau lần thứ nhất của cuộc vận động Ngũ Tứ 1919. Tất nhiên lần này chỉ có một người lên tiếng, không thành phong trào rầm rộ như lần trước, nhưng cái trước rước cái sau. Lần trước đặt những vấn đề

"lớn": nền tảng chế độ, triết lí, văn học... Mấy mươi năm sau Trung Hoa đã có hoả tiễn, bom nguyên tử, có đảng Cộng sản phát xuất từ châu Âu, có văn bạch thoại chôn chặt cổ văn... rồi nên ông Bá Dương kia tưởng phải làm tiếp phần còn lại: Chê bai những tính chất Trung Hoa cản trở bước tiến đến một "xã hội công dân" của Tây Phương, của thế giới mới, thế giới công nghệ và hậu công nghệ.

Cũng không phải ngẫu nhiên, không có dụng ý mà ông Nguyễn Hồi Thủ đã bỏ công dịch ra tiếng Việt, trong nước không ai dám in, đành bỏ tiền mua máy in lấy! Sách gốc là một best-seller ở Đài Loan, Trung Hoa Lục địa vào thời kì vững vàng đã cho phổ biến nhưng từ khi sinh viên nổi loạn 1987 và sau cuộc đàn áp Thiên An Môn 1989 thì nó bị cấm tuyệt. Ngày xưa ông Nguyễn Văn Vĩnh cũng đã tự phê: (An Nam ta) *Gì cũng cười*, nhưng lẻ loi và giọng điệu trang trọng, "dạy dỗ" quá. Dám tự chế diễu là chứng tỏ một tình trạng tự tín, Việt Nam ngày nay chưa có, lại theo đường lối chắc ăn nên khỏi mất công cấm và thu hồi. Đọc *Người Trung Quốc xấu xí* sao không khỏi liên tưởng đến "Người Việt Nam xấu xí"? Tuy nhiên cả vài thế hệ đang được hướng dẫn huênh hoang về "dân tộc, nhân dân anh hùng", về nhiệt tình lao động hăng say, về tinh thần bao dung tha thứ, tính chất dân chủ cả triệu lần... sao lại móc ra thói chửi mất gà, một tấc tới trời, chỉ có ranh vặt là giỏi...? Sự liên tưởng lại có khi không phải qua nhiều chặng đường đất mà là đối chiếu sít sao.

Có lần tôi giải thích cho anh supervisor người Nga là sở dĩ dân Á Đông nói to vì họ đông quá, mỗi người một tiếng dù thầm thì cũng đã tạo nên một nền tảng âm thanh rồi nên phải cất cao giọng kẻ khác mới nghe được. Ông Bá Dương không chịu, ông nói rằng ồn ào là quốc hồn quốc tuý của dân Tàu, dân Tàu vô địch về nói to - ý hẳn dân An Nam được xếp vào hạng thứ. Phân tích sâu hơn, ông cho người Trung Quốc ồn ào mà tinh thần bất an, nói to để che giấu sự thiếu tự tín. Như anh chàng đi đêm sợ ma, phải hát hỏng. Nói to để tin rằng mình có lí, cũng là hình thức khởi đầu của sự át giọng, cả vú lấp miệng em khi có quyền bính. Có thể suy diễn thêm như thế. Một tấc tới trời toả rộng trong quần chúng với cảnh ngậm tăm xỉa răng trong lúc chẳng có gì nơi bao tử. Huênh hoang một tấc tới trời là một dạng của hình thức nói to ồn ào, nên ở những người cần có quần chúng (chính trị hay phe phía) có khi nó trở thành một sự trống rỗng *cần thiết*. Như bài diễn văn vài tiếng đồng hồ của các cán bộ từ nhỏ tới lớn. Như Thủ tướng Nguyễn Cao Kì cho phép phóng viên tứ xứ chứng kiến cảnh xử người tù Nguyễn Văn Trỗi, tiếp nối cảnh cùng bà vợ bận đồ bay nghênh ngang thăm Ấp đời mới với lời hô hào "Bắc tiến"; như anh sĩ quan xỏ xâu tai Việt Cộng đeo đầy cổ. Có khi là một sự trống rỗng ngây

Hongkong, bị người ta đòi tiền canh giữ bảo trì gì đó, thuật lại mình đã trả lời:" Còn toà Đại sứ (Anh) các ông ở Sài Gòn chúng tôi cũng phải tốn tiền giữ gìn tu bổ đấy! Họ ngớ họng liền. Mà may quá mình lanh trí nghĩ ngay ra điều ấy, chứ cũng biết mình có tu sửa gì đâu!" Không biết có bao nhiêu phần trăm sự thật trong câu chuyện thuật lại nhưng sự huênh hoang về thói ranh vặt thì đã rõ ràng. Ranh vặt như thế không còn là chuyện kể để che giấu tự ti, huênh hoang với nhau trong nước như chuyện nghiêm túc về Đại tướng ta, mà đã lên đến tầm mức đại diện quốc gia, đem ra đối phó trong giao tiếp quốc tế.. Cho nên, Lí Quang Diệu (1998) có nhắn nhủ thành thật theo kiểu làm cố vấn:"Chớ dụ doanh nhân Mĩ vào rồi phục kích, như đã làm với quân nhân Mĩ trong chiến tranh", người ta không nghe đâu. Không hiểu đâu. Nếu không còn não trạng "Nước ta rừng vàng biển bạc, kẻ này đi có kẻ khác tới, khối gì!" thì vẫn còn tâm thức buôn-hàng-chuyến, "đánh quả" từng giai đoạn, đi theo với chủ trương "kinh tế thị trường có điều hướng xã hội chủ nghĩa", nói nôm na là đổi mới mà không mất sự lãnh đạo của Đảng.

Cứ kể ra chẳng ai tự dưng lại buông bỏ quyền bính. Ông vua Trần có mộ đạo đi tu thì cũng biết rằng con mình nó làm vua, làm trái ý mình nó còn quỳ trước sân chịu tội, chứ có thằng bần cố nông, phản động nào ngồi trên ngai đó đâu. Nhưng cũng vì có đạo Phật nên ông không phải ngồi cho đến khi tay bắt chuồn chuồn, hay khi ông con nghịch tặc nào đó ngứa mắt sai người cho một nhát rồi giết thằng thí quân mà lên làm vua thay cha. Các nước tư bản cũng có một chỗ riêng như vậy mà lại sướng hơn: Ông Mc Namara không làm Bộ trưởng Quốc phòng thì đi làm Thống đốc ngân hàng, ông Bush hết làm Tổng thống thì đi làm quảng cáo viên cả triệu bạc lương. Cái ghế quyền lực do đó có ít chất dính hơn. Cái ghế ở Miền Nam béo bở nhờ chiến tranh, nhưng trong lời thư của một vua buôn lậu, Trung tướng Nguyễn Hữu Có (*The Vietnam Experience - A Collision of Culture*, p. 81) có câu:"Làm tướng tá như chúng ta một khi bị nghỉ chơi, thật khó đổi nghề lắm", khiến chúng ta không những thấy được khả năng mà cũng là tình thế bấp bênh của một lớp người. Còn các tay lãnh tụ cộng sản hết ở vị trí Bí thư, Uỷ viên Trung ương, Bộ Chính trị... trong một tình thế không thể có gì thu vén riêng tư - nếu có thì đã trở thành Đại tá Trần Dụ Châu 1950 - nên nổi tiếng trong sạch (sự cung phụng có tính cách dâng hiến, cuốn sổ nhu yếu phẩm đặc biệt đã là đủ rồi), nếu những người ấy không giữ được cái thế luồn lách uyển chuyển "tập thể chỉ huy" thì chỉ có cách về vườn nếu vườn chưa bị tịch thu hồi cải cách ruộng đất. Thực ra thì cái danh cũng hại người ta lắm lắm. Làm ông Tổng thống Mĩ

cực dàng-trời, lương chẳng bằng trước hoặc sau khi làm "vua", chỉ đáng phục ở chỗ không nổi điên lên mà thôi, vậy mà vẫn có người bán stock, vẽ mày vẽ mặt lên tivi. "Phải có danh gì với núi sông..." Có điều cái ghế long đanh và như đã nói, bên ngoài còn nhiều ghế khác kém mặt này thì sang mặt nọ, nên có mất, có bỏ đi cũng không thấy "tiếc chết đi được." Cho nên ông cộng sản phải giữ ghế. Và giữ được vì ý thức kiên trì "Hi sinh đời bố, củng cố đời con", cái ý thức được đem ra thách đố trong chiến tranh với Âu Mĩ. Giữ được vì trên nền tảng cũ có cả một giai tầng mới, mạnh vì sức cố kết mới của họ, chặt chịa hơn tầng lớp quan quyền xưa. Đông vì cái thẻ đảng viên là phương tiện tiến thân, ở Trung Quốc cũng như Việt Nam, cũ cũng như mới khi đảng viên được khuyến khích làm giàu: Có tiền mua tiên cũng được, nhưng có tiền lại có quyền thì "mua" tiên khỏi tốn còn để dành được tiền nữa. Ông Phó Viện trưởng Viện Khoa học xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, con một ông Quyền Trưởng ban Tổ chức Đảng (hãy nhớ Lê Đức Thọ), năm 1992(?) đã được tờ *Far Eastern Economic* phong danh hiệu triệu phú đôla! Họ mạnh, không cần nhắc câu của Louis XV:"Après Moi, Le Déluge" (Sau Ta là Hồng thuỷ), vì không còn lực lượng phản kháng nào có thể thay thế, dù là với tình trạng xã hội bị chê trách như hiện nay. Đông Âu dễ tan rã không phải chỉ vì chống Nga, mà vì dưới đảng Cộng sản còn có cả một nền tảng cố kết xưa cũ: Ba Lan với khối dân Công Giáo, Tiệp Khắc là nước kĩ nghệ hoá cao ở Trung Âu trước Thế chiến II... Trong khi đó thì ở Nga của Yeltsin nông dân không chịu bỏ hợp tác xã, chịu bằng lòng với cảnh nghèo mà yên khiến cho một nước đất mênh mông lại phải thiếu lương thực! Chính quá khứ mà người cộng sản muốn thay đổi lại là chỗ dựa vững chắc cho chế độ trường tồn. Khẩu hiệu "giữ gìn truyền thống dân tộc" đã gây nên những cuộc biểu tình trước 1975 ở Miền Nam, nay trong vòng tay của Đảng cũng góp phần vào công cuộc chống diễn biến hoà bình. Quá khứ đó, nay cũng là chất men kết hợp hai nước Trung Hoa và Việt Nam trong khủng hoảng mới. Kết hợp theo trình tự mâu thuẫn môi răng che nhau, cắn nhau.

Làm cách nào Việt Nam đi con đường riêng của mình? Thực ra đường hướng lịch sử nào cũng là dấu hiệu của một vết mòn và của một sự phá vỡ. Ông Võ Văn Kiệt sau 1975 thấy một tầng lớp thanh niên Miền Nam nồng nhiệt theo lời hô hào của mình đi thanh niên xung phong phá rừng, đào sông, làm nhiệm vụ quốc tế ở Kampuchia... (mà không thấy sự ẩn ức bên trong của các hành động đó), liền hứng khởi nói đến một Thế hệ thứ tư của thanh niên Việt Nam. Thế hệ thứ nhất là của những người làm Cách

mạng tháng Tám, Thế hệ thứ hai của những người chống Pháp, Thế hệ thứ ba của những người chống Mĩ. Hào hứng cao ngất trời khiến người ta quên tính chất tiêu cực nằm ngay bên trong của chiến thắng, quên căn bản của lí thuyết sinh động: huỷ thể của huỷ thể... Trong sự say-máu-ngà của chiến tranh người ta tự tha thứ, tự bào chữa cho bất cứ hành động tàn bạo nào của mình căn cứ trên một "chân lí" rất đơn giản: Tranh đấu cho nền độc lập, cho lí tưởng vì nhân loại thì làm bất cứ điều gì cũng là phải. Và lập ra lí thuyết biện minh : bản chất và hiện tượng. Đã có chính nghĩa (bản chất tốt) thì có quyền làm bất cứ việc gì, không nệ thói lặt vặt thường tình. Có muôn vàn cách biện minh bằng tuyên truyền, bằng quyền lực: Đánh mìn ở bến Bạch Đằng, có vài người dân dạo mát chết trong ấy thì tính gộp chung với bọn Mĩ, (công chức, thương gia) Nguỵ đang ăn nhậu trên Nhà hàng nổi Mĩ Cảnh cho thành tích được nâng cao; tiêu diệt dân thường, đàn bà con nít Thượng ở Dak Son (Phước Long cuối 1967) chỉ là một vụ phá ấp Đời mới; giết dân Huế nếu không lờ, chối thì coi đó là tiêu diệt kẻ thù của Tổ quốc ở tận hang ổ... Đó không phải là những hành vi không kiểm soát được của tình thế, ở chiến trường: Người ta đã cho học tập nhiều trước khi ra quân, có dùng dằng không ra tay thì như cô biệt động Đà Nẵng, sợ ném lựu đạn vào mục tiêu làm chết nhiều người vô tội chung quanh, liền bị kiểm thảo gắt gao phát khóc vì "thói tiểu tư sản" (may không bị kết tội phản động!) Kẻ điều hành không trực tiếp thấy máu, thấy có cách biệt trách nhiệm nên dạn miệng, dạn ý - giống như anh cán bộ VM 1945 chĩa khẩu súng lục vào cấp dưới bắt cầm dao đâm tên Việt gian! Chính sách, chủ trương vốn ban đầu chỉ là giấy tờ nhưng hiệu quả giết người còn nhiều hơn. Những sự kiện đó sao không ảnh hưởng gián tiếp đến người lính Mĩ: "Những tên gooks, slants, dinks đó giết nhau như ngoé thì việc gì phải tôn trọng chúng?" Nhưng đó là lí luận "đánh đồng bản chất", người ta không chịu đâu!

R. A. Faulk, Giáo sư Luật của Đại học Princeton, cho rằng khủng bố là điều cần thiết có thể biện minh được trong một cuộc nổi dậy ở Thế giới thứ Ba, nhưng tình hình đã không tiến triển giới hạn như lúc khởi đầu của lời biện minh. Sự hiệu quả của khủng bố khiến người ta phát huy thành chiến dịch, nâng cao thành chủ trương, mở rộng tầm mức chém giết không luật lệ. Và thành thói. Thay đổi hiện rõ trong đường lối chính sách và cả trong sinh hoạt thường ngày. Năm 1955, khi tiếp thu Hà Nội, Thế hệ thứ nhất, thứ hai đã cho những công chức ở lại được hưởng lương cũ cao hơn nhiều lần lương của họ - hành động dù là kiểu cách chính trị (lại cũng học của Tàu!) vẫn chứng tỏ được một sự dằn nén, nhưng năm 1975, vào Nam, cả ba Thế hệ xúm lại chửi bới tràn lan, đuổi người lên rừng, ra biển để

cướp nhà, lấy của, sử dụng vừa cả những lí tưởng cao đẹp không ngượng miệng lẫn sự đe doạ không che giấu. "Không có chỉ thị, chủ trương tàn sát tù binh"(Bùi Tín, *Mây mù thế kỉ*, Đa nguyên 1998, t. 107), trong trại cải tạo cũng vang vang lời quản giáo về lượng khoan hồng như trời biển của Bác và Đảng, nhưng ở một trại tù trong rừng, nửa đêm người ta lôi ra điểm danh theo số thứ tự rồi bắn bỏ vài con số lẻ như một trò chơi dỗ yên giấc ngủ, và ở trại khác sát một thị trấn quản giáo vì sĩ diện với vệ binh đã rút súng lục trút kì hết đạn vào ngực những tên nguỵ ngơ ngơ gần đó - chuyện của thời bình, sau chiến thắng! Qua hai mươi năm chiến tranh, giá trị tinh thần đã bị hạ thấp khi nhân danh chính nghĩa, lí tưởng. Và cái Thế hệ thứ tư đã kể, hình như của Miền Nam hơn là của Miền Bắc. Một người di cư khoảng cuối 80, trở về quê cũ Sơn Tây, đã nói một câu làm bật cười:" Bọn Bắc Kì hiếu chiến quá chừng: Đụng xe đạp ngoài đường, thay vì xin lỗi hay bắt tay cười xoà, đằng này nhảy xuống đất là xắn tay áo quại nhau ngay!" John Fraser cuối năm 1978 (*The Chinese...*, ttr. 152-159) thấy thanh niên Miền Bắc không làm gì cả, mọi việc đồng áng đều dồn về tay đàn bà, như ở một hợp tác xã, trong khi phụ nữ khuân đá mở rộng đất canh tác thì đám đàn ông ngồi đánh bài, hút thuốc và chọc gái, chắc từ tình hình Ba đảm đang được ca tụng hồi chiến tranh. Cũng vào thời kì đó, báo *Nhân dân* bắt đầu đăng những chuyện "tiêu cực" như ăn cắp than của nhà nước trên sông nước, đầy tính cách hấp dẫn như chuyện khuân hàng Mĩ trên xa lộ Biên Hoà trước kia. Và sang thập niên sau, dân Sài Gòn mua rẻ từ Miền Bắc những cỗ máy Liên Xô "phế thải" chỉ vì thiếu một cơ phận nào đó, không biết đang nằm ở chợ trời nào - kết quả là vụ cháy kho hàng ở Hải Phòng, hẳn để phi tang!

Vì thế trong tiến trình đổi thay thế hệ mấy mươi năm qua, người Việt đã suy sụp lần mà không tự biết, lại nghe theo lời lãnh tụ phát huy tính bốc phét to rộng hơn. Chiến thắng 1975, về mặt văn hoá, là chiến thắng của lạc hậu, bảo thủ truyền thống. Hãy nhìn vào hành động của những người di tản để thấy tính chất đối ứng trên cùng một căn bản. Những người của Thế hệ thứ nhất, như đã nói, xuất thân từ môi trường thuộc địa, không biết gì cả về cách cai trị đất nước, chỉ bắt chước Người bạn lớn, lôi cuốn người của Thế hệ thứ hai xoá mất ý thức phản kháng cá nhân ít nhiều gì cũng đã thâm nhiễm trong thời Pháp thuộc. Với hình thức tổ chức đàn áp mới, chặt chẽ hơn thời cũ, sự cai trị trên một tầng lớp dân chúng quen phục tùng chính quyền nội địa, đã tiến hành tương đối dễ dàng. Cũng ông Trần Độ đã ngạc nhiên khi với y quan mới, trở về thăm một cơ sở quần chúng cũ, thấy người ta khúm núm, e dè, khác hẳn với tính thân mật bao dung trước kia. Ngay cả những người có chức quyền cũng giữ

thái độ "mũ ni che tai" để khỏi động đến bản thân mình, khi thấy là chuyện của một tập nhóm khác, nhất là khi nó cao hơn mình. Mọi việc đã có Đảng lo - Đảng nghĩa là Các anh lớn, Bộ chính trị. Tính chất lương tri, ý thức đạo đức xã hội, quan niệm sơ đẳng về pháp lí đã bị lấp chìm sau quyền lực to lớn của Đảng, vương triều Việt Nam mới với tính chất maoít tự nguyện. Một ông Tổng giám đốc Công an ở Sài Gòn có sai bộ hạ thắt cổ người vì theo lệnh trên thì cũng sợ dư luận, sợ báo chí nên dần đá dưới sông giấu tang tích chứ không dám hiên ngang hiếp dâm rồi đập đầu "gái" của Tổng thống VNCH bỏ thây ở Bà Quẹo - mà lớn nhỏ người ta chỉ xầm xì - rồi tiếp theo cho người lên tận "phố núi cao, phố núi mù sương" Pleiku giết tuyệt tang tích như ông Bộ trưởng Công an Trần Hoàn ở Hà Nội đã làm cho Bác Mến yêu vô vàn và Đảng Vinh quang. Còn ở hệ thống hành chính cơ sở thì uỷ ban xã và tầng lớp lãnh đạo hợp tác xã (chưa dám đến Công xã như của Mao) đã thay thế các ông làng nắm linh hồn thể xác dân chúng hiệu quả hơn trước kia: Đám đàn ông nhởn nhơ trà thuốc mà J. Fraser nhìn thấy hẳn là các quan viên mới của thời xã hội chủ nghĩa.

Những người lãnh đạo trong một đất nước như thế không thể ngạc nhiên như J. Fraser, vốn quen với sự nghèo đói ở Ấn Độ, Trung Hoa, sau hai tuần thăm Miền Bắc Việt Nam , trải qua bốn tỉnh, vẫn phải nói đến "một sự ngạc nhiên đến sửng sốt". Thế hệ thứ ba theo ý ông Võ Văn Kiệt, trước mắt J. Fraser chỉ gồm một mớ bộ đội phục viên chán nản với đời sống thôn quê, không buồn cất nhắc tay chân, ở một công xưởng ngoại quốc thì không chịu làm việc, làm sai bị chỉ trích thì phá hoại, chỉ lo chọc gái, đánh đàn bà nếu không được thoả mãn trong khi đám phụ nữ yếu ớt lại chịu khó làm việc, chịu nghe sửa sai. Cho nên không lấy làm lạ với Thế hệ ấy sau 1975 vào Nam, kèn cựa, lấn lướt chiếm đoạt khiến đám dân địa phương Việt, thiểu số phải bỏ đi. (Y như dân Khmer ở các thế kỉ trước, có điều khác là lần này xảy ra với dân Việt!) Một nhà giáo cũ đứng nhìn nhà cửa san sát của dân Hà Nam Ninh trên vùng Bắc Bình Thuận (cất trên đất của chủ Chàm, Việt) đã phải thốt lên:"Họ coi Miền Nam như một colonie de peuplement!" J. Fraser đem đối chiếu lại những suy nghĩ mang tính "chính thống bình thường" của thế hệ ông: thế hệ chống Mĩ. Lúc đó ông không lưu ý đến các dấu hiệu đàn áp cùng tiến trình của một chế độ tàn bạo kinh khiếp, và giá như ông có biết rồi viết rằng người Cộng sản Việt Nam là những kẻ khủng bố, những tên nói láo không biết ngượng thì ông sẽ bị dán nhãn hiệu là tay sai CIA! Nhưng bây giờ đến thăm Miền Nam, ông mới thấy dân chúng ở đây đang chịu một chế độ xấu xa hơn bất cứ thời gian nào dưới những những chính quyền bù nhìn của Mĩ, và sự thật đó có thể nhận ra với bất cứ ai có con mắt và lỗ tai lương thiện. Như

nhóm báo chí tả phái của Pháp từng ủng hộ Miền Bắc chống đối chính quyền Nguỵ, và "kinh hoàng" khi trở lại thấy Miền Nam năm 1979. Nhưng Frazer còn có nhận xét đáng chú ý hơn, là không nên cho rằng người Cộng sản đã đối xử với dân Nam tệ hơn dân Bắc. Vấn đề Miền Nam trở nên gay gắt hơn dưới mắt người quan sát chỉ vì các lãnh tụ đã chưa kịp đưa Miền Nam vào tròng như Miền Bắc đó thôi. Và ở đây nổi lên vấn đề cách biệt với ông Mao và các đệ tử của ông.

Một điều nổi bật sau 1975 là các lãnh tụ hay nói đến tàn tích của chế độ văn hoá Mĩ xâm nhập vào Miền Nam, một hiện tượng phải được ưu tiên trừ khử. Từ điểm xuất phát 1945, dân Việt đã bị chia làm hai vùng ảnh hưởng văn hoá. Người dân dưới quyền của chính phủ VNDCCH càng lúc càng cởi bỏ những ảnh hưởng của thế giới Tây Phương để trở về với khung trời Trung Hoa được cái mới maoít hào nhoáng gây hấp dẫn hơn trong lúc tính truyền thống rêu rao làm không ngượng ngùng khi phải bắt chước, và tính hiệu quả càng làm tăng niềm tự tín. Vẫn nắm trong tay vũ khí tối tân đấy, vẫn múa được khúc balê Hồ Thiên nga đấy, vẫn trượt nước trên hồ Tây đấy... nhưng cả tâm hồn được nhào nặn trong khung cảnh cực quyền phương Đông với dạng hình tân tiến khiến tạo nên hai hạng người rất đối nghịch: Một, ngây thơ khờ khạo trong đời sống thường, trong lí tưởng còn không thì cam tâm nín nhịn, than vãn riêng tư (để có thể sống được) và một hung dữ, tàn bạo ranh ma theo những điều kiện cần có của cuộc sống-còn khắt nghiệt, rất ít kẽ hở, cuộc sống được che giấu tận tình - và hiệu quả bởi tầng lớp thư lại truyền thông, văn nghệ vang vang lời ca tụng *thánh đức an dân* mới. Và lời xưng tụng đã vọng đến tầng lớp dân chúng thứ hai vốn cũng có căn bản chờ đón sẵn. Tuy nhiên ở lớp người này, cuộc sống hồi tưởng hướng vọng vẫn hàng ngày bị lôi cuốn bằng thực tế phải va chạm, phải đối phó, bị đòi hỏi phải hoà nhập với nó. Nghĩa là dù muốn dù không cũng phải đổi khác. Theo một thế giới khác, để rồi vào một lúc giật mình tỉnh thức, người hồi cố thấy nó có ưu điểm hơn thế giới cũ, như khi ông Nguyễn Văn Trấn so sánh chế độ báo chí của thời Pháp thuộc và thời nay vậy. Hai mươi năm VNCH đã chận Việt Nam đắm sâu vào con đường cộng sản maoít mù mịt, lạc hậu trong khung trời xã hội chủ nghĩa nhưng vì là kẻ chiến bại nên không còn tiếng nói tranh chấp. Người dân thì không cần lí luận dài dòng, người dân không có quyền to tiếng, họ chỉ kinh hoàng khi thấy những điều họ sống rất bình thường bỗng dưng trở thành nguồn cơn của tội ác xấu xa vô vàn, có cơ nguy đến sinh mệnh: tàn tích phong kiến, của thực dân đế quốc, của Mĩ Nguỵ... vì bản thân họ cũng chỉ là tay sai bán nước, kẻ tham bơ thừa sữa cặn . Khi không còn cơ hội đào thoát, người dân đành ở lại nhưng lại

làm nền tảng quần chúng cho những phản kháng len lỏi được vào những sơ hở của thời mới như chuyện chống chủ nghĩa lí lịch, một điều không thể nào mơ tưởng ở Miền Bắc. Hơn ai hết, các lãnh tụ Cộng sản đã thấy rõ sự cách biệt ấy có nguy cơ đe doạ quyền bính của mình nên nghĩ đến chuyện diệt trừ ngay từ lúc đầu. Thế là thầy trò đem nhau ra sân trường, tổ dân phố đem nhau ra đường cái, đốt sách không nệ tai tiếng về chuyện ông Tần Thuỷ Hoàng ở xứ mọi rợ nào đấy. Thế là ở thôn quê có tổ hợp tác, hợp tác xã để người lao động chính mạnh khoẻ vẫn không đủ ăn vì chỉ được chia phần công điểm sau khi ban lãnh đạo tính trừ thuế má, dành phần ủng hộ, chiêu đãi, liên hoan trăm thứ bà dằn... Ông chủ tịch xã nắm quyền cắt hộ khẩu (nghĩa là cho phép di chuyển) trở thành người có quyền phân phối, đào tạo nhân tài trong nước:"Nhà anh có người học Đại học rồi, thôi để dành cho nhà khác, anh ở lại làm ruộng!" - hay làm gì khác ông không cần biết. Thế là ở thành phố có công an khu vực biết con gà vàng nhà mình có mấy cái lông trắng, cùng với họp hành, học tập xoá tàn tích Mĩ Nguỵ, với sổ gia đình, sổ thực phẩm để từ hai giờ sáng sắp hàng chờ mua miếng thịt mà đến lượt mình thì vừa hết! Cán bộ mới mang niềm tin tông đồ lẫn lộn với sự vênh vang ơn giải phóng, tha hồ nghênh ngang tự đắc. Ông chủ tịch xã sai người ra cắt dây điện đường về thắp sáng khu vực làm lễ kỉ niệm, sừng sộ với tay chân đang rụt rè:"Bộ tao lấy về thắp nhà từ đường tao đó hả?" Nước ngọt từ nhà máy Chương Dương đưa thẳng lên kho Thủ Đức mươi cây số rồi mới chở lộn về Sài Gòn phân phối lại cho quán ăn uống bên cạnh nơi sản xuất, có ai phàn nàn "làm ăn kinh tế kiểu gì lạ vậy?" thì vênh mặt:"Ấy thế mà chúng tôi thắng Mĩ đấy!" Thế hệ thứ ba, thứ tư đã học tập thật nhuần nhuyễn bài học xã hội chủ nghĩa lọc qua Trung Hoa mới, khư khư sách thánh hiền giản lược, không biết rằng ở đấy thời đại Mao đã tàn với Bọn Tứ nhân bang bị đem xử tội và Đặng Tiểu Bình đã lên. Chiến tranh Biên giới 1979 càng làm cách biệt nhau hơn để Việt Nam chỉ giữ lại những gì đã học được từ thập niên 50, muộn màng như sĩ tử thế kỉ XIX chỉ học sách Đường Tống để đi thi, làm quan. Nhưng cũng như trong quá khứ, sự vặn vẹo đường lối lịch sử lại đến từ phương Nam.

Dù có hung hăng cho mấy thì sự tiếp nhận trong khoảnh khắc một số dân gần bằng với số dân đã thuần phục của mình cũng làm cho niềm lo lắng của Đảng trở thành sự thật. Thời đại trì níu của Đảng "tiền phong" đã bắt đầu. Thật khó tin được một Miền Nam nghèo đói vì bị Mĩ Nguỵ bóc lột khi, từ anh bảo vệ hồi kết về làng đến ông cán bộ thăm thân nhân di cư, lại cố công đèo thêm chục chén Mông Cái để làm quà, và chưng hửng! Cho nên lại cũng J. Fraser thấy đường ranh giới Bắc Nam lúc đó vẫn còn

được kiểm soát chặt chẽ chứ không phải như người ta tưởng vòng tay lớn đã nối liền sau khi thống nhất. Có điều đáng ngạc nhiên là cán bộ trung ương lúc đầu vẫn sợ sệt khi vào Sài Gòn dưới quyền của Chính phủ Cộng hoà Miền Nam Việt Nam, dù ông Thủ tướng Huỳnh Tấn Phát mặt mày dáo dác như lời thân nhân kể lại. Làm dữ nhưng vẫn sợ, không phải sợ chính quyền nguỵ mà sợ dân chúng nguỵ, chưa phải là nhân dân của mình. Và việc đầu tiên là thanh lọc nội bộ: Đám đảng viên Miền Nam lãnh thẻ Đảng gian khổ trong chiến tranh được mời ngồi lại trà nước trong khung cảnh lặng lẽ trang nghiêm thấp thoáng bóng các nữ đồng chí phục vụ qua lại, để phản tỉnh những lúc yếu lòng, mất tính trung kiên chịu đầu hàng địch, phản bội nhân dân. Rủi ro cho anh nào nằm ở Địa ngục trần gian Côn Đảo mà lại ra chào cờ Ba sọc và thành thật thú nhận tội lỗi! Bởi vì không phải có tội như thế mà có người không thoát. Người ta chỉ cần bớt số đông để đặt tay chân tin cẩn từ Trung ương vào thôi. Trường hợp Nguyễn Hà Phan lên đến chức Uỷ viên Bộ Chính trị rồi mới bị phát giác về tội hợp tác với Nguỵ, hẳn là một trường hợp lọt lưới cố ý để giành sự bảo đảm phục vụ tin cẩn hơn - cho đến khi không còn cần thiết nữa (1996). Như thế đám cán bộ Miền Nam mất tay chân, tuy có bất mãn nhưng lo sợ cho an nguy của mình chỉ đành ngậm miệng để giữ lấy địa vị, hay có cơ hội thì đào thoát như Trương Như Tảng. Lẽ tất nhiên cũng có những phản ứng lật vật, theo kiểu ranh vật: Anh công chức quèn từ Trung ương điều động vào Quê hương Đồng khởi Bến Tre không được giao phó công tác, phải lêu bêu cho đến khi chuyển qua tỉnh khác!

Thanh lọc số đông bằng cách dẫn dụ quân nhân viên chức nguỵ "đi học tập", từng đợt từng đợt vét cạn láng theo một cách lừa phỉnh lạ lùng không tưởng tượng nổi đối với dân Miền Nam, đã nói, vốn quen với một chừng mực cung cách xử trí theo pháp lí của một chính quyền chứ không phải theo cách trị nước kiểu Đông Chu liệt quốc, Chiến quốc và anh chị Thiên Địa Hội... Thanh lọc số đông làm yếu sức phản kháng bằng chương trình Khu kinh tế mới mà các phóng viên tả phái Pháp đã gọi là "trại tập trung Goulag khổng lồ" vì nơi ấy có đám tư sản Hoa Việt mất nhà cửa, có gia đình nguỵ bị ép buộc hay dẫn dụ: "Đăng kí đi kinh tế mới thì chồng con mau về!" - một lời hứa lợi dụng quyền lực, xấu mà thắng thiện (tình gia đình, vợ chồng), lời hứa miễn cho được việc, coi sinh mạng người như sợi lông hồng, nhẹ tênh. Thanh lọc bằng cách chính thức bán vé đi biển (8 đến 12 lượng/vé), sĩ diện gọi là "bán chính thức", tưởng lọc được đám người Hoa nội thù, giành lại quyền kinh tế, thoả mãn niềm kiêu căng dân tộc, không ngờ loại luôn cả đám tư sản Việt nhỏ bé khiến cho sau khi chính quyền ê mặt với bên ngoài, chấm dứt bán vé thì các "nạn kiều" còn

lại được đà tung hoành dữ hơn trước vì đối thủ người Việt không còn nữa và vì có độc quyền liên lạc không chính thức với bên ngoài: Chợ Lớn dưới chế độ XHCN vẫn có Hồng Kông nằm "bên hông" và nay lại thêm Singapour, Đài Loan. Bán chính thức chấm dứt nhưng đã mở đường cho đợt chính-thức-đi-chui ồ ạt, làm giàu cho du kích công an lớn nhỏ để lọt vài lần lấy tiền, bắt một lần lấy công tác mà vụ xử tử Đại tá Mười Vân của tỉnh Đồng Nai chỉ là làm rửa mặt chính quyền, nhân tiện dằn mặt kẻ nào muốn cát cứ. Người dân bị coi mất phẩm giá làm người mà không còn sức phản kháng, đành chỉ dồn sức để chạy, bị bắt như bắt cóc bỏ dĩa, ăn thịt nhau mà chạy, còn Đảng trên cao không ngăn chận nổi thì coi như một tình trạng tự thanh lọc của nguỵ, lỗi của bọn Việt gian bán nước không chịu hối cải - "giữ người ở lại chứ không ai giữ được người (muốn) đi", theo kiểu nói đầm thấm tinh thần dân tộc, hay "Họ đi vì chính phủ không thể cung cấp cho họ mỗi sáng một li cà phê sữa" theo lời ông Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch trong cố gắng bảo vệ Đảng Vinh quang. Dù sao thì đó cũng là một cách "xuất khẩu nghèo đói" (Lí Quang Diệu?) mà lại còn thấy đôla gởi về nữa. Chính thức, đúng là chính thức cũng có xuất khẩu nghèo đói bằng chương trình "lao động hợp tác XHCN" dù có khi là gởi qua Irak để chính phủ lấy đến 60 - 70% lương, để người nữ công nhân có bị con cháu Sadam Hussein hiếp mà phản kháng thì được trả lời: "Nước chúng mày nợ nước tao" (nghĩa là mày phải trả nợ cho tao!)

Dù sao thì không thể thanh lọc hết gần ba chục triệu người. Vả lại lúc đầu thiếu người, chưa biết việc thì phải khôn khéo sử dụng chúng, khi học được việc thì đuổi ra cũng không muộn. Quần chúng vốn đầy lòng yêu nước có thể cải tạo lần lần và sẽ nhận ra chân lí (xã hội chủ nghĩa). Vì thế sau vài năm, ông Ngô Công Đức có thể tự đình bản tờ *Tin sáng* để đi đánh tơnít, uống bia, võ đít gái, vì báo đã "hoàn thành nhiệm vụ chính trị" - một lối nói ngọt ngào đểu giả mà dù suốt đời sinh hoạt trong chính trường Miền Nam, ông cựu dân biểu cháu Giám mục Nguyễn Văn Bình cũng không thể nào học được. Nhưng dùng người sao lại không luỵ vì người, dù đây là tay sai? Những người thảo kế hoạch trong trướng các ông bà...uỷ cũng chỉ là một thứ thư lại nhưng là thư lại không-phải-xã-hội-chủ-nghĩa. Kinh doanh tận Lào cho tỉnh uỷ Minh Hải (Cà Mau - Bạc Liêu) là cựu dân biểu Dương Văn Ba. Dưới trướng của Bà Ba Thi với kế hoạch tiếp tế thực phẩm cho dân Sài gòn suôn sẻ mà còn có lời, là cả một bầy nguỵ cũ, cách làm việc khiến bà chủ suýt bị khai trừ khỏi Đảng nếu không nhờ những biến động bên ngoài đến kịp lúc chặn những bàn tay khư khư thủ cựu. Và thế là Sài Gòn XHCN chắc chắn không có ai đi Nam Tư học trị nước vẫn bị xem chừng như một thứ Nam Tư theo thói quen tụng kinh sách Xét lại.

Vả lại, dân chúng Miền Nam, đặc biệt dân Nam Bộ không có thói quen sợ quyền bính nhiều nên họ có thể kêu Thằng Ba, Thằng Tư giống như lúc ông Uỷ viên trung ương Đảng còn chui rúc trong hầm bí mật sau nhà họ, không như quần chúng e dè sợ sệt của Trần Độ lúc ông này vinh quy. Vì thế mới có ông già nông dân nghênh ngang đòi thà đốt ruộng mía chứ không bán cho cán bộ thu mua (rẻ). Và vì thế mới có anh cựu du kích xướng suất nông dân Nam Bộ lên tận Sài Gòn đòi lại ruộng đất thực hiện cuộc cách mạng không có tên nhưng kết quả to rộng, không như năm nào ông Bí thư Vĩnh Phú mon men làm trong khung cảnh mê đắm lí tưởng maoít nồng nhiệt của ông Tổng Bí thư Trường Chinh. Phải muộn đến hơn hai mươi năm ông này mới thấy một chân lí khác. Ở Thành phố Hồ Chí Minh - Sài Gòn.

Chứng cớ nói ra là từ ông Trần Độ. Rốt lại thì những cải cách ở Miền Nam đã thắng thế - tiếc rằng cũng chỉ vì sự suy sụp của cả hệ thống XHCN bắt đầu bằng sự rạn nứt ở Tổ quốc lớn chứ không vì khả năng sáng tạo của các lãnh tụ nội hoá kiểu Đặng Tiểu Bình. Ông Trần Độ cho biết Nguyễn Văn Linh sau khi "xé rào" đã đưa Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng đi thăm Thành phố Hồ Chí Minh để thuyết phục các ông này Đổi mới - tuy chỉ là làm mới cái cũ đã bị hăm xoá. Rồi với ông Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh thì Đổi mới ra đến Thủ đô tuy còn chật vật. Hà Nội đã quên mất vai trò thủ phủ Đông Dương trong một thời gian, nay gượng gạo đứng dậy. Một hướng Bắc tiến của văn hoá Tây Phương tư bản lần này nối lại hướng Bắc tiến xưa cũ của Chàm đã không đủ sức lấn át hệ thống phụ hệ Trung Hoa vững vàng, nhưng giả như là thắng thế hệ thống trần tục bằng một hệ thống mẫu hệ *ảo* (trong ý nghĩa chính trị), hệ thống Mẫu với các Bà, các Cô trong điện phủ. Lần Bắc tiến này cũng chịu chung hệ luỵ vì một sức nặng Trung Hoa khó vượt qua.

Đã nói, sự suy sụp của chủ nghĩa cộng sản ở Tổ quốc lớn cùng các chư hầu Đông Âu khiến cho hai nước Trung Việt phải xích lại gần nhau. Và đối với Việt Nam thì dù không công nhận thành văn, bây giờ Trung Hoa trở thành Tổ quốc lớn XHCN. Cộng với danh hiệu Thiên triều lớn.

Đã không còn sự theo đuôi mù quáng nữa. Các lãnh tụ Việt Nam dù không chịu nghe theo lời các anh lớn, tuy phải vay mượn lung tung không cần tính trả nợ nhưng rốt lại đã chiến thắng, trở nên kiêu ngạo tột bực, và đó cũng là một nguyên nhân gây nên cuộc chiến Đông Dương lần thứ ba (1978-79). Tuy nhiên sự giận dỗi không dài lâu và ngay cả những ngày ngún nguẩy, quá khứ maoít vẫn còn đè nặng và đường lối Trung Hoa vẫn còn được nghe theo sát, trong đó có tính toán cho sự trường tồn. Tình thế mới do đó không cắt đứt liên hệ cũ. Đã hết thời kì "học tập Đại Trại"

(Mao - 1964) nhưng giá như không có cuộc khủng hoảng ở Liên Xô Đông Âu thì cuộc nổi dậy của nông dân Nam Bộ hẳn đã bị dẹp tan. Không thể trở về đường lối cũ thì mượn đường lối mới - cũng của ông bạn / kẻ thù: Trung Quốc đã giao ruộng cho hộ nông dân từ 1979, để cải cách lan rộng từ 1982 và hoàn thành năm 1985. Thế mà tầng lớp lãnh đạo vẫn nhấn mạnh đến "kinh tế tập thể" cho nên dân chúng vẫn không làm chủ được ruộng đất và do đó ở Việt Nam, Quốc hội không chịu cho nông dân có quyền hơn 20 năm trên mảnh đất mình cày cấy. Khẩu hiệu "dân chủ tập trung", "tập thể lãnh đạo" vẫn nghe thường xuyên ở Việt Nam. Đảng Cộng sản giữ chắc chính quyền và cẩn thận nhắc nhở điều ghi vào hiến pháp ấy, tuy vẫn quên những điều khác cũng có ghi vào hiến pháp. Trên các tuyên bố của các lãnh tụ, trong những bài xã luận của báo Đảng, ta nghe như nhắc lại bằng tiếng Việt về Bốn nguyên tắc hướng dẫn của Đặng Tiểu Bình nêu ra trước hội nghị các lí thuyết gia của Đảng ngày 30 - 3 - 1979 (Colin Mackerras & al. *China since 1978*, St. Martin's Press 1994, t. 21):

1. Đi theo con đường xã hội chủ nghĩa;
2. Giương cao nguyên tắc độc tài giai cấp;
3. Giương cao sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản;
4. Giương cao chủ nghĩa Mácxít Lêninít và Tư tưởng Mao Trạch Đông.

Tất nhiên vì là Việt Nam nên Tư tưởng Mao Trạch Đông phải được thay bằng Tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ tiếc rằng tư tưởng Mao dù có hơi lộn xộn nhưng vẫn là những luận thuyết, còn ông Hồ thì "không có gì" cả, như trong chuyện tiếu lâm "Làm theo lời Bác dạy": Chỉ mới thực hiện được "không có gì" trong nguyên câu "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"! Hệ thống phát triển liên hoàn V.A.C. (vườn - ao - chuồng) ở nông thôn có lúc được tán dương là sáng kiến của Bác, chủ trương của Đảng và được cả ông Việt kiều Bác sĩ Trần Văn Hà phụ hoạ đọc tham luận ở một hội nghị quốc tế (Guinée Bissau, 7 - 1983) với chứng dẫn thống kê, đồ bản, triển vọng... và ngôn từ bác học, nhưng rốt lại chỉ là tán từ bóng vẽ, tan sớm chỉ vì lấy một khuôn mẫu của nghèo đói làm cùng đích cho phát triển, từ Miền Bắc lan được vào căn cứ cũ Liên khu V là tan biến. Không còn dấu tích như lí thuyết "nhân dân làm chủ tập thể".

Chút giận dỗi 1979 chặn một hướng tiến, mở đường cho Đổi mới nhưng cũng không được dài lâu vì sự an nguy của chế độ: Cuối thập niên 80 là đã thấy sự siết lại về tư tưởng, chỉ để cho kinh tế "bung ra" vuốt ve dân chúng. Trung Quốc thấy thế là một cơ hội vét tiền phương Nam, liền tuôn hàng thứ phẩm của các tỉnh nghèo khó nội địa tây nam vào tận Sài

Gòn qua một hệ thống cửu vạn đẩy sức lực như dân công trước kia, lần này linh động, quyền biến hơn vì được làm chủ thật sự. Nhưng đó cũng là một hình thức hối lộ thành công của Việt Nam vì đã làm mất hẳn những trận pháo bắn qua có lúc đến tận Hà Tuyên. Năm 1989, tính ra việc buôn bán qua sông Bắc Luân giữa Đông Hưng và Mông Cái đã lên đến 5 000 đôla/ngày! (Colin Mackeras & al. *China...*, t. 231.) Dân giàu mở đường giao thiệp bằng trận bóng bàn, dân nghèo nói đến cơm gạo, xe đạp (Phượng hoàng), lê táo... Y như ngày xưa Lê Hoàn và Tống buôn bán ở châu Khâm, châu Liêm. Thế là các lãnh tụ đi thăm nhau: Tổng bí thư Đỗ Mười, Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm Trung Quốc 11- 1991, Tổng bí thư Lê Khả Phiêu 1999; Thủ tướng Lí Bằng sang Việt Nam... Và các văn nghệ sĩ được mời sang, có khi chỉ là từ một tỉnh Trung Quốc, để lúc về có những bài xưng tụng thắm thiết thật tự nhiên: Con đường Trung Hoa vẫn là lối mòn dễ chịu bởi vì trà nước hẳn là dễ gây hàn huyên hơn Coca hay cà phê đáng nghét, nhạt phếch.

Và mâu thuẫn giằng co lộ ra. Học tập tư tưởng thì đi - hay ngồi nhà đọc Trung Quốc. Kinh doanh buôn bán thì sang phía tư bản: Một bọn "đánh thuê" cũ đã đòi Việt Nam bỏ chữ Nam Triều Tiên khinh miệt để gọi họ là Đại Hàn, Đài Loan giành được nơi mở cơ sở làm ăn dưới tên Khu chế xuất chứ không phải là Đặc khu kinh tế của Đặng Tiểu Bình. Hà Nội đã giành ưu thế giao thiệp với bên ngoài nhờ vị thế chính trị của một thủ đô trong lúc Sài Gòn trở lại vị trí địa phương: Tuy được ra giá vào gặp Bộ trưởng là 2 000 đôla, Thủ tướng 5 000, nhưng hối lộ thẳng còn đỡ tốn hơn là phải qua cầu Sài Gòn. Và mâu thuẫn xuất hiện ở nơi nghèo đói cùng cực thì dễ trở thành lớn mạnh. Ma tuý, sân gôn Đại Hàn, Thuỷ cung Thăng Long là cơ hội ngàn năm một thuở cho các viên chức ba cọc ba đồng mới hôm qua còn trong sạch vì không có gì để "ăn". Nông dân Thái Bình bị động đến hạt cơm cuối cùng mà thấy hé mở đường lối phản kháng. Những viên chức Đảng, nhà nước về hưu thoát khỏi sự hấp dẫn của quyền lực mà lại thấy giàu sang nhởn nhơ vây quanh cảnh đói nghèo của mình. Điều đó hiện rõ trong hoạt cảnh phản kháng không có người trẻ tham dự - những người này còn đủ xung lực để thích ứng với tình thế mới, chưa kể sự cạnh tranh "làm giàu" không luật pháp rõ rệt càng làm họ thấy cơ hội nảy sinh nhiều hơn. Nhưng nói điều đó rồi thì cũng phải đau lòng mà nhận rằng nguyên nhân còn bởi chiều sâu văn hoá của người Việt không nhiều. Cái làng nhàng truyền thống học theo kiểu cù cưa với Trung Quốc khiến cho người thanh niên Việt dễ bằng lòng với những gì mình có được, chịu đựng hay bằng lòng với một chút "có hơn", khác với các thanh niên Trung Quốc trong các vụ nổi loạn ở thập niên 70, 80. Sự hạn chế đó cũng

thấy rõ ở lớp người già phản kháng mà chúng ta có thể hiểu khi nhắc lại tình trạng kiến thức, tâm tính của các Thế hệ ở Việt Nam. Ông Trần Độ - không thể nào khác - muốn cứu Đảng, nhưng nghe theo lời ông thì Đảng ... tan tành! Điều còn lại khác của ông là những chỉ trích chứ không phải lí thuyết, trong đó có nỗi luyến tiếc quá khứ không có cách nào trở lại mà còn có thể là vật cản đến tương lai. Ông cũng như những công thần lớn nhỏ khác cùng loại, sở dĩ gây được sự chú ý chỉ vì sống trong một chế độ từng một lúc coi sự phản kháng là không thể nghĩ tới nay phải gặp một sự lệch lạc khó chịu, thế thôi. Ông không thể chối bỏ quá khứ của mình, nghĩa là chối bỏ chế độ ông đã phục vụ. Cho nên hành động của ông và những người tương tự chỉ là một hành động phản loạn, dù là có thiện ý. Khai trừ khỏi Đảng là điều hợp lí trong vòng cương toả của chế độ. Ngay cả Bà Dương Thu Hương càng lúc càng liều lĩnh hơn cũng còn là người của Hệ thống. Chủ nghĩa cộng sản đã tạo ra cả một hệ thống chỉ có thể lấy hoặc bỏ mà thôi. Vì thế Liên Xô và Đông Âu mới sụp đổ tan tành. Vì thế mới phát sinh những anh hùng đầy ngõ, tạo hào quang mà những người cùng một thời phục vụ khi rời bỏ vẫn hãnh diện về nó. Ông Bùi Tín chỉ kiếm được một lời khen quân đội VNCH trong thành tích ở Hoàng Sa năm 1974 . (Nhờ Tàu cứu vãn chút danh dự cho họ!) Còn ông Hoàng Minh Chính thì kiêu kì nhắn nhủ Đoàn Viết Hoạt:"Liệu ở Mĩ ăn nói làm sao để còn mà về!" Do đó ta thấy sự khó khăn vô vàn của những "lí thuyết gia" muốn vượt chủ nghĩa xã hội từ trong lòng chế độ đó. Khó khăn nên mới phải tự thổi phồng bằng ngôn từ: "Đi dưới tấm bảng chỉ đường của Trí tuệ".

Cộng sản là một heresy, một thứ "chủ nghĩa biệt phái" của nhân loại. Muốn chứng tỏ sự chính danh, họ nghĩ ra một thời cộng sản nguyên thuỷ không bằng cớ về sự hiện diện của quyền tư hữu. Rồi để giữ vững quyền chính thống của tương lai, họ đẩy tất cả không là "xã hội chủ nghĩa" sang phía tư bản phong kiến gồm chung đủ phần phức tạp của nhân loại to lớn còn lại. Cho nên cái gọi tư bản chủ nghĩa vẫn là thành phần nền tảng của nhân loại, ở đó dù sao người ta cũng có nhiều chọn lựa hơn - tốt hay xấu còn là sự chọn lựa tiếp. Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế do đó khi nói đến dân chủ không phải làm sự chọn lựa khó khăn, bởi vì lí thuyết, nếu cần định danh, đã có sẵn - cũng như người đảng viên cộng sản trong sự chọn lựa bên trong hệ thống của mình vậy. Cái khác của hai thành phần chống đối hiện nay ở Việt Nam là như thế. Tính cách chân trong chân ngoài của những người cộng sản li khai được hiểu theo một tình thế như vậy. Thế mà bây giờ Việt Nam cũng như Trung Quốc còn giương cao lá cờ XHCN, dù hết thời cuồng tín thì vẫn còn thời thực tế "giả như là CS" -

giống trước kia công nhân viên chức "giả như làm việc", nhà nước "giả như trả lương", và người ta vẫn sống được. Lí thuyết, đường lối thực hiện "giả như là cộng sản" đã có Trung Quốc nghĩ giùm, các nhà lãnh đạo Việt Nam chỉ cần dòm chừng nhón lấy một ít đem về dùng, có thể quơ một ít khác ngoài vòng vương hoá mới nhưng phải dè dặt liếc mắt cảnh giác với cường quốc đó của thế kỉ XXI.

Ông Trời quá xa, nhưng biết đâu chẳng có ngày sụp?

14 Hai 1999

NHỮNG SÁCH DO TẠP CHÍ VĂN HỌC XUẤT BẢN

Thơ Khoa Hữu
Thi tập của Khoa Hữu
Văn Nghệ phát hành, giá 10 MK

Tôi cùng gió mùa
Thi tập của Nguyễn Xuân Thiệp
Văn Nghệ phát hành, giá 12 MK

Tạp chí Văn Học tuyển chọn những tác phẩm giá trị của các văn hữu cộng tác với Văn Học để giới thiệu cùng bạn đọc. Truyện Mai Kim Ngọc, thơ Khoa Hữu và Nguyễn Xuân Thiệp trong ba tác phẩm đã xuất bản là bằng chứng sự lựa chọn đúng đắn của Ban Chủ biên tạp chí. Lần này, Văn Học xuất bản tuyển tập những tiểu luận văn học, sử học của một sử gia bạn đọc từng yêu mến: Tạ Chí Đại Trường. Mời bạn đọc tìm mua

những bài văn sử

cuốn sách mới nhất của Tạ Chí Đại Trường
dày 200 trang, in đẹp và trang nhã, giá 10 MK

Xin liên lạc **Nhà xuất bản Văn Nghệ**
PO Box 2301 Westminster CA 92683 USA
Phone: (714) 527-5761
hoặc **Tạp chí Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove CA 92842-1359 USA
Phone: (714) 894-8535

"Hà Nội" và Hà Nội.

Trúc Chi

Những điều nghe và thấy trong mấy hôm lang thang qua 36 Phố Phường, ghi trong quyển sổ tay made in Hong Kong mua tại phố Hàng Điếu đang nằm chờ tôi từ mấy hôm nay mà vẫn chưa có được một chữ nào cho Hà Nội cả. Đối với một thành phố tuy xa lạ mà quen thuộc, tôi chưa biết bắt đầu ra sao cho nó ổn.

Rời cái lành lạnh dễ chịu của một ngày thu Hà Nội có mặt Hồ Gươm hơi nhăn trong một đôi đợt gió chiều mang theo nó một ít bụi, rất nhiều không khí ô nhiễm và một làn sương mỏng, rời những thứ đó để bước vào cái thời tiết nóng ấm ngược đời này của một thành phố Los Angeles đang tưng bừng sửa soạn ăn Nô-En, tôi đã hẹn với quyển sổ tay của mình rằng thế nào nó cũng được lật ra, được đọc lại kỹ, được ghi chú thêm những sắc, thanh, hương, vị đã lọt vào giữa những hàng nguệch ngoạc vội vàng có chỗ nay phải cố gắng lắm mới nhận ra mặt chữ. Tôi muốn viết về Hà Nội. Bởi vì tuy không phải là người Hà Nội, tôi đã sống với Hà Nội khá nhiều, dường như có một chút gì đó, ít ỏi lắm mà lại khá mặn nồng giữa chốn nghìn năm văn vật ấy với tôi. Duyên thì có rồi đấy mà nợ thì hình như vẫn chưa vương. Nhưng mà chưa được.

Viết chưa được cũng bởi vì mấy hôm, trời nổi gió Santa Ana - một loại gió nóng như nồm bên mình - làm tan hết tuyết trên đỉnh núi miền San Bernardino, và cuốn luôn theo nó tất cả những gì là đông giá lạnh lẽo của một ngày cuối năm, năm đây là năm Tây, năm 1998. Những chiếc lá, mấy hôm trước còn ẩm hơi sương, chiều nay, theo cơn gió đến bất thần từ lục địa châu Mỹ đang chạy dài trên hè phố. Trông giống như một cuộc đua xe hơi tí hon của lũ trẻ thường vẫn hay nô đùa ngoài đường gần nhà tôi. Nếu như tôi đang cố tình nặn ra một câu thơ thì dùng cái tính từ tượng thanh xào xạc kể cũng được. Nhưng quả tình, tôi chỉ thấy lá khô queo mà

không nghe tiếng lá xiết mặt đường, vì đường luôn nhiều xe qua lại. Có chăng là tiếng gió vi vu qua những loài cây không đổ lá vào mùa đông. Cái thứ tiếng vi vu này, ở vào một ngày lạnh giá, hẳn đã khiến tôi não lòng. Nhưng mà giờ này, trong cái hâm hấp của luồng khí nóng mang theo nó vô lượng cát bụi từ những vùng sa mạc vô biên, tôi thấy rờn rợn.

Cái thứ gió nóng này đang khiến tôi nghĩ đến một trận cháy lớn đâu đó, không có thật mà lại rất gần. Hơn một lần, tôi đã cảm thấy cái loại nhiệt khí này trên mặt mũi, thân thể: cái hừng hực của một đám cháy sau một trận pháo kích, một trận giao tranh. Cái loại hơi nóng đã từng phà vào mắt mũi tôi cái cay cay của khói súng vừa mới loãng ra, cái khen khét của chất hữu cơ bị đốt cháy: cái chất hữu cơ trong hình hài con người. Hình hài của con người mà Nguyễn Công Trứ đã từng hỏi, một cách hết sức tự nhiên, không mào đầu bằng một loại triết lý thâm viễn cao siêu nào cả, rằng nó, cái hình hài đó đã *chắc thiệt hay chưa, mà lẽo đẽo* ...Cái chiều liên tưởng của tôi, xét ra, thì nó vẫn không thoát nổi cái ám ảnh của một cuộc huynh đệ tương tàn kể như là khốc liệt nhất trong bốn nghìn năm ấy. Bực quá đi mất!.

Chuyện phải trái, chính tà đàng nào thì cũng là chuyện của người đời nay, của hiện tại. Những trang sử được người trong cuộc - cuộc chiến, cuộc cờ, cuộc bể dâu - viết ra mà ghi lại những gì vừa hoặc đang xảy ra trong lúc này, chẳng qua cũng chỉ mới là bản thảo, bản nháp. Đời sau rồi còn có người gạn lọc qua những sự kiện trong những bản nháp này mà viết lại với cái bình tĩnh, cái độ lượng mà khoảng cách trong thời gian sẽ đưa lại. Tôi đang nghĩ đến cái chín chắn, cái công bình của Lê Quí Đôn trong bộ *Phủ Biên Tạp Lục*, của Edward Gibbon trong bộ *Suy Vong Của Đế Quốc La mã* (*),của Tư mã Thiên trong bộ *Sử Ký*. Cái khoảng cách này trong thời gian, nó cũng có cái công dụng tương tự như khoảng cách trong không gian cần phải có cho người họa sĩ, những lúc anh ta lùi lại vài bước mà nhìn vào tác phẩm đang được thực hiện.

Vào cái hồi tôi tập tễnh bước vào cái nghề lang thang của tôi cách đây cũng đã ngoài bốn mươi năm, những ngày túng tiền mà lại đói bạn, tôi vẫn thường tới quấy rầy anh bạn họa sĩ Ái Nhĩ Lan, tóc hung, mà lại có đôi mắt xanh trong vắt, để mà tự pha lấy một tách cà phê, ngồi xem bạn vẽ hoặc vơ một quyển sách trên kệ đọc chán rồi về. Thích nói chuyện thì bạn tôi thẩy mấy cái cọ vào ly nước lạnh, đốt cái tẩu tổ bố lên mà bàn chuyện tình đời ấm lạnh, kim cổ phế hưng. Còn không thì anh để mặc kệ tôi, tự tôi tiếp lấy tôi trong nhà anh.

Ngày ấy, bạn tôi là một họa sĩ chưa có tên tuổi nên cũng nghèo. Bạn tôi sống già nhân ngãi non vợ chồng với một người đàn bà hơn anh hai

tuổi, tên là Deirdre, dạo ấy đang làm việc trong một hãng chế tạo dược phẩm. Tuy lương lậu cũng không cao lắm, nhưng mà được cái Deirdre khéo tém vén, nên họ nghèo mà không túng. Hôm nào bán được một bức tranh mà lại thừa ra chút ít, sau khi thanh toán xong những món nợ mà anh gọi là "khẩn" (urgent) thế nào Bill và Deirdre cũng gọi điện thoại rủ tôi đi ăn cơm Tàu vì họ cho là tôi biết chọn những món không quá nhiều dầu mỡ. Hẹn giờ giấc, địa điểm xong, thường Bill vẫn thòng một câu:

"Đó là cái là lý do độc nhất cho sự hiện diện của mày trong bữa cơm tối nay."

Một lần, trong khi tôi đang "nghiên cứu" cái thực đơn viết tay đầy lỗi chính tả tiếng Anh trong cái tiệm nhỏ mà nổi tiếng nhờ món gà hấp ở East End, gần thương cảng Luân Đôn, bạn tôi, sau khi nốc một hơi hết nửa ly bia đen, đã dọn một bộ mặt nghiêm chỉnh rồi trịnh trọng tuyên bố :

" Mày cứ gọi thêm vài món nữa. Một tác phẩm vĩ đại khác của tao lại vừa mới lọt vào tay một tên phàm tục. Hôi chiều tụi tao mới làm tình để đánh dấu cái biến cố ấy. Cho nên cả hai đứa đang đói meo."

Quen với cái kiểu tận dụng quyền tự do ăn nói của Bill, nên Deirdre chỉ mỉm cười nhìn tôi mà lắc đầu ra chiều ngao ngán. Ấy vậy nhưng mà cái con người cố ý phát ngôn cái kiểu táo bạo như vậy cốt để làm cho những ai thuộc loại "con gái nhà lành" phải giật nẩy mình, con người ấy cũng tế nhị và sâu sắc lắm.

Một hôm, trời tháng tư ở Luân Đôn, nắng mới đang sưởi ấm những cành cây gầy guộc, ẩm ướt thấp thoáng những chồi non mạnh khỏe ứ nhựa, tôi trèo lên con dốc FitzJohn's Avenue, dẫn lên khu nhà của Bill gần Hampstead Heath, định rủ anh đi ăn sáng. Bill mở cửa, mời tôi vào, chỉ cái đi-văng :

"Ngồi chơi. Tao bận vẽ."

Vừa nói Bill vừa lùi mấy bước để ngắm một bức vẽ lớn khoảng hai mét vuông có những khoảng màu sắc mà sơn còn ướt. Biết tính bạn, tôi vào bếp làm cà phê. Ở bếp ra, bưng cái khay có đủ hai tách cà phê, đường và sữa, tôi thấy Bill vẫn còn đứng yên chỗ hồi nãy, cách cái giá vẽ chừng ba mét. Thấy cái nhìn của Bill, tuy ngắm bức tranh chưa hoàn tất đấy, nhưng mà đầu óc lại để những đâu đâu, tôi đùa:

"Bức tranh rộng thế này chắc Deirdre lại phải xén bớt tiền thuốc cho cái tẩu của mày mà mua sơn." Tôi dùng tính từ *large* để tả bức vẽ.

Bill nháy mắt:

"Cấm nói chuyện. Mà vì nó to cho nên tao phải đứng đây mới thấy nó lớn (*great*)."

Nét mặt Bill chợt nghiêm hẳn:

"Thật ra, lùi lại vài bước cốt là để cho có được khoảng cách mà nhìn toàn thể bức tranh, trẻ lên ba cũng biết điều đó. Thường những khi tao nhìn một bức tranh đang vẽ, tao tìm tao ở trong đó nhiều hơn. Đường nét, màu sắc, hình thể dĩ nhiên là nó đập vào thị giác mình. Nhưng mà những khi nhìn như vậy, tao thấy rõ tao hơn để mà thêm, mà bớt, mà tiến, mà lùi, mà sống với cái đam mê của mình trên con đường ...đường nào tao cũng không biết nữa, nhưng mà hình như là nó đẹp vô cùng"

Câu nói cũng đã cũ lắm rồi, của người bạn cũ giờ này đang lởn vởn trong đầu, bên cạnh những mẩu Hà Nội trong quyển sổ tay, trong trí nhớ, thị giác và thính giác. Có vẻ như trong tiềm thức, tôi vẫn có ý định để chúng lắng xuống, cho nó có một khoảng cách, cho nó thăng hoa, hay kết tinh lại thành một cái gì đó trước khi viết về Hà Nội, ít ra là cái thành phố Hà Nội của mấy hôm lang thang qua đến hơn một trăm mấy chục phố phường.

Cứ 36 mà nhân bốn nhân năm lên thì nó ra con số đó. Bởi vì, có lẽ khác với những người sống đã lâu ở bất cứ một nơi nào, quen nước quen cái đi rồi, ít ai để ý đến những điều nhàm mắt nhàm tai đối với họ nhưng lại là những điều lạ đối với người mới đến. Tôi nhất định sống với cái bỡ ngỡ, cái ngạc nhiên của một người ngoài cuộc mà không phải là ngoại quốc. Một người sẵn sàng tìm mà ghi nhận cái lạ, cái đẹp và cái xấu của một con phố, một góc đường, một ngõ thuôn, một quán bánh cuốn, vào những giờ khác nhau trong một ngày. Tôi nói một trăm mấy chục phố phường là vì vậy.

Vào cái giờ này ngồi nhìn quyển sổ tay, cái khó của tôi khi nghĩ đến và nghĩ về Hà Nội, nó nằm ở nơi chỗ tôi đang sống với những thứ vừa quen thuộc vừa xa lạ. Thà rằng có được cái tâm trạng của đôi tình nhân Kim Kiều vào cái đêm hợp cẩn sau mười lăm năm lạc nhau để mà "bâng khuâng duyên mới ngậm ngùi tình xưa" cho nó...đơn giản! Cho nó cam! Thà cứ như vậy đi, lại có đủ xúc cảm để cho ngòi bút nó vẫy vùng, tha hồ mà ghi cái đa dạng mà tôi đã thấy trong nội dung nhiều bài viết của những người Hà Nội đã rời cố đô Thăng Long từ hồi hiệp định Genève, hoặc sau nữa, rồi trở lại Hà Nội trong những năm gần đây. Nhưng mà tìm đâu cho ra những rung động đó.

Tôi đang nghĩ đến một mẩu chuyện ở phi trường Los Angeles trước khi đáp máy bay đi Saigon. Ra tiễn chân tôi, chú em ruột tôi, vừa đỡ hộ chiếc va-li khá nặng vừa hỏi:

"Chuyến này, anh có định đi Hà Nội không?"

Tôi đáp:

"Anh về Huế trước, xây sanh phần cho mẹ xong, sau đó, có dư chút thì giờ anh sẽ ra Hà Nội vài bữa."

Nó là vậy đó, cả hai anh em tôi - ít ra là trong tâm tư - đủ "thẩm quyền" để *về* Huế. Còn Hà Nội thì chúng tôi chỉ mới *đi* và *ra* thôi.

Tôi đi Hà Nội chuyến này là chuyến thứ hai. Về cái chuyến "bắc du" lần thứ nhất ấy đâu khoảng năm 1939-40, tôi giữ lại hình ảnh một ông bác sĩ Tôn Thất Tùng cao lớn trong chiếc blouse trắng toát, một Ông Thánh Đồng Đen bóng nhoáng như đổ mồ hôi, và mấy thẩu kẹo Tây gây thèm thuồng trong nhà hàng Gô-Đa.

Hồi ấy, bà nội tôi đau nặng phải chở từ Huế ra điều trị ở nhà thương Phủ Doãn. Cha tôi tin ở Tây y và thánh thủ của một vị lương y đông hương, mẹ tôi đặt lòng tin vào một loại Đông y đặc biệt: sức ủng hộ của thần linh nơi đền chùa. Ngoài những giờ mà mẹ tôi đi van vái hết chùa này đến đền khác hoặc phải vào bệnh viện để chăm bà tôi, thỉnh thoảng tôi được một người chị họ nói tiếng Pháp như đầm đưa đi phố. (Tôi nghe những người xung quanh nói vậy chớ ngày ấy ngay cả chữ un là một, tôi cũng chưa biết).

Và bây giờ gần sáu mươi năm sau...

Từ hồ Thiền Quang, tôi rẽ qua đường Hồ Xuân Hương, ghé vào một hiệu cà phê có ánh đèn lù mù hắt ra từ căn sau, sâu mà hẹp. Sâu mà hẹp như cái ngõ thuôn mà tôi vừa đi ngang qua hồi nãy, thoang thoảng mùi hồi chưa dịu của một nồi nước phở chưa tới, thấp thoáng cái dáng khiêm tốn, nghèo nàn của một quán nhỏ. Hơn mười giờ tối rồi, tiệm cà phê có sân khấu dành cho khách chuộng karaoke đã vắng. Nhạc, vào giờ này là một bài hát nghe loáng thoáng những hẹn hò, những gắn bó cho đến kiếp sau. Còn như đến cái kiếp sau nữa thì có vẻ như người đặt lời ca chưa nghĩ tới hoặc có nghĩ tới mà lại bí, nên tôi nghểnh tai lắng nghe mà không thấy nhắc nhở gì đến cái đoạn có nhiều ẩn số đó. Thôi thì yêu nhau cho trọn được hai kiếp cũng đã là quá thừa thãi rồi. Khách, vào giờ này là một đôi nam nữ, quần jeans xám, áo blouson cứt ngựa, giày Nike - trang phục y chang cái kiểu che thân của thanh niên ở phố Bolsa, California - đang thì thầm trò chuyện bên một chiếc bàn con ở một góc, có ánh nến vàng mà không vàng vọt - cái màu này quả khó tả thật. Xung quanh chỗ họ ngồi là một vùng bóng tối. Cái cảnh na ná như bối cảnh trong lối sáng tối tương phản sắc sảo trong một bức danh họa của Rembrandt. Chỉ có cái khác là không khí xung quanh đôi tình nhân này - cứ cho họ là tình nhân đi cho nó tiện - dường như thân mật hơn ấm cúng hơn. Chủ là một người đàn bà

trạc ngoài ba mươi, thân hình gọn gàng, mặt mũi vuông vắn đều đặn, lớp phấn trắng quá - trắng như mặt phụ nữ trong một bức cổ họa Nhật Bản - trên đôi môi dày tô một lớp son đỏ choét. Không có chi đặc sắc ngoài hai bàn tay có những ngón chải chuốt thật dài và thon và ngoài cái giọng Hà Nội với những tiếng được kéo dài ra ở cuối câu nói. Những tiếng *sao thế...ế...ế...* hoặc...*nhiều quá...á...á...*có vẻ như thoáng một chút ngần ngại, đắn đo. Khác với cái sắc gọn trong giọng nói của những anh bạn "Bắc Kỳ Cũ", cũng như "Bắc Kỳ Di Cư", thường vẫn cố chống lại sức phá hoại của thời gian sinh sống trên cái phần trù phú nhất của đất nước, nhất định giữ lấy cái "nguyên chất" trong lối phát âm mà ghì chặt lấy cái giọng Hà Nội cũ chính cống (Bà Lang Trọc) của họ. Một anh bạn nay còn thuộc lòng hết các ngõ ngách của Hà Thành đã than với tôi là dân Hà Nội bây giờ là "người ở đâu ra ấy!" Thôi thì ở đâu ra cũng được, miễn là người Việt với nhau còn hiểu nhau khi sử dụng tiếng mẹ đẻ là được rồi. Tôi lật đật viết thêm câu sau đây: ít nhất cũng còn hiểu nhau qua tiếng mẹ đẻ, còn như hiểu nhau ở những điều mình nói ra bằng tiếng mẹ đẻ, ở thời kỳ và giai đoạn này của lịch sử nước nhà, hình như lại là chuyện khác.

Đọc mấy chữ Thiền Lưu Quang cỡ lớn, màu đen, nét chữ *chân* mà hơi đá chút hành *thư*, bên một lớp vôi màu trắng mới được quét lên bên ngoài cái kiến trúc cổ ấy ngay bên bờ hồ, tôi đã nghĩ rằng, đường phố mang tên người như Nguyễn Trường Tộ, Lê Văn Hưu vân vân thì không nói làm chi, còn như những địa danh có hai hoặc ba âm tiết, lâu đời, người mình vẫn rút ngắn lại cho nó...gọn, thành ra bây giờ chỉ còn là hồ Thiền Quang. Ngay cả những địa danh chỉ có hai âm tiết như hồ Hoàn Kiếm mà qua những lần trò chuyện với người Hà Nội cũ và mới, tôi để ý thấy cái tên Hồ Gươm vẫn thông dụng hơn. Ở Huế, chợ Dương Nỗ bây giờ là Chợ Nọ, ở Nghệ An, cửa Hoàng La là Cửa Lò ...cả nước thiếu gì những địa danh Hán Việt có kèm theo một cái tên đơn tiết cộc lốc thuộc loại "tục gọi là...".

Và tôi nghĩ rằng nếu có một cái gì dân chủ nhất trong đời sống lâu bền của một dân tộc thì đó là ngôn ngữ. Cái loại dân chủ này, nó không cần biết đến thuyết phân quyền của Montesquieu bên Pháp hay là hiến chương Magna Carta của nước Anh. Địa danh nào mà người thường dân không thích hoặc thấy lỉnh kỉnh là họ tìm cách tránh né hoặc lược đi, hoặc nói trại đi.

Ngày còn nhỏ, tôi đã nghe được trong lối nói của một đôi gia đình quí tộc ở Huế, hai tiếng "nhãn châu" để chỉ một thứ trái cây. Và cũng cái quả đó, ra ngoài vườn hay ra chợ, nó là trái măng cụt. Giờ này ra chợ Đông Ba mà hỏi mua một chục "nhãn châu", nếu không gặp phải cái hàm

hồ hàm chứa của o bán hàng trên sạp trái cây, thì chắc cũng bị cho là sống lâu bên Mỹ nên nay đã hơi điên!

Duyên còn có thể ép được ở vào cái thời mà cha mẹ đặt đâu con ngồi đó - thường những cuộc phối ngẫu như vậy, người con gái vẫn bị thiệt thòi - nhưng mà chữ nghĩa của dân gian thì...đố! Bởi vì, nó ương ngạnh lắm mà ương ngạnh trúng cách, nó luôn đòi quyền sống. Cả cái Hàn Lâm Viện Pháp mà thành phần gồm những bộ óc uyên bác mệnh danh là Bất Tử (Les Immortels) ngày đêm lo đặt ra những từ mới, chận đứng những từ ngoại quốc được/bị nhập cảng "bất hợp pháp". Nhưng mà không xong. Báo chí Pháp hiện nay vẫn sử dụng một số danh từ và động từ gốc tiếng Anh bởi vì người dân Pháp đã quen dùng. Chữ nghĩa từ trên áp đặt, nhét vào miệng người dân, nếu họ không thích thì tùy ở cái mức độ tự do có được trong chính thể của nước họ, hoặc là họ nhả ra, hoặc là họ nuốt trộng, nuốt lốn, hoặc là họ cứ ngậm mà không nuốt!

Ngoài cái luật đào thải của thiên nhiên, có vẻ như còn có luật đào thải của con người nữa.

Nói cho ngay, ngồi bên ly Black Label trong cái quán karaoke này ở đường Hồ Xuân Hương, tôi không muốn đánh một vòng qua Pháp, qua Anh, qua lịch trình biến hóa của một thứ ngôn ngữ nào cả. Chẳng qua cái cố tật lang thang ngoài đời của tôi nó đưa tôi đi lung tung, nó hiện ra trong cái lối viết lách của tôi như vậy. Có cố giấu cũng không được, mất công. Cứ viết đi đã rồi nó ra sao thì ra. Chữ "nó" ở cái câu mà tôi vừa viết, tôi không biết nó đại diện cho cái chi...

Bước vô định mãi trên đường Tràng Thi, nhìn hàng cây sấu ở vào cái lớp tuổi đủ già để chứng kiến mọi biến cố trọng đại của lịch sử từ năm 1945 đến nay, tôi đã nghĩ đến hàng kem Zéphyr, Quán Nghệ Sĩ, phòng trà Tuyết Sơn... những cái tên mà anh bạn nhạc sĩ Lê Trọng Nguyễn đã từng tả cho tôi nghe vào một buổi chiều ở California. Một buổi chiều mà lòng của cả hai chúng tôi đang chùng xuống rồi rười rượi theo một cái niềm hoài tư dai dẳng sau khi nhắc đến cái buồn lê thê trong một câu vọng cổ. Buổi chiều hôm ấy, vào cái lúc mà lượng rượu trong chai whisky đặc sản miền Tô Cách Lan đã vơi gần hết một phần ba, tôi nghĩ về tiếng nức nở của một ngón đàn nguyệt của một người nghệ sĩ tài hoa nghèo xơ xác, lê một cuộc đời không có ánh sáng - cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng - vì ông mà một nhạc sĩ mù, dưới một nếp tranh dột nát xiêu vẹo bên ngoài chùa Tra Am, gần núi Ngự Bình. Còn bạn tôi, tác giả bản Nắng Chiều, hôm ấy đang nghĩ về và nhớ đến *...thiếu thời hoan lạc sự* ...đến ...những ngày Hà Nội. Anh nói rất nhiều về cái Quán Nghệ Sĩ, nơi anh đã gặp nhạc sĩ Nguyễn

Xuân Khoát lần đầu tiên trong đời - một cuộc gặp gỡ đánh dấu một mối tình bằng hữu nghệ sĩ bất chấp cả mọi thứ ở trên đời này, kể cả ý thức hệ chính trị ở số nhiều... Dọc bờ Hồ, tôi đã định tìm một người lớn tuổi để tò mò hỏi xem cái Quán Nghệ Sĩ ấy ngày trước, nó nằm ở chỗ nào. Nhưng mà... thôi... bởi vì lớp sóng lăn tăn bên một bờ Hồ Gươm vào một đêm có chút ánh sáng trăng yếu ớt không địch nổi với đèn phố, có chút gió lành lạnh, cái lớp sóng ấy, dù không phải là sóng phế hưng, nó vẫn nhắn với tôi rằng, gì thì gì, dù rằng bờ Hồ hơi vắng bóng liễu, thì con đường vòng quanh bờ Hồ này đã, đang và sẽ là đề tài cho bao chuyện vui, buồn, thương tiếc. Người Hà Nội của thời tiền chiến - tôi muốn nói trước năm 1945 - như nhạc sĩ Trần Văn Nhơn đã từng than vào hồi đầu thập niên 50 rằng *hồ xanh nay vẫn xanh nhưng liễu xưa ven hồ đâu tá*, còn người Hà Nội của năm 1998 về sau này, chừng một hai cuộc dâu bể nữa, tiếc cái chi đây?

Xưa nay, tôi chúa ghét những thành phố không có sông hồ mà Los Angeles là một thí dụ điển hình. Lái xe hàng cây số không thấy đâu một giọt nước của ông Thợ Tạo! Nói ra thì gánh lấy tiếng một con người bạc bẽo với cái nơi nó đã dung được mình, nó đã cầm được chân mình cũng khá lâu, nhưng mà nếu không vì cái gánh thê nhi, nếu không vì chuyện mưu sinh thì cứ đoan chắc một trăm mốt phần trăm là tôi đã tếch đi nơi khác từ lâu rồi.

Thành phố gì mà có chỗ thẳng tắp hàng mấy dặm không có lấy một bóng cây cho người ta nhờ. Có được đôi cái hồ nhân tạo con con thì lại toàn là những vòi nước chỉ thiên ngay hàng thẳng lối, trông như đội giàn chào nghiêm chỉnh đứng chờ một vị nguyên thủ quốc gia nào đó, có nước đấy mà không có nổi cái sinh động của nước. Không phải ngẫu nhiên mà những giòng nước trong loại cổ họa sơn thủy của Trung Quốc không bao giờ là một đường thẳng cả. Đi bộ trên các đường lớn của thành phố Thiên Thần này, tôi đã từng có những phút khát khao thấy cho được một bờ sông có in bóng một giáo đường, một ngôi chùa cổ, một rặng núi, một hàng cây, những thứ nó làm cho gạch đá xung quanh nó "đỡ" vô tri, nó thổi vào những bức tường vôi cát một loại sinh khí nào đó. Và cũng vì đã lâu lắm cái thiếu thốn đó nó ẩn tàng trong tôi, cho nên đứng bên bờ Hồ tôi hân hoan ghi nhận ra cái vẻ dịu dàng, cái vuốt ve, cái gợi cảm của làn sóng nước thấp thoáng ánh điện đường.

Tôi hiểu được cái dịu ngọt của một muỗng kem mà những đôi thanh niên nam nữ thời trước đã từng chia xẻ với nhau, tôi *thấy* được những tà áo của Thu trong *Bướm Trắng*, của Phượng trong *Hoa Vông Vang* dịu dàng phấp phới trên Phố Hàng Ngang, Hàng Đào.Tôi hiểu được - dù

không có kỷ niệm ở Hà Nội để mà cảm - cái xao xuyến, rung cảm của người trước. Nhưng mà...hình như là Tháp Rùa vẫn còn soi bóng trên hồ đấy chứ.

Dĩ nhiên, như tôi đã để ý vào buổi sáng đầu tiên tản bộ bên bờ Hồ, có cái nghèo nàn trên một gánh khoai lang, một rổ khoai từ, khoai sọ bên cạnh cái sang trọng của một bộ áo quần thể thao đắt tiền trên thân thể cường tráng của một vài thanh niên đang vung tay vung chân cho nó giãn gân giãn cốt. Tiền đâu cho họ sắm sửa cái lối trang phục giá đến hàng trăm đô la ấy không phải là điều thắc mắc của tôi vào lúc này! Có cái thiếu ăn của một người ngồi cho thuê một cái cân tự động, nhẫn nại chờ cho những người đang chạy nhảy, những người thừa calorie bước lên cái cân kiếm sống của mình. Có hàng ngàn hàng vạn cái tương phản giữa cái cùng khổ và cái xa hoa. Nhưng mà tôi không phải là một thông tín viên của nước ngoài viết về Hà Nội.

Mà thật ra đem cái rách rưới đặt bên cạnh cái nhung lụa của một thành phố thường là một đề tài mà những tay mệnh danh là nhà báo nước ngoài thường vẫn sử dụng hoặc khai thác. *Chả là* - xin được phép dùng đến một cái thành ngữ ở đầu lưỡi của người Hà Nội - *chả là*, trong nghề thông tin, bài vở có kỳ hạn của nó, nó tương đương với hồi trống ngoại hạn mà sau đó người cử tử thời trước không nộp quyển được nữa. Đã hơn hai chục năm nay, tôi không còn làm cái nghề dễ đứng tim ấy nữa và tôi cũng không dám mỉa làng tôi đâu - dù là làng cũ - nhưng mà sự việc nó còn sờ sờ ra đây này:

Ở Saigon , vào thời kỳ có cuộc Nam Bắc phân tranh ác liệt nhất ở thế kỷ thứ XX này, có lúc có đến hàng trăm thông tín viên ngoại quốc đêm ngày lóc cóc gõ vào máy viễn ấn mà không bị kiểm duyệt. Đa số lại toàn là dân ù ù cạc cạc về lịch sử Việt Nam. Trên nguyên tắc thì ngày nào cũng có phải có bài gửi về cho cơ quan của họ cho đúng giờ đúng giấc. Những lúc tình hình chiến sự tương đối không có chi là sôi nổi, những lúc mà Mặt Trận Miền Tây Hoàn Toàn Yên Tĩnh, nói như cái nhan đề của danh tác ấy, họ viết về cái gì? Họ viết về tệ nạn xã hội như tham nhũng, mãi dâm, trộm cướp, cướp giựt. Riết rồi, độc giả của họ ở các nước *thấy* Saigon qua cái *nhìn* phiến diện ấy. Họ có ác cảm với miền Nam chăng? Không. Tại Bangkok, Jakarta, New Delhi, Phnom Penh tôi thấy họ cũng làm y chang như là ở Saigon. Nghĩa là hết chuyện viết thì cứ đè cái tương phản giữa đói với no mà gõ là chữ nó tuôn ra ngay. Vô thưởng vô phạt đối với cơ quan của họ. Mà lại còn khơi được cái từ tâm của độc giả trong nước họ vốn no ấm hơn. Còn dạo ấy, sức mấy mà họ dành thì giờ cho một xa lộ Đại Hàn mới mẻ trơn tru, một cố gắng khuếch trương Đại Học Huế trong chiến

thời, một kế hoạch tu thư của Đại Học Vạn Hạnh, một nỗ lực tăng năng xuất điện của đập nước Đa-Nhim vào thời ấy! Sức mấy!

Hình như tôi đang bực mình vì điều mà tôi cho là sự bất công, thiếu vô tư của các bạn đồng nghiệp cũ người nước ngoài đối với đất nước tôi. Còn tôi, về nước để mà viết về cái chênh lệch quá rõ ràng giữa những người rủng rỉnh và những kẻ không có đồng xu dính túi tôi hơi ngài ngại. Dĩ nhiên, ngại không phải vì tội sợ chạm đến những kẻ không có đủ lý do pháp lý để biện minh cho cái giàu của họ, cũng như những kẻ, trên nguyên tắc, có bổn phận lo cho người dân được no ấm. Nhưng mà viết về cái cơ cực mà tôi thấy tận mắt, nghe tận tai trong mấy tuần lễ đi đây đi đó trong nước, tôi thấy có chút gì nó hơi bất nhẫn.

Mà nghĩ lại, cũng không trách mấy ông bạn ngoại quốc của tôi hồi đó. Họ chưa đọc Vũ Trọng Phụng nên họ chưa thấy những Nghị Hách, những Xuân Tóc Đỏ thời trước hiện vẫn còn trường thọ ở bên ngoài sách vở. Họ chưa đọc Nguyễn Đình Lạp nên cái nghèo ở ngoại ô Hà Nội họ cho là mới. Nói cho ngay, nằm ở bên ngoài cái mảnh đất rộng ba mươi mốt vạn hai nghìn cây số vuông ấy, ai muốn viết gì thì viết, quyền của người ta..Nghề thế, việc nhà, có điều điếm nhục cho gia phong mà người ngoài xía vào ...tôi thấy nó không được ổn. Cần phải thêm ngay rằng, tuy thực tâm nghĩ như vậy, nhưng tôi chưa bao giờ tin tưởng ở tính chất pháp lý và kết quả tốt của cái gọi là *xử lý nội bộ*...

Nhìn những công trình xây cất mới, nào là khách sạn, cao ốc, bin-đinh tôi đã nghĩ đến những món nữ trang mà một người đàn bà sẵn có nhan sắc kiều diễm đeo vội vào cổ, vào tai, vào tay vì tiệc tùng bắt đầu rồi, trễ quá rồi, có so đo lựa chọn nhưng mà không phải lúc nào cũng chín chắn, không phải lúc nào những "đồ phụ tùng" ấy cũng "đi" với cái toàn thể của đường nét, màu sắc trên thân thể. Những công trình ấy, tôi hy vọng rằng chúng đã được xây cất theo một cái kế hoạch nào đó trong một chương trình thiết kế đô thị mà tôi chưa có được cái nhìn toàn diện.(Tôi không muốn nói đến những biệt thự của tư nhân trên đê, nay có cái đã được triệt hạ. Cũng nên!) Nhưng đặt chúng nằm chình ình giữa khung cảnh cổ kính của một thành phố được dựng lên từ khi có Rồng Vàng nổi lên mà báo điềm lành cho ông Lý Công Uẩn, tôi thấy có chút gì nó sai sái. Bên cạnh và ở ngoài châu thành Hà Nội thiếu gì chỗ.

Rồi thì đến những quán cóc đủ loại hàng quà nhô ra, thụt vào nhan nhản trên các đường phố, những cửa tiệm, cửa hàng mà bề ngang có chỗ chỉ có hai mét là nhiều. Những lề đường chật xe gắn máy không có chỗ

chen chân đã khiến tôi nghĩ rằng, trong hình học mặt phẳng, đoạn thẳng không phải luôn luôn là khoảng ngắn nhất giữa hai điểm. Chưa nói đến trăm thứ khác như rác rưởi, phân người, cứt chó nó vẫn đi theo cái sinh hoạt thương mại thiếu tổ chức đó như bóng với hình. Cống rãnh, suốt mấy ngày không có mưa, tôi thấy có chỗ vẫn có vẫn đọng...Tôi là một người chưa hề, và có lẽ sẽ không bao giờ đặt niềm tin của tôi vào một chủ thuyết chính trị nào cả, tôi chỉ tin ở quyền sống của con người, của mỗi người, của từng người trong một tập thể...

Tôi ngưng viết mà tự xét lòng mình rồi thấy nó như vậy vì tôi vừa nghĩ: "Sao lại không dẹp bớt hàng quán, xe cộ, sắp xếp lại, tổ chức lại cho phố xá nó được nở mặt nở mày, cho xứng với cái tên nghìn năm văn vật?" Nghĩ *vơ* thì nó là thế, nhưng mà nghĩ *vẩn* thì...sống, ai lại không muốn ngoi lên. Ngay cả cái số rất ít, trong mọi tập thể, đã ở nơi cao ráo mát mẻ rồi mà còn muốn ngoi lên thêm một chút xíu nữa cho được thoáng thêm chút xíu nữa - nhà Phật gọi đó là cái tham - huống hồ là số đông trong bóng tối đang cố ngóc đầu mà chưa biết có nổi hay không. Những người buôn thúng bán mẹt, những gánh quà rẻ mạt, những quán lụp xụp bên vệ đường, tôi biết họ thuộc số đông đang cố tìm một chút ánh sáng, họ đang kiếm sống một cách lương thiện. Họ có quyền làm ăn như vậy. Sức mấy mà tôi lại tính đến chuyện truất cái quyền ấy của họ! Nói cho ngay, tôi lý luận cùn nhầy với chính tôi như vậy chẳng qua là tại tôi hơi tiếc rẻ cho cái đẹp của Hà Nội. Mà Hà Nội đẹp thật.

Tuy không phải là một người đã từng thấy cái thời mệnh danh là vàng son của Hà Nội trước cái đêm mồng 9 tháng ba năm 1945, cái đêm mà hoàng quân Nhật sáp nhập bán đảo Đông Dương vào một vùng lãnh thổ to lớn mệnh danh là Đại Đông Á, nằm dưới quyền thống trị của họ, nhưng tôi đã sống với Hà Nội qua sách vở, báo chí, âm nhạc và một số khá đông bạn bè "ở ngoài nớ" mà tôi chơi thân từ thời còn nhỏ.

Tôi biết Hà Nội giàu sang thanh lịch, nhờ vào tác phẩm của Nhất Linh, Khái Hưng, Đỗ Tốn...tôi sống với Hà Nội thơ mộng qua Thế Lữ, Nguyễn Bính... thưởng thức món ăn Hà Nội với Vũ Bằng, Nguyễn Tuân, tôi xót xa cho kẻ nghèo khó ở Hà Nội với Nguyễn Đình Lạp, Tô Hoài, Nguyên Hồng... Tôi hiểu cái lối cười của người Hà Nội qua Tú Mỡ, Hà Thượng Nhân...Tôi thân thiết với cách nói năng hàng ngày của người Hà Nội, kể cả mấy tiếng chửi thề mang tính cách nhất thống của ngôn ngữ. Những tiếng chửi thề có một mẫu số chung cho cả ba miền Trung Nam Bắc: chúng bắt đầu bằng hai chữ cái đầu tiên của danh xưng một nước Bắc Âu, nước Đan Mạch!

Tiếng xe cộ rầm rộ quá, thêm vào đó là khí ô nhiễm hữu sắc và vô sắc phun ra từ hàng nghìn chiếc xe vào giờ tan sở làm tôi hơi ngột thở, không lắng nghe được tiếng thở than của hồn thu thảo! Nhưng mà tôi đang dừng lại ở thành Cửa Bắc. Loáng thoáng trong đầu những âm thanh cũ trong một câu hát, quen thuộc tự thiếu thời, trong bài *Thăng Long Hành Khúc Ca* của Văn Cao...*này thành Cửa Bắc cũ, ngậm ngùi màu rêu phong, Miếu Văn Trường Thi hoài u cuộc tồn vong*...Tôi nhìn kỹ một loài cây dại cằn cỗi mà mạnh mẽ trổ ra trên những chỗ nứt nẻ, lở lói của những viên gạch cổ, trông giống như loại cây bồn tài của người Nhật, nhưng mà sù sì hơn, hoang dại hơn. Tôi không biết di tích cuối cùng này của thành Hà Nội, bị người Pháp san bằng khoảng cuối thế kỷ trước, đâu khoảng năm 1894-95, từ ngày ấy có được sửa chữa thêm thắt chi không, nhưng mà cứ cho rằng đây là những viên gạch đúc và nung từ thời triều Nguyễn Gia Miêu xây lại thành Thăng Long khoảng năm 1810-1812, cứ cho như thế đi thì quả là nó cổ thật. Ngót hai trăm năm chứ không ít. Bao nhiêu là công, là sức, là kỹ thuật, là nghệ thuật bỏ vào đấy.

Chuyện tốn công tốn của để mà xây một cái thành kiểu Vauban, ở đây không bàn đến. Bởi vì có thể lại đặt ra vấn đề phong kiến bóc lột sức lao động, phung phí tài sản đất nước vân vân, đối với tôi không những nó đã nhức đầu mà còn vô bổ nữa! Nói cho ngay, không có phong kiến thì đào đâu ra Vạn Lý Trường Thành, ra Kim Tự Tháp cho người đời nay bò đến tận nơi mà tấm tắc, mà trầm trồ, cho người dân Trung Quốc và Ai Cập đi đến đâu cũng có quyền ưỡn ngực ra, vác mặt lên mà tự hào về những công trình vĩ đại ấy của ông cha họ.

Nhìn ngắm những mảng rêu, những vết sứt mẻ trên chút tàn tích, chút di thể của một vòng thành mà ngày trước hẳn là kiên cố, lòng tôi gợn lên một chút sóng hoài cổ, một phút cảm hoài. Tôi chưa từng chứng kiến một màn nào, một cảnh nào của cái *cuộc hí trường* trên thành xưa phố cũ ở đây, tôi không có được cái đau đứt ruột của Bà Huyện Thanh Quan, nhưng mà hình như lòng tôi đang chùng xuống trước cái thờ ơ nếu không hẳn là lãnh đạm của người đời nay và biết đâu của người đời sau nữa. Tôi không muốn nói đến cái đám đông xe cộ hằng ngày rầm rập qua lại Cửa Bắc, nhưng mà nhìn rác rưởi dưới chân thành, áo quần phơi dọc phơi ngang bên ngoài những gian nhà bên cạnh và phía trên thành, tôi đã nghĩ rằng nếu mà cái đống gạch sắp đổ nát này nằm ở Luân Đôn, La Mã, hẳn nó đã được dành cho một khuôn viên riêng, nó đã có cái ngai riêng của nó, được chăm chút cẩn thận hơn, kỹ lưỡng hơn. Chỉ có hai thước vuông ở chỗ một bà hoàng hậu vợ vua Henry VIII bị hành quyết tại Tower of London bên bờ sông Thames, mà cái giống Hồng Mao vốn được ngoại

quốc trọng nể một phần nhờ vào cái lòng tôn trọng truyền thống dân tộc, di tích lịc h sử của họ, cái giống Hông Mao này đã khoanh chỗ ấy lại để làm dấu, có bảng ghi lời chỉ dẫn hẳn hoi. Tôi hơi buồn khi nghĩ rằng cái nét duyên dáng già nua này, cái thành Cửa Bắc này,cái phiến cổ lũy này của một Hà Nội cổ kính biết đâu lại không sắp sửa bước vào thiên cổ.

Tôi vừa sực nghĩ rằng tôi đã từng thích một thành phố, một thắng cảnh nào đó, như tôi đã từng thích Kuala Lumpur, Angkor Wat, mà không cần phải biết một tí ti gì về những nơi chốn ấy, thích khơi khơi vậy thôi. Dĩ nhiên là có biết thêm được chút đỉnh về sinh hoạt của địa phương, về quá trình xây cất vân vân nhưng mà hời hợt lắm. Thích nhìn, xong rồi "bái bài", không có nặng tình khứ lưu chi cả. Lúc chia tay những người cùng đi một chuyến xe buýt, hoặc tình cờ gặp gỡ, tôi chưa bao giờ cảm thấy cái nhu cầu của một bài lưu giản. Tay chân có táy máy thì lại cũng chỉ gõ ra được một bài thuộc loại tiểu dẫn trong một quyển sách bỏ túi dành cho khách du lịch. Có lẽ vì lòng mình nó đã dửng dưng ngay từ trước khi thấy cảnh.

Nhưng mà đối với Hà Nội, cũng như đối với tất cả mọi nơi khác trên đất nước, tôi chưa bao giờ là một khách du lịch, một người đi chơi đây đó, đi xem...cho biết. Dù muốn dù không, tôi cảm thấy tôi sống, tôi cảm thấy tôi là một phần của những nơi chốn mà tôi đặt chân lên và đảo lại, chúng là một phần của tôi, bất luận dưới chính thể nào. Hiểu theo một chừng mực nào đó mà hiểu theo lối nhìn của một tông phái Phật giáo, khi đứng suy nghĩ về những viên gạch, tự thân chúng nó đã là nặng rồi, nay lại chở thêm trọng lượng của ngót hai trăm năm nhiều biến cố, tôi không biết tôi là khách hay là chủ, bởi vì có vẻ như khách với chủ là một. Cái mất mát của chủ cũng là cái thiệt thòi của khách và đảo lại.

Nói cho ngay, lo (?) cho số phận của mấy viên gạch nọ rồi tôi nghĩ quanh nghĩ quẩn vậy thôi, chớ còn, thế thường, cái số người mua vàng để tích trữ mà phòng xa phòng gần , mà lo cho cái "bách niên thân" của họ xưa nay vẫn nhiều hơn số người *tiếc lục tham hồng* mà sưu tầm cổ vật. Nói có vong linh cụ Vương Hồng Sển, ông vua chơi đồ cổ của Saigon, cả nước nay đào ra cho được một người như cụ, kể cũng gay.

Bãi Chợ Hàng Da. 11 giờ sáng. Ồn ào là chuyện dĩ nhiên. Đã gọi là chợ mà. Thêm vào tiếng người huyên náo từ thủa con người biết họp chợ mà buôn bán, lại còn tiếng động cơ của đủ loại xe hai bánh, tiếng còi inh ỏi cao thấp - mà không phải là trầm bổng - của năm 1998. Nói điếc tai thì có vẻ hơi nói quá đi một chút, nhưng mà nhức óc thật. Lắng nghe những mẩu đối thoại xung quanh: có điểm dăm tiếng được các nhà làm tự điển

liệt vào loại tục. Không cần ghi lại. Cũng không cần viết ra. Đã là người Việt tự khắc biết!

Hàng hóa, nói theo kiểu một thằng bạn cũ gốc Thanh Hóa, *mê man ra*. Ngoài thịt thà, rau rá, hoa quả, trà lá kể như chín mươi phần trăm là hàng nhập cảng. Có những thứ tình không biên giới: tình nhân loại. Có những y sĩ không biên giới: lòng nhân đạo. Có luôn cả hàng hóa không biên giới: hàng lậu. Đi đâu mà biết được rằng đó là hàng lậu? Thì cứ giở báo *Nhân Dân*, báo *Tuổi Trẻ* ra, viết bằng tiếng nước ta, bằng chữ quốc ngữ hẳn hoi. Cứ cái đà này rồi thì đến những năm đầu của thiên niên kỷ sắp tới, thế giới đại đồng là cái chắc. Biên giới giữa các nước chỉ còn là những đường xanh đỏ trên địa đồ.

Đang ung dung tự tại mà ngoạn cảnh, bỗng - cũng đã lâu lắm mới phải dùng đến cái chữ *bỗng* này - có người vô ý (mong như vậy) hắt toẹt một chút cặn cà phê vào đôi giày Reebok mới mua trước khi về nước. Vẫn biết cà phê nằm trong ly không có gì là bẩn thỉu cả. Nhưng mà khi nó dính vào giày trắng thì chiếc giày có vẻ không được sạch sẽ lắm. Tức. Chờ đợi một tiếng xin lỗi. Chỉ thấy một cái cười. Tôi nghĩ đến câu nói nổi tiếng của ông Nguyễn Văn Vĩnh :"An Nam ta cái gì cũng cười" Quả có đúng thật. Hòa cả làng vậy. Người ta cười mà mình khóc là mình để lộ nhược điểm của mình rồi. Không nên. Cố thản nhiên nhưng không biết có thành công hay không. Soi mặt mình vào mặt kính trên một cái tủ nhỏ đựng kéo cắt móng tay, đồng hồ quartz, ví da bỏ túi, nữ trang giả...thấy mình thành ông Lưu Bị: vui mừng buồn giận không lộ ra mặt. Sực nghĩ rằng đây là lần đầu tiên tôi đứng soi gương giữa chợ. Hy vọng là lần cuối.

Mua xong cái bật lửa made in Taiwan của cô bán hàng chào mừng đon đả, nói năng nhã nhặn, giọng có hơi đá chút âm thanh vùng quê của thiên tài Nguyễn Du, tôi bước ra khỏi chợ, dạo qua dạo lại Phố Hàng Da đến mấy lần. Bởi vì câu nói của ông Nguyễn Văn Vĩnh đã khiến tôi nghĩ đến An Nam Tạp Chí do Tản Đà chủ trương hồi thập niên 30. Tôi tò mò mà nhìn kỹ từng số nhà trên Phố Hàng Da, mong được thấy một cái biển lưu niệm ghi địa chỉ báo quán của tờ An Nam Tạp Chí mà, như lời Nguyễn Vỹ kể lại, ngày trước tọa lạc ở Phố này. Nhưng mà không có. Lại định hỏi một bậc cao niên, nhưng quanh quất không có ai. Những người ở cái lớp tuổi biết đích xác An Nam Tạp Chí nằm ở đâu, nếu có còn, cũng lơ thơ lắm. Biết đâu mà thăm hỏi.

Tôi nghĩ đến cái nghèo túng lúc sinh thời của nhà thơ vùng Bất Bạt, đến những thúng chữ nghĩa ế ẩm giữa cái chợ đời đầy đen đỏ mà vắng hẳn một đôi mắt xanh. Tôi nhớ đến hai câu lục bát mà Nguyễn Vỹ nói đã liếc mắt coi lén trên tờ giấy mà Tản Đà để trên bàn, vào cái hôm ông tìm đến

báo quán của An Nam Tạp Chí: *"Đi ra rồi lại đi vào/Vẩn vơ chỉ tốn thuốc lào mà thôi"*. Thời ấy, giá thuốc lào có cao lắm không? Tôi không biết. Nhưng mà những chuyến đi ra đi vào trong căn phố nhỏ nào đâu đây, trên con đường này, hẳn không phải đã là vô bổ. Giữa hai làn khói thuốc lào mà Tản Đà phải hút một cách dè sẻn, sợ hao tốn, biết đâu lại chẳng phải là những tứ, những vần, những chữ mà có chỗ hay đến lạnh cả người...*Vèo trông lá rụng đầy sân*. Cái chữ *vèo* này, hay chi mà hay ác rứa không biết! Thiệt là tuyệt diệu hảo từ.

Cảnh thì tấp nập người, xe. Con đường hẹp do đó đâm ra chật chội. Nhưng đó cũng là cái duyên dáng của những khu phố cũ hoặc cổ tại khắp nơi trên thế giới. Nắng thu thì vàng dịu. Màu sắc thì tươi. Tôi mở máy hình, chụp một vài "pô". Cố ghi lại một phút mặc niệm. Cái mớ tóc bạc của bậc thi sĩ tửu đồ ấy, mà tôi được thấy qua di ảnh của ông trong quyển *Thi Nhân Việt Nam*, cứ ám ảnh tôi mãi, như là hình ảnh khổ lụy của một đấng tài hoa bất đắc chí. Tôi rẽ vào một hiệu sách trên một đường phố gần Chợ Hàng Da, hỏi mua một bộ *Tản Đà Vận Văn*, dù ở nhà tôi đã có một bộ rồi. Tôi muốn đánh dấu một lần gặp gỡ bậc thiên tài mệnh bạc ấy, gặp gỡ trong tâm tư nhưng mà ở ngoài đời thì quả là "tại" báo quán của An Nam Tạp Chí phố Hàng Da.

"Thưa, không còn quyển nào cả. Sách của Tản Đà lâu nay không có tái bản. Mà cứ mỗi lần in ra là bán hết ngay." Lời người chủ tiệm sách.

Thôi, biết vậy cũng hay. *Sự nghiệp trăm năm nét mực mờ*. Tôi chắc chắn là tiên sinh đã lầm khi người hạ câu đó trong một phút chán nản. Sinh tiền thì như vậy, mà tử hậu như thế này. Bậc trích tiên ấy đã trở về ngôi rồi. Tôi tin vậy.

Ở nhà người anh họ ra về. người anh họ mà tôi đã gặp lại sau hơn năm mươi năm của cả một lớp người chẳng may phải sống với nước mắt nhiều hơn mà tiếng cười, tôi nghe gió cuối thu Hà Nội về đêm lạnh hơn mấy hôm trước cũng vào khoảng giờ này. Suốt buổi tối, hai anh em tôi ngồi nhắc chuyện cũ ở Huế. Hình như những chuyện *vật hoán tinh di kỷ độ thu*, chuyện vật đổi sao dời thu mấy độ, thường nó vẫn khiến lòng tôi trùng xuống. Tôi rảo bước cho ấm người, đi về phía Hồ Gươm. Con đường Bà Triệu về khuya thênh thang quá. Người công an trước cổng Cơ Quan Xây Cất Thành Phố Hà Nội ngồi thu hình trong cái "điếm canh " chật chội của thế kỷ thứ XX chỉ vừa đủ chỗ cho một người, mấy hôm nay nhìn người khách lạ này của Hà Nội qua lại đã nhiều lần thành ra quen, thoáng một nét cười chào hỏi.Tôi cũng đáp lễ bằng một cái huơ tay vô thưởng vô phạt, không thân mà cũng không sơ.

Lề đường rộng mà nhiều chỗ có ổ gà, về đêm khó thấy nên phải cẩn thận lỡ mà sỉa một cái rồi sái chân sái cẳng, hỏng cả một chuyến ra Thăng Long mà cho đến giờ này vẫn được song suốt cả. Đến bờ Hồ, hình như gió có thêm phần lạnh. Nhìn một đôi cái bóng vụt lướt qua bên tôi, tôi thấy áo quần họ có vẻ đủ ấm, giày tất cũng che được những bàn chân không mà ngày trước, kể như là ở khắp nước, tôi đã từng thấy đã phải dầm trong nước, trong bùn lạnh vào những ngày mưa gió, lạnh giá. Ở miền thôn quê ra sao tôi không được biết nhưng mà quanh quẩn ở những con đường chính tại Hà Nội, ít thấy những cảnh rách rưới khổ mắt. Thôi, như vậy cũng đỡ cho mình bị gặm nhấm bởi cái mặc cảm của một người may có được cả no lẫn ấm, cái thứ mặc cảm thường vẫn đưa mình đến một loại suy nghĩ có khuynh hướng dẫn mình đi hơi xa, đến những vấn đề có tính cách xã hội chẳng hạn, nhiều khi đi thẳng luôn đến những câu hỏi có tính cách siêu hình của tôn giáo nữa, nếu mình không biết thắng gấp. Riêng về cái khoản này, tôi biết rõ tôi hơn ai hết. Chút lòng trắc ẩn bẩm sinh thì tôi có. Còn như cái đức vị tha to lớn cần có để dấn mình vào một số việc làm được gói ghém trong ý nghĩa của một số danh từ và động từ to lớn cũng không kém, tôi chịu thua. Đứng trước những việc làm trọng đại như hy sinh cho công việc này, cho tương lai của chuyện kia, cho ngày mai của cái này, ngày mốt của cái nọ, tôi thắng gấp. Mà hình như càng lớn tuổi, cái bộ thắng này nó càng tốt. Đạp nhẹ một cái là bốn bánh lập tức ngừng xoay. Cũng may mà cái nhân loại này nó có người này người khác, chứ ai cũng giống như tôi cả thì hỏng.

Hết nhìn mặt hồ đen thẫm thấp thoáng và lấp lánh một đôi vệt sáng ngoằn ngoèo của một ánh đèn khuya đâu đó, tôi lại ngắm Tháp Rùa bất động, lặng lẽ từ cái phút nó vừa được kiến tạo xong. Tôi nghĩ đến cái đứt ruột của một người Hà Nội cũ, đến Vũ Hoàng Chương *"Ôi thôi khoảnh khắc dâu thành bể/Gươm Báu Rùa Thiêng cũng đoạn trường."* Tôi nghĩ đến nỗi buồn của một danh sĩ miền Nam, ông Đông Hồ, khi ông trở lại Hà Nội khoảng đầu thập niên 50 *"Bão táp tơi bời trời cố quốc/Gió mưa ủ rũ đất danh đô"*. Thì ra thi nhân xưa nay vẫn thích tiêm vào thớ gỗ vào gân đá cả nỗi đau của mình. Mà ai bảo rằng mộc thạch đã tuyệt đối là loài vô tri vô giác. Bởi vì ngày xưa...đâu đó trong một quyển sách Thiền xem lướt qua cũng đã lâu lắm rồi, tôi đọc thấy có những phiến đá đã từng gật đầu khi được hỏi về ý nghĩa một lời Kinh.

Nhưng mà hãy tạm gác cái giây phút *liễu ngộ* kia của loài đá . Tôi dùng chữ *liễu ngộ* này với cái dè dặt thận trọng của một người phàm là tôi, mang nặng cái nhục thân trong đó ngũ uẩn luôn ở trong thời kỳ cực

thịnh; dè dặt là vì tôi chỉ biết lờ mờ về cái nghĩa của hai chữ *liễu ngộ* mà cũng vì trong hơn sáu mươi năm nay, tôi chưa bao giờ thử ngồi Thiền xem nó ra sao. Thú thật, tính tôi lau chau, ngồi một chỗ không yên. Tạm gác chuyện đá nghe Kinh mà trở lại với Rùa Thiêng và Gươm Báu, với trời cố quốc, với đất danh đô. Trước đây, tôi chưa từng sống ở Hà Nội một ngày nào nên tôi chỉ biết được cái đau củaVũ Hoàng Chương của Đông Hồ mà tôi không cảm được cái lý do sâu xa đã gây xốn xang, xót xa trong lòng họ. Nhưng mà qua cái "biết" của tôi về Hà Nội, tôi được chuẩn bị. Tôi có sẵn một Hà Nội ở trong tôi để mà so sánh với Hà Nội cụ thể trước mắt.Và tôi cũng không hiểu tại sao sự so sánh đó mấy hôm nay lại làm tôi hơi buồn. *Mộng* không như *thực* chăng?

Hai chú cháu ngồi trong một quán nhỏ gần vườn hoa Chi Lăng, nếu tôi nhớ không lầm (trong quyển sổ tay tôi quên ghi tên công viên). Bà chủ quán trẻ tuổi - trẻ hơn tôi là cái chắc - có một mái tóc ngắn thật đen thật dày mà sợi lại nhỏ. Cái thứ tóc này mà để dài xuống quá bờ vai chừng năm bảy phân thì tha hồ mà nó bồng bềnh trong gió thu Hà Nội, mà gợi được rất nhiều những cái tứ thơ diễm tình cho những ai chỉ thích ngắm tóc mà không để ý nhìn những khoản khác trên thân thể một người đàn bà. Tôi không thuộc số đó. Biết cháu tôi thích uống rượu mạnh, tôi nhờ bà chủ quán chạy đi mua một chai Martell.

"Bây giờ như vậy là khá lắm rồi đấy chú ạ. Cách đây mười mấy năm, lắm hôm chỉ một viên thuốc đau bụng mà cả nhà chạy ngược chạy xuôi mới kiếm ra. Hàng quán dọc phố đâu được nhiều như bây giờ. Ở đây, bây giờ chỉ có thiếu tiền thôi, chứ có tiền chú muốn mua gì cũng có". Lời người cháu xa bên ngoại, mấy hôm vẫn đưa tôi đi chơi đây đó.

Chú cháu suýt soát tuổi nhau mà về cái khoản nhậu thì chú lại phải nhường cháu đến mấy bước, không ỷ vào vai vế mà bắt nạt ai được, bởi cháu tôi thuộc loại hũ chìm. Bây giờ là ly Martell thứ tư rồi. Rượu trong người cháu tôi nó bắt đầu tỏa, men bắt đầu ngấm, và nó bắt đầu bốc.

"Xem nào. À, hồi 70-71 ấy à. Cháu ở bên Lào. Bộ đội mà. Trên có lệnh đi đâu thì mình đi thôi. Cháu về hưu cũng đã lâu rồi. Xem như là thất nghiệp. Đi lính đâu có phải là một cái nghề. May nhà cháu xoay xở cũng tàm tạm. Già rồi chú ạ. Có muốn làm gì cũng không được. Vốn liếng không có, chữ nghĩa bằng cấp cũng không."

Đi chơi với nhau mấy hôm, có lần tôi đã hỏi lướt qua hoàn cảnh của người cháu có một cái đầu bạc cũng không kém gì những sợi cước trên đầu tôi. Tôi nghĩ cháu tôi vì tự trọng mà không trả lời một đôi câu khá tò mò. Tôi biết cháu tôi không muốn tôi thương hại, không muốn tôi tội

nghiệp, sợ tôi hiểu lầm mà nghĩ rằng anh có ý nhờ vả, xin xỏ. Cho đến cái ly thứ tư này thì...sóng rượu thường vẫn có khả năng xoáy tận vào những chuyện sâu kín nhất trong lòng người. Mấy hôm ăn uống với nhau, tôi biết cháu tôi uống nhiều nhưng mà không nát rượu. Càng uống mặt cháu tôi càng tái, càng chì ra, mà sắc diện lại càng lì lợm. Vậy mà chiều nay, sóng rượu lại cuốn lên đầu lưỡi một mảnh chuyện lòng, một câu nói có vẻ như tự nguyện kể tâm tình. Tôi nghĩ rằng tôi đoán đúng cái nguyên nhân nó khiến cho cái tính cứng cỏi lộ rõ trên gương mặt rắn rỏi của người cháu nó mềm đi, dù chỉ trong giây lát:

Nguyên từ trong quán nhìn ra, chúng tôi thấy được Cột Cờ Hà Nội. Hai người đàn bà mà ngồi tâm sự hoặc ngồi lê với nhau thì có khi hằng nửa tiếng họ không ngớt tiếng, cứ như là buổi phát thanh tối của đài BBC vậy. Không phải đàn ông ít lời hơn, nhưng mà khi hai người đàn ông ngồi đối diện nhau mà ở giữa lại là một cái ấm trà, hai cái lọc cà phê hay là hai ly rượu thì có khi họ cũng im lặng được mà chuyên, mà rót, mà pha, mà chế. Vào một phút ngừng nói và ngừng say, tôi đã nhìn vào cái màu cổ đồng, của một loại rượu sản xuất từ một vùng đất nổi tiếng ở miền nam nước Pháp, trong cái ly đã gần cạn của cháu tôi để rồi thấy rằng cháu tôi uống khỏe thật, đi đấu tửu với Đoàn Công Tử được chứ không phải giỡn đâu. Ngước nhìn lên mặt người cháu nhuốm một nét phong trần rõ rệt, tôi cũng nhận ra một vẻ chán chường lúc này đang hiện ra sau một làn khói thuốc xám mà đặc. Tôi tiếp tục câu chuyện đang bỏ dở:

"Thế những năm trước ngày mất nước, à quên, xin lỗi, trước ngày giải phóng anh ở đâu"

Cháu tôi nhìn tôi, nở một nụ cười độ lượng, thông cảm:

"Chú mất cái gì cháu không biết nhưng mà...cháu có được gì đâu."

Có vẻ như muốn tránh cái nhìn hơi quá tò mò của tôi, anh quay ra nhìn lên Cột Cờ. Tôi cũng nhìn theo. Chúng tôi im lặng rất lâu.

Ngắm một đám mây vật vờ qua kỳ đài, tôi đã tự tách mình ra khỏi những tiếng động xung quanh tôi trong cái quán nhỏ đã bắt đầu đông người, tiếng ly tách lóc cóc và lách cách, tiếng kéo ghế xê bàn lạch xạch, lẹt rẹt, tiếng chửi thề không chát chúa lắm nhưng mà cũng hơi khó nghe. Tôi hát thầm một câu khác cũng trong bài hành khúc nọ của Văn Cao...*Cột Cờ còn kia, Cột Cờ còn đó, xác xơ hoàng hôn lạc loài trên đài cao...* Đó là cái ngậm ngùi của người thơ yêu nước trong lòng nhạc sĩ Văn Cao khi ông viết ra câu này dưới thời Pháp thuộc. Còn tôi, giờ này, ngồi giữa một thành phố Hà Nội *vừa* trải qua nhiều đổi thay - chữ *vừa* này, xin hiểu theo nghĩa tương đối - âm ư một câu hát mà nghĩ đến một cái cột cờ khác.

Lần về thăm cố đô Huế giữa những ngày khói lửa cách đây cũng đã

ba mươi năm, đứng trước cổng trường Quốc Học, nhìn qua Cột Cờ và cửa Ngọ Môn bên tả ngạn giòng Hương, tôi cũng có bồi hồi mà"lai láng" một đôi vần khi nghĩ đến những chính biến, binh biến tự ngày thất thủ kinh đô năm Ất Dậu vào thế kỷ trước. Bài thơ cũng khá dài nay tôi quên gần hết cả chỉ còn nhớ được dăm câu mà khi viết xong tôi lấy làm sướng lắm. Trích thơ mình trong một bài viết của mình thật ra là một điều mà tôi vẫn cho là cấm kỵ, vẫn cố tự chế. Nhưng mà, nói như câu danh ngôn nọ của Oscar Wilde:"Tôi có thể chống lại mọi thứ, trừ sự cám dỗ." Xin được phép đầu hàng trước sức cám dỗ của tính khoe khoang:

Kỳ đài cờ đổi bao nhiêu lá
Ngũ Phụng lầu trơ nét đế vương
Vàng phai son nhạt thôi thôi vậy
Lăng tẩm rêu phong dáng vẫn Rồng

Còn cháu tôi.Tôi quay sang, thấy anh đang nhìn sững vào lá cờ trên kỳ đài. Cái ngôi sao vàng năm cạnh ấy có lẽ đang khiến anh nghĩ đến những hăm hở, những hy sinh của anh, của bạn đồng đội, những ngày thiếu thốn, khó khăn, của những bà mẹ, của những người vợ, người em gái. Danh từ trừu tượng để làm hiển dương cái thành quả của sự hy sinh của cả một lớp người xung quanh anh thì nhiều lắm, đếm không hết. Nhưng có vẻ như phần thưởng cụ thể cho những người đã từng đóng góp cả một cuộc đời mình cho những thành quả ấy, mà may còn sống sót, còn đủ cả tứ chi và ngũ quan, lại ít ỏi quá. Một đồng lương hưu không đáng kể so với vật giá ở Hà Nội, chút liêm sỉ còn sót lại nó không cho phép anh làm những điếu xằng bậy, xét theo tiêu chuẩn luân lý trong mấy quyển Giáo Khoa Thư, và những ngày thoi thóp, lây lất được nhờ cả vào cái tài xoay xở của một người vợ. Tôi nghĩ đó là cái tâm sự của cháu tôi khi nhìn lên Cột Cờ Hà Nội mà thốt ra câu nói chán nản trên đây.

Tôi bỏ dở miếng đồi thơm phức mùi rau húng quế trong đĩa lòng chay - ở Huế, đĩa lòng heo không có huyết mang cái tên hiền từ và thanh đạm là lòng chay -thật bùi béo.Tôi nốc cạn ly rượu. Trong đầu tôi có hình ảnh cả hàng trăm quán, gánh quà sớm quà chiều, cả hàng trăm người đàn bà gánh gồng, bưng, xách, rao, mời, dọc đường phố, bãi chợ. Bên dưới những cái nón che mưa nắng hai mùa ấy là những gương mặt thanh có, thô có, lanh lợi có, chậm lụt có, đẹp có, duyên dáng có. Khác nhau cả đấy, nhưng mà cùng có chung một nét nhẫn nại ở trong thế ngồi hầu như là bất động vào những giờ ế ẩm, trong cái góc độ hơi nghiêng nghiêng cúi xuống của những mái đầu đã quen chịu đựng.

Tôi nghĩ đến người vợ đảm đang của cháu tôi, đến những người vợ người mẹ của bạn bè tôi, của thân nhân tôi trong thời kỳ chồng con bị đi

tù cải tạo ngoài Bắc này ở những địa danh mà nay nhắc đến, người ta liên tưởng ngay đến Côn Lôn, Lao Bảo, người ta có đủ kinh nghiệm bản thân để mà xếp chúng lên trên cả những chốn đầy ải kia của thực dân Pháp, nếu chỉ xét sơ sơ về kỹ thuật hành hạ thể xác và tinh thần những người bất hạnh lọt vào đó.Tôi nghĩ đến cái tần tảo đáng kính và đáng phục của những người phụ nữ *hay lam hay làm thắt lưng bó que*. Các bà Phan Thanh Giản, bà Nguyễn Khuyến, bà Tú Xương, bà Phan Bội Châu, bà Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, kể sao cho hết.

Và tuy mủi lòng trước một cuộc sống mà hậu vận không được sáng sủa lắm của cháu tôi và của nhiều người khác nữa quen biết và không quen biết, đâu đó trong tôi vẫn thấp thoáng chút áng sáng của lạc quan, có thể là lạc quan một cách vô ý thức, đứng trước cảnh thiếu thốn, nghèo khó của đa số trên cái giang sơn gấm vóc này trên đó có Hà Nội. Có chú cháu tôi. Có tôi đang ngồi bên một miếng dồi ngon, hơi chuếnh choáng vì bây giờ đã là ly Martell thứ ba rồi, mà lại là một ly nguyên chất, để mà triết lý vẩn vơ về lẽ cùng thông của vạn vật: đâu đó trong một bản Kinh Dịch Việt ngữ tôi nhớ có hiểu được sơ sơ cái đoạn nói rằng *vật cùng tắc biến* vân vân...Góp phần trực tiếp vào cái biến dịch vô hình chậm rãi và chắc chắn trong một chu kỳ từ chỗ *cùng* đến chỗ *thông* ấy, ngoài hằng trăm yếu tố khác nữa hữu hình và vô hình, vẫn là cái đức hy sinh nhẫn nại muôn thủa của những người đàn bà đáng kính phục kia.

Ở đây không bàn đến cái nguyên nhân tại sao lớp phụ nữ này lại phải thay chồng hoặc đỡ cho chồng mà xốc lên vai gánh lấy cái gánh nghìn cân ấy, vì ở đây không đặt câu hỏi ai gây dựng cho nên nỗi này. Nhưng mà, nhìn sức chịu đựng dai dẳng của lớp phụ nữ tầm vóc nhỏ bé này - bề cao trung bình không quá 1m55 - lòng tôi gợn lên một chút thương cảm, đồng thời cũng nghe nhẹ rung lên đâu đó tiếng réo rắt của một điệu nhạc vui: họ tô cho Hà nội một nét sinh hoạt thật sống động. Và tự nhiên tôi thấy Hà Nội đẹp lạ.

Cùng với những thành phố khác ở những nước kém phát triển, chậm tiến, Hà Nội có rác rưởi, có lưu thông vô trật tự, có không khí ô nhiễm, nhưng mà riêng tôi, tôi thấy Hà Nội vẫn đẹp qua cái sức sống hiện rõ trên và tiềm tàng trong những đôi vai mạnh, yếu, dẻo dai, gầy gò, xương xẩu của những người đàn bà khi xông xáo trong nắng sớm, dưới sương chiều, lúc lầm lũi bên đèn đường lù mù, trên ngõ thuôn lầy lội. Đó là những cái đầu cúi xuống để cho những người thân yêu có cơ được hiên ngang ngẩng lên trong cái tư thế làm dân - vâng, dân cũng có tư thế - và làm người. Nếu những cái đầu đang cúi xuống ấy không phải là một phần của sức sống của cả một dân tộc thì nó là cái gì?

Mới sáng hôm nay, vừa ra khỏi khách sạn, đi về phía phố Mai Hắc Đế để tìm một ly cà phê thật - tôi vẫn gọi cà phê bột khuấy tan vào nước sôi là cà phê giả - để mà chuẩn bị cho một ngày lang thang nữa của tôi ở Hà Nội. Ở góc phố Nguyễn Du và phố Bà Triệu,một em gái chừng mười lăm mười sáu tuổi mời tôi mua bó cúc vàng thật tươi, cánh thật nõn, lá dưới cuống mọng nước. Tôi hỏi giá. Nhưng mà tôi không mặc cả, vì tôi không biết đàng nào mà mặc cả. Một phần là cũng tại tôi sợ bị hố đã đành mà một phần cũng do ở nơi cái nhìn của tôi đối với cuộc đời: tôi không giàu nhưng mà đời ra giá bao nhiêu thì tôi trả bấy nhiêu và đảo lại, những thứ mà tôi bày ra giữa phiên chợ đời, tôi không bao giờ chịu bớt một xu, những lúc hiếm hoi có người hỏi mua.

Tôi lên mặt thạo:

"Cúc trồng ở vùng Nghi Tàm đấy à?"

"Thưa không ạ."

"Vậy ở vùng Nghi Tàm bây giờ còn trồng hoa không?"

"Thưa cháu cũng không biết nữa ạ."

Mấy tiếng "thưa" và "ạ" rất tự nhiên, không gượng gạo ở đầu và cuối hai câu nói của em gái bán hoa, tôi nghe rõ lắm. Tôi mừng. Tôi nghĩ rằng những xung đột quân sự và đấu tranh chính trị trong hơn năm mươi năm qua trên đất nước đã hủy hoại bao nhiêu là cái đẹp trong đời sống con người Việt Nam, trong sự sống của thiên nhiên, nhưng cũng may là chúng chưa tận diệt lối nói năng lễ độ, nhã nhặn và lịch sự cố hữu tự nghìn xưa. Cái phong cách này của một dân tộc vốn là một thứ rất cần cho cuộc sống thường nhật : nó làm cho đời sống dễ chịu hơn, đo đó cuộc sống một phần nào cũng bớt ngột ngạt, nó có cái khả năng giảm stress.

Hôi nãy, nhìn mấy bó cúc tôi đã nghĩ đến Nghi Tàm, đến quyển *Gánh Hàng Hoa* của Khái Hưng. Một cái cò lặn lội trong tiểu thuyết. Một cốt chuyện có hậu. Còn ngày mai của em gái này rồi ra sao đây? Tôi nhìn theo người con gái bán hoa vừa đẩy cái xe đạp vừa mời một vài người bộ hành khác. Trông mớ cúc ở cái giỏ lớn trên cái porte-bagage có vẻ đang vơi nhanh. Em gái hơi gầy này mà đáng lẽ ở một hoàn cảnh khác, giờ này phải được ngồi trong lớp học hoặc chơi ngoài sân trường, quay lại nhìn tôi cười thật tươi, thật hiền lành, thật dễ thương khi thấy tôi vẫn đứng yên bên hè phố mà ngắm mấy đóa cúc. Lòng tôi vui vui. Tôi trở lại khách sạn, mượn một cái lọc bình nhỏ cắm đỡ mấy đóa cúc. Dưới ánh nắng thu trong vắt xuyên qua kính cửa sổ , mấy đóa cúc xinh quá sức tượng tượng. Nhìn hoa, tôi đã nghĩ rằng trong thi văn, mà không cứ là chỉ có thi văn Việt Nam, hoa thường vẫn được dùng để tả cái xinh tươi của một thiếu nữ. Giờ này tôi muốn nghĩ rằng nụ cười hồn nhiên của em gái bán hoa kia còn

xinh gấp mấy lần những đóa cúc nõn nà trên những đài hoa màu lục đậm mang sẵn cái tuyệt hảo của thiên nhiên. Mà tôi cũng không bao giờ ngờ rằng giữa cái dòng "ngựa xe" này ngay giữa thành phố Hà Nội ở vào cái giờ rất nhộn nhịp này, tôi lại có dịp suy nghĩ rất lâu và cũng rất lung về một nét đẹp của đất trời bên cạnh một vẻ hồn nhiên của một nụ cười.

Từ một trong những biệt thự này, bây giờ được ngoại quốc thuê làm sứ quán của họ, trên con đường này trong một khu vực mà ngày trước hình như được gọi là khu phố Tây, đã lâu lắm rồi, tôi đã nhận được rất nhiều những lá thư ngoài bì có dán tem hình Quốc Trưởng Bảo Đại, Hoàng Hậu Nam Phương, những bức thư dài kể chuyện mưa thu, chuyện nắng hè Hà Nội, chuyện Chùa Keo Chùa Trầm phong sương dầu dãi, chuyện Hàng Ngang Hàng Đào tấp nập, chuyện bún ốc nguội đậm đà, cốm đầu mùa thơm phức, chuyện Na-Sầm Điện Biên mịt mù lửa khói...Không viết ra thành lời, nhưng mà những tờ thư màu xanh da trời ấy cũng có chuyện lòng, có một mối tình ở cái tuổi đôi mươi. Suốt mấy năm trời, cứ đến dịp hè là một tuần hai lần đều đặn, tôi lại có dịp đọc chuyện Hà Nội. Nếu tôi nhớ không lầm thì người ấy cũng đọc được rất nhiều về Nam Giao, Bến Ngự trong những bức thư tôi gửi ra từ Huế. Ngôn ngữ thời ấy, coi vậy mà có vẻ dè xẻn với những động từ dính dấp đến chuyện yêu thương. Người ta gửi tình vào: *"ô mai sấu ngon lắm, hôm nào rentrée, Loan đem vào anh ăn thử"*. Người ta không chờ thư, người ta chỉ nói chuyện thời tiết: *"Thấy báo nói phi trường Phú Bài bị ngập, chắc lại không có những chuyến bay Huế-Hà Nội."* Người ta mong mùa thu tới, không phải để mà sầu, mà nhớ, mà vì thu là mùa khai trường, là lúc chúng tôi gặp lại có dịp trông thấy nhau, chỉ để mà nhìn nhau giữa cái sân trường rộng thênh thang ấy. Quá rộng. *"Lá trên cành cây mà Loan không biết tên gì đã bắt đầu vàng rồi, vui lạ."*

Trời đất! Vậy mà cũng gần năm mươi năm rồi Loan ơi! Tôi bước chậm lại giữa con đường này có những ngôi nhà kiểu Pháp, cổng có treo cờ ngoại quốc. Trời tối nên tôi không trông thấy rõ, nhưng mà tôi biết người công an trước cái cổng kia đang chăm chú nhìn tôi. Thôi thì cũng là phận sự của người ta. *Các hữu kỳ phận*, ai có phần người ấy. Hơi đâu mà bực mình. Một cơn gió mạnh lào rào qua hàng cây bên đường. Tôi đưa tay giữ lại cái mũ cát-két suýt bị gió thổi bay, vuốt lại mấy sợi tóc vướng trên trán và sực nhớ rằng đầu mình đã bạc hết rồi. Đã mười mấy năm nay, ngày ngày mỗi sáng soi gương chải đầu, tôi thấy đấy mà không chú ý cho lắm đến màu tóc của tôi. Vậy mà bây giờ, hình như cơn gió bất thần đâu đó tạt qua con đường này của một thành phố Hà Nội nhuốm thu đã khiến

tôi nghĩ rất nhiều về cái đổi thay của sắc màu trên mái tóc mà Lý Bạch đã dùng để tả bước đi vùn vụt của ngày tháng. Phải rồi... *triêu như thanh ti, mộ như tuyết*... sớm còn là những sợi tơ xanh đó mà chiều đã là những đóa tuyết trắng xóa rồi. Và trong cái khoảng "sớm chiều" ấy, bao nhiêu là chuyện. Chuyện chúng mình, chuyện đất nước, chuyện trong lòng, chuyện ngoài đời...Tôi hát thầm câu cuối trong một bài nhạc của Vũ Thành...*nghẹn ngào thương... nhớ...ớ... e...e...em...Hà Nội ơi..i...i...* Cũng phải nhiều duyên nợ lắm với một thành phố, nhạc sĩ mới gọi nó là *em.*, mới hạ được một chữ *em* thần tình như vậy. Còn tôi, hình như duyên thì chỉ mới chớm mà nợ thì...Ngổn ngang quá tâm sự ơi! Loan ơi! Hà Nội ơi!

"Mai là tôi đi Saigon rồi." Tôi lặp lại câu nói đó đến lần thứ hai rồi mà cái anh nhân viên này của một công ty du lịch, có đôi mắt thật sắc, vẫn cứ nằng nặc, nhất định mời tôi đi Chùa Hương cho được. Nguyên có mấy người Pháp trong khách sạn thuê xe của công ty X. để đi Chùa Hương, mà theo chỗ tôi biết thì hình như là cứ có thêm khách cùng đi chung trong một chuyến xe như vậy, thì người nhân viên này lại kiếm thêm được chút đỉnh.

"Sáng đi chiều về, còn kịp chán. Ông đi chơi cho biết. Xem nào, bây giờ là tám giờ mười...."

Người thông ngôn của công ty cũng nói vào:

"Vâng, mời ông đi cho biết. Mấy thủa ông từ bên Mỹ về chơi..."

Tôi nhớ đến cái lì lợm của những người bán xe hơi bên Mỹ, dai như đỉa đói. Thật ra đi cũng được, nhưng mà lỡ xe cộ chết máy dọc đường, hụt chuyến máy bay đi Saigon thì rầy rà lắm. Vì tôi có hẹn với hai người bạn cũ ở Saigon, không được may mắn như tôi. Hai anh bạn cũng đã từng ra Bắc, nhưng mà trong một hoàn cảnh khác, không có thì giờ ghé Hà Nội, họ đi thẳng lên Hoàng Liên Sơn và ở lì trên đó đến sáu bảy năm cho đến khi thân tàn ma dại mới chịu về. Chuyến này tha hồ mà hàn huyên.

Vẫn biết đây là cái "thủa" thứ nhất mà tôi có dịp đi thăm Đệ Nhất Động, nhưng mà Hương Sơn Phong Cảnh còn đấy chứ có ai bưng nó đi chỗ khác đâu. Thôi để chuyến sau, nếu lại có dịp về nước. Tôi đang nghĩ thầm như vậy thì cái anh có đôi mắt sáng quắc không hiểu nghĩ sao mà lại cho rằng tôi bằng lòng đi Chùa Hương. Anh bồi một câu kết luận chắc nịch:

"Vậy là ông đi ạ."

Ủa, tôi đâu có phải là người con gái thời trước mà hễ cứ bằng lòng một đám nào đến hỏi là im lặng mà ngồi bấu chiếu. Tôi hơi bực mình nhưng vẫn điềm nhiên nói:

"Thật ra chính ông Nguyễn Nhược Pháp có hẹn đưa tôi đi Chùa Hương mà tôi cũng không đi được."

Không hiểu vì tôi hơi gắt mà nói quá nhanh hay là vì cái giọng Huế của tôi mà anh nọ nghe không ra cái tên của nhà thơ ấy, rồi tưởng là tôi đang nhắc đến một ông Tây nào đó nên anh hỏi lại:

"Ông Pháp nào cơ ạ?"

Tôi đáp:

"À, chỗ quen biết cũ ở Hà Nội."

Tôi ngồi nghỉ chân trên một phiến đá nhỏ ở bờ đê. Nhìn mây nước. Cái bao la này của một bầu trời Việt Nam, tôi đã từng sống với nó rất nhiều, rất đậm đà thân mật. Ở đây có một đôi nét mới tôi chưa từng thấy, nhưng mà chúng không gây ngạc nhiên. Mặt đê có tráng nhựa đường đến chỗ có cái phiến đá này là hết. Thành ra từ chỗ tôi ngồi, con đê sông Hồng chia làm hai bên. Phía Hà Nội, có tráng nhựa. Phía kia là một con đường đất rải sỏi. Hình như mỗi đoạn đê có một ngân khoản bảo trì riêng, mà cái vùng phụ cận này của Hà Nội lại chưa nhận được tiền để đổ nhựa. Tôi đứng dậy thả bộ trên đê mà chân bước về phía đất sỏi.

Tôi biết tôi đang dẫm lên những giọt mồ hôi đổ xuống từ tay chân thân thể nhễ nhại của hàng triệu con người đã ngàn năm nay chung lưng đấu cật mà chận cho được sức phá hoại thường niên khủng khiếp của sóng và gió. Tôi nhìn xuống mặt sông Hồng mùa này hiền lành vô tội. Nhưng mà nhìn khoảng diện tích rộng lớn giữa hai bờ ở chỗ này tôi thấy được cái cuồng bạo của thiên nhiên ở mùa nước lớn. Tôi thấy được đầu của những con sóng vật vào thân đê. Tôi thấy được những đợt gió táp xuống mặt đê. Tôi ngắm những ruộng bắp xanh rì dưới chân đê và xa hơn nữa những thảm mía non vuông vắn vươn lên từ triệu triệu hạt cát phì nhiêu màu mỡ của phù sa sông Nhị. Nhìn xuống chân đê, tôi thấy và phục cái dẻo dai trong những lát cuốc vung lên từ hai cánh tay mạnh mẽ của anh nông dân nhỏ người mà lực lưỡng.

Tôi chợt ý thức được rằng tôi về nước và ra Hà Nội chuyến này không phải để tìm những con đường nhựa trơn tru thẳng tắp, những biệt thự mới, những công trình xây cất vốn cũng là một phần của tiến bộ - ít ra là tiến bộ kỹ thuật và tài chính. Hình như tôi muốn tìm hiểu thêm chút nữa về nhiều giọt máu đã ứa ra, nhỏ xuống và thấm vào cát bụi trên con đường đất ở đây và ở những chốn khác trên đất nước trong cuộc phân tranh vừa qua.+ Và cứ biết thêm một chút hiểu thêm một chút, tôi lại thêm buồn. Từ nỗi buồn đơn giản đến cái sầu mênh mông lắm lúc mang tính chất siêu hình, nó cũng không xa là bao...

Tôi dừng bước để lắng nghe một âm thanh quen thuộc: từ phía chùa Bút Tháp bên đê, vẳng lại một đôi tiếng chuông chiều hiền dịu. Lớp sóng âm đó đang lan rộng và loãng dần giữa một vùng mênh mông này của trời đất. Tiếng chuông ấy đang thấm vào tôi. Nói đúng hơn, những tiếng chuông khác, ở nhiều nơi khác, nằm sẵn trong ký ức của tôi giờ này đang nhẹ ngân mà họa điệu với tiếng chuông vẳng lại từ chùa Bút Tháp. Tôi nhìn về Hà Nội xa xa. Lại một câu hát nữa của Văn Cao đang trở về với tôi...*ngàn lau thấp thoáng bóng kinh kỳ sầu bao la*...sầu thì có sầu thật nhưng mà đẹp thì cũng đẹp vô cùng.

"Hà Nội" có sẵn trong lòng tôi trước khi tôi thấy Hà Nội, cả hai hình như cùng chung một vẻ đẹp, một nét sầu. ❐

(*)The Decline and Fall of the Roman Empire

say

chuyện tình trong ca dao

Muốn say với:

* Mối tình của cậu nghè-kẻ sĩ Tưởng và cô hàng rượu Lý
* Tình dân tộc, tình đất nước, ca dao tục ngữ
* Phong tục cổ xưa: Thú cô đầu, hát đối, thi cử, lễ Kỳ Phúc, vinh qui bái tổ...
* Thơ của: Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Cao Bá Quát, Hồ Xuân Hương, Đoàn thị Điểm, SươngNguyệt Ánh, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phan Bội Châu, Tản Đà, Trần Tế Xương, Bàng Bá Lân...

Tìm đọc

say

của Vũ Thái-Thái Vĩnh Khiêm

Liên lạc: Vũ Thái-Thái Vĩnh Khiêm
18030 Brookhurst # 582, Fountain Valley, CA 92708
Giá trong nước Mỹ: 15 MK - Ngoài nước Mỹ: 15 MK + cước phí

Sân khấu thơ

ĐẶNG HIỀN

Có trễ quá không cho một bắt đầu
Ở tuổi, chẳng còn tin quá khứ
Lập lại liên hồi
Những năm bốn mươi

Sân khấu thơ
Từng đêm mất hướng
Niềm kiêu hãnh
Chỉ trong kịch bản

Khúc mở, dấu hỏi mênh mông
Từ biết yêu em
Điểm khởi hành
Đã là dấu chấm

Mình quên lãng nhau
Mình mơ hồ nhớ
Chạy suốt tuổi thơ
Song song con dốc hết đời

Có trễ quá không cho một bắt đầu
Ở tuổi bốn mươi, kịch bản.

Treo đầu dây Quan Họ

Nam Dao

Cuối cùng không có gì khác hơn là sống và chết.
Phải đi đến tận cùng hai cõi sống chết để làm
tan biến những giấc mộng đời không thực.
Trịnh Công Sơn

Không có một sân khấu nào chứa nổi cuộc đời thường, ở đó diễn viên, cũng là khán giả, thao tác theo một thứ kịch bản gọi dễ (hay khó?) hiểu là định mệnh. Sân khấu hữu hạn ở cả hai chiều không và thời gian. Vì thế, sân khấu chỉ dung được những mảnh đời dựng lên từ sự không được bình thường: chính vậy mà nó giả tạo, sống sượng và ngây ngô, dễ bị gán cho đủ thứ điều tiếng, bị chụp cho đủ kiểu mũ. Chính vậy, diễn viên phải hóa trang, mặt mũi tô son vẽ phấn. Chính vậy, phải dựng nên phông cảnh. Chính vậy, thêm vào cảnh, là âm thanh và ánh sáng. Nhưng đó là công việc của đạo diễn.

Tác giả kịch bản, không làm nổi công việc gay go đó, chỉ xin dành cho mình vài lời: lời nhập và lời kết. Trước khi đưa lời nhập, có dăm câu xin xóa nợ với một người bạn.

Chúng tôi gặp lại nhau ngày đầu năm 1999. Đó là một buổi chiều, nắng nhạt đang lẳng lặng bước từ tàn cây xanh xuống ven bức tường nhìn từ cửa sổ của anh. Anh bảo, giọng ngậm ngùi, "Dạo này, mình không nói về mưa nữa. Nói về nắng thôi ..." *Trong tôi, bỗng văng vẳng tiếng Khánh Ly "Trời ươm nắng, cho mây hồng..."*, lòng hàm ơn con người kia suốt một đời nhả tơ, để bao nhiêu người đã biết bao nhiêu lần hát lên những lời vàng ngọc của anh.

Nắng ngả xuống, tôi lại sắp lên đường. Tôi kể cho anh ý tôi dựng kịch bản này. Tôi kể, màn I, màn II, rồi cứ thế ... Anh nghe, mặt nhăn lại.

Hình như tôi đang hành anh bằng "có gì nghe như niềm tuyệt vọng". Anh khoa tay. Tôi ép anh nghe, anh, kẻ đã viết *"Tôi đã mỏi dần với lòng tin. Chỉ còn lại niềm tin sau cùng. Tin vào niềm tuyệt vọng, có nghĩa là tin vào chính mình. Tin vào cuộc đời vốn không thể khác"*.

Buổi chiều hôm ấy, tôi đã hành xử như một tên tuyệt vọng, tìm một tên tuyệt vọng khác, xả láng mà quên cả cái nhăn nhó đau thương trên gương mặt bạn mình. Tôi lên máy bay. Tôi đang trên mây và về một phương trời khác. Nét mặt của bạn ám ảnh. Tôi đã kể cho bạn nghe đến màn cuối cùng.

Kết thúc thế à?

Không, không thể hạ màn ***vĩnh viễn*** như thế được!

Tôi viết thêm lời kết. Lời kết của kịch bản, tôi tặng bạn để xin xóa nợ, nợ đã làm bạn nhăn nhó đau thương một thoáng.

Vạt nắng kia trên mái tường nơi bạn nhìn ra còn đó. Hẹn nhau sẽ về uống thêm một ly, bạn vàng thương mến.

Nam Dao
Quebec 5-02-1999

Treo đầu dây Quan Họ

Tặng N M G, quà Tết cho một mối duyên muộn...

Cây sồi trong sân một ngôi nhà trong ngõ, mọc cạnh bể nước. Nhà chia làm ba phòng xếp theo chiều dọc, phòng nọ ngăn ra phòng kia bằng những mảnh cạc-tông nham nhở ghép vào, có cửa ra vào riêng, bước xuống bực thềm là ra sân. Phòng trong cùng là hộ của ông bà. Phòng này lại ngăn thêm một buồng nhỏ. Phòng giữa, đang bỏ trống, và ở phòng ngoài cùng là hộ của mợ. Một cặp vợ chồng trẻ có một đứa con mới để sắp vào ở căn phòng bỏ trống.

Nhân vật:

Ông (Ô): tuổi sáu mươi, áo len, kính trắng, dáng lúc nào cũng co ro, đã về hưu, giọng thường bối rối.

Bà (B): tuổi trên sáu mươi, răng đen, vấn khăn, bán thuốc lá và nước chè trên hè đường, hay nhìn xuống, ăn nói nhỏ nhẹ.

Mợ (M): tuổi quãng bốn mươi năm, tóc ngắn, đẫy đà, quần đen, áo

hoa, giọng chua lét.

Anh chồng (A.C): Tuổi quãng hai mươi năm, to cao, lếch thếch, ăn mặc kiểu công nhân, áo bộ đội, giọng ê a.

Chị vợ (C.V): tuổi hai mươi, quần áo nhà quê ra Hà Nội, nhút nhát, giọng lúc nào cũng run rẩy, liÔ nhí.

Kèm theo là hai nhân vật chìm, cụ già thân sinh ra ông và đứa bé, con anh chồng và chị vợ. Sự tồn tại của hai nhân vật này được thể hiện bằng âm thanh: tiếng ho của cụ và tiếng khóc của đứa bé.

Cảnh :

Căn nhà thuộc loại đặc trưng của Hà Nội đầu thập niên tám mươi: cũ, ngổn ngang, chật chội. Mỗi hộ khoảng 15-20 mét vuông, có một bàn, hai ghế, giường (chõng), hộ của mợ có thêm một tủ đứng. Trên bàn có phích nước, hai cái ly. Hỗn độn đủ thứ nồi niêu xoong chảo, vali, vv... xếp ở gầm giường. Sân cũng hẹp, là chỗ nấu nướng, giặt giũ. Cạnh cây sồi, là nhà tắm và vệ sinh, nằm sát hộ trong cùng. Có bốn cảnh chính: sân nhà (cây sồi), và ba hộ. Mỗi lần chuyển cảnh, chỉ cần tập trung đèn rọi vào. Kịch thường nói đến trăng về đêm, ánh sáng màu pha lê hoặc màu sữa trắng đục.

Nhạc:

Tiếng hát quan họ là chính. Mỗi lần có độc thoại, nhân vật bất động nhưng dùng máy ghi âm để diễn lời, nếu có tiếng đại hồ cầm văng vẳng đệm vào càng hay.

nhập

Màn kéo lên

Sân nhà. Trăng sáng tỏa xuống lung linh. Gió thổi vào, lá sồi lao xao. Đèn tập trung rọi vào cây sồi.

Lời nhập :

Căn nhà trong ngõ phố Lò Sũ không phải không có trí nhớ. Trí nhớ của gạch, của ngói, và của tôi - cây sồi trong góc sân này - khác trí nhớ loài người.

Loài người chỉ nhớ những điều họ muốn nhớ. Đã thế, họ lại không nhớ lâu. Dễ dãi với mình một tí, họ quên ngay. Quên hết. Tình yêu, tình bạn, ơn nghĩa, thậm chí... Thôi, tôi không dám nói hết. Nhưng tôi, tôi nhớ tất cả. Trời không bố thí cho tôi cái khả năng chọn lọc để nhớ. Lại cũng dè sẻn cái ân huệ cho phép tôi có thể quên lãng, để cho tôi còn nghỉ ngơi, cho tôi được an tâm, dẫu là chỉ trong một chốc, một thoáng.

Đã thế, trời bắt tôi sống lâu. Tôi đã gần năm mươi tuổi rồi, và cũng đã trải qua hai cuộc kháng chiến như ai ... Nếu không có cuộc chiến thứ ba với thứ khí giới đánh chính xác như đánh ở Iraq, chắc là tôi sẽ còn sống ba, bốn trăm năm nữa. A, mới lại có khí giới với độ chính xác cao, có lẽ tôi sẽ càng an toàn (cười nhẹ). Ai đánh vào một cây sồi làm gì?

Càng sống, thú thật, tôi càng hãi hùng. Chẳng phải là tôi sợ cho thân tôi đâu, đã bảo tôi sẽ thọ gấp năm gấp bảy kiếp người... Tôi sợ, tôi vẫn sợ, đêm sợ, ngày sợ. Một mình, tôi sợ. Có ông ở trong sân, tôi vẫn sợ. Mợ về, dội nước tắm, tôi vẫn sợ. Bà bưng tủ thuốc lá vào, tôi cũng vẫn sợ.

Chỉ khi bà vừa giặt áo, vừa hát nho nhỏ dăm câu quan họ Bắc Ninh, tôi mới hơi an lòng một chút. Cho đến một ngày ...

(Đèn sân khấu tắt)

MÀN I:

TìNH CHUNG

Cảnh 1:

Hộ ông bà. Khoảng 9 giờ, thành phố bị cúp điện, tối om. Tiếng chân người vào ngõ. Tiếng mở khóa cửa.

B: Ông cẩn thận, khéo đánh vỡ mặt kính cái tủ. Đợi tí, tôi bật que diêm.

Ánh sáng que diêm hắt bóng người lên vách chập chờn. Tiếng đẩy cửa. Vào nhà.

B: Dắt cho tôi cái xe đạp vào, để ngoài sân nó mọc cánh bay mất thì lại đến khổ.

Đèn dầu trong nhà thắp lên. Ông ra dắt xe, xách lên thềm, dáng mệt mỏi, đẩy xe vào.

Ô: May có trăng, bao giờ cúp trăng nữa thì hóa ra mù cả... *(thích thú*

cười, ngồi xuống ghế, tay với bình trà, ngẫm nghĩ, tiếp) ... Lắm khi mù lại dạy được đứa có mắt. Nhiều đứa có mắt mà vẫn như mù. Ngày tôi còn đi làm, trong cơ quan có một thằng thủ trưởng ...

B: *(ngắt lời)* Ông tiện tay cho tôi cái phích nước, tôi đổ nước sôi vào... À, họ nhắn bao giờ họ dọn vào nhỉ?

Ô: ờ... xem nào. Hình như hôm nay mà! *(Hoảng hốt)* Hôm nay hay mai? Tôi lại lẫn... quên rồi!

B: *(lẩm nhẩm bấm đốt ngón tay)* Hôm nay đấy! Hôm nọ ông nói, tôi đồ là ngày rằm... Ông chỉ mới gặp anh chồng thôi nhỉ.

Ô: ...

B: *(vừa bắc nồi cơm, vừa nói)* Tôi biết cả con vợ nó. Người làng trên. Xưa, mẹ nó cũng trong làng Quan họ, giọng cứ trong veo đi. Mẹ nó là con cụ Nhiêu đấy, ông có nhớ không?

Ô: *(lắc đầu)* Không, tôi có ở làng bao lâu đâu. Mười sáu tuổi đã lên Hà Nội rồi. *(Ông nhấp một ngụm nước trà, mơ màng)* ... Thế mà chóng thật, gần bốn mươi năm rồi đấy. Khi mới chân ướt chân ráo lên, cái nhà này còn cho người ta thuê, tôi phải về chỗ chú Chiến ở phố Maubert ở cả năm. Sau mãi họ mới ra cho, về tôi mới trồng cây sòi ở sân *(nhìn ra, thở dài)*.

Có tiếng ho khù khụ

Bà: Tôi dở tay, ông vào xem cụ hộ một tí.

Ông đi vào, tiếng dép lẹp kẹp

B: *(lẩm bẩm)* Đến khổ, ho mãi. Thuốc thì chỉ có Xuyên tâm liên, uống cả năm rồi. *(Bà chắt nước cơm cầm lên, giọng buồn buồn, tiếp như than thở)* Nhà hết sữa đặc, chỉ nước cơm thôi thì sống thế nào nổi...

Ông bước ra

Ô: Cụ dậy, kêu đói.

Bà đi rót nước, vừa đi vào vừa nói

B: Cụ uống tạm chén nước cho ấm bụng đã.

Ông một mình, cầm tờ báo lên, bỏ xuống, nhìn ra sân

Ô: Ngày mới trồng, nó chỉ bằng ngón chân cái. Bây giờ, nó xum xuê, thân thì đúng một người ôm. Còn mình (*ông vuốt cánh tay khẳng khiu*), mình lại teo lại, còi đi. Nó ăn trong đất, lớn được, không đói. Mình thì khác. Chẳng bữa nào no, cả chục năm nay rồi. Thế thì cây ơi, đứa nào sướng? (*Ông nhếch mép, chua chát*)

Có tiếng chân, tiếng thở ì ạch, rồi tiếng nước đổ vào bể nghe ồm ồm. Tiếng chân lại ra. Rồi tiếng ho. Bà bước vội ra sân, nói với.

B: Hôm nay chỉ lấy hai gánh thôi nhé.

Bà quay vào, ngồi thụp xuống cạnh bếp

Ô: (*bâng quơ*) Ngày xưa, có ai cần gánh nước. Cứ mở rôbinê là có. Bây giờ thì thôi, nó ri rỉ như đái dắt, cả ngày chẳng chắc được một chậu... Còn đèn đóm, chẳng bao giờ có chuyện cúp mới cắt điện. Bây giờ...

B: (*Cười, ngắt lời*) Ối ông ơi! Bây giờ đất nước còn khó khăn. Ông cứ so với cái ngày xưa của ông mãi à? Các ông cách mạng ngày xưa, bây giờ mới thế, còn trách ai?

Ô: (*Giọng bực bội, nhưng hốt hoảng, nhìn quanh*) Bà nói như đùa. Nói khe khẽ chứ. (*Im lặng một lát, ông thốt lên như nói cho một mình nghe*) Ngày xưa... cái hôm ấy. Huy hoàng lắm chứ. Lúc ấy mình bao nhiêu nhỉ. Mười tám. Ờ, gần mười chín. Hôm ra mít-tinh ở nhà Hát Lớn, đi có cả một lũ thanh niên mới lớn, vừa đi vừa hò hét, theo anh Tước xông vào càng sát khán đài càng thấy rõ mặt ông cụ. Hà... hà. Tớ lúc ấy chen không nể nang ai, cuối cùng một anh trật tự đeo băng đỏ ách lại. Nhưng chỗ đó, nhìn cũng rõ chán. Lúc ông cụ hỏi "đồng bào nghe tôi có rõ không?" thì tớ hét toáng lên "Việt Nam muôn năm", thế có buồn cười không? Thế là cả năm sau, chẳng học hành gì, chia nhau ra mà làm, rồi họp, rồi hát, vui lắm. Dân một nước độc lập mà, cứ thích gì làm nấy, nhưng không phải thế mà vô trách nhiệm đâu. Năm sau, quân Pháp đổ bộ, rồi vào Hà Nội. Đánh, đánh chứ lị. Tự vệ thủ đô, súng không có, thì đánh bằng gậy, bằng dao. Vui quá, chẳng thấy có gì là nguy hiểm khi túm năm tụm ba. Động viên nhau là chính. Rồi một hôm, anh Tước bảo "Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách, chúng mày thoát ly theo anh đi kháng chiến".

B: (*cười*) Thế là ông đi ngay?

Ô: (*ngập ngừng*) Không. Lúc ấy có ai biết kháng chiến là thế nào? Tôi hỏi anh Tước đi kháng chiến là đi làm cái gì? Anh ấy bảo "là tiếp tục như bây giờ, nhưng phải theo đường dây ra Ninh Bình, rồi sẽ được phát súng ống, choảng nhau với bọn Pháp!" Tôi bảo "...thế cũng hay, tôi phải về quê xin phép thầy mẹ tôi đã" Anh Tước trợn mắt "... đi là đi ngay, yêu nước thì không cần phải hỏi phép tắc ai cả ...". Cả bọn thanh niên chúng nó cười toáng lên. Tôi bực quát "... đi thì đi!" Đi, thế là lên đường hát "Đoàn quân Việt Nam đi ..." (*Ông mơ màng, nhạc và tiếng hát nổi lên*)

Tiếng chân, rồi lại tiếng đổ nước vào bể, rồi tiếng con gái
"Bà ơi, thế tuần này là hai mươi gánh rồi, bà cho tiền cháu nhé".

B: Cháu ơi, để mai nhé. Hôm nay không có tiền lẻ ...

Lại tiếng con gái
"Ngày mai cháu mang tiền lẻ đến, bà có tiền chẵn cũng chẳng sao!"
Tiếng ho, rồi tiếng rên.

B: (*giọng khổ sở*) Cụ ơi, con chỉ có nước cháo. Cụ chờ cho con một tí, con mới có sữa cho cụ được. (*Nói một mình*) Sắp tám mươi rồi. Nói cho cùng, cụ khỏe thật... Thế ngày xưa ông đi kháng chiến cụ chịu cho à?

Ô: (*cười*) Không, không. Cụ bắt bác Cả đi tìm tôi ở chiến khu, nhắn bảo "Tao cho mày lên Hà Nội đi học thì mày đi đánh đú, phí tiền phí của, muốn sống muốn tốt về ngay..." Lúc ấy vào Vệ quốc rồi, về thế nào được. Đấy, ở núi đỏ rừng xanh mãi, cũng buồn. Lại sợ, lắm khi chúng nó bố ráp, cũng sợ chứ. Bụng muốn về, nhưng nói với bác Cả "... bác về đi, em nguyện hiến thân cho tổ quốc rồi". Bác quát, rồi tát cho một cái "Tổ quốc mới chẳng tổ cò, đến là dại."

B: (*Lại cười*) Thì bảo, đến nhà quê chúng tôi cũng hăng, như tôi, một chữ bẻ đôi không xếp lại được cho nó tử tế, tôi cũng vào du kích, rồi cũng ủy ban kháng chiến...(*mơ màng*) Cái thời ấy rạo rực thật. Ngực cứ nóng lên mỗi khi... mỗi khi thấy các anh về phổ biến lệnh kháng chiến toàn quốc...

Ô: (*mơ màng*) Thế là, thế là... bác Cả đi lên nói với chi bộ về hoàn cảnh gia đình riêng tư. Chi ủy gọi lên, bảo "... tổ chức thông cảm, ở đâu cũng phục vụ cả. Đồng chí đến đâu cũng có đảng, cứ yên chí..."

B: (*mơ màng*) Năm nào nhỉ?

Ô: (*nghĩ ngợi*) Năm Sửu! Lúc đó tôi có chút chữ Tây, vào làm ở tuyên truyền liên khu ba.

B: (*đăm chiêu*) Láo! Đến đâu cũng có đảng là láo. ở quê, vào bí mật, đảng có đâu... Bí mật là vắng mặt mà...

Ô: (*xa vắng*) Thế là dinh tê. Hôm đi, khóc ướt hai cái mùi xoa... nhưng giấu mặt, chẳng dám nhìn ai. Rồi về (*ông nhìn vào nhà trong*). Cụ bảo, mày lấy vợ ngay, con ông Chánh. Tôi xin xem mặt bà. Cụ quát tao đặt đâu, ngồi đấy... Nghe tao, tao cho cái nhà ở Lò Sũ trên Hà Nội...

B: (*nhìn lên trần*) Bố tôi nói khác, có nhắc đâu đến chuyện ông đi kháng chiến mới cái nhà ở Lò Sũ. Ông bảo "Mày đi cho tao đỡ lo, thằng ấy có của, lại cũng bõ bẽ học hành. Đi đi, lên Hà Nội, năm sau tao gửi thằng em mày lên, cho nó có chút chữ Tây. Thời buổi này..."

Ô: (*mặt cau lại, làu nhàu*) Tôi biết. Thì ra chỉ định gửi chú Trung lên Hà Nội mà thành ra duyên nợ. Tôi hiểu, tôi hiểu... (*ông cười nhạt, mỉa mai*)

Tiếng lạch cạch. Tiếng ổ xe đạp quay kêu o o. Ngoài sân, trăng lên sáng lung linh, xanh màu liêu trai. Tiếng mở khóa mở cửa. Bỗng nhiên có điện, đèn trần sáng trưng lên.

B: (*đứng dậy*) Có điện rồi à . Chắc mợ ấy về.

Ô :(*đứng dậy*) Ờ... Để xem lại cái máy "suyệt vôn tơ"
Tiếng gõ cửa. Ông mở cửa. Một người đàn bà, cỡ tứ tuần, mặc chiếc áo phin màu hồng.

M: Cứ sợ ông bà nghỉ rồi. Bà đâu ông?
Bà ra

B: Gớm, phục vụ nhân dân đến giờ này mới về. Tôi đợi mợ mãi.

M: (*cười hề hà*) Ấy, nhà cháu có cái phi vụ, tìm mãi bãi nên về

muộn. Đây, sữa của bà (*tay chìa ra hộp sữa đặc Vạn Thọ*) ... Giá như mọi khi nhé, rẻ nhất Thủ đô đấy.

B: (*đỡ lấy hộp sữa*) Mợ ơi, cứ giá này thì chết. Bốn hộp là lương hưu của nhà tôi đổ xuống sông rồi, lấy gì mà ăn...

M: (*giọng vẫn giả lả*) Bà nói vậy chứ khối đứa sống... Để bà giá đó, cháu mang ra chợ còn hời hơn. Mà bà ơi, chúng nó đến chưa?

B: (*ngần ngừ*) Chúng nó? Chúng nó là ai? À, à, chưa, chưa... Hay là chúng nó đã "sang" rồi, kiếm chác tí tiền "hoa hồng", rồi dọn đi chỗ khác!

M: (*giọng chắc nịch*) Không! Con hỏi công an phường. Không có chuyện đó! Giời ơi, muốn "sang" thì phải "hỏi thuyền", ai cho quá giang mà không lấy dịch vụ!

B: (*ầm ừ, tay mở hộp sữa*) Tôi pha sữa vào nước cơm để cụ dùng... cụ chờ mãi, chắc đói lắm rồi.

Tiếng thở dài, ho khan.

Ô: (*đưa chồng báo cho mợ*) Đây, báo tuần vừa rồi. Mợ lấy mà đọc.

M: (*đẩy lại*) Thôi ông, lại Hà Nội Mới, cháu chán lắm rồi. Nói gì mà lúc nào cũng chỉ bằng ấy chuyện.

Ô: (*cười*) Thì báo biếu mà lị. Tôi lên, anh em họ lại cho... Đấy, cơ quan cũng tình cũng nghĩa, cứ đâu hưu rồi là họ quên ngay đâu.

M: (*ngặt nghẽo cười, rồi khinh khỉnh*) Đấy là cơ quan ông, viết với lách, có gì đâu mà chấm mút. Chỗ cháu í à, đẩy được đứa nào ra là cấm cửa, không cho đến ăn quẩn... Báo các ông ế, mang về chỉ cân kí bán để mang gói hàng nên chúng nó mới cho ông thôi, chứ tình nghĩa à, ông ơi (*mợ lại cười*), ông đừng tin mà bán thóc giống đi đấy...

M: (*bỗng tần ngần, nói nho nhỏ, trong khi bà ra đứng bên cạnh*) Làm gì còn cái giống tình nghĩa nữa(*thở dài*). Thằng bố nó bỏ về Vĩnh Long, nghe đâu đã có con vợ mới. Đến thằng con vào hai năm rồi, năm trước còn hỏi thư xin tiền, năm nay thì bặt tin...

Im lặng. Tiếng ho khan. Tiếng húp nước cơm suỵt soạt. Bà nhìn mợ, tay cầm chiếc bát không, dáng băn khoăn.

B: Hay cháu nhà mợ nó vượt rồi cũng nên! Xưa, nó cứ ao ước mãi, nói với tôi ...

M: (*thở ra, ngắt lời, giọng mệt mỏi*) Vượt có được không? Có khi tù, có khi chầu hà bá rồi không biết chừng!

B: (*ngậm ngùi*) Đừng nói dại... nói gở.

M: (*quay nhìn ông*) Thế còn thằng cháu đích tôn của ông? Nó vắng nhà cả hai tháng nay rồi! Chắc cũng vượt nhỉ?

Ô: (*hốt hoảng*) Bậy nào! Cháu nó đi kinh tế mới, thư gửi về hôm nọ... (*ông ngập ngừng, nhìn bà*)

M: (*cười nhạt, nói mỉa*) Thế ông báo công an chưa, để còn khai lại hộ khẩu chứ!

Ô: (*giọng càng hốt hoảng*) Chưa... Có chắc ở lâu trên kinh tế mới được đâu mà khai báo!

Mợ lại cười nhạt, lắc đầu đi ra, ngoái lại, giọng diễu cợt .

M: Ông bà nghỉ. Kinh tế mới mà làm ăn được thì cũng nên vào với cháu nhé. Tội nghiệp, có đứa cháu đích tôn duy nhất mà bỏ nó một mình à! À, thế là bà còn thiếu sáu hộp sữa đấy. Đầu tháng, bà cho cháu xin, cháu cũng chịu người ta mà...

B: (*nhẫn nhục*) Vâng, vâng... mợ cho khất thêm ít ngày.

Ô: (*lẩm bẩm, mặt cúi xuống nhìn đất*) Chịu ai! Quân in-te-sóp là chúa ăn cắp, sữa in-te-sóp là sữa ăn cắp...

Tiếng ho. Rồi tiếng đèn tắt.

Bà ra dựa cửa. Tiếng hút thuốc lào rít lên khành khạch trong nhà.

Trăng đã lên đến đỉnh đầu, nhợt nhạt như thiếu ăn. Bóng cây sồi đổ xuống mặt sân thành một khối đen, thỉnh thoảng dật dờ như sắp trôi đi.

Cảnh 2:

Hộ giữa. Tiếng khuân bàn, giường. Tiếng trẻ con khóc. Màn mở. Chị vợ đứng ôm con dỗ ở góc, anh chồng thở phì phò, ngồi ở mép giường.

A.C: Sắp xong rồi. Còn dăm cái lặt vặt, thế mà mất cả ngày trời (*nhìn ra ngoài*). Hàng xóm chẳng có ai, chỉ độc bà cụ ngồi bán thuốc lẻ ở đầu ngõ (*với tay mở radio*).

Tiếng radio rè rè "Trong miền Trung, từ Quảng Bình ra đến Hà Tĩnh, gió cấp ba, cơn bão số năm đe dọa vùng duyên hải...". Tiếng dép lẹp kẹp. Bà về, lên thềm. Nhìn vào hộ giữa, bà tươi cười.

B: Đâu vào đấy rồi. Gọn ghẽ nhỉ. Nào, tôi vào xem cháu bé nhé...

A.C: (*đứng dậy đon đả*) Mời bà vào.

C.V: (*bước lên một bước, lí nhí*) Lạy bà, cháu đây.
Bà nhìn đứa bé, nựng, rồi nhìn chị vợ.

B: Con đầu lòng hả? Cháu mấy tháng rồi?

C.V: Dạ, cháu được năm tháng hôm kia!

B: Bụ ra phết, hay nhè nhỉ. Khóc đến đầu ngõ còn nghe thấy. (*Quay nhìn A.C*) Tôi nhờ trông hộ hàng, vào xem cụ nhà tôi ra sao. Tôi ra ngay nhé.
Bà tất tả vào hộ cuối.

A.C: (*quay nhìn vợ*) Tôi hôm nay mới gặp bà. Lần trước lên gặp có mỗi một mình ông thôi. Người làng dưới mình đấy, nhưng lên ở Hà Nội lâu rồi. Này, đun ấm nước, còn pha trà chứ.
Chị vợ mang đặt con lên góc giường, lúi húi ngồi nhóm bếp dầu...

C.V: Bu tôi biết bà. Xưa kết nghĩa quan họ với nhau đấy. Bu là chị sáu. Còn bác Tình là anh hai. Nghe bu tôi kể, làng dưới các bà mê tiếng hát bác Tình lắm. Bác hát vừa hay, vừa dí dỏm... Nhà xem, có phải đẩy cái này cho nó bơm dầu lên không?

Anh chồng bước lại, cúi xuống, gục gặc đánh diêm châm. Chị vợ đứng dậy. Bếp không nhóm lên được.

A.C: Đến khổ. Dưới quê cứ than với củi, dễ nhóm. Dầu với diếc, càng hiện đại càng rách việc.

Bà bước vào.

A.C: Bà à, còn dầu mà sao nó không lên lửa hở bà.

Bà cúi xuống nhìn, rồi lấy tay gẩy cái nút.

B: Ấy, anh quên mở cái nút này... đây. Nào châm cho tôi...

A.C: A, được rồi. Bà ngồi chơi, con nấu nước bà uống. Chè ở quê, ngon lắm.

B: Úi dào, tí nữa đã. Tôi phải ra trông hàng (*nhìn chị vợ*). Bu chị vẫn khỏe chứ?

C.V: (*lí nhí*) Cảm ơn bà, bu con vẫn thường. Bu con nhắn con hỏi thăm bà đấy. Bu con lại gửi lên biếu bà... (*chị vợ chạy vào góc, bưng ra*) một buồng cau đây, dặn là chị em quan họ trước sau vẫn thế, lúc nào cũng nhớ nhau.

B: (*cảm động, đỡ lấy buồng cau*) Chết, bày vẽ... thì lúc nào mà chẳng nhớ nhau. Chị không biết đâu, bu chị với tôi xưa cứ họp chợ là gặp, chợ xong hai chị em lại cùng bác Tình đi ra bờ sông ăn quà vặt (mơ màng). Bác Tình thích kẹo bột, lúc về lại mua thêm cho mỗi người một gói (*quay mặt, giọng trầm xuống*). Mới đây, thế mà đã giỗ đầu tháng một năm ngoái.

C.V: Dạ, giỗ bác con tháng một!

B: ừ, đấy người đi kẻ ở... (*như chợt tỉnh*) Anh chị cho tôi để nhờ, tôi ra hàng tí về tôi lấy nhé.

Bà ra. Trời bắt đầu tối dần.

A.C: (*nhìn vợ*) ... Này, tôi dặn nhé. Đừng gọi tôi là "nhà", quê lắm.

Gọi tôi bằng anh... Anh xem, có phải đẩy cái này nó bơm đầu lên không? Gọi tôi bằng "nhà", người ta cười cho.

C.V : (*cười thẹn thùng*) Gọi anh không quen, ngượng lắm...

A.C: Gọi rồi mới quen, quen là hết ngượng... Ở Hà Nội, ai cũng anh anh em em, trừ phi già rồi thì không kể!

C.V: Thì nhà, ... thì anh xưng tôi, có xưng anh bao giờ đâu?

A.C: ừ, được. Phải cải tiến (*ngập ngừng*) ... em ạ. Nghe thế được chưa?

C.V: (*cười rích lên, thẹn thùng*) Nghe nó làm sao ấy!
Tiếng dẫn xe đạp vào sân, ông về, tay ôm chồng báo. Anh chồng bước ra chào.

A.C: Ông đã về. Chúng con cứ ngóng ông.

Ô: Anh chị đã dọn vào. Vất vả nhỉ. Sắp xong chưa?
Ông bước vào căn hộ, nhìn quanh.

C.V: Lạy ông ạ!
Tiếng trẻ con khóc. Ông hơi nhăn mặt. Chị vợ ra bế con ru.

Ô: Tôi mới ở cơ quan về. Đây báo đây, anh cầm mà đọc. Báo biếu đấy. Ai bảo là hưu rồi thì hết tình hết nghĩa. Tôi đến, anh em họ cứ xúm lại, còn thân hơn cả lúc còn đi làm cơ.

A.C: (*cười hì hì*) Dạ, con đi trên cơ quan con cũng làm liên hoan để tiễn, mỗi người được một cốc bia hơi, hai điếu thuốc Thăng Long, dăm cái kẹo... Ai cũng hỉ hả...

Ô: Thế đã đến nhận công tác trên này chưa? Cậu về công tác ở đâu nhỉ?

A.C: Con về phòng kỹ thuật xưởng cơ khí hai, gần Cầu Giấy.

Ô: À! Tốt. Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến. Cứ như Mác nói,

đó là giai cấp nòng cốt cách mạng xã hội chủ nghĩa.

A.C: Ông vào xơi chén nước.

Ông ngồi xuống ghế, giở chiếc mũ bêrê đặt xuống bàn, mắt hấp háy nhìn chị vợ.

A.C: Ông nói thế. Công nhân chúng con có cái gì đâu mà tiên tiến cơ chứ. Các ông có chữ có nghĩa, sướng hơn công nhân nhiều. Ông có thấy lãnh đạo nào thực sự là công nhân không?

Ô: (*nhìn lên*) ... À, à... Tôi bảo là giai cấp công nhân mà! ở giai cấp công nhân, đâu cứ phải là công nhân... (*thì thào*) Mà này, sao họ lại cho cậu chuyển lên Hà Nội.

A.C: (*thở dài*) Chuyện phức tạp ông ạ. Con học xong, về tỉnh nhà làm hai năm, lo việc bảo quản đội máy cầy huyện... ở trên bảo là không có xăng, có dầu, để lâu không dùng máy hỏng nên cứ gỡ ra, có mối thì bán, thì đổi cho những nơi khác, rồi khai với Bộ là hỏng. Con thấy thế nào ấy, rồi có ý kiến... Thế là (*lại thở dài*) họ điều về văn phòng. Rồi cứ chỉ có dăm cái giấy, cái tờ, ký vào mà chẳng biết gì... con lại có ý kiến.

Ô: (*giơ tay lên trời*) Hỏng, cậu có ý kiến thế thì hỏng cả. Khôn cũng chết, dại cũng chết ở cái cấp của cậu. Chỉ đui điếc là sống... (*nhìn về phía chị vợ*) Thế còn chị, chị có công tác ở đâu không?

C.V: (*lí nhí*) Dạ, nhà cháu thì không. Cháu làm ở tổ hợp tác xã, hết vụ lại đan chiếu, cạp rổ...

Ô: Ờ, ờ... bây giờ ở quê nhà sống sướng ra phết. Anh chị đúng là liên minh công nông đấy nhé...

A.C: (*cười*) Dạ, thế mới lòi ra thằng bé này đấy. (*Giọng đăm chiêu, tiếp*) Giờ lên Hà Nội, mất đi một nguồn thu nhập, lương lậu công nhân làm sao nuôi được cái liên minh này? (*thở dài*)

Ô: Cứ sinh voi thì rồi sinh cỏ, lo gì. Khéo vén cũng xong. Nhà cơ quan phân cho, chỉ phải trả tiền điện. Nước thì của công, đứa nào gánh nhiều thì dùng nhiều. Anh khỏe chịu gánh thì bớt đi một khoản... Chị ấy tạm ở nhà một thời gian, tôi mang sách vở về bổ túc văn hóa cho (*quay*

sang nhìn chị vợ). Xưa, chị học đến lớp mấy rồi...

C.V: (*lí nhí*) Dạ, lớp tám...

Ô: (*cười*) Thế cũng được rồi. Muốn thì tôi dạy cho tiếng Pháp. Biết tiếng sau đi làm du lịch ối tiền. Nhà nước khuyến khích du lịch đấy.

A.C: (*tay đưa*) Ông xơi chén nước.
Tiếng lao xao. Mợ đi vào, tay xách túi ni lông.

M: (*vồn vã*) Đâu? hàng xóm mới đâu? (*đi vào hộ giữa*) Chào cô chú. Dọn vào rồi nhỉ?

A.C: Chào cô

C.V: Cháu chào cô...

M: Cô cháu gì... Cứ chị chị em em cho nó thân.

A.C: Cô... chị vào xơi chén nước.
Chị vợ kéo ghế, mắt nhìn, dáng rụt rè

M: (*nhìn lên giường*) ... lại có cháu bé nữa. Trai hay gái?

C.V: Dạ, trai ạ!

M: Hay quá, lại thêm một tay súng chứ chẳng liễu yếu đào tơ... (*mở túi ni lông*) Đây, có mấy quả cam tôi mua ở chợ Hàng Da, mang về liên hoan đây. Hôm nay mới gặp được cô chú... (*ngồi xuống ghế, quay sang ông*) Ông ơi, ông ra giúp bà dọn hàng, bà nhờ cháu nhắn đấy.

Ông lẳng lặng đứng lên đi ra

M: (*đợi ông ra xong, thì thào*) Trí thức tư sản đấy. Hưu rồi. Trước công tác ở Hà Nội Mới. Nhà xưa của ông bà nên vẫn được đãi ngộ, đối xử có phân biệt, ở căn hộ rộng nhất.
Mợ nắm tay chị vợ, nói thầm, chị vợ đỏ mặt ngượng nghịu, đứng dậy
.

M: (*nhìn anh chồng*) Thế bao giờ chú em bắt đầu công tác...

A.C (*lúng túng*) Dạ, thưa... ngày kia.

M: (*cầm chén nước*) Chị là tổ trưởng dân phố. Hai vợ chồng chú về đây phải chấp hành một số điều lệ. Mai chị đưa sang cho mà đọc. Tạm thời chị dặn, nhà ở đây có một bể nước, một nhà vệ sinh và cái sân là của tập thể, ta bàn với nhau để quản lý cho tốt. Cô chú nhớ là vách ngăn bằng cạc tông, nhà nọ động cái gì là nhà kia biết. Cứ sau chín giờ, radio phải mở thật nhỏ...

Ông bà vào, tay xách, nách mang.

B: Chào mợ. Mợ về sớm.

M: Dạ, cháu hôm nay ít việc.

B: (*tay chỉ chị vợ*) Con bé này là cháu tôi, họ xa đấy...

Ô: (*cười nhạt*) Cháu quan họ thì có... Kiểu liền anh, liền chị.

B: (*bà vờ như không nghe*) Mẹ cháu là chỗ chị em với tôi, tuy không còn thân hơn ruột thịt... (*bà xúc động, nước mắt ứa ra, tay quệt, nói như than*) Chúng tôi là chị em từ năm mươi năm nay...

Tai bà bỗng văng vẳng tiếng hát quan họ, giọng bác Tình, "người ơi người ở đừng về... người về ta mãi trông theo i i i i .."

M: (*nhìn đứa bé lại khóc, đứng lên*) Nào, tôi đi rửa cái tay cái chân rồi cơm nước. Tối phải họp tổ dân phố... (*đi ra cửa, vừa đi vừa nói*) Cô chú mới lên, có gì không biết cứ hỏi ông, bà hay tôi nhé...

B: Chợ búa thì theo tôi một sáng là xong.

Ô: (*nhìn anh chồng*) Tôi về, cơm nước xong anh qua chơi, đàn ông ta nói chuyện với nhau.

Ông đi ra. Bà theo sau.
Tiếng húng hắng ho ở bên.

C.V: (*đi theo đến cửa*)
A.C: Ông bà về.

C.V: (*đi vào, bế đứa bé, ru nho nhỏ*)
Con ơi con ngủ í à cho ngoan
Để mẹ đi lội đồng chua bắt về
Bắt được con trắm con trê...

A.C: (*rót nước uống, rồi nằm dài ra giường, nói*) Nào, mình là dân Thủ Đô rồi. Vứt mẹ nó cái bộ dạng nhà quê đi. (*Hát nho nhỏ "Ta đi dưới trời Hà Nội rực rỡ mến yêu. Đường ta đi Ba Đình, lịch sử...". Vùng lên ngồi dậy*) Này, nghe nói Hà Nội lắm đứa móc túi lắm đấy, đi đâu tiền nong phải cẩn thận nhé...

C.V: Bỏ vào ruột tượng, (*chị vỗ vào bụng*) mất thế nào được. Mà có bao nhiêu đâu để sợ mất cơ chứ ...

Bỗng nhiên, lại cúp điện. Tiếng bà kêu: "cứ vào lúc cần thì lại cắt với cúp".

Trời tối dần. đèn sân khấu tắt hẳn. Chỉ có tiếng lách cách bát đũa, tiếng dép lẹp kẹp, tiếng ho của cụ, và thỉnh thoảng tiếng khóc bé con.

Đèn dầu thắp lên tù mù. Bóng ông bà ra ngõ, tay ôm tủ thuốc lá, tay xách ấm nước. Bóng ông về, chân dừng ở hộ giữa.

Ô: (*nói vào*) Cơm xong chưa, qua tôi uống nước.

Tiếng anh chồng "Dạ, con qua ngay"
Bóng ông, rồi bóng anh chồng. Đèn dầu vặn nhỏ dần xuống.

Chuyển cảnh.

Đèn dầu vặn lên. Bà ngồi xổm bên cạnh tủ thuốc lá vệ đường. Bà một mình, nói thầm:

Độc thoại :

- Bác ơi, thế là bác bỏ em đi đâu rồi? Trời thì cao, đất thì dầy. Còn cái cây sung bên bờ ao đó, ngày nó càng sù sì ra, nó còn nghe, nó vẫn nhớ lời em nói với bác ngày nào. Bác, còn bác, bác có nhớ không? ới anh Tình ơi, thương nhau thì thương cho chót, em đâm đầu xuống ao anh

đừng có vớt...Vớt cái thân em làm gì cơ chứ? Thân còn mà hồn mất. Thể ở đó, nhưng phách còn đâu. Anh phũ miệng, bảo em như thế mà được à! Hiếu mới để. Anh bảo gì em, anh có nhớ không? Xoan sống cho trọn đạo làm con, Xoan ơi, cha mẹ đặt đâu thì ngồi đấy... Đây, ngồi đấy gần năm mươi năm, đêm khóc một mình, ngày khóc một mình, anh đã hả chưa? Bố mẹ ơi, đã hả chưa? Em tấm tức, chỉ muốn chửi cho rách trời toạc đất. Nhưng nghẹn miệng, em chửi không ra tiếng. Anh lại bảo "... Xoan có dịp, bỏ cái đất nhà quê chân lấm tay bùn, lên Hà Nội có nhà có cửa, sống sướng cả đời..." Ối anh ơi, anh của em thế à? Không có anh, gọi thế nào là sống hở anh? Tình ơi... Nước mắt em lã chã như mưa ngâu, anh đưa trả em tấm khăn hồng em tặng anh, anh chỉ bảo lau đi. Không! Anh phụ em rồi. Lau đến bao giờ cho khô, anh Tình ơi...

(Tiếng khóc rấm rứt, mỗi lúc một lớn. Thình lình lại im bặt.)

-Hừ, thế mà cũng tình cũng nghĩa ư? Ngày em đi lấy chồng, mời cả quan viên làng dưới, em ngóng nhưng biết anh chẳng qua đâu. Cái Xuyến em anh nó chẳng dám nhìn em, nước mắt đỏ hoe. Em cũng khóc. Ai cũng bảo là khóc như cô dâu về nhà chồng? Có người nào biết rằng em khóc như đang bước xuống huyệt lạnh chôn mình. Chỉ có Xuyến nó biết. Nó lại gần em. Em hỏi anh đâu? Nó không trả lời, lắc đầu. Mãi sau em mới biết, biết rằng tối trước anh hòa thuốc phiện vào dấm thanh mà uống. ới anh Tình ơi, anh độc, anh ác đến thế sao? Anh định chết đi để lấy xác anh phủ vào cái nấm huyệt sống đang chôn em à?

Anh độc, anh ác, anh bắt em cả đời cứ phải nhớ mãi anh sao, anh Tình ơi! *(giọng nhỏ dần, át bởi tiếng hát quan họ, từ từ cao lên, nhưng xa vắng)*. Hát rằng:

"Ra ngõ, ấy mấy trông, ra ngõ mà trông
ngày ngày ra ngõ (ấy mấy trông, ra ngõ) mà trông
Bạn thời (tình chung) không mấy bạn
Tình (không ô tình là) không thấy tình
ú này xang ú này xanq xang u xê phàn
Xê lưu cộng tình
Thương ô tình, là không thấy tình"

Tiếng thở dài não ruột.

- Con gái cái Xuyến năm nào nay theo chồng lên ở cạnh em đây này.

Cháu anh đấy, anh Tình ơi. Bây giờ, bây giờ anh ở đâu thì em cũng chẳng oán anh làm gì nữa cho anh mát mẻ vong linh nhé. Có bóng trăng trên kia làm chứng, em chẳng còn oán anh nữa đâu. Em chỉ xin giữ cái tình kết bạn quan họ với nhau thôi.

Miệng lẩm nhẩm, bà hát, nước mắt chan hòa:

Hôm nào sum họp trúc mai
Tình chung (ư) một khắc
Nghĩa dài (ới) trăm năm...

M: (*đi ngang*) Bà chưa dọn hàng? Sao nước mắt nước mũi thế này?

B: (*đưa tay quệt*) Chắc gió quá, mợ ạ.

M: (*lơ là*) Vào đi, ngồi mãi ốm đấy. Để cháu gọi ông ra bưng giúp cho bà một tay.

Mợ đi vào. Bóng anh chồng ra.

A.C: Bà để con bưng cho bà... (*Bóng anh chồng đi chuyển, khệ nệ*) Trông thế mà cũng nặng ra phết...

Ánh đèn dầu tắt đi. Chỉ còn ánh trăng nhợt nhạt. Văng vẳng tiếng hát quan họ

"... Tình chung (ư) một khắc
Nghĩa dài (ới) trăm năm..."

MÀN II :
lời thề

Cảnh 1 :

Một thời gian sau, trời vẫn có trăng nhưng trăng lưỡi liềm, ánh sáng ma quái.

M: (*quần sắn, bước vào hộ giữa, to tiếng*) Này, tôi bảo cho mà biết, đêm qua lại làm cho tôi mất ngủ. Cái giường thì óp a óp ép, kẽo ca kẽo kẹt cũng vừa thôi, phải có ý có tứ chứ...

A.C: (*khổ sở*) Chị... chị thương chị nói nhỏ một tí.

M: (*vẫn to tiếng, cong cớn*) Thương với xót, ai thương tôi nào?
Ông và bà cùng ra nhìn. Chị vợ ôm con trong góc, thút thít khóc.

B: (*nhỏ nhẹ*) Có chuyện gì vậy mợ?

M: (*cong cớn*) Đấy, chắc bên bà cũng nghe. Cứ nữa đêm là kẽo ca kẽo kẹt trên giường. Mà có phải thỉnh thoảng gì đâu, mỗi tuần ba bốn bận thế thì hàng xóm ngủ nghê thế nào?

B: (*vẫn nhỏ nhẹ*) Vợ chồng trẻ mà...

M: (*quắc mắt*) Kẽo kẹt đã đành, rồi lại còn rú còn rít lên như là... như là...
Ông mỉm cười, vẻ thích thú, lẩm bẩm

Ô: Có sao đâu...

M: (*cong cớn*) Hủ hóa thế thì lấy sức đâu mà lao động nữa... Thôi, đó là chuyện của nhà nước, không phải chuyện của tôi. Nhưng là hàng xóm, cũng phải ý tứ.

A.C: (*mặt đỏ, tay nắm vào nhau, lí nhí*) Dạ... dạ em biết

M: (*quyết liệt*) Biết à, biết mà còn thế chứ không biết thì chắc vỡ nhà đổ cửa à...
Tiếng trẻ con khóc. Chị vợ lại ẵm lên đung đưa.

B: (*nhẫn nhục*) Mợ ơi, sống chung thì chín bỏ làm mười. Mợ dặn thế các em nó biết rồi. Chúng nó còn trẻ. Sống chung đụng thế này thì trẻ cũng là một cái tội, mợ thông cảm.

M: (*lại cong cớn*) Tôi bảo cho mà biết, từ ngày hai vợ chồng dọn vào đây là tôi mất ngủ. Tuổi tôi nó thế... Hễ thức rồi là trong mắt cho đến sáng, dậy đi làm đi ăn thì cứ như người mất hồn... Anh chị nghĩ thế nào, phải có biện pháp khắc phục chứ. Và nhất là khắc phục đừng có rên lên hừ hừ, rồi rúc rích, lắm khi như rú như rít... Còn cái giường kọt kẹt... trải chiếu xuống đất mà hủ hóa. Phải sáng tạo tìm biện pháp...
Tiếng ho hộ bên cạnh. Ông đi ra, đến cửa hộ nhà mình, tinh quái, lẩm bẩm.

Ô: (*cười mũi*) Cũng khổ, mợ thì đang hồi xuân, nghe thế chắc nóng ruột lắm... chịu thế nào được

Ông bước vào. ở hộ bên phòng vợ chồng trẻ, bà theo ra, mợ đi sau.

M: (*gằn giọng*) Hôm nay tôi cảnh cáo. Lần sau biết tay tôi...

B: (*nhỏ nhẹ*) Chín bỏ làm mười mợ ơi!

M: (*trề môi*) Xí, tuổi bà thì... thế nào mà chẳng được.

Đèn tối dần.

Chuyển cảnh:

Hộ của mợ đèn sáng lên. Trong phòng chất đầy những gói hàng bọc bằng giấy báo.

M: (*ngồi xuống giường, lầu bầu*) Xéo đâu thì xéo, tao làm cho chúng mày bán xéo đi... (*ngẫm nghĩ*) *Chơi cho nguyệt chán hoa chê, cho lăn lóc đá cho mê mẫn người...*

Độc thoại:

-... Số với kiếp, chẳng ra làm sao cả. Khốn nạn, vừa giải phóng xong là nó đòi về ngay. Nó bảo "ở lại, để thu xếp rồi cả hai mẹ con cùng vào, chỉ dăm ba tháng nữa...". Bốn tháng sau, nó thư ra, nó viết "... trong này không hợp với hai mẹ con đâu, ít lâu tôi lại ra." Cuối năm, thằng chết tiệt nó ra thật, suốt ngày ngơ ngẩn, ngẩn ngơ. Đêm đến, nó chẳng thiết, kêu mệt. Sau, cứ tối là nó rượu vào. Lúc thì say khướt, lúc thì chưa gì đã chớ ra ngay... Chồng với con, chán thế đấy. Tháng sau, nó khóc, xin cho vào Nam, bảo là nhớ quê cha đất tổ... Không, cấm không được đi đâu. Chẳng biết nó vay mượn ai, tót ra ga Hàng Cỏ, bỏ vào Thành phố. Tháng sau, có bức thư cầm tay ra. Nó viết "... nay đã có tình yêu mới, đành lỗi vậy". Thế là hai mẹ con cùng vào. Nó trốn mất tích... tìm đâu cũng không ra. Xuống Vĩnh Long, người nhà nó vờ không biết... Chửi, chỉ còn chửi. Cha tiên sư lũ đàn ông chúng mày bạc nhé. Chửi mãi rồi cũng phải về, đi kiện. Đúng là con kiến mày kiện củ khoai. Nó là phục viên rồi, kiện tổ chức vô ích.

Mợ uể oải, mắt nhắm hờ, tay đưa lên vuốt ve ngực mình.

-... Tám năm rồi, nó tếch thế là tám năm rồi. Lỡ thì, lại có thằng bé, đứa nào nó dám "xây dựng". Thỉnh thoảng mới có một anh nào đó cũng "lỡ thì" đến lân la. Nó lân la, đâu phải vì mình. Nó vì hộp sữa, vì gói thuốc lá, vì lạng thịt nạc. ới xuân ơi, "chơi xuân kẻo lỡ xuân đi, cái già xồng xộc nó thì theo sau." Nó chẳng theo, mà nó đuổi như đuổi tà, chạy cũng không kịp. Tốc quần vén váy lên mà chạy. (*Mợ thò tay xuống phần dưới cơ thể, mắt nhắm nghiền*)

-... Ối cha mẹ ơi! Khổ cho cái thân tôi một mình thế này. Những thằng khốn nạn, chúng bay đâu? Đây (*tưởng tượng*) nó đây. Gân guốc ra phết. (*đối thoại tưởng tượng*) Xưa cũng xẻ Trường Sơn mà đi à? Sức voi. Đúng, lại kiên cường. Ghê nhỉ! Thế tiền tuyến có nhớ hậu phương không? Nhớ chứ. Nhớ thì làm gì? Thì còn làm gì nữa, ở rừng chỉ có khỉ...

Mợ thò tay tắt đèn, tiếng thở hổn hển. Rồi tiếng thở ra như trút nợ.

Chuyển cảnh:

Hộ vợ chồng trẻ. Đèn tù mù.

C.V: (*thút thít*) Khổ quá, về ở dưới quê còn hơn. Nó chửi cho xấu hổ ơi là xấu hổ!

A.C: Về thế nào được mà về. Về thì lấy gì mà ăn?

C.V: Hay là nhà cho tôi về với con. Nhà cứ ở trên này, tháng tháng lại...

A.C: (*ngắt lời, cáu bẳn*) Không! Cứ từ từ... sẽ giải quyết.

C.V: (*thở ra*) Bây giờ nằm ngồi cũng cứ len lét rón rén như vụng trộm... Khổ quá đi mất.

Tiếng trẻ con khóc. Chị vợ chồm dậy ẵm, đung đưa, mồm nói nhỏ.

C.V: Nín đi cho mẹ. Không mẹ lại khổ.

Anh chồng dậy quơ bình sữa, đưa cho vợ. Chị vợ lắc đầu.

C.V: Đổ nước sôi ra hâm cho nóng đã. Khổ, con tôi cai sữa nên mới

khóc thế này chứ...

Chị vợ cầm bình sữa, nhét vào mồm đứa bé. Anh chồng tắt đèn, rồi nhè nhẹ đặt mình xuống giường. Giường kêu cọt kẹt.

C.V: (*hốt hoảng*) Nó kêu...

Bên cạnh, tiếng ho khúng khắng. Rồi tiếng chặc lưỡi. Anh chồng giơ hai tay lên trời, miệng thở dài

Chị vợ uất quá, nói toáng lên

C.V: Giường cũ nó cót két. Chúng tôi chẳng làm gì sất! Giời ơi là giời!

Chuyển cảnh:

Hộ ông bà.

Bà ngồi đan. Ông tay cầm tờ báo, nhưng mắt nhìn đâu đâu.

B: (*bâng quơ*) Rõ khổ. Chín bỏ làm mười, sống cho nó qua đi!

Ô: (*thở ra*) Cứ như xưa, cả cái nhà này chỉ có một hộ thì đâu đến nỗi nào. Cứ việc rú, rít, rúc rích, tha hồ hủ hóa với nhau... Bây giờ thì khác, phải tiết kiệm tất. Từ miếng ăn miếng uống đến... cả cái chuyện hủ hóa. (*Chép miệng*) Cứ già như mình thì chẳng có việc gì mà lo. Giường cọt kẹt là mối nó đục, chẳng phải việc con người. Với lại, mợ ấy đang còn... thèm thuồng lắm, người đẫy đà, đi cứ lúc la lúc lắc, ngồn ngộn ra... Đêm mà có... xột xoạt ngay bên cạnh thì động lòng trần cũng phải.

Tiếng ho. Bà đứng dậy, vào buồng trong.

Ô: (*lẩm bẩm một mình*) Thèm thuồng. Ai chẳng thèm? Thế này là thèm từ ngày khởi nghĩa chứ lị. Thuở còn trai tráng, mình sợ chẳng dám lăng nhăng, cứ ván nào thuyền ấy. Thuyền lại cứ ỳ ra, có rú có rít gì đâu. Bây giờ hiện đại có khác. Thế giới đầy sóng âm thanh, chứ có đâu cứ rỗng ra huếch hoác như xưa (*cười tủm, rồi chép miệng*). Nghĩ mà thấy dại. Thuở sơ tán, bà ấy đi. Mình bám cơ quan ở lại có một mình, nhưng rồi cứ thấp thỏm sợ bom Mỹ, có nghĩ gì đến chuyện ấy đâu!

Bà ra

B: (*chậm rãi, giọng nhẫn nhục*) Tôi đố là chả yên được với mợ ấy. Mợ ấy mà kiếm chuyện thì sống thành sống ở địa ngục... Tội nghiệp con

bé, chỉ biết thút thít khóc. Ông phải nói thế nào cho mợ ấy bớt chua ngoa đi, hàng xóm với nhau...

Ô: (*khoa tay*) Chịu, chịu thôi. Mình nói nó chửi cả mình nữa chứ nế nang gì...

Bà im lặng.

Ô: (*thở dài*) Hôm nọ phải bảo rằng cháu đi kinh tế mới, chắc nó chẳng tin đâu. Thế nào ít lâu nữa nó cũng ép chuyện hộ khẩu cho mà xem...

B: Chẳng biết tin tức nó thế nào, ngày nào tôi cũng lo lo là... Lạy Giời lạy Phật, đi đâu thì đến nơi đến chốn.

Ô: Bà đừng lo. Tôi xem số nó, lại nhờ cả ông giáo sư sử học xem hộ nữa... Cung Di của nó tốt lắm, Thiên mã đóng ở đấy, lại có Tả phù Hữu bật, có Đào, Hồng. Thế là nhất, đi đâu cũng được. Năm nay, vào tiểu hạn thì Nhật Nguyệt tịnh minh, chẳng sợ gió bão gì, cho nên chắc là tới nơi tới chốn.

B: Tới nơi thì phải có thư về chứ. Dặn nó kỹ lắm rồi. Từ Quảng Ninh trôi đến Hồng Kông chỉ ba bốn ngày là cùng...

Ô: (*thì thào*) ấy, nhưng còn nhập trại, thủ tục này nọ. Mới lại trôi vào Trung Quốc, có phải đi Hồng Kông ngay được đâu.

B: (*thở dài*) Tội cho nó, chưa được hai mươi tuổi. Ngày lên ba thì bố chết trận, lên năm mẹ đi lấy chồng, bỏ lại cho ông bà. Bây giờ mười chín thì lênh đênh, chẳng biết sống chết thế nào...

Ô: (*Cáu bẳn*) Tôi đã bảo, số nó tốt lắm. Tốt nhất họ. Chẳng có gì phải ngại. (*ngần ngừ*) Nó có sang thì sang bên Mỹ, mình còn một ông chú, anh em chú bác với đằng nhà tôi, nhờ vả cũng dễ thôi...

B: (*lẩm bẩm*) Đã đến đâu mà nhờ với vả.

Bà ra, mở cửa sổ. Trăng lưỡi liềm lơ lửng. Nhìn ra ngoài, bóng cây sồi lung linh.

Có tiếng thở dài. Bà nhướng mắt.

Dưới gốc cây, chị vợ thu mình, co ro, tay chống vào cằm, nước mắt nhòe nhoẹt, khóc thút thít.

Trong tai, bà nghe văng vẳng tiếng Quan họ:

"Xe chỉ ấy (mấy kim) tôi luồn vào kim
Thêu vào (tình chung) khăn mặt
Gửi sang (ô tình là) sang cho tình
Thương (ô tình) gửi sang cho tình
Xẻ rễ (ấy) mấy cây
Vào rừng xẻ rễ (ấy) mấy cây, (xẻ rễ) một cây
Muốn cho (là cho) đây với đó
Cùng nhau (Ô vầy cùng nhau) sum... vầy!

Gió bỗng xào xạc, hú càng mạnh. Lá cây sồi rụng xuống lả tả. Ánh trăng chao đi, bóng chị vợ ngã chúi xuống đất.
Tiếng húng hắng ho

Đèn sân khấu tắt dần
Nhạc (không lời) quan họ xa đi rồi mất hút trong tiếng gió.

Cảnh 2:
Hộ ông bà, ông ngồi bàn đối diện mợ.

M: Đấy, cháu nói hết rồi... Có sang được thì cũng như sang sông, sang sông cũng phải có gì cho hà bá. Nào là cơ quan, là phường, là quận. Chạy lên chạy xuống cũng mất một cây. Vợ chồng nó hai cây, ông nhận giúp thì năm chỉ. Cháu chỉ lấy được mười bảy mét vuông, giá thế là giá thị trường, là giá đổi mới, thoáng và đúng qui luật. Sang được, chỉ có cháu với ông bà, đỡ đông đỡ ầm đỡ ngột... Thế là hai bên cùng có lợi, vậy thì ông còn ngần ngừ gì nữa...

Ô: (*ngần ngừ*) Nhưng mà dạo này có nghe thấy tiếng họ... ấy nữa đâu.

M: (*nói một mình*) Có chứ. Cái giường vẫn cọt kẹt...
Ô: (*cười tủm*) Cọt kẹt khác kẽo kẹt. Nhà nào giường chẳng cọt kẹt. Đến cụ tôi tám mươi nằm dở mình trong kia cũng cọt kẹt...

M: Nhưng mà... vẫn khó chịu. Cứ tưởng tưởng ra là khó chịu rồi. Thôi, phần ông năm chỉ. Ông làm giấy, chạy lên cơ quan anh ta hộ... Cháu xin kèm vào biếu thêm nửa năm sữa Vạn Thọ cho cụ... nhé.

(*Mợ nhìn ông, cười cười*)

Ô: (*im lặng*) Mợ để tôi xem.

M: Còn xem gì? Thế là phải quá đi rồi...

Ô: Giả như vợ chồng anh ta không chịu thì sao?

M: Thì sẽ có biện pháp. Ta có cách của ta mà! Cái đầu tiên, là cả ông bà lẫn cháu khiếu nại với phường vì ồn, vì ăn ở thiếu vệ sinh, cứ nghĩ ra gì thì khiếu nại cái ấy! Tạo áp lực là vừa...

Ô: Khoan, để tôi ướm thử xem sao đã.

Đèn sân khấu tắt. Hai ngày sau, vẫn cảnh cũ.
Mợ bước vào. Ông bỏ tờ báo xuống.

M: Sao? Ông ướm thì thế nào?

Ô: (*ngập ngừng*) Không phải dễ!

M: (*gắt*) Sao lại không dễ?

Ô: Họ chân ướt chân ráo tới đây, họ còn sợ... họ chẳng biết xoay xở thế nào!

M: Úi dào. Hay họ đòi hơn?

Ô: Cái đó thì tôi không biết!

M: Thế ông đã làm giấy khiếu nại lên phường chưa?

Ô: Chưa! Tôi chẳng biết có nên không?

M: Hay là ông cũng muốn thêm, năm chỉ chưa đủ?

Ô: (*lắc đầu*) Không phải thế...

M: (*cười nhạt*) Ông không khiếu nại thì cháu sẽ khiếu nại chính ông!

Ô: (*ngạc nhiên*) Khiếu nại gì tôi?

M: Rồi ông sẽ biết.

Đèn sân khấu tắt.

Chuyển cảnh:

Buổi tối đêm không trăng, hộ giữa.
Anh chồng và chị vợ ngồi. Mợ bước vào. Cả hai đứng dậy. Chị vợ ngồi mép giường.

A.C: (*rót nước*) Mời chị sơi nước.

M: (*tươi cười, đon đả*) Sao, cháu bé lớn vồng lên rồi, nhưng vẫn cứ hay nhè nhỉ! Tôi qua nói chút chuyện với vợ chồng cô chú... Đấy, ông bên cạnh đã nói qua với chú rồi. Chuyện tiền bạc, như thế là phải chăng lắm. Chỉ còn có cái việc là lên cơ quan chú chạy cho một chỗ ở khu tập thể xưởng, như thế chú đi làm lại càng gần... Chuyện đó, cũng cứ để tôi lo cho. Gì chứ liên lạc ngoại *giao (cười giả lả)*, tôi quen việc rồi...
Mợ ngừng nói, nhìn anh chồng, mắt thăm dò

A.C: (*ngần ngừ*) Chúng em đã khắc phục được vấn đề... vấn đề... tiếng động. Có gì làm phiền chị nữa?

M: (*ngắt lời*) Còn cháu, nó cứ khóc nhè, nửa đêm nó khóc, tôi thức dậy lại ngồi cho đến sáng... (*thở dài, vờ vịt*) Đấy, khổ cho tôi, cái tật hễ thức là chịu không ngủ lại được.

C.V: (*nhút nhát*) Cháu được tám tháng rồi. Cháu càng lớn thì càng ít dậy ban đêm, chỉ một hai tháng nữa chắc ngủ qua đêm thôi...

M: (*đáo để*) Một hai ngày cũng khổ, nói gì một hai tháng! (*tiếp tục, lại cười*) Mới lại, cô chú đào đâu ra hai lạng vàng ở cái đất Hà Nội này.

Công nhân như chú, để đến bao giờ mới dành dụm được ngần ấy. Cháu lớn lên, cô cũng phải làm cái gì ra tiền chứ. Hai lạng ấy, ít thì cũng là cái vốn ban đầu. Này, đan len hay nuôi thỏ đang "ra" lắm. Cả cái "qui-gai-xốp" nữa, có bà chỉ làm một buổi mà tháng kiếm cả trăm, gấp hai lần lương công nhân có nghiệp vụ đấy! Nếu cô chú không bằng lòng khu tập thể tôi sẽ lo cho cái hộ hai mươi nhăm mét vuông, rộng rãi hơn đây, ở Láng... Cũng gần thôi, và lại chẳng xa Cầu Giấy chỗ chú công tác là mấy! Nghe chị, có cái vốn làm ăn là quan trọng, (*nhìn chị vợ*) đồng ra đồng vào mới mở mặt ra với người ta.

A.C: (*bẻ ngón tay, hoang mang*) Chị cho chúng em suy nghĩ bàn bạc với nhau. Vả lại, hộ này là cơ quan phân, cơ quan quản...

M: (*cười*) Đã bảo đừng lo việc đó mà... Muốn xem cái nhà dưới Láng, mấy ngày nữa chị em cùng đi, xem rồi chắc là dễ quyết định hơn... Nhé! Nhớ nhé!

Mợ đứng dậy, ra. Đèn sân khấu tắt.

Chuyển cảnh:

Hộ ông bà. Mợ bước vào, ông bỏ tờ báo xuống.

M: (*giọng lạnh lùng*) Cháu đã nói thẳng với vợ chồng chúng nó. Cháu lại đề nghị là không muốn ở khu tập thể thì cháu cho một căn hộ khác ở dưới Láng. Thế, chắc làm gì chẳng xiêu, có thêm hai lạng bỏ túi, sướng quá đi chứ lị! Nhưng còn ông, vẫn chẳng thấy ông làm đơn khiếu nại phường...

Ô: (*bỏ kính ra*) Tôi nói quá, mợ bỏ cho. Nhưng tôi vẫn chưa biết tại sao mợ nhất định lấy căn hộ giữa, nên chần chừ. Nói là có tiếng... ấy, thì không phải. ồn ào, thì chỗ nào ở Hà Nội chẳng ồn, chẳng đông. Ngày xưa, Hà Nội có ba trăm nghìn người, nay lên đến ba triệu, đi đâu cũng chỉ thấy người...

M: (*đanh đá, cười nhạt*) Cháu thừa vàng, muốn đổi lấy đất. Có thế thôi!

Ô: (*chậm rãi*) Không phải chỉ có thế. Cách đây lâu rồi, hình như vào lúc trước Tết, có bà Thi làm chỗ in-te-sóp ở Giảng Võ với mợ. Bà ấy ghé

đây tìm nhưng lúc đó mợ về quê. Bà ấy hỏi tôi là tôi có muốn để lại căn hộ của chúng tôi cho bà ấy không. Chuyện một lúc, tôi vỡ lẽ là bà ấy muốn mở một quán cà phê. Đây là địa điểm trung tâm, quanh lại thiếu hàng thiếu quán. Dẫu phải vào cái ngõ, bà ấy bảo chẳng hề gì, cứ cà phê ngon là đông khách ngay. Bà ấy cũng đề nghị chuyển cho hai vợ chồng tôi xuống Láng...

M: (*cong cớn*) Chuyện đánh "quả" là chuyện chúng tôi.

Ô: (*giọng kể lể*) Nhưng thế, thì rồi hai vợ chồng chúng tôi sống làm sao? Quán cà phê ngay cạnh, chỉ tháng sau là mợ không bảo, chúng tôi cũng phải bán xới tìm chỗ khác. Nói mợ biết, cái nhà này là nhà bố mẹ tôi cho tôi, chết thì thôi chứ sống, chúng tôi không đi chỗ khác đâu...

M: (*mặt đanh lại, mắt nghếch lên khiêu khích, nhưng giọng nói lại trầm xuống, đe dọa*) Cháu có tin vui cho ông bà đây. Hai tuần trước, công an phường có báo cho cháu biết là cậu quí tử cháu đích tôn của ông bà bị bắt khi xuống thuyền ở Bãi Cháy định vượt biên...

Ô: (*há miệng, trợn mắt, rồi nghẹn cổ*) ... Hả, hả. Mợ nói cái gì...

M: (*cười nhạt*) Ấy là công an thông báo với cháu. Phường định gọi ông bà lên, hỏi ý cháu là tổ dân phố. Cháu cản họ, nói rằng cứ để cháu tìm hiểu đã...

Một con quạ bay vào đậu trên cây sồi, kêu váng lên trong tiếng gió xào xạc. Tiếng nước đổ vào bể nước nghe uồm uồm như trời sắp giông. Tiếng chân người đi ra ngõ, rồi im lặng lại trùm lên bao phủ căn nhà.

M: (*một lúc sau, nói tiếp, giọng mai mỉa, tỉnh khô*) Cháu bảo điều căn bản là xem về phần đạo đức ông bà thế nào. Bà thì gì cũng cứ chín bỏ làm mười, vô tư thôi, vẫn giữ bản sắc dân tộc... Phần ông, ông đứng lên theo cháu.

Mợ đi vào góc buồng, tường tiếp giáp với nhà vệ sinh, cũng là nhà tắm. Ông bước vào. Mợ chỉ vào.

M: Phần ông, ông chọc cái lỗ này để xem cháu tắm, đấy tang chứng đấy... Ông đứng lên cái ghế đẩu này, *(tay chỉ)* cứ nghe tiếng dội nước là ra xem thoát y miễn phí. *(Mợ lại cười).*

Ô: (*cúi đầu, lí nhí*) Sao mợ biết mà cứ để thế...

M: (*lại cười*) Ông ngốc lắm. Xem thì có mất gì. Với lại, đàn bà nào lại chẳng thích được thèm muốn... (*nói nhỏ lại như nói cho mình nghe*) Ai thèm muốn cũng được, để còn cảm thấy mình là đàn bà. (*Bỗng cứng giọng*) Đấy, thế nhưng từ ngày có con bé bên cạnh, là ông cũng phụ gái già này ngay... Buổi trưa, về dội nước, không thấy mùi thuốc lào và tiếng ông thở nữa. Đúng là có mới nới cũ, nó lại trẻ, vú vế căng ra như sừng trâu, mà lại vẫn miễn phí...

Mợ quay ra, đứng cửa.

M: (*cong cớn*) Đấy, đạo đức của ông là như vậy. Để cháu ra đầu ngõ nói với bà.

Ông ôm mặt, gục xuống bàn. Tiếng ho khan, rồi tiếng rên của cụ.

Chuyển cảnh :

Gốc cây sồi. Trời màu trắng sữa, trăng lưỡi liềm. Đèn hắt qua cửa cả ba hộ.

Chị vợ và bà ngồi ở gốc cây đang rửa bát.

C.V: (*giọng lí nhí*) Chắc chúng cháu phải đi thôi. Mợ ấy cho xem cái đơn khiếu nại của ông. Chẳng ai muốn chúng cháu ở đây (*nghẹn ngào, rấm rứt khóc*).

B: Ông ấy chẳng đặng đừng. Anh chị đi trước, chúng tôi rồi cũng phải đi sau thôi...

C.V: Cháu muốn về dưới quê. Cháu sợ Hà Nội lắm rồi...

B: Tôi cũng muốn về dưới quê. Tôi sợ con người lắm rồi...

Gió xào xạc. Lá sồi lại rụng.

B: Dưới quê nay thế nào nhỉ?

C.V: Như làng cháu, có đông lên nhưng cày cấy cũng còn ít đất. Chỉ khổ là làm mười ăn bốn, sáu phần còn lại là nộp thuế. Thuế tỉnh. Thuế huyện. Rồi đóng góp vào quĩ. Quĩ cải thiện cái này cái nọ. Nào là giáo dục, y tế...

B: Không, tôi hỏi cái khác. Có còn kết bạn quan họ với nhau không?

C.V: (*ngơ ngác*) Cháu chẳng nghe thấy nói bao giờ cái hội ấy.

B: Thế cái Xuyến bu cháu không hát bao giờ nữa à?

C.V: (*lắc đầu*) Không. Thuở cháu còn bé, thỉnh thoảng bu có hát...

B: (*cười, dịu dàng*) Hát thế nào...

C.V: Cháu nhớ không rõ. Hình như có cái câu "Xa xôi xích lại cho gần. Làm thân con nhện mấy lần chăng tơ".

B: (*xa vắng*) ... Ngày xưa, bu chị, bác Tình với chỗ làng tôi kết bạn quan họ đấy. Bu chị tiếng trong veo, cất tiếng hát như nước sông Phượng Nhỡn, trôi đi như lụa. Còn bác Tình, bác hát thì con sâu cái kiến cũng động lòng... Mà này, chị có hay lên bác không?

C.V: Dạ có. Ngoài giỗ tết ra, cháu cứ tháng tháng lên thăm bác. Bác cháu không vợ không con, ở có một mình mà.

B: (*giọng run run, nhỏ đi như thầm thì, nghẹn ngào*) Bác làm gì để sống?

C.V: Bác cháu khi còn khỏe cũng ra đồng. Sau này, bác cháu ở nhà làm giấy vàng, giấy bạc, bỏ bán trên chùa Cổ-Pháp...

B: (*ngập ngừng*) Có bao giờ bác hát không?

C.V: Không. Bu cháu bảo bác đã thề từ lúc còn trẻ là bác không hát nữa.

Bà quay đi, nước mắt chảy ra, tay quệt, im lặng.

Độc thoại :

- "Ối anh Tình ơi, em dẫu có ôm cầm thuyền khác thì cũng là do anh. Anh cứ sợ em khổ, chứ xưa anh nói một câu là em bỏ tất, bỏ làng bỏ xóm, bỏ mẹ bỏ cha, hai đứa mình đi đâu thì đi, sống chết có nhau. Anh lại làm khổ anh, thề bồi làm gì, để cả cái xã Đình Bảng mất đi một tay quan họ...

Hỡi anh Tình của em ơi!

Tiếng hát vẳng lên:

"Mây mưa biếng để lá vàng
Yêu ai nên xót, xót nàng một thân
Xa xôi xích lại cho gần
Làm thân con nhện mấy lần chăng tơ
Ví dù người có lòng chờ
Những công lênh ấy bao giờ dám quên
Yêu nhau giữ lấy lời nguyền
Xin đừng xẻ ván bắc thuyền cho ai
...
Yêu nhau đóng cửa không cài"

Quạ ở đâu bay ngang, tiếng kêu như dọa nạt. Có tiếng khóc đứa bé. Tiếng anh chồng ru à ơi.

C.V: (*đứng dậy*) Thôi cháu vào...

B: (*nắm tay kéo xuống*) Để tôi hỏi thêm một tí... (*bà ngập ngừng*) Thế hôm bác mất, có ai ở bên cạnh không?

C.V: *(hơi ngạc nhiên, trả lời*) Có chứ ạ. Bác cháu ốm cả mấy tháng. Bu cháu với cháu thay phiên nhau lên nấu nướng cho bác. Hôm bác mất, cả bu cháu lẫn cháu đều ở đấy! Bác đưa cho cháu một cái lược, dặn "Có chôn, chôn cả cái này". Bu cháu khóc ầm lên. Bác lại thều thào bảo bu cháu "... Cô nhận ra được à, của cái Xoan đấy. Đừng khóc! Tôi sống chẳng để được cái gì cho Xoan cả!" Từ đấy, bác cháu lịm đi, đến sáng thì để tay vào mũi không thấy thở nữa...

Bà gục đầu, vai rung rung, lại quay mặt đi.

C.V: (*ngạc nhiên*) ... Thôi cháu phải vào!
Chị vợ đứng dậy đi, ngoái lại

C.V: Bà ơi, bà có biết bà Xoan nào không?

Bà lắc đầu, cúi gằm mặt xuống. Im lặng. Tiếng đàn đại hộ cầm

vẳng lên thê lương. Trong đêm trăng, bà ngồi ở gốc cây sồi, bóng đổ xuống sóng xoài trên mặt sân. Một lát sau, bà lẩm nhẩm...

B: Tội nghiệp cho chúng mình, anh Tình ơi!

Ngước nhìn trăng lưỡi liềm lơ lửng, mặt bà chan hòa nước mắt. Bà khấn.

B: Anh ơi, sống khôn thác thiêng, có ông trăng trên đầu chứng giám tình em gửi anh, trên đời này cũng như ở những đời khác... Ngày nào em qua thế giới bên kia, em sẽ tìm anh cho bằng được. Sống đã lìa nhau, chỉ chết mới đoàn tụ, nhưng xin anh đừng phụ tình em như ở trên cái dương gian này, anh Tình nhé! ...

Đèn sân khấu tắt dần
Văng vẳng tiếng hát quan họ

MÀN III
tiếng thét

Cảnh 1:

Hộ giữa. Chị vợ ngồi góc giường ôm con

Ô: Mợ ấy đưa tiền để nhà tôi đi chợ mua con gà về thịt để liên hoan đấy. Thế, anh đã nhận rồi à?

A.C: Dạ, nhận trên nguyên tắc. Cũng phải đợi giấy tờ thủ tục cho xong đã. Ông bảo, về ở Láng cũng được, nhưng có gì chắc đâu. Mợ ấy chỉ hứa. Trên cơ quan con, họ không phản đối...

Ô: Thời buổi này, nén bạc đâm toạc tờ giấy. (*thở dài*) Cái kế hoạch cà phê của mợ ấy hình như cũng thông lắm. Trên phường họ thì thào là sẽ lắm anh được uống cà phê miễn phí. (*lại thở dài*) Còn chúng tôi, cũng rồi chẳng biết thế nào... (*ngập ngừng*) Anh xem, tôi cũng chẳng làm gì được!

A.C: Con tưởng cứ chữ nghĩa như ông, lại có cơ quan truyền thông sau lưng, ông không muốn thôi chứ đám con buôn làm gì được ông. (*cười nhạt*) Ông cũng ngã giá được năm chỉ mà...

Ô: Ấy, nói tội cho tôi. Tôi chả có chỉ nào cả. Tôi vào cái thế há

miệng ra không được!

A.V: (*mỉa*) "Người trên ở chẳng kỷ cương... để cho người dưới lập trường mây mưa". Chúng con vốn chân lấm tay bùn, chỉ mong những người có chữ có nghĩa nhìn xuống mà xử cho công minh. Ông dạy thế, con tin thế. Nhưng ông hưu rồi, ông bênh thì ông viết cho cái đơn đưa lên giải thích. Chẳng thế, chính ông khiếu nại...

Ô: (*khổ sở*) Tôi không làm, thì người ta khiếu nại tôi.

A.C: (*cười*) Ông có ở cái tuổi thanh niên đâu mà mợ ấy kiện về cái tội giường kêu kẽo kẹt được...

Ô: (*nằn nì*) Không vì cái tội ấy, nhưng... Thôi, anh cho tôi xin, nói ra không được anh thông cảm.

A.C: (*nổi cáu*) Đến bây giờ con mới hiểu anh em thợ cứ bảo, nói ông tha lỗi, bọn trí thức thư lại là bọn ăn cứt không biết thối...

C.V: (*hốt hoảng*) Ấy chết, ai lại nói thế.

A.C: (*gằn*) Thôi, ông về đi. Để sức tối nay mà liên hoan.

Ông lủi thủi đi ra, nói với lại "... Tội cho tôi, tội cho tôi ..."

Chuyển cảnh:

Hộ ông bà.Ông ngồi trên ghế, tay ôm đầu, chăm chăm nhìn xuống tờ báo, vẻ như đọc.

Độc thoại :

- Nhục, nhục quá. Ăn biết là thối, nhưng không ăn không được. Ăn rồi, biết là nuốt không trôi. Đấy, cứt cứ ở lưng chừng thực quản, ngậm miệng cũng thối, há miệng cũng thối, thối sực lên đầu thế này thì sống làm sao... Cháu ơi, đi đâu mà lại lạc vào tay chúng nó. Mày đẻ ra, tao ghi ngày ghi giờ, số mày thế mà sao lại bị bắt. Cung di tốt nhất họ. Thiên mã đóng ở đấy. Xem lại, tiểu hạn lại có Long Phượng Cái Hổ. Giời ơi, giời triệt nó à hả giời! (*khóc nức nở, vai rung lên*).

Bây giờ, nó bắt nọn. Cái tội xem trộm nó tắm thì không sợ. Nó biết, nó còn quay lại cho xem. Có hôm, nó thò tay vào nó vuốt ve, mặt nó dại đi, môi nó run lên. *(Ông chép miệng, thè lưỡi liếm môi)* Thế có nghĩa là nó khiêu dâm mình, cái con khốn nạn. Sợ gì, mỗi người một miệng, cứ nói thì ai biết đâu mà tin ai. Hừ, giả vờ đóng vai kẻ cả, kể ra cái kế hoạch cà phê của nó là xong, ai chẳng tin là nó định chiếm nhà mình nên bịa ra chuyện. Dĩ nhiên là trừ bọn trên phường. Chúng nó một cánh với nhau. Nhưng mình dọa nói với cơ quan cũ, chắc chúng nó cũng phải co lại. Báo chí đang đổi mới mà. Đồng chí tổng bí thư có dặn là phải tự cứu. Thời này là thời cởi trói... thời nói thẳng nói thật.

Chết. Nói thẳng nói thật cũng phiền lắm. Phiền lắm chứ. Như mình, nói thật thì chết. Còn nói thẳng, nói thẳng chuyện người ra thì được, chớ nói chuyện nhà mình, phải bí mật...

Bà đi chợ về, tay xách con gà, vào. Nhìn ông mắt đỏ hoe, bà nói

B: Ông lại lo cho cháu. Mợ ấy dặn tôi là đang chạy hộ, đòi dưới Quảng Ninh giả nó về công an phường ở đây. Có về đến, thì có thể là trót lọt được, nó khỏi phải đi cải tạo.

Ô: (*nhẹ giọng*) Mợ ấy đâu chạy cho mình miễn phí đâu. Bà nghĩ mợ ấy đòi hỏi gì? Tôi đồ là mợ ấy muốn chiếm cả căn hộ này (*tay chỉ...*).

B: (*buồn buồn*) Thì đứt đuôi con nòng nọc đi rồi, có thế mới mở quán cà phê được chứ!

Bà ngồi xổm, loay hoay mở gói

Ô: (*giận dữ*) Thế mà bà cũng mua gà mua quế về liên hoan được à?

B: (*nhẫn nhục*) Ông bảo tôi phải làm sao? Một đàng, ông cứu thằng cháu thì tất mất nhà. Đàng khác, ông giữ nhà thì cháu ông đi cải tạo ba năm, năm năm. Muốn chạy cho nó, cũng hai, ba cây vàng. Bán nhà đi cũng chỉ thế... Kinh tế thị trường nó vậy. Vừa mua phải bán, tù tội cũng có giá của nó.

Ô: (*tuyệt vọng*) Con dại, cái mang. Bố nó chết, mẹ nó bây giờ đi đâu mình cũng chẳng biết, thì ông bà làm sao bỏ nó được. Đi cải tạo là vào lý lịch, sống cho đến lúc chết nó là kẻ có án, cả đời sẽ nhục nhã khốn nạn. Thôi, đành. Chỉ có cái là đi đâu bây giờ?

B: Tôi về dưới quê. Dưới đó thì may ra còn có kẻ đùm bọc...

Ô: Chịu, tôi chịu. Tôi quen trên này, về dưới đó buồn chết được. (*Hoảng hốt*) Tuổi này, không có bà thì sống dở chết dở. Lại còn cụ nằm trong kia (*tay chỉ vào trong buồng*).

Lại tiếng ho, rồi tiếng rên hừ hừ.

Ô: (*rấm rứt*) ... để tôi xem. Hay làcứ lên cơ quan cũ tình thực khai hết, nhờ họ giúp cho.

B: (*bật cười, buông thõng*) Thôi đi ông ơi. Thế là lại rách việc đấy.

Chuyển cảnh:

Hộ của mợ

M: Mời ông vào (*tay chỉ ghế*).

Ông lẳng lặng vào, ngồi xuống. Mợ kéo ghế, ngồi trước mặt, tay rót nước.

Ô: (*ngần ngừ, mắt nhìn xuống*) Thưa mợ, tôi qua trình bày với mợ, mong mợ thông cảm. Tôi xin nói thẳng. Tôi có mỗi một đứa cháu, như mợ biết nó từ ngày mợ về đây... Đúng là cháu nó xuống Quảng Ninh, theo bạn theo bè. Đến khi cháu đi rồi chúng tôi mới biết, sợ nên phải nói là cháu đi kinh tế mới... mợ đừng hiểu lầm, tội cho tôi, tôi nào muốn dối trá. Bây giờ, mợ nói tôi mới biết là cháu nó bị bắt. Mợ thương cho, cháu nó còn trẻ còn dại... Tôi biết nói gì hơn...

M: Cháu đã trao đổi với bà. Để nó đi cải tạo là khổ cả đời nó, lý lịch thế ai bôi đi cho được! Nhưng khó lắm, chuyện quan nha lúc nào cũng phức tạp, sai "đường dây" là sôi hỏng, bỏng không, lắm khi bị cột cái họa vào mình nữa.

Ô: (*vội vã*) Ấy, thế mới phải thưa với mợ. Mợ xem thế nào?

Mợ ghé gần ông thì thào. Ông nghe, chỉ gật gù, miệng kêu nhỏ "dạ, dạ". Mợ ngừng nói, với tay lấy chén nước. Ông ngơ ngơ ngẩn ngẩn.

Ô: (*não nề*) Tốn kém thế, chúng tôi tiền đâu? Chỉ còn cách là chúng

tôi sang cho mợ căn hộ chúng tôi, nhưng thế thì chui rúc vào đâu bây giờ!

M: (*thản nhiên*) Cháu nói để ông nắm thông tin. Còn phần cháu thì vốn liếng đổ ra hết cho vợ chồng hộ bên rồi. Cuối cùng, ngã giá là cái căn phòng ở Láng cộng với hai lạng ba chỉ. Dĩ nhiên là cháu chịu cả tốn phí với phường, quận, hợp tác xã ở Láng, rồi cơ quan anh ta... Cái xưởng cơ khí hai gì đó. Tính tất cả, cháu mất bay đi bốn lạng chẵn, cạn hết vốn rồi ông ạ. Thế nên ông có sang cho, cháu cũng chịu, tiền đâu mà có!

Ô: (*lúng túng*) Chết, chết. Tôi làm thế nào bây giờ. Mợ bảo cứ ít là hai cây mới lo được cho cháu thì tôi đào đâu ra? Hay là mợ hỏi giúp cái bà Thi hộ tôi. Tôi chẳng biết bà ấy ở đâu cả...

M: (*đứng dậy, cười giả lả*) Chuyện đâu còn đó, ông cứ để tính toán từ từ, không đi đâu mà vội. Tối nay, cháu tổ chức liên hoan cái chuyện ngã giá với vợ chồng ở hộ bên, mời ông sang chơi. Ông cứ vui lên, cứ bình tĩnh. Cháu sẽ lo giúp ông cái việc cậu cháu đích tôn. Tối, nhờ ông viết hộ cái "hợp đồng" với vợ chồng bên cạnh, và nhờ ông làm nhân chứng cho... Nói thêm với ông là cái hứa năm chỉ để ông, cháu vẫn nhớ. Để xem công việc kia ra sao rồi sẽ tính một thể cho tiện. (*Mợ cười, tay giơ ra chai rượu để dưới bàn*) Tối nay liên hoan có cái này, Ararat đấy. Rượu tây nhé, nút có bọc giấy thiếc hẳn hoi, bảo đảm không phải là rượu "zởm" đâu.

Chuyển cảnh:

Tối, hộ mợ. Anh chồng, chị vợ, ông, bà, và mợ ngồi trên giường, xung quanh một cái mâm bày đầy thức ăn. Mợ cầm bản "hợp đồng" giơ lên, rồi gấp lại làm tư, bỏ túi.

M: (*tươi cười*) Đây là thắng lợi của tình hàng xóm, nghĩa láng giềng, trên quan điểm tôn trọng lẫn nhau, trao đổi hai bên cùng có lợi. Vì thế, hôm nay có ông bà là người lớn, thế hệ cha anh, rồi có cô chú, thế hệ kế thừa cách mạng, và tôi... đã tồn tại sau hai cuộc kháng chiến, chúng ta cùng nhau nâng chén (*mợ nâng ly lên*) uống mừng cho... (*mợ chựng lại*) mừng cho... (*mợ nhìn ông, cầu cứu*) mừng cho ...(*mợ nói một mạch như máy*) thành quả cách mạng thắng lợi, cho tương lai sáng lạn, thành công xây dựng xã hội chủ nghĩa, xây dựng con người mới, một khâu chính yếu trong ba nhiệm vụ cách mạng hàng đầu... (*mợ hụt hơi, miệng lúc một ngượng, ngừng nói, nhìn khắp lượt*). Nào, xin mời ông bà, cô chú (*đưa*

tay lên môi uống một hơi...).

Mọi người đều nhấp rượu, gượng cười.

M: Rượu ngon đấy, cay sè. Cái này phải cấp giám đốc mới được phân. Tôi chạy mãi mới có. Nào, nào... ở miền Nam, họ dùng chữ hay lắm, họ hô "zô, zô". Mời ông bà, "zô" đi chứ.

Ô: Mời mợ.

Bà gắp một miếng thịt gà.

B: Cám ơn mợ. Lâu lắm tôi mới lại thấy thịt gà. (*Nhìn chị vợ*) Ăn đi cháu...

M: Cứ tự nhiên nhé. Bây giờ là người nhà với nhau cả mà. Sau cô chú có đi đâu thì đi, cứ tết nhất là phải về đây với ông bà và chị một bữa... Hà, hà. Cái ông nhà văn Liên Xô nào, ông Tôn Toi hay Tôm Tươi gì đó, có nói thế này "... Tình chỉ đẹp khi bụng còn dang dở..." phải không ông?

Ô: (*ngượng*) Tôi không nhớ, mợ ạ!

M: (*quay sang anh chồng*) Chú nhớ bổ túc văn hóa nhá. Các nhà văn Liên Xô vĩ đại lắm, chú phải đọc. Cái câu tôi vừa nói đấy, dễ hiểu lắm. Bọn bụng đã no rồi, thì làm gì mà có tình với nhau. Ý là đã thành tư bản thì hỏng hết, cạn tình sạch nghĩa với nhau ngay... (*mợ gắp vào bát chị vợ*).

M: Còn cô nữa. Phụ nữ chúng mình bây giờ phải tranh thủ chức năng cách mạng, không xin mà chủ động dành cái quyền của chúng mình. Như bà đây, (*nhìn bà*) bà miệng cứ hô chín bỏ làm mười, nhưng khi bà ra lao động ngồi bán thuốc lá thì thu nhập có kém gì ông đâu. Thế, muốn gì thì muốn, phải bình đẳng kinh tế trước...

Ô: (*cúi đầu, ngượng ngập, nói lảng*) Chết, tí tôi quên. Tôi có mang về ít báo, (*tay với đằng sau, đưa ra một xấp*) để mợ với cô chú đọc. Trong này, có một bài nói về nữ quyền. (*Nhìn anh chồng*) Bây giờ mà các ông thượng cẳng chân, hạ cẳng tay với vợ thì Tòa Án Nhân Dân có quyền truy tố đấy. Báo kể là một ông đánh vợ, vợ ra khai "Thưa các đồng chí, quả em mình mẩy có thâm tím một tí, nhưng không phải là lỗi nhà em." Tòa hỏi "Thế là lỗi ai?", chị vợ ngập ngừng "Thưa, lỗi em ạ!". Tòa gặng mãi.

Chị ấy bảo "Tại em thích thế, anh ấy đánh theo yêu cầu!". Tòa xử "Đánh vợ dẫu theo yêu cầu cũng không được, phạt sáu ngày lao động, ba mươi đồng". Phần chị vợ, Tòa cảnh cáo đã vi phạm nếp sống văn minh, nếu còn tái phạm, sẽ có biện pháp trừng trị...

Tất cả đều cười rộ lên. Anh chồng bắt chước, tợp một cái hết ly rượu.

M: (*nhìn*) Con trai khỏe mạnh phải uống như thế. Zô là zô, ra là ra. Chỉ một hơi, lúc nào cũng cứ định là làm. Còn con gái, (*nhìn chị vợ*) ta "ba đảm đang cải tiến"... Này em có biết "cải tiến" là thế nào không?

Chị vợ nhút nhát, lắc đầu

M: (*cười, đặt đũa xuống*) Chắc cả nhà biết, (*nhìn quanh, hát*) "Từ ngày anh đi, việc nhà em đảm đang" chứ?
Tất cả gật đầu. Mợ cười, tiếp

M: Ba đảm đang cải tiến là (*mợ hát, giọng chua như dấm*) "Từ ngày anh đi, việc nhà em đảm (ư)đang. Đẻ đứa con trai, nó giống cả làng".

Mợ cười ngặt nghẽo
Anh chồng, chị vợ, ông cũng cười
Bà im lặng, nhìn xuống, nhếch mép

Độc thoại (của bà):

- Xuyến ơi, con em đây mà chị chẳng làm gì được cho nó, để người ta cướp của nó chỗ ăn chỗ ở. Anh Tình ơi, cháu anh đấy. Em nhìn nó, em lại tan nát cõi lòng. Thì ra anh chôn theo cái lược của em tặng anh ngày rằm, ngày anh hát ghẹo em cái câu "Cầu tre ai bắc gập ghềnh. Quan họ đi khéo, kẻo ngã lấm mình ai thương!" Anh Tình ạ, giờ đây đường đi nước bước chỗ nào cũng gập ghềnh, em ngã, anh ngã, rồi cháu anh cũng ngã. Ngã không đỡ được...

Mợ đứng dậy, tay lấy một cái cassette bỏ vào máy, loay hoay bật lên.

M: (*vui vẻ*) Nhạc vàng đấy. Bây giờ hiện đại là vàng. Còn nhạc xanh nhạc đỏ thì hết thời rồi. Nào, lại zô, zô nhé. Nhạc vàng nghe phải lơ mơ

mới thú.

Nhạc nổi lên. "Môi nào vẫn thơm, cho ta phơi cuộc tình..."
Tiếng mợ hỏi "hay chưa?" *rồi i ỉ hát theo*, "Môi nào vẫn còn thơm, cho ta say cuộc tình.....Tóc nào hãy còn xanh, cho ta chút hồn nhiên ...".

A.C :(*cố giấu bực bội*) Không phải *say* mà là *phơi, phơi cuộc tình.*

M: (*tỉnh bơ*) Cậu trẻ thế mà giáo điều văn bản cứ như là đi làm chính trị ấy. Còn tôi ấy à, tôi không *phơi* mà *say* cơ, nhân dân mà...(*đùa cợt*) *phơi* lại phải canh kẻo ăn cắp nó lấy mất.

Tiếng nhạc nhẹ xuống, văng vẳng...
Tiếng hát quan họ "người ơi người ở đừng về ..." *lên cao, nhưng vẫn nghe văng vẳng, át dần...*

Độc thoại (của bà):

- Ngày em về nhà chồng, em đã nguyền rủa cả đất lẫn trời. Anh chị quan họ biết chuyện cũng chỉ ngậm tăm, chỉ cái Xuyến là nó không giấu nổi nước mắt, cứ rủ người ra khóc. Nó khóc vì đêm trước anh đã định bỏ em đi khỏi thế gian một mình. Sáng sau, Xuyến nó chẳng biết anh mệnh hệ thế nào. Còn em, em đâu biết gì, em nguyền rủa cả anh lẫn em, chỉ muốn lăn ra chết ngay mà thôi... ới anh Tình ơi...

Bà lẩm nhẩm "Người về em vẫn ư ừ ứ ư (có mấy) khóc (ư) thầm. Đôi bên (là bên song như) vạt áo, (mà này cũng ứ a ướt đầm), ướt đầm như mưa..."

M: (*nghe thấy, phá lên cười*) Ấy, bà cũng văn nghệ nhỉ...

Mợ mở to cassette. Tiếng nhạc Trịnh Công Sơn to lên "Hương trầm có còn đây. Ta thắp nốt chiều nay. Xin ngủ trong vòng nôi. Ta ru ta ngậm ngùi..."

Ngoài sân, trăng tròn, màu pha lê rũ xuống những nhánh cây sồi đâm ra khẳng khiu tựa những cánh tay ma quỉ đang chụp bắt nhân gian. Tiếng nhạc Trịnh Công Sơn ảo não, nhỏ dần, đồng thời đèn sân khấu tắt lịm đi.

Tiếng côn trùng kêu nỉ non, lúc một to.

Đêm về. Ba căn hộ như ngủ say. Vẫn chỉ có ánh trăng, tiếng côn trùng. Tiếng gió bỗng nổi lên xào xạc lá.

Thình lình, đèn ở hộ giữa bật lên sáng trưng.

Tiếng thét thất thanh: Ối giời ơi!

Cửa hộ giữa mở. Anh chồng độc có cái quần đùi chạy ra kêu to "Ối giời ơi!". Đèn hai hộ bên cùng mở lên một lúc. Anh chồng đấm thình thình vào cửa hộ ông bà.

A.C :- Ông ơi, bà ơi... (*khóc ngất*) Ối ông ơi!

Ông chạy ra. Theo sau là bà. Mợ cũng mở cửa, áo quần mỏng mảnh, tóc xõa, ngơ ngác.

A.C: (*run giọng, hoảng hốt*) Ông bà ơi, nhà con... (*tay chỉ*) Nhà con...

Ông chạy vào. Giữa chiếc chiếu giải trên nền nhà cạnh cái giường, chị vợ nằm lõa lồ, trên mặt có cái gối úp vào.

B: (*kêu thất thanh*) Sao? Sao? ... Có chuyện gì vậy...

Màn hạ nhanh. Tiếng đàn đại hồ cầm ở đâu vẳng lên, mỗi lúc một to, kêu gào thảm thiết rồi nhẹ hẫng đi như rên rỉ.

Cảnh 2

Chiều hôm sau. Ánh nắng tàn trên ngọn cây sồi. Trong hộ giữa, tiếng trẻ con khóc. Bà ôm đứa bé, vừa ru vừa bước quanh bước quẩn:

B: (*hát nho nhỏ*)
"Trông nước, (thì như) nước chảy
Trong bèo (là) bèo trôi
Người ơi người ở đừng về..."

Anh chồng ngồi thu lu một góc, ngơ ngơ ngẩn ngẩn nhìn bà không nói năng gì....Trên giường, xác chị vợ đắp một mảnh vải trắng, trắng xóa, rộng ra mênh mông như biển.

Ô: (*thở ra*) Chắc phải lo phần thủ tục. Sống đã lo, chết lại càng phải thủ tục. (*Nhìn anh chồng*) Bây giờ khai làm sao?

A.C: (*nước mắt ràn rụa*) Chúng cháu sợ nên mỗi lần... cháu úp gối vào mặt nhà cháu để khi kêu, không ai nghe tiếng... Mấy tháng nay như thế. Hôm qua, (*nức nở*) lúc xong thì... ông ơi! (*khóc ngất*).

Ô: (*chậm rãi*) Anh cứ bình tĩnh...

A.C: (*hổn hển*) Ông ơi, cháu gọi "Này, nhà nó...", không thấy tiếng động. Cháu lay. "Nhà nó ơi!". Cháu tưởng nó đùa. Cháu mặc. Cháu quay lưng lại. Thế nào nó cũng giẫy lên, nhưng không. Năm phút. Rồi mười. Cháu quay lại, lay nó. Ôi chao, người nó lạnh ngắt. Cháu thò tay cù. Nó không cười. Ông ơi, cháu bỏ tay vào mũi nó... Chắc nó nín thở. Cháu lại cù. Nó vẫn không cười. Ông ơi, nó bỏ cháu một mình rồi. Cháu kéo nó. Nó nhũn ra. Nó ngã xuống. Mặt nó xanh lè. Mình ơi, nhà ơi dậy đi. Nó không trả lời. Nhà ơi, tôi đây... Nó không trả lời. Nhà nó ơi, tôi van nhà, nhà nói một câu. Nó ngã vật xuống, như là cả thế giới này ngã vật xuống, vô tri, thản nhiên. Ông ơi... kinh khủng. Cháu sợ. Nhà ơi! Dậy, dậy... Cháu đứng lên, cháu mở đèn. Mắt nó còn trợn ngược lên, mồm há hốc. Em ơi, em làm sao vậy... Cháu tung cửa ra, cháu gọi ông, gọi bà...

Độc thoại (*của bà, đệm vào là tiếng quan họ văng vẳng*):

- Phải, tôi vào. Tôi đắp chăn cho cháu. Mắt nó vẫn mở, nhưng mặt nó sao lại vừa đau đớn, vừa mãn nguyện. Tôi vuốt mắt cho nó. Anh Tình ơi, em vuốt mắt cho cháu anh đây. Vuốt mãi, mắt nó không nhắm. Em khấn, có linh thiêng, anh ơi, anh giúp cho cháu nó đi được thanh thản. Khấn xong, em lại vuốt... Mắt cháu nhắm lại, dịu dàng, lặng lẽ, như ngủ mơ... Lúc đó, rõ ràng tai em nghe có tiếng thở dài bên cạnh. Có phải anh về không hả anh Tình của em? Đúng, đúng là anh.

Tiếng hát câu ghẹo "Cầu tre ai bắc gập ghềnh.Quan họ đi khéo, kẻo ngã lấm mình ai thương!" to lên, rồi từ từ lắng xuống, rồi tiếng khúc khích nghịch ngợm mơ hồ vọng lại.

M: (*bất ngờ bước vào, nhìn mọi người, đanh giọng*) Ông sang ngay bên cháu.

Mợ quay ngoắt ra.

Chuyển cảnh:

Hộ nhà mợ.
Ông ghé vào tai mợ rì rầm. Mợ cười nhạt.

M: Không phải là ngộ sát.

Ô: (*ngạc nhiên*) Ngộ sát, thật mà.

M: Tôi bảo là không phải. Thật hay không, đó là do chúng ta...
Ông ngẩn người, mặt nghệt ra

M: Sự thật của con người ta là ở cái mồm. Nói, cứ nói, nói như đinh đóng cột. Đứa nào nói trái lại thì tiêu diệt nó. Nói thế, gì cũng thành sự thật.

Ông im lặng, mắt nhớn nhác.

M: Vì thế, tôi bảo không phải là ngộ sát, mà là... có ý đồ.

Ô: ... Nghĩa là cố sát.

M: Hôm nay, vấn đề đã thay đổi. Ta lại đứng trước một tình huống mới. Phải linh hoạt, uyển chuyển đáp ứng, đó là bài học lớn của Cách mạng.

M: *(đổi giọng, nhẹ nhàng)* Ông ngồi xuống, cháu nói ông nghe.
Mợ ghé lại, rì rầm. Ông nghe, cứ lắc đầu.

M: Ông về nói với bà xem, thu vén như thế có gọn không?
Ông ra.

Chuyển cảnh:

Hộ nhà ông bà. Bà vẫn ôm đứa bé. Tiếng ho khù khụ. Tiếng khóc đứa bé. Bà đung đưa. Ông ghé vào tai bà rì rầm. Bà ngẩn người ra,lắc đầu, miệng mím chặt.

B: (*cương quyết*) Tôi thì tôi chịu. Xác con bé còn quàn ở bên kia, ai lòng nào...

Ô: Bà biết. Muốn cứu cháu khỏi cải tạo, thì mình mất nhà. Mất trắng, thì đi ở đâu? Bây giờ, mợ ấy đề nghị một mặt vẫn chạy cho thằng bé, mặt khác, mình dọn đi thì cái hộ ở dưới Láng dành cho mình về đó... Còn cậu kia, nay góa vợ, cứ giữ lấy con ở lại đây, mợ ấy giúp.

B: (*chua chát*) Mợ ấy giúp lần này miễn phí nhỉ...

Tiếng đứa bé lại khóc.Tiếng ho khan của cụ.Bà ru, giọng nho nhỏ: "Con kiến mày kiện củ khoai. Mày chê tao khó lấy ai là giầu..." *Mợ bước vào, nhìn bà,mắt có chiều dò hỏi.*

M: (*quay sang phía ông*) Ông đã nói với bà chưa?

Ô : (*ngập ngừng, cúi đầu nói nhỏ*) Xin mợ giải thích thêm cho nhà tôi!

B: (*ngửng phắt đầu, giọng rắn rỏi khác hẳn lúc bình thường*) Mợ bất tất phải nói nhiều. Tôi chỉ bảo xác con bé còn nằm ngay bên kia, cạnh đây, mợ lòng nào mà chẳng những cướp nhà mà còn phỗng luôn cả chồng nó! Ăn ở thế thì có xuống đến bảy tầng địa ngục cũng chưa thấm để mà xóa cái ác ...chết đi đến chín mười kiếp sau cũng chẳng lên làm người được...

M: (*ngạc nhiên, nhìn ông, thình lình đanh giọng, quát nhỏ*) Ai khiến bà dậy tôi nhân đức! Vợ chồng với nhau, tôi để ông dậy bà thế nào là sống. Sống là vật lộn, đè đứa khác xuống mà ngoi lên! Cách nào cũng được, miễn là đạt thành quả. (*Miệng hừ, rồi gằn*) Còn muốn chết, tôi cho chết hết... Chết cho đến thằng cháu đích tôn của ông bà rục xương chết tù chết tội...

Dứt lời, mặt cong cớn, mợ quay ngoắt đi ra, miệng cười nhạt. Oạng đến cạnh bà, mắm môi, bất ngờ dang tay tát vào mặt bà.

Ô: (*gầm gừ*) Ngu như chó!

Bà ngã chúi xuống đất, rú lên, nức nở

B: (*tóc để xõa ra, ngồi dậy, kêu thảm thiết*) ối giời ơi là giời!

Chuyển cảnh:

Buổi tối, hộ của mợ. Anh chồng ngồi, tay ôm đầu. Mợ ngồi bên cạnh.

M: (*thủ thỉ*) Chết ngột như thế thật là đáng...đáng tội. Nhưng thôi, giời bắt thì phải chịu chứ làm sao được. Chú ạ, chú phải bình tĩnh vượt sóng vượt gió. Chị thương chú như em. (*Ngập ngừng*) Thôi, từ nay chú cứ ở đây, chẳng phải dọn đi đâu nữa. (*Tay mợ như vô tình quàng nhẹ qua vai anh chồng*) Còn đứa bé, chị thề có bóng đèn trên đầu là chị coi nó như con đẻ của chị... (*mợ thò tay vào túi, lấy bản "hợp đồng" ra, giơ lên*) Bản hợp đồng này, coi như là không có. (*Mợ xé vụn ra*) Cái nhà này là của....(*ngần ngừ , rồi vội vàng*) chúng ta rồi!

A.C: (*ngạc nhiên, ngồi lùi ra, nhìn chăm chăm vào mợ*) Chị nói gì, em không hiểu... ở đây sống với cái kỷ niệm kinh hoàng này, em chịu thế nào nổi...

M: (*ráo hoảnh*) Đấy, mấy ngày đầu thì thế thật. Nhưng ông giời ông ấy chẳng phải chỉ sinh ra có oái oăm mà còn làm phúc tạo nên cả thời gian. Có thời gian, chuyện gì cũng phai nhạt đi. Nghe chị... em làm sao mà gà trống nuôi con được? Em còn trẻ, sau có tìm lấy ai thì cũng là rổ rá cạp lại, phức tạp chuyện con tôi con anh...

A.C: (*nghẹn ngào*) ... Cho tôi xin, tôi có lòng dạ nào mà nghĩ đến chuyện ấy đâu.

Độc thoại (của anh chồng):

- Kiếp trước tôi làm gì mà kiếp này giời hành tôi thế này. Ăn không đủ, đến ngủ cũng phải dè. Tối qua, mất nhà lại phải uống rượu mừng! Cái rượu tây gì đó, Ararat à, quả là ghê thật. Vài ly mà choáng cả đầu. Về, vợ nó bảo, anh say rồi. Say đâu mà say? Kéo nó vào ôm, nó đẩy ra, nhăn mũi, kêu là sặc mùi rượu. Mình bảo, sợ gì, sắp phải bán xới khỏi đây rồi, có gì mà phải dè xẻn giữ gìn. Nó cười, trải chiếu xuống đất, kêu "ông tướng ạ!". Ông tướng đâu mà ông tướng. Tướng gì mà gặp một mụ nạ giòng chưa đánh đã đầu hàng. Thôi được, mình nói vào tai vợ "Tướng lên ngựa ra chiến trường đây!". Nó dặn, lấy cái gối, lúc em không kìm được

mà kêu thì cứ để lên mặt như mọi khi nhé. Nó rên, mình biết là lại sắp sửa rú lên rồi, lấy tay bịt miệng, tay kia úp cái gối lên mặt nó. Rồi cứ thế. Rượu Ararat mạnh thật. Ánh sáng xung quanh như choãi ra, lỏng đi, chao đảo. Cứ thế, hệt như trời đất vào cơn hỗn mang, không còn gì để nắm bắt, để trụ lại. Cứ thế cho đến lúc mình ngã vật ra, nằm lịm đi... Lúc sau, mình lay vợ. "Này, này, nhà nó...". Một lần, hai lần, cù nó nó cũng ì ra. Vùng dậy nhìn, giời ơi, mắt nó trợn ngược lên... Giời ơi là giời!

M: (*tay vuốt tóc anh chồng*) Chuyện không nghĩ trước thì cũng phải nghĩ sau. Bây giờ việc cần làm ngay là khai tử thế nào. Khai sự thật à? Chỉ cần một đứa nào nó châm bị thóc chọc bị gạo thì ai tin là ngộ sát. Mà đã không ngộ sát thì hóa ra cố sát. Công an làm biên bản, lên cơ quan chú, về dưới quê, thế là rách việc... Ông bên họ kia cũng bảo vậy. Tốt hơn cả là ta cứ lờ đi, hàng xóm láng giềng đồng lòng hợp tâm với nhau, làm chứng cho là cô ấy trúng gió độc... Chú thì cứ ở lại đây với chị, (*tay mợ vuốt đùi anh chồng*) bình tĩnh cho qua cơn sóng gió...

A.C: (*vùng đứng dậy, vừa chạy ra vừa kêu*) Giời ơi! Qua cơn sóng gió, qua cơn sóng gió...

M: (*ngạc nhiên, nhìn theo*) Đàn ông mới đàn ang, phát rồ à? (*chép miệng*).

Chuyển cảnh:

Hộ giữa. Bà bế đứa bé. Ông ngồi cạnh bàn. Trên chiếu, vải trắng phủ thi thể của chị vợ. Anh chồng ngồi mép giường. Mợ đứng cửa. Tiếng trẻ khóc ti tỉ mơ hồ.

M: Lấy tư cách người trách nhiệm tổ dân phố, cháu trình bày với ông, bà và chú đây những khúc mắc của tình hình mới rồi. Chỉ mai, trên phường họ xuống làm biên bản, chúng ta phải nhất trí chứ nếu không, rách việc (*tay chỉ thi thể chị vợ*), lại khổ thêm cho chú ấy... Tội nghiệp!

Ô: (*chép miệng*) Vâng, tội nghiệp!

Bà thở dài, mặt cúi gằm, miệng mím chặt, tay đung đưa ru đứa bé.

Độc thoại (của bà):

- Nhưng tội nghiệp nhất, có phải là cháu anh không anh Tình? Nó chết, có còn biết gì nữa đâu. Nó chết trong vòng tay chồng nó chứ còn em đây, em đã sống năm mươi năm nay ngoài vòng tay anh. Sống như thế với bao nhiêu là cực nhọc: tản cư, rồi về Thủ Đô, hòa bình lập lại, nửa làng di cư vào Nam... Rồi chiến tranh chống Mỹ, đánh bom Hà Nội... Xong là Giải phóng miền Nam, lại di tản, đánh tư sản... rồi sau vượt biên, đổi mới, bung ra... Sống bằng ấy cái bèo bọt mà có đâu được một lời anh an ủi, chẳng nói gì đến cái vòng tay chỉ ôm được độc cái nỗi trống không của cuộc đời cả hai đứa chúng ta... Sống như thế, có hơn gì cái chết, hả anh Tình ơi?

Tiếng khóc đứa bé. Bà lại nhìn nó, đung đưa, miệng cười nhưng nước mắt lã chã rơi xuống. Bà khụt khịt.

M: (*dịu giọng*) Cháu đề nghị là ta cùng khai là cô ấy (nhìn xuống mảnh vải phủ thi thể chị vợ) ốm sẵn, lại trúng gió độc, chết bất đắc kỳ tử. Nhân tiện, "hợp đồng" hôm qua cháu xé rồi. Việc của ông bà nay dễ giải quyết hơn. Cái nhà dưới Láng, phần của ông bà, nhưng ông bà phải nhượng cho cháu lại căn hộ bên cạnh. Phần cháu, cháu sẽ chạy trên công an đưa thằng cháu đích tôn của ông bà về đây, rồi khai là nó đi vào chơi Sài Gòn... Dĩ nhiên, chuyện gì cũng tiền trao, cháo múc. *(Nhìn anh chồng)* Đấy, nếu không giải quyết toàn bộ như vậy thì... tôi mặc. Công an họ xuống, muốn khai gì thì khai... Tôi bình chân như vại, cứ làm cái nhiệm vụ quản lý tổ dân phố. Lúc ấy, muốn cứu ai cũng chẳng còn làm gì được nữa...

Anh chồng ôm đầu, khóc rưng rức.

M: (*giọng kể cả*) Tiền ma chay, tôi cho chú mượn. —t nữa ông bà dọn đi, nhà rộng nên chú cứ ở lại, tôi chu toàn cho.

Bà vội đặt đứa bé xuống chiếu, tay ôm lấy ngực ho, rồi oặn người ngồi xổm, nôn ra.

Ông quơ tay với phích rót chén nước, tay đưa

Ô: Bà uống, uống đi. Làm sao vậy?

Bà nôn ọe. Tay bà chìa ra cầm chén nước, mắt nhìn lên. Bà bỗng đứng dậy, rú lên, hoảng hốt

B: Ối giời đất ơi! Sao thế này. Tay ông nó đang mọc lông... Nhìn này, nó đâm ra, đen nhánh, chĩa như lông nhím...

Ô: Bà điên à?
Mợ bước lại, cầm tay ông nhìn

M: Có gì đâu bà. Mắt bà hoa rồi!

B: Không, đấy. Cả mợ nữa, lông nó đâm ra trên mặt như lông hổ... ối giời ơi!
Bà chạy vào một góc, nhớn nhác

A.C: *(đứng lên, nhìn hoảng hốt)* Đâu, có gì đâu? Lông lá chỗ nào?

B: *(rú)* Cả anh nữa, nhìn cái tay anh kia kìa. Ở cổ nữa, nó đâm ra như lông đười ươi. Nó dài ra... *(bà như mất hồn, nói như trong một cơn ác mộng, giọng kinh hoàng)* Cớ sao con người lại mọc lông mọc lá ra thế này? Giời phật ơi! con người lại có thể quay ngược về thời ăn lông ở lỗ sao? Ô, cái lòng tham, *(nhìn mợ rồi xoè tay che mặt)*...tham vàng, tham dục, nó sai khiến đến độ mờ mắt mù quáng đâm đầu vào thế giới còn man dại hơn cả hổ beo...Hổ beo nào có ăn thịt hổ beo...Còn sự hèn hạ vì sợ vì hãi *(quay nhìn ông và anh chồng, bà trừng mắt, đay nghiến)*, nó đẩy đám đàn ông này quị chân xuống, hệt một lũ đười ươi trong đám xiếc, phục tùng để có được miếng ăn và tránh được ngọn roi của bọn dậy thú vật làm trò... *(Bà bỗng mơ màng, giọng nhẹ xuống, tha thiết)* Anh Tình ơi! Anh có linh thiêng anh hãy hát lên đi! Chẳng phải cho mình em mà cho cả cái thế giới này đang cần tiếng hát. Phải mất bao nhiêu thời gian để tiếng gầm thét của hổ beo, tiếng khụt khịt của đười ươi mới thành ra tiếng hát Quan họ? Có lẽ nào chỉ cần một thoáng mà từ tiếng Quan họ loài người quay trở về khụt khịt gầm thét lên ngôn ngữ dã thú?

Bà nhắm mắt, tai bỗng nghe thấy giọng hát của Tình, giọng da diết, hát lên: Cầu tre lắt lẻo gập ghềnh. Quan họ đi khéo, kẻo ngã lấm mình ai thương...
Anh chồng, ông và mợ cùng xô đến, mặt mũi ngơ ngác, vây quanh bà. Bà mở mắt, ngước nhìn lên.

B : *(thét giật giọng)* Cứu tôi với, giời ơi, cứu tôi với...

Bà gục xuống, bất tỉnh. Tiếng khóc đứa bé. Tiếng ho khù khụ bên cạnh.Đèn tối dần. Tiếng hát của Tình lại vẳng lên, kéo dài, rồi từ từ lịm xuống, tắt dần...

Đêm về. Trên trời, vẫn mảnh trăng lưỡi liềm ma quái tỏa sáng, hắt bóng những tàng lá sồi lung linh, chập chờn, trên mặt sân, bờ tường. Đèn tắt. Cả ba hộ chìm đắm trong bóng trăng. Tiếng ho khan. Tiếng côn trùng tấu lên bản dạ khúc muôn đời vẫn chỉ một tiết điệu nghe như than van kể lể.

Bóng đèn bỗng lóe lên trong hộ giữa. Anh chồng bước ra sân. Anh đi về phía cây sồi. Bỗng nhiên...

A.C: (*thét lên*) Ối giời ơi!

Cứ thế anh thét lên như điên như cuồng. Tiếng thét làm ánh trăng lay đoạng đến độ trăng lìa trời rơi xuống, tựa một vì tinh tú hụt hẫng, rời quĩ đạo chao đảo trong hư không.

Đèn hai hộ bên bật sáng trưng. Mợ tất tả chạy ra đứng cạnh anh chồng. Ông cũng đâm bổ ra sân. Tất cả bất động, mồm há hốc, nhìn lên.

Trên cành sồi mọc ngang mái, đầu một dải lụa điều buộc ngang lưng trang phục liền chị Quan Họ xưa, bà ngoẹo cổ, mắt nhắm nghiền, tay buông thõng, chân đưng đưa trong gió đêm thản nhiên thổi tới chốn nhân gian vốn vẫn nhiều nước mắt.

Màn hạ
kết

Bóng tối vẫn mênh mang. Lại văng vẳng tiếng hát quan họ "Trèo lên quán dốc..." cứ nhỏ dần. Sau tiếng thở dài, lời cây sồi thắm thiết:

Lời kết:

- Bên cạnh những cái chết, niềm an ủi của mọi cuộc tồn sinh là sự quên lãng. Mỗi ngày, mỗi tháng, mỗi năm, cứ lan ra xa như vết nhăn trên mặt ao sau cái đuôi cá quẫy lên gợn nước của định mệnh. Nhìn kỹ gợn nước, tình cờ có. Không tình cờ cũng có...

Căn nhà trong ngõ phố Lò Sũ chẳng phải không có trí nhớ. Trí nhớ của gạch, của ngói, của cây sồi khác trí nhớ con người. Cách ứng xử cũng

khác. Hai năm sau khi đã có liền hai cái chết, cái nọ cách cái kia đúng một ngày, mợ quyết định chặt tôi - cây sồi. Người chặt cây ra chặt thế nào mà chặt vào chân mình, máu đổ đầy mặt sân nay đã lát gạch hoa. Đêm hôm đó, mợ la hét, cứ chợp mắt lại thức dậy, rồi lại la hét, mặt xanh lè vì sợ. Sáng hôm sau, mợ không cho chặt cây nữa. Từ đó, tôi yên thân, chỉ lo làm bóng rủ xuống những bàn cà phê nay chiếm cứ mặt sân.

Anh chồng ngày xưa nay đã bỏ việc ở xưởng cơ khí hai, đứng làm chủ quán cà phê có cái tên rất hay, quán Gió Bụi. Tên đó do mợ nghĩ ra. Mợ bảo nó vừa vàng như nhạc, vừa vàng như loại kim con người thèm thuồng, nhưng được cái là mang bộ dạng bất cần rất có tính nghệ sĩ. Quán khá đông. Cứ năm năm kể được là một thế hệ thì anh chồng đã nhìn được quá hai, thậm chí gần ba thế hệ rồi. Mọi sự có vẻ đổi cả. Bề ngoài rất dễ thay. Như cái quần, cái áo, mái tóc hôm nay thế này chỉ mai là khác ngay nếu muốn. Nhạc cũng đổi. Dạo này, người ta nghe Michael Jackson hát và thì thào "muốn trắng thì khó gì, cứ tiền là mầu da cũng đổi được".

Khách, lại càng đổi. Đây, xin quí vị nhìn xem cảnh trưa hè.

Màn kéo lên.

Dưới gốc cây sồi, một cặp nam nữ ngồi, quần áo màu mè, rất mốt chứ không như ngày xưa. Cô con gái môi thoa son hồng, giầy cao gót, quần jean ngồi sát vào cậu con trai tóc dài xõa xuống gáy.

Cô con gái (CCG): (*ngồi ở gốc sồi*) Em cứ thấy lành lạnh sau lưng.

Cậu con trai (CCT): Em cứ hay là tưởng tượng! Mùa hè tối nóng thế này.

CCG: (*tay mân mê cái thìa*) Này, Tình ơi, thế anh nghĩ thế nào. Em với John chưa ra đâu vào đâu, mặc đầu là nó đã nhờ ông anh em nói với ba me em muốn hỏi cưới đàng hoàng... Anh nghĩ thế nào...

Cậu con trai xoay tách cà phê, im lặng.

CCG: Nó có trang trại ở Tasmania bên Úc, nghe nói nuôi đàn ngựa cả trăm con... Dĩ nhiên, cứ mỗi năm nó hứa là để em về đây ăn tết... Này, Tình ơi, anh nghĩ thế nào...

Cậu con trai xoay tách cà phê, vẫn im lặng.

CCG: Nó bảo nếu em thích thành phố lớn thì lên ở Sydney, nhà nó to bằng nửa cái khách sạn Métrôpôn... Em muốn đẻ thì đẻ, không cũng không sao. Mỗi năm đi Âu châu một lần, sang Luân Đôn nó có ông chú, thoải mái... Này, Tình ơi, anh nghĩ thế nào...

Cậu con trai xoay tách cà phê, nhìn lên.
Đèn sân khấu tắt.

Lời cây sồi tiếp:

- Thưa quí vị, câu chuyện đến đây có hai hướng. Mỗi hướng dẫn đến một ngả tương lai, và tùy ý quí vị chọn lựa, thích hướng nào xin cứ vỗ tay. Chỉ lưu ý là quí vị có lỡ chọn lầm, quí vị vẫn có thể chọn lại được, và dĩ nhiên được miễn phí, bằng cách vỗ tay to hơn. Còn như cậu con trai và cô con gái thì khác, vì lầm lỡ nào cũng có cái giá phải trả...

- Đây, hướng thứ nhất:
Đèn sân khấu lại sáng lên.
Vẫn dưới gốc cây sồi. Anh chồng chủ quán cà phê bước ra hỏi, cậu con trai và cô con gái lắc đầu, không muốn uống gì thêm.

CCT: Còn em, em nghĩ thế nào?

CCG: Đầu óc em lung tung lắm. Me em thì chịu quá. Me bảo em đi trước, rồi sau mang hai đứa em đi du học. Me em nói thế là cứu được cả gia đình...

CCT: Sao em lại nói với anh, quyết định gì là tùy em!
Nhạc đánh ầm lên, và tiếng hát của Michael Jackson cao lanh lảnh ma quái.

CCG: (*giọng có nước mắt*) Thế thì hỏi anh để làm cái gì mà anh không biết ư?
Cậu con trai quay mặt đi. Cô con gái một mình đứng dậy bước ra.

Nhạc to lên, lời Michael Jackson hát át lời kể chuyện . Nhạc nhỏ dần xuống, sau mới nghe

-Đây là hướng thứ hai:

CCT: Còn em, em nghĩ thế nào?

CCG: Đầu óc em lung tung lắm. Me em thì chịu quá. Me bảo em đi trước, rồi sau mang hai đứa em đi du học. Me em nói thế là cứu được cả gia đình...

CCT: Sao em lại nói với anh, quyết định gì là tùy em...

Cậu con trai bỗng ngưng nói. Trầm ngâm một lúc, cậu ngước lên, cương quyết nhưng dịu dàng, tiếp:

CCT: Không! Anh thì em biết rồi, tương lai của anh (*xòe tay ra*) ở trong này, chẳng cứ phải là thiên đường. Nhưng anh chỉ hứa rằng nếu ta phải trải qua cảnh địa ngục, cũng không bao giờ anh để em một mình.

CCG: (*cắn răng, ứa nước mắt, miệng cười*) Này, Tình ơi, thật thế phải không anh?

Tiếng hát quan họ vẳng lên, lớn dần. Hát rằng:

"...Trèo lên quán dốc
Ngồi gốc (ới a)cây đa
Rằng tôi lý (ới a) cây đa
Rằng tôi lý (ới a) cây đa
Ai đem ơi à tính tang, tình rằng
Cho đôi mình gặp
Xem hội cái đêm trăng rằm
Rằng tôi lý (ôi à) tháng giêng
(Rằng tôi lý (ôi à) tháng giêng)..."

Cậu con trai dắt tay cô con gái. Hai người dựa vào nhau cùng đi ra.

Màn hạ

Những ngày mắc cạn

Lâm Chương

Sau khi cởi hết những áo quần vá víu chùm đụp, chỉ còn cái quần xà lỏn che phần hạ bộ, tôi nấn ná xin được hút một bi thuốc lào.

"Lắm chuyện."

Viên sĩ quan an ninh cau mặt nói, nhưng anh ta cũng không từ chối. Anh bảo vệ binh cho mượn điếu cày, và cho tôi bi thuốc. Tất cả những động tác nạp thuốc, châm lửa, rít khói, và ém khói, tôi làm rất chậm. Cố ý kéo dài thời gian hít thở không khí bên ngoài.

"Khoái chứ?" Viên sĩ quan hỏi.

"Khoái." Tôi nói trong cơn tê rần cơ thể.

"Tiên Lãng chính hiệu đấy."

"Hèn gì say ngất. Có được mang vào trong ấy không?"

"Không. Quy định là thế. Sáng nay, anh đã nghe rõ lệnh phạt chứ?"

"Nghe rõ."

Anh ta an ủi: "Thế đấy. Ráng chịu khó nằm trong ấy một thời gian. Đừng làm bậy, có hại sức khoẻ."

Nằm trong ấy, có hại sức khoẻ là điều hiển nhiên. Nhưng làm bậy là làm gì? Tôi đưa mắt ngó anh ta, không hiểu.

Viên sĩ quan giải thích: "Trước kia, các anh thường xem hình đàn bà ở lổ, chơi bời quen thói. Không có đàn bà, lại thủ dâm. Hại lắm. Đừng nhé." Khi nói điều này, anh ta hạ thấp giọng, ra vẻ thật tình khuyên bảo.

Đây không phải là lúc để cải chính về vấn đề chơi bời quen thói, và thủ dâm. Từ lúc còn trên ghế nhà trường, người ta đã gieo vào đầu anh, rằng "quân ngụy" là một tập hợp điển hình tất cả những bỉ ổi xấu xa trên cõi đời này. Cải chính, cũng vô ích. Tôi chỉ lắc đầu.

"Có đàn bà, cũng không còn sức mà làm. Nói chi đến chuyện thủ dâm."

"Nhắc chừng thế thôi. Bây giờ vào nhé!"

Viên sĩ quan dẫn tôi đến phòng kỷ luật.

Triền núi nằm nghiêng, người ta vạt bớt một mảng, thành vách núi thẳng đứng. Từ chân vách, lại khoét năm cái lỗ, theo chiều ngang mặt đất, sâu vào khoảng hai thước. Bề cao không đủ để một người đứng thẳng lưng. Cái lỗ méo mó, lồi lõm tùy theo đá núi. Gọi là cái lỗ hay cái hang, cũng như nhau thôi. Nhưng người ta đặt tên theo công dụng của nó: phòng kỷ luật. Đã gọi là phòng kỷ luật, ai chui vào trong ấy, nhất định không thể nào cảm thấy thoải mái được. Có năm phòng. Hai phòng đã có người. Tôi chiếm một phòng nữa, là ba. Vật dụng được mang theo: một gon Guigoz nước uống, một ống bương dùng chứa nước tiểu, đôi khi chứa cả phân.

Vừa chui vào, tôi nghe mùi gì rất lạ.

"Anh bị cùm hai chân trong mười lăm ngày, hơi khó chịu một chút. Sau được giảm bớt, còn cùm một chân."

Cùm hai chân, mà anh ta nói chỉ hơi khó chịu một chút? Hình phạt thế nào mới thật sự khó chịu? Anh ta đã đơn giản hoá tôi thành một con vật trong chuồng, không nghĩ rằng tôi còn có tinh thần của một con người. Nhiều khi tinh thần là yếu tố chính làm ra sự tử vong. Nhưng trong hoàn cảnh này, lên tiếng hỏi tới hỏi lui, chẳng những đã không lợi gì, còn gây thêm ác cảm.

Tôi đặt cườm chân vào giữa hai cái khoen sắt hình lưỡi liềm. Anh ta khép lại. Hai cái khoen ráp thành vòng tròn, ôm gọn cườm chân.

"Xong nhé! Có gì thì kêu lớn, nhưng tốt hơn không nên làm ồn. Nằm nghỉ ngơi nhé!"

Viên sĩ quan khép cánh cửa liếp đan bằng nứa. Tiếng khoá khua lách cách bên ngoài.

Tôi nghe tiếng dặn vệ binh: "Hãy cẩn thận. Không được tự động nói chuyện với thằng trong ấy."

Nhanh thật! Mới vừa gọi tôi bằng anh một cách tử tế, thoáng chốc đã gọi bằng thằng.

Phòng kỷ luật không tối hẳn. Ánh sáng ban ngày hắt qua cửa liếp. Mới vào, tối om om. Dần dần quen mắt, thấy được mờ mờ. Khi mọi vấn đề đã không còn có thể thay đổi, phải hết sức bình tâm để đón nhận hoàn cảnh hiện tại. Suy tư, buồn rầu, oán hận chỉ làm tinh thần thêm đau khổ, thân xác sẽ không chịu nổi với tình huống khắc nghiệt.

Tôi bắt đầu quan sát, làm quen với chỗ ở mới. Trên nóc phòng có những tảng đá lớn nhô ra, không có gì chống đỡ. Nếu chẳng may, đất đá sụp lở, chưa kịp bắt chước Kim Thánh Thán, mà kêu lên: *"Âu! Cũng là định mệnh."*, tôi đã bị chôn sống trong cái hang này. Nghĩ vớ vẩn thôi,

chứ không lẽ đời tôi đen đến thế? Nằm xuống thử, dưới lưng lởm chởm cấn cái. Khốn nạn! Những anh tù khi được lệnh công tác, chỉ cốt làm cho xong việc, không chịu khó cạy bớt những viên đá nhọn, quên nhìn xa hơn trong tương lai, sẽ có những người bạn của mình thọ nạn vào đây. Để đỡ cấn lưng, người ta trải một lớp rơm làm nệm lót. Đã nhiều đợt người vào ra, nằm mãi làm lớp rơm xẹp lép, bốc mùi ẩm mốc, mồ hôi, và nước tiểu. Nhưng chỉ một lúc sau, không còn nghe mùi gì nữa. Khứu giác tôi đã nhanh chóng thích nghi với bầu không khí ẩm thấp này.

Mỗi phòng kỷ luật có một chiếc cùm. Mỗi chiếc cùm có hai cái khoen bằng sắt dẹp, vừa đủ để tra vào cườm chân. Tôi đã nghe những bậc đàn anh từng trải qua phòng kỷ luật, nói về chiếc cùm này rồi. Bây giờ mới thấy được tai hại của nó. Đáng lẽ phải gò mài cho nhẵn cái khoen sắt, nhưng mấy anh tù thợ rèn, lười biếng và tắc trách, để cái khoen còn sần sùi góc cạnh, dễ làm trầy lở cườm chân. Cứ tưởng tượng cườm chân bị lở loét, thường xuyên va chạm với cái khoen sắt, thì đau đớn tới cỡ nào? Kinh nghiệm của người đi trước, dạy tuột cái quần xà lỏn xuống, dùng lớp vải chêm vào vòng trong cái khoen, giữ cho cườm chân được êm ái, đừng để bị trầy thành ghẻ. Tôi áp dụng ngay kinh nghiệm này, bảo vệ cườm chân trước tiên. Cũng may, người ta còn cho mặc quần. Nếu bắt ở truồng, lấy vải đâu mà chêm cái khoen sắt.

Chiếc cùm có thể đóng mở bởi một thanh sắt dài thông ra ngoài phòng kỷ luật. Cái khoá cũng ở ngoài. Thanh sắt được gắn thêm cái chốt bằng gỗ, trông như chiếc thập giá nằm ngang. Đêm đêm, vệ binh tuần tiểu canh gác bên ngoài, muốn kiểm soát tù nhân, hắn chỉ cần đạp mạnh lên cái chốt ngang, làm xoay thanh sắt. Và cái khoen bên trong sẽ vặn, nghiến vào cườm chân. Tù nhân la lên: "Ối! Trời ơi!" Thế là hắn biết có người còn nằm trong đó. Lại cũng kinh nghiệm sau nhiều lần bị đau của đàn anh, dạy rằng, giữa khuya thanh vắng, nghe tiếng dép râu đi lẹt rẹt, phải lập tức ho lớn. Không muốn ho cũng phải ho. Mục đích báo cho hắn biết, ta vẫn còn đây. Thế nhưng, canh gác một mình trong bóng tối, hắn buồn ngủ, đôi khi hắn vẫn đạp cái chốt ngang, để nghe tiếng kêu trời đau đớn. Một trò chơi làm cho hắn tỉnh ngủ.

Phải sửa soạn nơi ăn chốn ở cho thật tiện nghi. Tôi với tay kéo những rơm thừa chung quanh, độn cao lên, làm chỗ gối đầu. Nằm ngửa xuống thử, nghe cũng thoải mái. Lúc nằm ngửa, đầu quay vô phía trong, chân hướng ra ngoài. Như thế, khi ngồi mặt hướng ra cửa liếp. Đã vào đây rồi, không còn ai quấy rầy nữa. Nội bất xuất, ngoại bất nhập. Không chừng, ở một nơi yên tịnh thế này, tôi có thể chiêm nghiệm được những triết lý sâu xa của nhà Phật. Tệ lắm, cũng làm ra thơ.

Tùy theo mức độ của sự trừng phạt, mà bị cùm một, hoặc hai chân. Bị cùm một chân, có thể nằm ngửa, hoặc xoay trở nằm nghiêng qua phía cái chân không bị cùm. Cùm hai chân, nằm ngửa là kiểu nằm duy nhất. Đang bị cùm, muốn nằm ngồi tùy ý, nhưng tuyệt đối không thể đứng.

Ngoại trừ những lúc ngủ, thời gian còn lại, tôi thường chọn thế ngồi, chân duỗi thẳng. Nhưng cứ nằm ngồi hoài một chỗ, e bị tê liệt mất. Tôi tìm cách vận động, quơ hai cánh tay đủ kiểu, mục đích làm cho máu lưu thông. Có lúc, tôi đấm lia lịa vào không khí, như võ sĩ boxer đang dợt bao cát. Hoặc nằm ngửa, hai bàn tay để sau ót, gắng sức ngồi lên, rồi nằm xuống. Đây là kiểu tập thể dục thẩm mỹ, làm tan mỡ cho những người bụng bự. Cái bụng ốm đói của tôi, từ lâu rồi, đâu còn mỡ mà tan? Nếu thế, cứ coi như động tác tập dưỡng sinh của các nhà Yoga vậy.

Chỉ cần một buổi ở trong phòng kỷ luật, tôi khám phá ra rằng, tôi không phải là sinh vật duy nhất trong cái hang động này. Còn có những con gián nữa. Khi tôi nằm yên, gián từ đâu trong kẽ đá bò ra, leo lên người, nhiều khi nó còn cả gan gặm nhấm thử đầu ngón tay tôi. Tao chưa trở thành món ăn của mày đâu. Hãy đi chỗ khác chơi! Tôi chụp, và ném mạnh vào cửa liếp. Con gián bị ném, nếu không chết, cũng bị chấn thương trầm trọng. Ngoài gián, tôi còn phải đương đầu với một đoàn quân bất trị khác. Lớp rơm lâu ngày, sinh ra mạt. Ấy là loài bọ nhỏ li ti, nhỏ hơn rận chó, thường xuất hiện ở gà. Với ánh sáng mờ mờ trong phòng kỷ luật, không thể nhìn thấy con mạt. Nhưng suốt ngày đêm, nó cứ bò nhồn nhột trên da, làm ngứa ngáy khó chịu. Gãi sẽ trầy thành ghẻ. Dùng bàn tay chà xát chỗ này, lại nghe ngứa chỗ kia. Nó tấn công vào những vùng da non. Chỉ vài ngày sau, nách và háng sần lên như bị nổi sảy. Muốn tiêu diệt đoàn quân mạt, phải dùng chiến thuật hoả công. Trong hoàn cảnh khốn nạn hiện thời, tôi đành chịu thua.

Mỗi ngày, sáng trưa chiều, từ ngoài cổng, vọng vào ba tiếng kẻng, rồi tiếp theo một chuỗi âm thanh dài, và nhỏ dần. Người ta lấy một mảnh gang vỡ của quả bom, treo lên làm kẻng. Dùng chiếc dùi sắt đánh mạnh, phát ra âm thanh rổn rảng chát tai. Không như tiếng chuông chùa ngân nga âm u lắng đọng. Tiếng kẻng làm âm thanh vỡ vụn như những mảnh kim khí nhọn sắc vô hình, đâm vào tim nhoi nhói xốn xang. Nghe nói, người ta lấy mảnh bom vỡ làm kẻng, như một cố ý nhắc nhở hận thù về cuộc không tập tàn khốc của Mỹ, trong thời kỳ chiến tranh vừa qua.

Sau tiếng kẻng buổi sáng, viên sĩ quan an ninh mở khoá cùm, giao tôi cho một vệ binh, dẫn đi làm công việc vệ sinh cá nhân. Đầu tiên, hắn dẫn tôi tới nhà cầu, tiêu tiểu và đổ ống bương chứa nước tiểu trong một ngày đêm vừa qua ở phòng kỷ luật.

Nhà cầu làm bằng hai thanh gỗ bắc song song. Che chắn chung quanh bằng liếp nứa. Bên trong ngăn ra từng phần, để nhiều người có thể đi cầu cùng một lúc. Phía trên cũng lợp mái nứa. Phía dưới đào một cái rãnh lộ thiên, dùng chứa phân. Hàng tuần, có tù nhân quét dọn, và xúc phân đem ủ, để bón rau sau này.

Có hai dãy nhà cầu. Dãy dành cho sĩ quan và vệ binh, được thiết kế hiện đại, lịch sự hơn bằng những tấm liếp che khuất người ngồi trong ấy. Dãy cho tù được phái lên Đoàn làm tạp dịch, liếp nứa chỉ che lưng lửng tới cổ. Người bên ngoài, có thể nhìn thấy cái đầu của người đang đi cầu. Ngược lại, ngồi trong cầu, cũng thấy được mọi vật bên ngoài. Cái ghê tởm nhất là nhìn xuống phía dưới rãnh phân. Dòi bọ lúc nhúc. Ruồi nhặng bay vo vo, bu cả lên người. Nhiều khi, còn có những con chim lông đen đáp xuống ăn dòi. Vừa ăn, chúng vừa kêu chíp chíp như tiếng gà con. Từ hai dãy cầu tiêu, bốc ra một mùi hôi kinh khiếp.

Khi tôi ra khỏi nhà cầu, vệ binh dẫn đi lấy nước nơi một cái giếng. Giếng đào ở đây cũng lạ. Miền cao, đồi núi chập chùng. Mùa mưa, nước từ trên đỉnh đổ xuống những nơi tiếp giáp núi đồi, thành đường nước chảy. Người ta đào giếng chận ngang đường nước ấy. Đất đá đem lên, chất cao chung quanh làm bờ giếng. Nhiều tảng đá to đến cả người ôm. Và miệng giếng cũng rộng như một cái ao, đường kính mấy sải tay. Muốn lấy nước, phải đứng chàng hãng trên hai thanh gỗ gác ngang miệng giếng, để kéo nước lên. Nước giếng xanh, trong vắt.

Có lần, tôi đứng gần miệng giếng, hít thở, quơ tay, và và nhún nhảy tại chỗ cho máu lưu thông.

Vệ binh nhìn tôi bằng ánh mắt rất lạnh.

"Anh làm cái trò gì thế?" Tiếng nói phát ra như tiếng rít giữa hai hàm răng.

Tôi nói: "Rũ liệt cả người. Vận động tay chân một chút."

"Rởm! Lấy nước rồi vào ngay!"

"Mình mẩy hôi quá. Tôi xin được tắm."

"Không được. Quy định, mỗi tuần chỉ tắm một lần."

"Nhưng vừa ở trong cầu tiêu ra, người tôi hôi lắm."

"Lảm nhảm mãi! Có chịu lấy nước, hay muốn vào cùm ngay?"

Hắn nách ngang cây súng AK, chỉa về hướng tôi, như sắp sửa bắn tới nơi. Những tên tiểu nhân gặp thời, thường có thái độ hống hách, dọa nạt người thất thế. So với viên sĩ quan an ninh cáo già, thì tên vệ binh chỉ đáng hạng gà con. Tôi đoán, cái mặt non choẹt này, chưa biết nếm mùi chiến trận là gì. Cứ tưởng có cây súng trong tay, là có được hào quang của người chiến thắng. Viên sĩ quan an ninh mới đáng gờm. Anh ta không cần phải

thị uy những lúc không cần thiết. Nói năng hoà nhã đường hoàng. Mặt không biểu lộ sắc thái thù hằn, nhưng thủ đoạn thì khỏi chê. Mấy ngày trước, tôi xin cho thay lớp rơm lót trong phòng kỷ luật. Anh ta nói, hãy thư thả, chờ trình với cấp trên rồi mới quyết định được. Chờ mãi, vẫn không thấy gì. Tôi biết, anh ta cố tình lờ đi, để những con mạt hành tôi suốt ngày đêm cho bỏ ghét. Thế mới đáng sợ. Chứ tên vệ binh này, chỉ là loại gà con háu đá.

Tôi lấy nước vào lon Guigoz xong, hắn dẫn trở lại phòng kỷ luật, và gọi viên sĩ quan an ninh tới đóng khoá cùm. Tôi đặt cườm chân vào khoen sắt hình lưỡi liềm. Viên sĩ quan chưa khép vội, hỏi tôi có cần gì không? Cần nhiều thứ, nhưng tôi biết khó được thoả mãn, nên chỉ xin hút một bi thuốc lào.

"Ghiền đến thế cơ à?"

"Vâng. Trước kia ghiền thuốc lá. Đi cải tạo ghiền thuốc lào."

Anh ta đưa tôi vào phòng làm việc, và tự tay châm lửa đóm cho tôi. Tôi cám ơn cử chỉ này.

"Anh muốn viết thư về cho gia đình không?" Viên sĩ quan hỏi.

Tôi ngạc nhiên: "Bị kỷ luật cũng được gởi thư sao?"

"Tình cảm gia đình là thiêng liêng, cách mạng không hề chối bỏ. Viết thư nhé?"

Tôi tôi gật đầu, cám ơn lần nữa.

Anh ta đem cho tôi bì thư, giấy bút, và dặn: "Ngồi đây viết thoải mái. Viết xong, cho vào bì, dán kín lại. Một tiếng đồng hồ thôi nhé." Nói xong, anh đi ra ngoài.

Tôi biết ngay đây là một trong những phương thức tìm hiểu, kiểm soát tư tưởng tù nhân. Dù anh ta bảo dán kín bì thư lại, nhưng rồi nó sẽ được mở ra, và tấm lòng người viết phơi trải qua những dòng chữ nhắn gửi gia đình. Nếu không có gì đáng quan tâm, cái thư sẽ đi vào sọt rác. Nếu lời lẽ mập mờ khó hiểu, hoặc thán oán chế độ, thì hậu quả khốn nạn sẽ không lường nổi. Người ta sẵn sàng tiêu diệt bất cứ cái đầu bất mãn nào manh nha mầm móng chống đối chế độ.

Phần đầu thư, tôi hỏi thăm sức khoẻ vợ con, và nhắn nhủ hãy cố gắng trở thành con người mới, để mau chóng hội nhập vào xã hội mới. Câu này như một thần chú làm bùa hộ mệnh, như một thành ngữ sau cuộc đổi đời, khi nền tảng xã hội bị bứng tận gốc rễ.

Phần hai, tôi viết tôi có cái may mắn được giáo dục bởi những cán bộ đại lượng và cảm thông. Lời lẽ tâng bốc, mục đích chỉ để vuốt ve viên sĩ quan an ninh. Anh ta mà có ác cảm, thì đời tôi sẽ tiêu tùng bất cứ lúc nào. Tôi không nói gì về chuyện đang bị cùm, và đang đói rã ruột. Dưới chế độ

này, có hai ngôn từ, tuyệt đối cấm sử dụng: tù và đói. Tất cả đều phải nói khác đi. Tù khổ sai, là học tập cải tạo. Tù nhân, là cải tạo viên. Vì thế, đã xảy ra lắm chuyện khôi hài. Có anh đói quá, viết thư về nhà, nói đang bị bệnh bao tử, xin tiếp tế. Một thời gian lâu sau, anh nhận được gói quà, trong ấy toàn là thuốc chữa đau bao tử, kèm theo lá thư. Vợ anh cho biết, phải bán quần áo và đồ đạc trong nhà để lấy tiền chạy thuốc cho anh. Đọc thư, anh nhếch cười. Cái cười như mếu.

Cuối cùng, tôi viết một câu thiệu, bất cứ tù nhân nào cũng thuộc lòng, rằng tôi luôn luôn tích cực cải tạo tốt, để sớm trở về đoàn tụ với gia đình. Thế là xong. Đọc lại, kiểm soát lần nữa. Cái thư thật hoàn hảo. Đúng lề lối văn phong của một cải tạo viên tốt. Tôi cho vào bì, dán cẩn thận. Trước khi trở lại phòng kỷ luật, tôi còn xin hút thêm bi thuốc nữa. Viên sĩ quan vui vẻ chấp thuận ngay.

Sáng hôm sau, anh ta mở khoá cùm cho tôi ra ngoài, làm công việc vệ sinh cá nhân như thường lệ. Mắt anh nhìn tôi xoi mói, nhưng miệng lại cười mỉa.

"Ma mãnh vừa thôi."

"Cán bộ nói gì, tôi không hiểu?" Hỏi thế, nhưng tôi nghĩ ngay đến bức thư hôm qua, anh ta không tìm thấy một sơ hở nào.

"Hừm... Anh khôn một. Chúng tôi khôn mười."

Lời nói có vẻ tự thị kiêu căng, nhưng anh ta vẫn hỏi tôi có muốn được tắm hai lần một tuần không? Đây là một biệt lệ không ngờ. Bức thư đã có tác dụng với viên sĩ quan an ninh chăng? Tôi vội trả lời muốn, và không quên cảm ơn lòng tốt của anh ta. Anh dặn vệ binh, dẫn tôi đi tắm sau khi ra khỏi cầu tiêu.

Nơi đây, từ trên xuống dưới, toàn một lũ đàn ông, nên chẳng ai cần làm phòng tắm. Cũng chẳng có lu chứa nước. Cứ mặc nguyên quần xà lỏn. Kéo nước lên trong cái gàu đan bằng nứa. Nhích ra khỏi miệng giếng. Đứng giữa trời mà trút cả gàu nước lên đầu. Kỳ cọ xong, lại kéo gàu nước khác. Xà bông là loại sản phẩm quý hiếm, may ra, cán bộ mới có được. Lúc tôi cởi quần để vắt cho ráo nước, vệ binh quay mặt hướng khác. Tôi nhìn xuống, cái bụng hóp lại, hai bên xương hông nhô ra, như một xác khô. Thê thảm nhất là phần hạ bộ. Bèo nhèo ủ rủ. Lâu rồi, nó không cất đầu lên nổi. Tôi chợt nhớ bài thơ, làm trong thời gian chưa bị kỷ luật.

Ngày hai bữa, sắn khô nước muối
Thì làm sao khỏi đói, buồi ơi!
Đêm, ta trằn trọc ngậm ngùi
Đưa tay sờ thử, thấy buồi xuội lơ.
Ta vọc mãi, buồi trơ ra đó,

Cứ ỡm ờ, ủ rủ buồn thiu.
Thương ta đói khổ đủ điều,
Thương buồi tê liệt đã nhiều năm qua.
Nếu mai mốt được ra khỏi trại,
Ta trở về gặp lại hiền thê.
Vợ yêu chìu chuộng vuốt ve
Mà buồi vẫn gục. Chết ta! Chết buồi!

Đang nghĩ ngợi miên man, tôi giật mình vì tiếng hỏi của vệ binh.

"Anh đã mặc quần vào chưa?"

"Chưa."

"Lâu thế? Định khoe của quý à?"

"Quần chưa khô."

"Ối giời! Bao giờ mới khô được. Khẩn trương mặc vào ngay!" Hắn hét lên.

"Vâng. Vâng ... Xong rồi."

Vệ binh quay mặt lại, trừng mắt: "Lề mề... Mất cả thể thống."

Ban ngày, nhiệt độ trong phòng kỷ luật thấp hơn bên ngoài. Hơi lạnh toát ra từ trong đất đá. Ban đêm, gió lùa qua cửa liếp, càng lạnh hơn. Khi ngủ, tôi khoanh hai tay, để giữ hơi ấm cho buồng ngực. Trời nắng ráo, còn dễ chịu đôi chút. Sau cơn mưa vài ngày, là một cực hình ghê gớm. Nước thấm vào đất núi, ứa ra đọng thành giọt theo những vú đá trên nóc. Lâu lâu, rớt xuống một giọt. Khó mà ngủ với những giọt nước rớt lên người. Lớp rơm lót dưới lưng, cũng ẩm hơn. Cả người cứ nhơm nhớp, khó chịu. Sức khoẻ tôi vốn đã tồi tệ, càng suy kiệt rất nhanh. Không chợp mắt được, lại phải ngồi một chỗ, tôi cảm thấy thời gian dài khủng khiếp. Làm sao quên bớt thời gian? Tôi nghĩ đến thiền. Xưa nay, tôi có biết hành thiền là gì đâu. Thấy những nhà sư ngồi lim dim đôi mắt, giờ đây, tôi cũng bắt chước làm thử. Nhưng những giọt nước lạnh, và lũ mạt hoành hành ngứa ngáy, tôi không thể nào ngồi yên.

Những mẩu chuyện về các thiền sư, có thuật rằng, Hám Sơn đại sư, lánh đời lên núi ẩn tu. Ngài chỉ ăn cám và rêu cỏ qua ngày. Có lần, Ngài nhóm lửa, bắc nồi cám lên, rồi vào động ngồi thiền, chờ cho cám chín. Không biết Ngài nhập định bao lâu, mà khi xả thiền, ra thăm nồi cám, thì thấy đã mốc meo đóng váng tự bao giờ. Thời gian trôi qua cả tuần, nhưng đối với Ngài chỉ trong thoáng chốc. Nếu làm được như Hám Sơn đại sư, thì hãm thân trong phòng kỷ luật, đâu còn là một cực hình thống khổ?

Sách có nói, khi nhập tâm suy nghĩ điều gì, đôi lúc người ta quên cả thời gian và thân xác hiện hữu. Tôi ôn lại đời tôi, từ lúc tuổi thơ cho đến

trưởng thành, dấn thân vào lính rồi bước chân vào tù. Thời gian đằng đẵng mấy chục năm, mà nghĩ một lúc đã thấy mình ngồi trong phòng kỷ luật. Cái nghịch lý là khi ôn lại cuộc đời vừa qua, tôi muốn kéo dài thời gian thì nó lại quá ngắn. Còn khi muốn rút bớt thời gian hiện tại, thì nó lại quá dài.

Tôi tìm phương cách khác. Thử làm kẻ vô tâm, không nghĩ gì cả. Nói điều này nghe dễ, nhưng khi muốn đình chỉ tư tưởng, còn khó hơn chuyện lên trời. Nhà Phật đã chẳng từng bảo rằng A Lại Da Thức mạnh như dòng thác, nếu không phải bậc thượng thừa, không dễ gì làm ngưng được, đó sao? Bao nhiêu kẻ dày công tu hành mấy mươi năm, vẫn chưa đạt đến trình độ tâm không. Sơ cơ như tôi, mà trong một sớm một chiều, muốn vượt ra ngoài giới hạn phàm phu, là chuyện nằm mơ.

Tôi cứ loay hoay tìm cách đốt bớt thời gian, và quên đi những giọt nước lạnh rớt lên người. Tôi tưởng tượng mình là một Lạt Ma Tây Tạng, mình trần ngồi trên tuyết. Không biết các Ngài Lạt Ma thật, cảm thấy thế nào. Chứ tôi thì thấy lạnh thêm, và tưởng như đang ngồi giữa cái rét giá mùa đông.

Sau khi thử làm Lạt Ma, tôi chợt khám phá một điều, tất cả đều do tâm sinh diệt mà ra. Đức Phật đã nói thế rồi, nhưng đó là kinh nghiệm của Ngài, tôi làm sao cảm nhận? Chẳng hạn, ngày còn nhỏ nghe má tôi kể, rằng nạn đói năm 1945 ngoài miền Bắc, làm chết cả triệu người. Đói tới chết là một đau khổ ghê gớm, nhưng tôi đâu biết được cái đói hành hạ thân xác thế nào? Những năm đi tù trên đất Bắc, tôi mới cảm nhận được hết nỗi quay quắt khắc khoải của người đói. Đói trằn trọc không ngủ được. Đói rã ruột, nằm nghe bụng sôi ồn ột, như có những cục không khí chạy qua chạy lại trong bao tử. Đói đến nỗi muốn trở thành trâu bò, để có thể ăn cỏ lá ngoài đồng nội. Đói cả trong tâm thức, vừa chợp mắt, đã chiêm bao thấy mình đang ăn đám cưới, hoặc ngất ngưỡng ngồi nhà hàng thưởng thức những mỹ vị cao lương. Có điều kỳ lạ, là trong chiêm bao ăn không bao giờ thấy thoả mãn. Kinh nghiệm quý giá nào, cũng đều phải trải qua thử thách của chính bản thân mình.

Giờ đây, tôi hiểu được rằng, ngoại cảnh tác động do tâm sinh diệt. Để chống lại cái lạnh, tôi tưởng tượng mình là thầy trò Đường tăng, trên đường đi thỉnh kinh, gặp hoả diệm sơn. Người nào cũng tháo mồ hôi nhễ nhại, vì khí hậu vô cùng oi bức. Nhìn trước mặt, thấy lửa đang cháy bừng bừng. Tôi đi sâu hơn vào câu chuyện. Thổ Địa hiện hình, cho biết núi lửa này do Tôn Hành Giả gây ra. Nghĩ mình bị vu oan, Tôn Hành Giả bèn nổi giận xách thiết bảng, đòi đập chết Thổ Địa. Sợ quá, Thổ Địa quỳ xuống xin tha mạng, và giải thích. Rằng năm trăm năm về trước, có con khỉ đột tự xưng Tề Thiên Đại Thánh, loạn đả thiên cung, bị bắt nhốt vào lò bát

quái của Thái Thượng Lão Quân. Ông già này quyết dùng chân muội tam hoả, đốt chết con khỉ đột ra tro. Nhưng Tề Thiên Đại Thánh thần thông quảng đại, đâu dễ bị hại dưới tay một ông già chuyên môn chế thuốc cao đơn hoàn tán. Tề Thiên giận sùi bọt mép, trợn mắt lửa tròng vàng, nhảy ra đá giò lái, làm đổ cái lò bát quái. Một viên gạch nóng hổi rớt xuống trần gian, thành hoả diệm sơn.

Nhập tâm làm thầy trò Đường tăng gặp núi lửa, tôi cảm thấy dễ chịu. Và câu chuyện thú vị làm tôi quên nghĩ đến thời gian. Cái phương pháp hoá giải nỗi đau khổ này, dễ áp dụng hơn ngồi thiền, làm kẻ vô tâm. Có lúc tôi tưởng tượng mình là Tôn Hành Giả ngao du bốn cõi, tung hoành trời đất. Tưởng tượng mình là Trư Bát Giái phàm phu tục tử, thích ăn uống, và dâm dục. Tưởng tượng mình là Sa Tăng thật thà chất phác đến ngu đần. Tôi không khoái Đường tăng, nên không bao giờ tưởng tượng tôi là Đường tăng trắng trẻo mập ú, tính tình nhu nhược, chỉ biết tụng kinh.

Nhờ nghĩ chuyện Tây Du Ký, tôi quên bớt thời gian. Thấm thoát đã đến trưa. Thấm thoát đã đến chiều. Mỗi buổi tôi được phát hai khúc khoai mì, dài cỡ gang tay. Tiêu chuẩn một ngày, bốn khúc. Quy định, không cho tù kỷ luật ăn muối.

Sau mười lăm ngày, tôi được giảm mức độ trừng phạt xuống còn cùm một chân. Tôi thay đổi để mỗi cái chân luân phiên được nghỉ cùm một ngày. Bây giờ, tôi có thể nằm ngửa hoặc nằm nghiêng qua bên cái chân không bị cùm. Dù được thoải mái hơn đôi chút trong thế nằm, nhưng do ăn uống thiếu kém, thân xác tôi đã bắt đầu mất thăng bằng. Mỗi khi ra ngoài, tôi thấy mặt đất chao qua chao lại. Người cứ lơ lơ lửng lửng, bước đi không vững. Sắp tiêu đời nhà ma sao? Tôi nhớ lại người bạn tên Lê Thơm, một thời làm quận trưởng Chợ Lách, từng gây khốn đốn cho đối phương. Họ coi anh là kẻ ác ôn, gán biệt danh là Lãnh Chúa Chợ Lách. Khi ra Bắc cải tạo, anh vượt trại bất thành, bị bắt nhốt trong phòng kỷ luật. Thời hạn ba tháng, anh chỉ ở một tháng rưỡi, rồi ra ngoài, nằm vĩnh viễn dưới chân núi đồi miền thượng du. Tôi cũng rơi vào trường hợp như anh. Liệu tôi chịu được mấy ngày? Chưa có ai qua khỏi dấu mốc thời gian ba tháng, trong hang động âm u này. Tôi sợ cái lưỡi hái của tử thần, mỗi ngày một nhích lại gần hơn. Sự chết ám ảnh hoài, không ngớt. Trong tuyệt vọng, không còn mong gì nơi con người, tôi hướng về thiêng liêng, và chú tâm cầu nguyện. Hư Vân hoà thượng từng nói: *"Con người lúc bình thường, trông thấy Tổ Đình, ngoảnh mặt đi luôn. Khi lâm nguy, thì níu áo Bồ Tát."* Chẳng tôi những tôi níu áo Bồ Tát, mà còn kêu gọi luôn cả Chúa Giê Su giúp đỡ. Nếu Bồ Tát làm ngơ, thì còn có Chúa.

Đoàn là Bộ Chỉ Huy tổng trại, quản lý chín trại cải tạo. Mỗi trại đều có phòng kỷ luật riêng. Đoàn cũng có phòng kỷ luật của Đoàn. Nơi đây chỉ nhốt những tù nhân đặc biệt do trại đưa lên. Hằng ngày, có một toán tù từ trại cải tạo, được phái lên Đoàn làm tạp dịch. Đem phần ăn cho tôi cũng do một anh tù, vệ binh theo sau kiểm soát. Anh này có nhiệm vụ quét dọn cầu tiêu, và làm sạch sẽ khu vực nhà bếp của Bộ Chỉ Huy. Ngoài viên sĩ quan an ninh, tất cả đều bị cấm tuyệt đối không ai được nói chuyện với tôi, kể cả những vệ binh. Vệ binh không được nói chuyện với tôi, nhưng người ta không cấm cái quyền được la hét, và chửi bới tôi. Những tù nhân tạp dịch, cũng không được lảng vảng gần khu vực nhà cầu, khi có tôi ở đó. Một sự cách ly quá nghiêm nhặt. Tôi thấy cô độc lạ lùng, và thèm được tiếp xúc thân thiện với con người của trần gian. Tôi sợ sự lặng thinh. Đối diện với cô độc, còn dễ sợ hơn giáp mặt kẻ thù.

Khi vệ binh kéo cánh cửa liếp, anh tù bước vào đưa phần ăn cho tôi. Nhiều lần, anh nhìn tôi, nheo nheo một con mắt, như muốn nói điều gì đó. Tôi nghĩ không ra. Có lần, nhân lúc vệ binh lơ đễnh, anh vội vàng nói, rất nhỏ: "Cầu tiêu". Qua hai tiếng ngắn gọn này, tôi cũng chẳng biết được ý anh. Nhưng chắc chắn, anh muốn tôi chú ý đến cầu tiêu. Lúc ngồi trong cầu, tôi quan sát khắp nơi, trên mái nhà, quanh vách nứa. Tôi phát giác một chiếc lá được xếp nhỏ lại, ai đó giấu nhét vào khe vách. Nếu không chú ý tìm tòi, không thể nào thấy được. Mở ra coi, có hai hột muối. Mừng quá. Tôi muốn kêu lớn lên, để tỏ nỗi mừng. Cám ơn người bạn tù, đã khó khăn luồn lách qua mọi kiểm soát, để giúp đỡ tôi. Việc này, nếu bị bắt quả tang, người bạn ấy không thể nào tránh khỏi bị làm kiểm điểm. Hai hột muối quý hơn vàng. Hai hột muối là liều thuốc hồi sinh trong cơn ngất ngoải. Chưa nếm, mà miệng đã tiết ra dịch vị rồi. Tinh thần tôi hưng phấn hơn. Ôi, tinh thần hưng phấn là điều kiện cần thiết để vực dậy cho một cơ thể bạc nhược biết dường nào! Tôi cẩn thận nhét hai hột muối vào lưng quần, đi ra. Sao tên vệ binh nhìn tôi kỹ thế? Hắn nghi ngờ điều gì chăng? Tôi mất tự nhiên, không dám ngó thẳng vào mặt hắn. Tay chân tôi lính quýnh. Tôi làm bộ đánh rơi ống nứa đựng nước tiểu, và cúi xuống nhặt lên, để tay chân đỡ cảm thấy dư thừa. Tôi tự trách, sao lúc ở trong cầu tiêu, không nuốt hai hột muối cho rồi? Nhưng, tôi lại tự trấn an. Làm gì hắn biết được. Có tật nên giật mình, thế thôi. Khi lấy nước vào lon Guigoz, tôi run tay làm đổ.

Vệ binh miệt thị:"Chả nên trò trống gì. Tay ấy chỉ bốc cứt mà ăn."

Sau câu mắng nhiếc, tôi thấy vững tâm. Thế là hắn không biết gì cả. Dù hắn có mắng nhiếc nhiều hơn nữa, tôi cũng chẳng màng. Nhưng, hãy để yên hai hột muối cho tôi. Thiếu muối, tôi sẽ lâm nguy.

Buổi trưa. Người bạn tù mang phần ăn tới. Anh lại nheo nheo một con mắt với tôi. Tôi nhìn anh bằng đôi mắt biết ơn, và ho lên mấy tiếng như một dấu hiệu trả lời, rằng tôi đã biết ý anh. Những ngày sau, mỗi ngày tôi đều nhận được muối. Năm ba hột là thường. Có khi nhiều hơn, tôi ngồi trong nhà cầu ăn bớt, để phần còn lại dễ giấu nhét trong lưng quần. Việc gì rồi cũng quen đi, tôi không còn sợ sệt như lần đầu tiên. Dù lượng muối không đầy đủ cho một cơ thể bình thường, nhưng với tôi, nhờ đó mà cầm hơi qua ngày.

Trong thời gian ra Bắc cải tạo, có ba thứ mà người tù thèm khát nhất: đường, muối và mỡ. Tôi nhớ mãi, trong một dịp Tết năm nào, mỗi người được phát một chén đường cát trắng. Nghe nói, đường này do nước anh em xã hội chủ nghĩa Cu Ba, viện trợ cho nước anh em xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Không ai hơi đâu mà thắc mắc, nước nào là anh, nước nào là em. Có đường là khoái rồi. Cám ơn Cu Ba. Đang thèm khát, ai cũng ăn một mạch là sạch chén. Riêng anh bạn tên Sơn, gốc Pháo Binh, còn để dành lại một ít. Mỗi ngày, anh cho đường vào cái ve dầu Nhị Thiên Đường, pha thêm vài giọt nước, đem theo ra hiện trường lao động. Thỉnh thoảng, anh ngừng tay cuốc đất, lấy ve nước đường ra, dùng cái que tăm chấm vào, đưa lên miệng liếm. Lần nào anh cũng rên lên một cách khoái lạc: "Trời ơi ..., tôi nghe chất ngọt chạy rần rần trong đường gân ống tủy." Tiếng rên của anh như một cố ý khêu gợi sự thèm khát của người chung quanh. Có người không chịu được, chửi thề: "Đù mạ! Ăn mẹ nó hết cho rồi. Cứ liếm như liếm l."

Dù có muối, nhưng sức tôi mỗi ngày một suy kiệt bết bát hơn. Thân xác nào chịu nổi với điều kiện một ngày bốn khúc khoai mì, mình trần lạnh lẽo, ở trong cái hang ẩm thấp, đầy những con mạt ngày đêm làm ngứa ngáy? Những khi ra ngoài, tôi nhìn làn da của mình, hình như ngả dần sang màu xám chì. Thiếu ánh sáng mặt trời, đáng lẽ da tôi phải tái đi chứ? Sự biến đổi trái ngược này, là một hiện tượng khó hiểu. Đến một lúc, tôi không còn nghe ngứa nữa. Không biết sự chịu đựng đã quen, hay da mất dần cảm giác? Đặc biệt, lớp da dày của bàn chân, bắt đầu bong ra từng mảng. Bên trong là lớp da mới, còn non đỏ hỏn, dễ rướm máu. Tôi không gỡ bỏ lớp da dày. Cứ để nguyên như thế, coi như đôi giày bảo vệ lớp da non.

Dạo này, tôi không còn đủ sức vận động hai cánh tay cho máu lưu thông, hoặc tập theo phương pháp dưỡng sinh. Tôi tiết kiệm từng chút sinh lực của mình. Như một ngọn đèn leo lét, sắp cạn dầu, tôi cố giữ ngọn lửa thật nhỏ, để bớt hao nhiên liệu. Tôi thường nằm, và chú ý đến hơi thở.

Lượng hơi thở rất ít, chỉ bằng phân nửa của người bình thường. Mỗi khi thở ra, hình như buồng phổi không còn muốn tự động hít vô nữa. Tôi biết tôi đã tiến đến gần sự chết lắm rồi. Do bản năng sinh tồn, tôi gắng hít thở thật đầy và sâu, để giữ mạng sống. Lúc nào tôi cũng buồn ngủ, hai mắt mệt mỏi muốn nhắm lại. Tôi sợ một ngày nào đó, tôi sẽ ngủ luôn một giấc, không bao giờ dậy nữa. Trong mơ màng, tôi thường thấy tôi bay lơ lững, và phía dưới, có con chó dữ đang chồm lên như muốn cắn. Tôi cố gắng bay lên cao hơn, nhưng không được. Cuối cùng, bao giờ tôi cũng thấy tôi rớt xuống một vùng nước ngập mênh mông giá lạnh. Giấc mơ kỳ lạ ấy cứ lập đi lập lại hoài. Nhớ những ngày còn nhỏ, mỗi lần về thăm ngoại, tôi phải đạp xe trên con đường đất, ngang qua căn nhà có con chó rất dữ, và bị nó rượt đuổi. Chính con chó này làm tôi khủng hoảng tinh thần lúc còn thơ dại. Nỗi ám ảnh đó, tưởng đã quên lãng trong đời. Không ngờ, nó vẫn còn nằm sâu trong tiềm thức, để bây giờ, trở lại trong giấc mơ. Sách nhà Phật nói, người hấp hối thường thấy lại quá khứ của mình. Nếu đúng thế, thì trời ơi, không còn nghi ngờ gì nữa, tôi sắp chết thật rồi. Nhưng sao cuối cơn mơ, tôi lại thấy rớt xuống nước? Có lẽ, đây là sự liên quan nối kết của tâm sinh lý, vì tôi đang ở trong hang núi lạnh lẽo.

Hiện tại, đối với tôi, không còn gì quan trọng nữa. Tôi chỉ nghĩ làm sao để níu lại sự sống. Thân xác không được bồi dưỡng bằng thức ăn, tôi tự bồi dưỡng bằng dưỡng khí. Hít thở chậm, đầy và sâu, theo phương pháp điều tứ Ốc của các nhà tu hành phương Đông. Nếu biết cái thuật nhịn đói, và chết giả của những thầy Fakia Ấn Độ, đem chôn bốn mươi ngày, moi lên vẫn còn sống, thật cần thiết cho tôi biết chừng nào. Ngoài việc chú ý hơi thở, tôi còn cầu nguyện. Lúc trước, tôi chỉ cầu sự sống. Trong những ngày này, tôi còn cầu được giúp đỡ phần hồn, nếu đã đến hồi tận mệnh. Tôi tin tưởng mãnh liệt rằng, con người còn có một nơi chốn trở về, sau khi lìa bỏ thế gian.

Một hôm, tôi nói với viên sĩ quan an ninh, cho tôi xin một cây gậy.

Anh ta trả lời: "Quy định, anh chỉ có được một lon nước uống, và một ống bương chứa nước tiểu, để trong phòng."

"Tôi không mang gậy vào phòng. Tôi chỉ dùng nó mỗi khi ra ngoài. Xong việc, tôi để nó bên ngoài."

"Chưa thể quyết định ngay được. Tôi sẽ nghiên cứu lại đề nghị của anh." Anh ta lấy ngón tay khều nhẹ lớp da bong của bàn chân tôi. "Sao lại thế này?"

"Tôi không biết."

"Anh thì hỏi cái gì cũng không biết. Thân thể anh, anh cũng không

biết. Hãy coi chừng cái đầu luôn luôn khép kín của anh đấy."

" Chuyện gì biết thì nói. Không biết mà trả lời ẩu, thành ra nói láo với cách mạng."

"Anh khai quê quán Tây Ninh?"

"Vâng."

"Anh biết núi Bà Đen không?"

"Biết."

"Trước giải phóng, tôi có thời gian dài cả năm, chiến đấu quanh vùng ấy. Khi đánh nhau, các anh hung hãn như con thú điên."

Tôi tránh né: "Sinh ra ở Tây Ninh, nhưng tôi không làm việc ở quê nhà. Tôi không đánh nhau với cán bộ."

"Dù nơi nào, các anh cũng tỏ ra hung hãn. Anh kể những vùng anh đã đi qua, xem có từng đụng độ với tôi không nào?"

Tôi nói trong mệt mỏi: "Chuyện lâu rồi. Tôi không nhớ rõ."

"Anh đùa ấy à?"

"Không dám. Cách mạng đã chẳng từng bảo rằng hãy quên quá khứ tội lỗi xấu xa tồi bại của các anh đi. Tôi còn nhớ làm gì?"

"Ngụy biện. Hồ sơ lý lịch của các anh, tôi nắm trong tay, muốn biết lúc nào mà chả được. Nói chuyện là để an ủi anh thôi,"

Ai mà dám tin những kẻ tâm địa chứa đầy nọc độc?

"Cám ơn cán bộ." Tôi nói.

Anh ta dỗi: "Chả cần cám ơn. Các anh quen miệng, lúc nào cũng nói cám ơn. Nói mãi, hai tiếng ấy trở thành giả dối, vô nghĩa."

Phải mất gần tuần sau, viên sĩ quan an ninh mới cho tôi một chiếc gậy. Chiếc gậy cong queo khúc mắc, như chiếc gậy của ông tiên quảy trái bầu trong tranh Tầu.

"Vệ sinh xong, lên phòng làm việc gặp tôi nhé."

Hơn mười ngày trước, mỗi khi ra ngoài, tôi đã phải lần từng bước. Lúc nào mắt hoa lên choáng váng, tôi dừng lại định thần, và thở lấy sức. Mặc dù không gỡ bỏ lớp da dày dưới bàn chân, tôi vẫn thấy lớp da non đau rát. Hôm nay, nương theo chiếc gậy, tôi đi một mạch đến nhà cầu. Đuối quá, phải dựa vào vách liếp nghỉ mệt, trước khi leo lên cầu tiêu. Và lúc loay hoay trên cầu, tôi sợ nhứt là té xuống rảnh phân. Nếu chẳng may sa xuống cái rãnh gớm ghiếc này, chắc tôi không gượng dậy nổi. Có thể sẽ nằm chết luôn với đám dòi bọ lúc nhúc, trong chất bùn non màu vàng ệnh.

Tôi không còn đủ sức kéo nước từ giếng lên. Vì thế, tôi không tắm. Hơn nữa, lúc nào tôi cũng cảm thấy lạnh, không muốn tắm. Vệ binh giúp tôi lấy nước vào lon Guigoz, kèm theo những lời mắng nhiếc thậm tệ.

Cũng đúng thôi. Nợ nần gì nhau, mà phải lẽo đẽo theo sau một thằng hôi hám?

Vệ binh dẫn tôi lên phòng làm việc của viên sĩ quan an ninh. Anh ta chỉ cái ghế, bảo tôi ngồi. Tôi nói, tôi muốn ngồi dưới nền đất, có bức vách làm chỗ dựa lưng.

"Yếu thế cơ à?"

"Vâng."

"Thuốc lào Tiên Lãng nhé?"

Tôi lắc đầu. Mỗi lần anh ta tỏ ra tử tế, tôi phải đề phòng. Sau lưng sự tử tế, có thể một tai họa bất ngờ giáng xuống. Và tôi cũng biết, bây giờ tôi chỉ còn là một bộ xương thoi thóp. Sức ấy, làm sao chịu nổi cái độ say ngất người, tê rần cơ thể, nằm vật ra, thở hồng hộc, của thuốc lào Tiên Lãng? Nếu hút vào một bi, tôi sẽ đứt hơi luôn.

Anh ta cười cười. Sao tôi thấy vẻ cười mang tính gian ác lạ.

"Anh biết tôi là ai không?"

"Sĩ quan an ninh."

"Hẳn nhiên rồi. Nhưng tôi còn là rể của Tây Ninh nữa đấy."

Tôi im lặng.

"Khi vào giải phóng miền Nam, tôi lấy vợ người cùng quê với anh."

Tôi vẫn im lặng. Người cùng quê với tôi, lấy kẻ vô thần thì danh giá gì mà phải bận tâm suy nghĩ?

Anh ta nhìn tôi một lúc, như quan sát: "Hai người kia đã đi rồi."

Câu nói bất ngờ, làm tôi thảng thốt, đớn đau kêu lên như sắp khóc: "Chết? Trời ơi!"

Cả người tôi lạnh toát, rụng rời. Một tin khủng khiếp, mà anh ta nói tỉnh bơ. Đúng là quân sát nhân, coi mệnh người như heo chó, mới có thể thản nhiên trước sự tử vong của người khác.

Sau cuộc vượt trại bất thành, chúng tôi bị bắt đưa về Đoàn. Từ ấy, bị cách ly, không nhìn thấy mặt nhau. Mỗi ngày, người ta dẫn ra từng người một, cho đi làm vệ sinh. Xong, đem vào khoá lại. Dẫn người kết tiếp. Chúng tôi tuy gần nhau, mà vẫn như muôn trùng cách trở. Thể lực tôi vốn kém hơn hai người bạn, nào ngờ bạn tôi đã sớm xuôi tay.

Viên sĩ quan an ninh lắc đầu: "Không chết đâu. Làm gì hốt hoảng thế?"

Tôi há hốc mồm, không hiểu.

"Các anh may mắn lắm. Được đặc xá, cho về trại cải tạo."

Tôi không dám tin nơi lỗ tai của mình, hỏi lại: "Có nghĩa rằng tha, khỏi bị cùm kỷ luật?"

"Đúng thế!"

"Còn tôi?"

Viên sĩ quan gắt: "Anh này ngớ ngẩn. Đã bảo tha là tha tất, kể cả anh nữa."

Tôi thở phào. Lòng thầm hối về những oán hận vừa qua. Nhưng chung quy cũng tại anh ta. Một tin mừng, nói không rõ, dễ ngộ nhận ra một tin buồn tang tóc.

"Hai người kia đã đi trước. Tôi sắp xếp cho anh đi chuyến cuối cùng, vì anh cùng quê vợ tôi."

Lại cái chuyện cùng quê nữa! Dù mừng, nhưng tôi vẫn không khỏi rủa thầm. Tổ cha nó. Cùng quê với vợ nó, mà nó cố tình giữ lại cho đi chuyến cuối cùng, để hành tôi thêm được ngày nào hay ngày ấy.

Anh ta trả cho tôi cái túi vải đeo lưng: "Hãy ngồi đây, kiểm lại đồ đạc. Mặc quần áo vào. Chờ tôi."

Vừa giở bộ đồ ra, tôi nghe mùi mồ hôi gắt gắt đã biến thành mùi mốc. Thương quá, cái mùi của tôi ấp ủ trong áo quần sau hai mươi chín ngày phong kín. Lòng tôi xúc động, cầm nguyên gói quần áo úp lên mặt, hít thở cái hơi hướm cũ của mình. Nước mắt tôi ứa ra, và cảm tưởng như vừa từ cõi khác trở về, gặp lại chính tôi sau một thời gian dài thất tung. Bây giờ, tôi hiểu rằng, mọi sự lý luận về lòng vị tha nào, cũng không bằng lòng tôi yêu tôi, hơn bất cứ yêu ai trên cõi đời này.

Viên sĩ quan trở lại, thấy tôi còn đang bần thần, ngơ ngẩn.

"Khóc đấy à?"

Tôi lắc đầu, không nói. Một kẻ sống thuần bằng giáo điều máy móc, làm sao cảm thông được con tim ứa máu của người khác?

Anh ta đưa tôi một hũ đường mật đặc sản địa phương, và một bọc gạo.

"Bồi dưỡng đặc biệt. Ăn từ từ. Đừng gấp quá, chết đấy."

"Cám ơn."

"Tôi sẽ cho người đến giúp anh."

Anh ta bỏ đi. Lúc sau, người bạn tù từng đem phần ăn hằng ngày cho tôi, xuất hiện.

Bạn rón rén ngồi xuống bên tôi, nói nhỏ: "Hai người kia đã được chuyển đi hôm qua."

"Đi đâu?"

"Không biết. Có dấu hiệu, tất cả đều chuyển trại, kể cả Bộ Chỉ Huy tổng trại."

"Thằng sĩ quan an ninh nói, nó giữ tôi lại, đi chuyến cuối cùng."

Bạn nhìn tôi, ái ngại: "Anh có làm gì để nó ghét không?"

"Chẳng làm gì. Nhưng tôi có cảm tưởng nó thù tôi từ truyền kiếp."

"Nó bảo tôi nấu cháo, cho anh ăn với đường."

"Tôi sợ chiếc mặt nạ nhân đạo của nó. Hai người bạn đi trước có được phát gạo và đường không?"

"Không."

"Anh thấy sức khoẻ họ thế nào?"

"Khá hơn anh. Nhưng đi đường xa vất vả, cũng... đáng ngại." Người bạn tù ngó dáo dác, hạ giọng như sợ có người nghe thấy. "Anh em ở trại suy luận, hình như sắp có đánh nhau với Trung Quốc. Họ chuyển tất cả tù từ thượng du về trung du, để bộ đội rảnh tay phòng thủ biên giới."

"Vì thế mà tôi được tha chăng?"

"Có lẽ thế."

Người bạn tù mang bọc gạo đi nấu cháo. Tôi mệt mỏi nằm dài xuống nền đất, gối đầu lên túi vải.

Viên sĩ quan bước vào, mang theo tấm bạt che mưa của bộ đội. Thấy tôi nằm, anh ta la lớn: "Không thể nằm đây, phòng làm việc của tôi. Hãy qua bên kia, trong phòng trực, có chiếc sạp nứa."

Tôi bước đi lảo đảo qua phòng trực. Anh ta ôm tấm bạt và xách túi vải của tôi theo sau. Tới nơi, anh bỏ mọi thứ lên chiếc sạp.

"Nằm đấy. Dùng tấm bạt che mưa này, làm chăn đắp. Còn anh kia đâu?"

"Đang nấu cháo dưới bếp."

Viên sĩ quan đứng sát mép giường, đổi giọng nhỏ hơn: "Nói điều này, không được tiết lộ với ai. Đường gạo là của vợ tôi gửi biếu anh, dù không quen biết nhưng cũng cùng quê. Nói không phải kể công, chính tôi đề nghị lên trên, xin tha các anh, kèm theo cái thư anh gửi gia đình. Cái thư có tác dụng rất tốt, khi cấp trên nghiên cứu đề nghị của tôi."

Tôi sững sờ, không nói được tiếng nào với kẻ đối diện. Niềm ân hận dâng tràn trong tôi. Sau khuôn mặt gỗ đá trơ trơ, tưởng như không tình cảm ấy, vẫn còn đọng lại cái nhân tính của một con người bình thường.

Anh ta nói tiếp: "Anh ở lại vài ngày, bồi dưỡng lấy sức để đi xa. Ngày mai, những anh cải tạo được biệt phái lên Đoàn, không đến đây nữa. Anh phải tự phục vụ cho mình. Khả năng tôi giúp anh, chỉ có thế. Làm hơn, sẽ bị phê bình. Hậu quả của người bị phê, không đơn giản đâu. Anh hiểu chứ?"

Tôi ấp úng: "Vâng! Tôi hiểu. Tôi cũng không biết nói lời gì để cám ơn..."

Anh ta gạt ngang: "Không cần phải làm thế. Khi nói chuyện với tôi, hãy dè chừng những người chung quanh. Trước thế nào, nay vẫn giữ thế ấy. Tỏ thái độ khác, sẽ có hại cho anh, và cả tôi nữa. Nhớ nhé!"

Băn khoăn
HÀ THƯỢNG NHÂN

Ta cởi áo ra, mặc áo vào,
Rưng rưng chẳng hiểu tại làm sao!
Mùa Thu xanh biếc bên hàng liễu
Nghe nỗi buồn thương thật ngọt ngào.

Nghe em thốn thức anh tê tái,
Có phải tình yêu vốn tái tê.
Có phải ngày xưa trăng đẹp quá,
Vớt trăng liệu có thỏa si mê.

Vớt trăng chết giữa dòng sông lạnh,
Lý Bạch còn nguyên một mối tình.
Ta tưởng bơi trong hồ ảo giác,
Phút giây đủ hả kiếp phù sinh.

Ta người nói được câu thương nhớ,
Ngôn ngữ giàu sang một chữ yêu.
Chắc hẳn Xuân Hương vào thuở đó,
Nguyễn Du đêm trắng mắt dăm chiêu...

Nói xong, viên sĩ quan an ninh quay đi. Cũng vẫn con người ấy, nhưng bây giờ, tôi thấy dưới lớp băng đông giá, còn tiềm ẩn cái hơi ấm tình người. Nhìn qua bên kia hàng rào trại, cây rừng đang xanh tốt mùa mưa. Lòng tôi cũng bắt đầu xanh lại. Trong khi chờ người bạn tù nấu cháo, tôi nằm xuống chiếc sạp nứa. Có tiếng mọt kẽo kẹt nghiến gỗ trong vách. Trước kia, đêm trằn trọc trong trại cải tạo, nghe tiếng mọt, lòng tôi ray rứt như nghe đời mình đang bị gặm nhấm hao mòn dần theo những ngày tháng lưu đày. Bây giờ, cũng tiếng mọt, nhưng tôi lại nghe như tiếng đời sinh động.❐

Còn nắng trong chiều

Trần Long Hồ

1.

Tôi có cần báo tin cho John biết gấp như thế hay không?

Khi ra khỏi phòng cơ thể bệnh lý, tôi nghĩ rằng phải trở lên trại bệnh, báo cho John biết kết quả sinh thiết ngay tức khắc. Tôi không muốn chần chờ một phút nào vì sự việc kéo dài đã hơn một tháng qua. Không chỉ người bệnh mòn mỏi vì lo sợ mà cả bác sĩ điều trị cũng chán chường. Nhiều thử nghiệm đã tiến hành nhưng không có một kết quả xác định nào. Chỉ có lần này. Lần đầu tiên cũng là lần cuối cùng, kết quả đã phán quyết.

Trên đoạn đường trở về trại bệnh, mỗi phút trôi qua, sự nôn nóng trong lòng tôi suy giảm dần. Đến lúc vào thang máy, tôi cảm thấy không cần thiết phải báo tin cho John biết gấp như vậy. Báo tin cho John sớm hay trễ một chút, có thay đổi được gì đâu. Sáng mai, khi gặp John, tôi sẽ nói cho anh biết điều ấy.

Đã nhiều năm làm việc, tôi chưa hề có ý nghĩ chần chờ sau khi nhận được kết quả đáng buồn cho một bệnh nhân. Đây là lần đầu tiên, đối với John, tôi đã phân vân như vậy. Tại sao tôi phải đắn đo suy nghĩ quá nhiều về một người bệnh như John?

Tháng trước, vào một buổi sáng đầu phiên trực, người y tá trưởng báo cho tôi biết, đêm qua có bệnh chuyển vào. Đây là khu ung thư, người bệnh vào đây, có nghĩa là họ đã mắc chứng bệnh nan y này. Thông thường, họ vào khu bệnh này để chữa trị, chứ không phải vào để chờ chúng tôi tìm ra bệnh.

Xem hồ sơ của John, tôi không thấy một chẩn đoán nào về căn bệnh ung thư. Không có một kết quả sinh thiết nào xác nhận về bệnh ung thư. Lạ thật.

Trong đó ghi rõ, người bệnh này còn trẻ, chỉ ba mươi tám tuổi. Tên anh là John Scannon. Anh là một kỹ sư ngành điện toán, chưa lập gia đình, không bao giờ hút thuốc lá và chưa hề uống rượu. Anh được nhập viện với triệu chứng đau ngang thắt lưng và sụt cân khoảng mười lăm pounds trong vòng hai tháng.

John được đưa vào khu nội thương ở lầu ba. Trên ấy, người ta đã làm nhiều chuyện cho anh. Toàn bộ kết quả thử máu và nước tiểu đều bình thường. Hình CAT scan xương sống cũng bình thường. Mặc dù John không có tiền căn hút thuốc lá và không bị ho hay bất cứ triệu chứng bệnh nào về phổi, họ cũng chụp CAT scan lồng ngực cho anh. Hình chụp không nói được gì ngoại trừ một chỗ phình nhỏ ở gốc tẻ cuống phổi phải. Rồi John được chuyển về trại ung thư này.

Tôi quay lại nhìn người y tá trưởng, bà Mary. Bà đang đứng trong khu làm việc của y tá, sau vách kính trong suốt. Nét mặt bà có vẻ mệt mỏi sau một đêm trực, nhưng không vì thế mà nó che mờ sự tinh anh và hăng hái của bà. Tôi biết, gần đây, bệnh viện vì ngân quỹ thiếu hụt đã phải cắt giảm người nên bà Mary phải trực như những người y tá khác. Đêm qua, bà đã thức suốt đêm.

Thấy tôi nhìn với ánh mắt dò hỏi, bà Mary mỉm cười:

– Bác sĩ Trần, ông đừng ngạc nhiên vì người bệnh này?

Đã làm việc chung với nhau qua một thời gian dài, tôi hiểu ẩn ý từ nụ cười của bà Mary. Tôi biết bà là người tinh tế và hiểu biết nhiều. Bà làm việc gần bốn mươi năm, riêng khu ung thư này, bà đã có mười lăm năm kinh nghiệm. Bà thông hiểu mọi chuyện, không những công việc của một y tá mà còn cả trong lãnh vực điều trị của bác sĩ.

Bà Mary nói xong, chỉ tay lên tấm bảng trực treo trên vách. Bà không nói gì thêm nhưng tôi hiểu.

Theo nguyên tắc, bác sĩ chuyên khoa ung thư chỉ phải trực tại nhà, họ chỉ phải vào bệnh viện khi có chuyện khẩn cấp. Người bác sĩ trực của khu, đêm qua, đã nhận người bệnh John Scannon mặc dù chưa có chẩn đoán xác định. Chuyện này sẽ tạo thêm nhiều công việc cho mọi người trong trại. Và tôi là người trước tiên phải gánh vác trách nhiệm này, vì John đã được giao về cho tôi.

Bà Mary trao hồ sơ bệnh cho tôi. Bà nheo mắt, trong nụ cười đã biểu lộ một sự thông cảm:

– John ở phòng ba, giường số chín.

Tôi nhận quyển hồ sơ, lẳng lặng đi về cuối hành lang.

Khu ung thư là một trại bệnh nhỏ và hẹp. Nó chỉ có một hành lang chính hình chữ L. Một bên là dãy phòng bệnh, một bên là phòng ngoại

chẩn, kế đến là văn phòng bác sĩ điều trị, rồi sang khu làm việc của y tá, và kho thuốc.

Phòng của John là căn thứ ba, bên phải. Tôi nhớ lời bà Mary. John Scannon ở giường số 9.

Lúc tôi vào phòng, John ngồi quay mặt vào vách. Anh đang cột sợi dây nước biển vào cái giá treo, để túi nước khỏi đung đưa quá nhiều. Nghe tiếng động, John quay lại.

John là một người đàn ông Mỹ nhỏ thó và thanh nhã. Tuy anh ngồi trên giường nhưng tôi vẫn độ chừng được chiều cao của anh qua dáng dấp ốm yếu. John trông rất trẻ. Nếu không xem hồ sơ trước, tôi không thể nghĩ rằng anh ba mươi tám tuổi. Tóc John vàng hoe, cả màu chân mày cũng vậy. Đôi mắt anh mở lớn, tròng mắt xanh lơ. Mũi anh cao, đúng theo tiêu chuẩn của một người Mỹ da trắng. Nhưng da mặt anh tái xanh, do đó, trông John có vẻ ma quái và man dại.

John mím môi, im lặng nhìn tôi. Đôi môi John cũng nhợt nhạt như da mặt anh. Chúng không thể hiện một chút huyết sắc nào từ con người bệnh hoạn của John.

Thấy tôi đến bên đầu giường, John không có một cử động nào khác ngoài cái thế ngồi quay lưng, đầu nghiêng lại. Hai tay anh buông thõng xuống.

Tôi đứng cạnh cái ghế để sát bên giường đối diện với John. Giường này còn trống.

John vẫn ngồi yên bất động. Trông anh thật thảm hại trong bộ đồ xám rộng thùng thình của nhà thương. Rõ ràng, tôi nhủ thầm, John là một người bệnh ung thư.

Thái độ lạnh lùng của John làm cho tôi bớt đi sự hăng hái ban đầu. Tôi chẳng biết làm gì hơn là chuyện mỉm cười chào John. Nhưng thật bất ngờ, cùng lúc, anh cũng cười đáp lại. Nụ cười John héo hắt. Những cơ mặt John kéo chằng đôi môi anh qua một bên. Tôi hình dung một sự giằng co quyết liệt của những thớ cơ và đôi môi đang mím chặt. Lớp niêm mạc khô trên môi John bám chặt vào nhau, như cố ghì lại, kháng cự với những thớ cơ mặt. Có lẽ, John sợ rằng, nếu mở môi ra, sức lực bên trong người anh sẽ thoát hết ra ngoài.

Tôi không thích một nụ cười biểu lộ buồn thảm và chán chường như vậy. Thà John đừng cười, cứ giữ vẻ mặt trơ trơ ma quái như thế, tôi lại cảm thấy dễ chịu hơn.

John đưa tay chỉ chiếc ghế bên cạnh giường, ra dấu mời tôi ngồi. Thái độ cởi mở của John là dấu hiệu đáng mừng. Ít ra, người bệnh vào khu ung thư này vẫn còn một chút sinh khí.

Tôi với lấy bảng ghi huyết áp và nhiệt độ ở đầu giường, đọc lướt những con số ghi ngoằn ngoèo trong mấy cột kẻ dọc. Mọi việc chưa có gì khác lạ, tôi tự nhủ, phải tìm thêm những điều gì khác hơn mấy chuyện đã ghi trong tập hồ sơ. Tôi hỏi:

– Ông Scannon cảm thấy thế nào?

John ngồi bất động. Anh không biểu lộ một chút thiện chí nào để trả lời câu hỏi của tôi. Đôi môi anh mím chặt và nụ cười buồn bã kia tan biến tự bao giờ.

Bỗng dưng, tiếng nói tôi tự tan biến vào không gian ngột ngạt của căn phòng. Âm thanh tắt tịt, chẳng còn một chút vang vọng nào. Tôi cảm thấy như tôi chưa hề phát âm và đã không nói một lời nào. Sự im lặng phủ đầu của John làm tôi ngần ngại. Tôi không biết phải làm gì. Tôi nên nói tiếp hay im lặng. Nếu nói, tôi nên nói điều gì. Nếu im lặng, tôi ngậm câm như thế đến bao lâu.

May thay, sự bối rối của tôi đã tạo một chút xót thương nào đó từ con người bệnh hoạn, bị tình nghi mắc căn bệnh trầm kha kia. John bật môi, giọng nói khàn đục nhưng cương quyết:

– Bác sĩ Trần gọi tôi là John. Tôi muốn như vậy.

Tôi thở phào nhẹ nhõm. Hình như có một sự tương phản, tôi ghi nhận được, giữa dáng dấp bạc nhược và nội tâm của John. Vẻ bệnh hoạn và ma quái bên ngoài của John đã đẩy lui tôi ra xa, nhưng cảm xúc sơ khởi mà tôi bắt được từ giọng nói kia đã kéo tôi trở lại.

Tôi gật đầu. John nhìn ra cửa sổ. Ngoài kia, những tia nắng đầu ngày đã trãi vàng nhạt trên bãi cỏ xanh trước khu ngoại chẩn. Những người y công đang đẩy bệnh nhân trên những chiếc xe lăn. Họ gò người trong cái dáng còng lưng. Còn những bệnh nhân mặc áo xanh xám, có người gục đầu rũ rượi, có kẻ ngẩng đầu nhìn thất thần về một cõi hư vô. Những con người cử động trong hình ảnh tắt lịm âm thanh. Họ như những cái bóng chơi vơi đâu đó trong các hành lang âm u. Có họ, nơi đây càng đậm nét nhà thương và buồn dịu vợi.

John lại ngồi bất động. Anh trở về cái tư thế lạnh lùng và xa cách ban đầu, và tôi, trở lại tình trạng thụ động không hề lường được. Tôi muốn nói một điều gì, hỏi John vài câu chuyện. Nhưng tôi sợ. Tôi ngại âm thanh của tôi sẽ tan loãng vô vọng.

Nhưng, không ngờ, tình trạng thụ động và có vẻ như buồn chán của tôi lại có kết quả khả quan. Chẳng lẽ, tôi và John như hai con thú ghìm nhau, cố lấn từng phiến thời gian và từng mảnh không gian hư ảo. Khi tôi tiến tới, John co người cố thủ trong cái vỏ xanh xao và yếu ớt kia. Lúc tôi lui, John sấn lại một cách hiên ngang và đường bệ. Thế thì tôi chiếm hữu

từng phần đất vô hình trong cái thế lui vậy.

John ngẩng đầu, rướn giọng với âm thanh vướng víu đàm trong cổ họng:

– Tôi mắc bệnh ung thư phải không?

Tôi mừng thầm, ít ra anh vẫn còn sinh lực của một người chưa hẳn đã mắc bệnh. Anh không phải là một người luôn cố thủ trong cái vỏ cơ thể lạnh lùng và xa lạ. John vẫn còn đầy đủ năng lực để muốn biết chuyện gì đang xảy ra chung quanh anh. Tôi lắc đầu, giải thích cho John hiểu:

– Tôi chưa thấy một chẩn đoán xác định nào cho anh.

John nhếch mép, cố thực hiện nụ cười một lần nữa, nhưng anh thất bại. Nụ cười chưa tụ đã rụi tàn. Đôi mắt xanh lơ của John mở lớn, một mép miệng nhích lên rồi bị treo lửng trên nền da xanh tái. Lần này, nụ cười của John trở nên bi thảm hơn.

Tôi cảm thấy xốn xang vì vẻ mặt John. Không, chính thật, tôi nhìn thấy một điều phản ánh qua khuôn mặt John, một tấm gương lạnh lẽo, để tôi bắt được câu trả lời như một sự thú tội của mình. Người ta, trong đó có tôi, tên chủ chốt đang làm trò điều trị, đã đưa John vào khu ung thư này với một chẩn đoán mơ hồ. Tôi đã dự phần vào công việc kết án một người chưa rõ tội trạng. Thế mà tôi còn làm ra vẻ bề trên của một công tố viên đến hỏi cung người ấy.

Trong sự im lặng thụ hình, tôi đã làm cho John hiên ngang tiến tới. Anh hỏi:

– Thế thì, tại sao người ta chuyển tôi vào đây?

Tôi biết John sẽ hỏi những câu như thế này hoặc tương tự như vậy. Mặc dù biết trước, tôi vẫn không thể nào trả lời cho ổn thỏa. Đến đây, tôi chợt nhận ra rằng, hình như tôi đang có bệnh và John là một tên đang làm chuyện điều trị. Hoặc là, tôi có tội và John đang chất vấn để tìm ra những chứng cớ còn ẩn núp. Tôi bối rối vì đã can dự vào tội trạng, đưa một người chưa có chẩn đoán xác định vào khu ung thư. Rõ ràng quá rồi, tôi ấp úng, trả lời lấp lửng:

– Người ta chỉ nghi ngờ anh bị bệnh.

Jonh gục gặc đầu. Vẻ mặt anh như cười mà không phải cười, nét sầu thảm y nguyên trên đó. Đôi môi John mím lại, khô rúm, một bên méo lệch. Mái tóc vàng của anh rung động. Vài sợi tóc vàng lệch xuống trán, chạm vào mắt anh. Jonh nhấc cánh tay gầy guộc, hằn những gân xanh, vuốt tóc. Giọng anh trầm xuống:

– Tại sao người ta không nghi ngờ những điều tốt đẹp hơn?

Tôi im lặng, bất động như một tên tội phạm đã thấm đòn. Cuộc sống có biết bao điều tốt đẹp, tại sao con người không suy nghĩ đến một đời vui

và những niềm hạnh phúc. Tại sao con người không trao cho nhau nụ cười tươi và những niềm hoan lạc. Tại sao con người không quay về phía ánh sáng với một niềm tin vĩnh cữu. Mà, người ta hay đối diện với bóng tối và ngắm nghía những cảnh đời bi thảm. Người ta chỉ thích ôm ấp những nỗi buồn, loay hoay với bao điều đau khổ.

Tôi đã thối lui trong sự tiến tới. Tôi đã co mình trong sự vươn lên. Tôi bắt đầu chiến thắng trong tư thế bỏ chạy thoát thân. Tôi đã thành công trên hành trình đào tẩu. Tôi càng lui thì John càng tiến mạnh:

– Bác sĩ biết tuổi tôi chứ gì?

Tôi gật đầu. Giọng John nặng hơn, có vẻ hằn học:

– Tôi mới ba mươi tám tuổi. Bác sĩ đã gặp ai mắc bệnh ung thư với số tuổi như tôi không?

John hỏi đúng. Tôi chưa hề gặp một bệnh nhân ung thư nào trẻ tuổi như John. Và tôi cũng chưa bao giờ gặp một người bệnh nào lạ lùng như anh. Thông thường, họ hoang mang và lo sợ. Họ van nài nhiệt tâm của những người điều trị. Họ hi vọng phép mầu trị liệu và cầu xin một phép lạ chưa từng xảy ra cho bất cứ ai. Họ vào khu ung thư này trong tình trạng tuyệt vọng của một tử tội đang chờ ngày hành quyết. Không ai có được khí phách như John.

Tôi đồng ý với những biểu hiện sinh khí của John. Ít ra, anh có một điều để bám víu. Nó như cái phao cứu rỗi đời anh trên dòng sông định mệnh. Điều đó chính là, chưa có một chẩn đoán xác định.

Trong phòng yên lặng. Tôi có thể nghe được tiếng nước nhỏ giọt từ cái vòi chưa được vặn chặt hay cả tiếng hơi thoát ra những ô điều hòa không khí trên trần. Tôi không mở miệng nhưng đã trả lời mọi câu hỏi của John. Bây giờ, John và tôi, như hai con thú đã mỏi mệt sau những cơn quần thảo. Tôi nhìn lại những con số trên bảng theo dõi tình trạng bệnh nhân. Tôi cố tìm một điều gì đó để bào chữa cho chuyện đã chuyển John vào khu ung thư này. Và John, nhíu mày suy nghĩ, như đang lục lọi trong trí não một câu gì để chất vấn tôi cho thỏa lòng. Tôi biết, John còn hậm hực vì chuyện này. Ngày nào, tôi không chứng minh được một kết quả xác định bệnh trạng của John, thì ngày đó, anh còn xem tôi như một kẻ có tội. Cái tội dám mang anh ra xử với những chứng cớ chưa được rõ ràng.

Tôi đã hoạch định một chương trình làm việc để tìm ra căn bệnh của John. Một kết quả xác định, nếu có, sẽ hỗ trợ cho tôi rất nhiều. Thật sự trong người John đã mang căn bệnh, tôi nghĩ như vậy. Dù tôi có tìm ra nó hay không, nó vẫn ở đấy. Không phải tôi là kẻ sáng tạo ra căn bệnh cho John. Tôi chỉ là kẻ tìm ra nó. Tôi mong anh hiểu được điều này.

Bây giờ, John như con thú kiệt sức, và tôi quay lại phản công:

– Tôi đã sắp xếp người đưa anh xuống khu quang tuyến để chụp lại MRI lồng ngực. Các chuyên viên bên khu phổi sẽ đến đây để cố nạo và hút chất dịch để lấy tế bào trong cuống phổi, nơi có sang thương.

John im lặng lắng nghe. Đôi chân mày nhíu lại và mắt anh mở lớn ra. Tròng mắt John xanh man dại. Ánh mắt John loang loáng hoài nghi. Một lúc sau, John hỏi:

– Người ta đã làm những chuyện này trên khu nội thương rồi.

Sự hoài nghi của John không có một hiệu quả nào. Dù John nghi ngờ khả năng khoa học kỹ thuật như năng lực chẩn đoán của MRI hay anh không tin vào sự tiên liệu của người điều trị. Hoặc là, John vứt đi cả lòng tin cần thiết. John nghi ngờ cả thiện chí của những người đang giúp đỡ và cố gắng cứu mạng anh.

Dù bất cứ tình huống nào xảy ra, sự hoài nghi của John chỉ là một hình thái đồng lõa với tên tội phạm ung thư. Tôi phải tiêu diệt sự hoài nghi ấy:

– Một lần không đủ. Làm sao chúng ta có thể giải thích chỗ bất thường ở cuống phổi anh trên CAT scan.

John gượng cười một cách buồn bã:

– Bác sĩ hi vọng MRI sẽ tìm thấy một cái gì đó phải không?

Tôi nhìn John. Ánh mắt hoài nghi của anh như chạm phải một sự phản kháng đáng kể. Nụ cười u buồn của John tắt lịm.

Tôi cương quyết giải thích:

– Tôi không hi vọng. Tôi chỉ muốn MRI hay những thử nghiệm nào khác chứng minh được một điều gì...

John lặng thinh. Có lẽ, John đã cảm thấy một điều gì đó nguy hiểm bên trong cơ thể anh. Nó chưa lộ diện nhưng nó đã có mặt. Nó chỉ chờ một ngày phải đến. Ngày đó, nó sẽ bị phát giác. John biết như vậy. Anh hiểu nó là kẻ thù nguy hiểm nhất của anh. Nó là kẻ sát nhân. Nạn nhân là anh. Nhưng John không còn một biện pháp nào để chống cự, khác hơn là phủ nhận nó. Anh là con thú cùng đường, đang quay lưng đào tẩu.

Tôi im lặng chấp nhận thái độ ấy. Tôi đồng tình với hành động của John. Anh có lý do để làm như vậy. Cứ để John quay lưng và ngoảnh mặt với thực tại. Hãy để anh tìm được chút ánh nắng cuối một ngày tàn. Nếu không làm thế, John chẳng còn phương cách nào. Và tôi, có giúp được gì hữu hiệu cho anh hay không?

John nhìn qua cửa sổ. Ánh nắng đầu ngày đã xuyên qua tấm mành mành, kéo dài những tia vàng nhạt trên nền nhà, và gẩy gập trên tấm vải giường nhàu nát, hoen ố.

Người y công đẩy chiếc xe lăn vào. Ông xoay ngược chiếc xe ra phía

cửa, giúp John tháo túi nước biển để máng vào cây chống bên thành xe.

John di chuyển im lặng và rũ rượi. Cái áo xám rộng thùng thình như treo trên thân xác gầy gò của John. Màu áo xám xịt và màu da anh tái nhợt. Hai bàn tay anh trắng chạch, trơ xương, lóng cóng bám vào thành xe. Anh ngồi xuống xe, gục đầu. Anh không nhìn tôi và không màng nói một lời nào, dù là cám ơn hay từ biệt.

Người y công cong lưng, gò người đẩy chiếc xe ra cửa. John ngồi gục đầu, cú rủ. Vạt áo xám vắt qua một bên thành xe. Bàn tay trắng trơ xương của John bám chặt hai tay cầm. Cái túi nước biển đong đưa theo nhịp xe chuyển động.

Chiếc xe lăn khuất sau khung cửa mà hình ảnh Jonh vẫn còn in chặt trong óc tôi. Hình như không phải John xuống khu quang tuyến mà anh đang đi trên một con đường vắng ngắt. Những người chung quanh anh đều bất động. Không gian chung quanh anh tĩnh lặng, lùng bùng. Hình như John đang đi trên con đường đến đoạn đầu đài.

2.

Tôi có cần báo tin cho John biết gấp như thế hay không?

Sớm hay muộn một giờ. Nhanh hay chậm vài phút. Điều đó có thay đổi được gì đâu. Tôi chỉ là kẻ mang tin bi thảm cho người khác. Tôi chỉ là một người vô tích sự. Tôi chẳng giúp gì được cho John.

Tôi báo cho John biết nhanh một chút có phải rút ngắn thời gian chờ đợi như một hình phạt cho anh. Hay báo cho John biết sớm một chút là thu ngắn chút ánh nắng cuối ngày của anh. Tôi không biết làm như thế nào là đúng, là tốt.

Có lẽ John đang chờ tôi trở lại.

Tôi bỏ thang máy vì một người y công đang khệ nệ di chuyển xe thuốc và dụng cụ nặng nề vào trong. Tôi không muốn chờ đợi. Người y công đã bấm nút "hold". Ông ta loay hoay với chiếc xe kềnh càng này, ít nhất phải hơn năm phút. Chờ như vậy lâu quá, tôi đi bước nhảy lên cầu thang chân.

Bước vào hành lang khu ung thư, tôi suýt chạm phải bà Mary. Không biết bà có chuyện gì khẩn cấp mà đi như chạy. Vừa thấy tôi, bà sốt sắng nói:

– Bác sĩ Trần, có chuyện lạ lùng lắm.

Tôi im lặng nhìn bà Mary. Tôi linh cảm một điều gì vừa xảy ra cho John. Tốt hay xấu, tôi chưa rõ, nhưng phải là chuyện liên hệ đến John.

Đúng như vậy, bà Mary nói nhanh:

– Sáng nay, người y tá quên đưa thuốc giảm đau cho John.

Câu nói của bà Mary làm tôi cảm thấy ngỡ ngàng. Tôi chờ đợi để nghe một chuyện gì quan trọng hơn mà. Biết vậy, bà Mary hấp tấp tiếp:

– Nhưng lạ thay, John không kêu đau như mọi ngày. Tôi nhớ, những ngày trước, chưa đến giờ phát thuốc John đã đến gặp tôi, khẩn khoản xin thuốc giảm đau sớm hơn giờ qui định.

Tôi đồng ý với bà Mary. Vì theo diễn tiến thông thường, càng về cuối thời kỳ phát bệnh, người bệnh càng bị đau nhiều hơn. John không nằm ra ngoài cái thông lệ đó. Nhưng hôm nay lại khác, có phép lạ gì xảy ra cho John hay không.

Thấy tôi đăm chiêu suy nghĩ, bà Mary biết ý, nói tiếp:

– Suốt mười lăm năm làm việc trong ngành ung thư, đây là lần đầu tiên tôi gặp chuyện lạ...

Bà buông lửng câu nói, nhìn tôi, dè dặt hỏi:

– Ông có nghĩ rằng John gặp may mắn hay không?

Tôi không gật đầu mà chẳng lắc đầu. Tôi không thể quyết đoán rõ ràng về diễn tiến bệnh của John. Nhưng trong lòng tôi, niềm hi vọng thì ít mà thất vọng lại nhiều:

– Bà đã biết rồi. John là một trường hợp rất lạ. Thứ nhất, chưa có ai mắc bệnh ung thư phổi ở tuổi ba mươi tám, trẻ như John. Thứ hai, căn bệnh không phát ra nơi sang thương gốc mà lại lộ ra ở nơi di căn, chỗ cột sống lưng. Thứ ba, cơn đau hành hạ người bệnh quá mức bình thường.

Bà Mary lẩm bẩm, tiếp:

– Còn chuyện thứ tư nữa, bao nhiêu thử nghiệm chẩn đoán cũng không xác định được bệnh.

Tôi lắc đầu:

– Không có điều thứ tư đó nữa, chúng ta đã có kết quả xác định rồi.

Bà Mary nhìn tôi chăm chú, chờ đợi. Tôi biết, bà cũng như bác sĩ trưởng khu hay bao nhiêu người khác trong trại, đều nóng lòng chờ kết quả bệnh của John.

Bà Mary không kiên nhẫn nổi, buột miệng hỏi:

– Kết quả là gì?

Tôi thở hắt hơi như tuôn cho hết bao nỗi mệt nhọc trong người ra ngoài:

– Ung thư phổi tế bào nhỏ (small cell lung carcinoma).

Bà Mary gục gặt đầu, lẩm bẩm:

– Thì ra....

Tôi gật đầu:

– Bác sĩ trưởng khu hay thật, ông nói với tôi từ mấy ngày trước. Ông

nghĩ John bị loại ung thư này.

Bà Mary hấp tấp hỏi:

– Ông chưa báo cho bác sĩ trưởng khu và John biết phải không?

– Chưa, tôi sẽ báo cáo cho bác sĩ trưởng khu biết trong buổi họp chiều nay. Bây giờ, tôi sẽ nói cho John biết.

Bà Mary gật đầu tán thành.

– John chờ đợi lâu lắm rồi.

Bà Mary đi trở ngược về khu làm việc của nhân viên. Dáng bà ốm và cao, lúc nào cũng nhanh nhẹn. Tôi cảm thấy may mắn vì có một người thầy như bác sĩ trưởng khu và người y tá trưởng như bà Mary.

Tôi đi dài theo hành lang, rẽ vào phòng John

Trong phòng hơi tối vì John đã xoay các miếng xếp của tấm mành mành cửa sổ, không cho nắng chiếu vào trong.

John đang ngồi trên giường, nhìn đăm đăm vào bức tường trắng trước mặt. Nghe tiếng chân người bước vào, anh cũng không quay lại. Tôi đã quen thái độ của John từ lâu. Anh không muốn tiếp xúc với mọi người, kể luôn cả tôi là bác sĩ điều trị trực tiếp của anh.

Tôi đến sát bên John, hỏi nhỏ:

– John, anh cảm thấy như thế nào?

John im lặng. Tôi bước lại gần hơn:

– John, anh cảm thấy cơn đau ở ngực và cột sống lưng ra sao?

Vẫn không nghe John trả lời. Tôi đi lại sát tường, nghiêng đầu nhìn John.

John ngồi im sững, hai mắt mở trừng nhìn vào bức tường trắng trước mặt. Da mặt anh tái nhợt. Hai tròng mắt anh xanh xám, trong suốt. Tôi thấy cả những vệt nâu tỏa hình nan quạt từ con ngươi trên cái nền xanh xám đó. Mái tóc và chân mày vàng hoe của anh như nhạt và thưa hơn.

Trông John y như một bức tượng. Tôi đã quá quen với cung cách ứng xử của John. Nếu không, người khác đã hoảng hốt vì ngỡ rằng anh đã chết.

Tôi đưa tay quơ qua mặt John, hỏi nhỏ:

– John, anh có nghe tôi nói không?

John không trả lời, nhưng một lúc sau, anh nháy mắt. Rồi từ hai tròng mắt xanh đó, nước mắt lưng ra và chảy dài xuống má.

Đây là lần đầu tiên sau gần một tháng, tôi thấy John khóc. Anh đã chưa bao giờ khóc, mặc dù tôi biết John thật đau khổ và chán chường.

Tôi ngồi xuống ghế, sát cạnh giường, hạ thấp giọng:

– John, tôi có chuyện này muốn nói với anh.

Đột nhiên John xoay thật nhanh, bàn tay xương xẩu nắm chặt cánh

tay tôi. John nghẹn ngào:

– Bác sĩ Trần, cứu tôi. Bác sĩ Trần, cứu tôi.

Giọng John khàn đục, vướng víu đàm. Bàn tay John run rẩy. Mấy gân máu xanh nhợt nhạt đang nổi hằn trên làn da trắng chẳng còn chút huyết sắc. Những móng tay dài ngoằn của John bấu chặt vào tay tôi.

– Bác sĩ Trần, cứu tôi. Bác sĩ Trần, cứu tôi.

Giọng John nhỏ dần nhưng không tắt. Âm thanh khàn đục, như vọng lại từ một chốn nào thật xa xăm.

Tôi đặt bàn tay lên tay John. Da anh lạnh ngắt.

John quay nhìn tôi. Những tia máu vừa bung ra trên mắt anh, hòa ngay vào nước mắt, chảy thành hai dòng đỏ thắm trên hai gò má trắng xanh, nhợt nhạt. Mái tóc vàng của John rủ lòa xòa xuống trán. Đôi môi anh cũng bật máu. Mấy cái răng vàng cáu bẩn đang cắm sâu vào lớp niêm mạc khô rúm. Máu hòa với nước dãi chảy qua hai bên mép miệng John, nhỏ từng giọt xuống nền áo xám nhăn nhúm.

Ánh đèn trắng nhạt tỏa xuống càng làm tăng thêm vẻ bi thương và ma quái trên khuôn mặt John.

Máu, nước mắt, và nước dãi chan hòa một màu đỏ thắm trên da mặt trắng xanh của John. Anh nghiêng qua, máu nhỏ giọt lên tay tôi. Màu máu đỏ sẫm, lóng lánh. Tiếng John kêu vang, khàn đục, rền rền.

Trong phòng, ánh đèn trắng chạch nhay nháy không ngừng. Máu đỏ lan tràn trên mặt John. Màu đỏ chói chang, rạn đau trên nền da trắng. Tròng mắt John ứa máu. Răng John cắn vỡ môi. Tiếng khóc anh vang rền.

Tôi im lặng. Tôi bất lực. Tôi lạc thần như hôn mê. Tiếng John lạc lõng:

– Bác sĩ Trần, cứu tôi. Bác sĩ Trần, cứu tôi.

Căn phòng trở nên hoang vắng, lạnh lùng.

3.

Tôi chẳng còn phải bận tâm về chuyện báo tin cho John nữa.

Trong một đêm trực, không phải phiên tôi, người ta đã đưa John xuống nhà xác. Khi người y tá vào phòng để thăm John, mới biết anh đã tắt thở tự lúc nào.

John ra đi trong lặng lẽ. Không hề có một chút xôn xao nào xảy ra chung quanh anh. Mọi người xem sự ra đi của anh là một chuyện tất yếu. Bác sĩ trưởng khu đã xếp John vào loại "no code", tức là hãy để anh ra đi trong im lặng. Bất cứ ai, dù có mặt, kể cả tôi là bác sĩ điều trị trực tiếp, cũng không được can thiệp vào chuyện từ biệt đó. John không có thân

nhân trực tiếp. Người anh ghi tên báo khẩn cấp lại ở quá xa, tận một tiểu bang trong vùng trung Mỹ. Anh đã ký tên dâng hiến xác từ đầu, nên mọi thủ tục càng đơn giản hơn.

Những ngày ở khu ung thư này, John sống lặng lẽ. Ngày anh đi, cũng im lìm. Chỉ có một người muốn đưa tiễn anh, cũng không có mặt. Kẻ đó là tôi.

Trưa nay, trong buổi họp thường lệ, tôi cảm thấy mọi sự trở nên nhạt nhẽo lạ lùng. Nhưng mọi người, gồm bác sĩ trưởng khu và điều trị, đều hăng hái thảo luận. Không kể bà Mary. Bà vốn là người im lặng vì đây là buổi thảo luận về phương cách điều trị. Bà tham dự, thay mặt cho nhân viên và y tá trong trại, để có ý kiến về chuyện thực hiện việc trị liệu.

Ánh đèn trong phòng họp sáng choang. Những biểu đồ và bản vẽ rực rỡ màu sắc. Mọi người ngồi chăm chú lắng nghe. Bác sĩ trưởng khu đang hăng say thuyết giảng về bệnh trạng của John. Đây là một trường hợp lạ lùng và hấp dẫn, không chỉ đối với riêng bác sĩ trưởng khu, mà cho cả ngành trị liệu ung thư. Đây là một căn bệnh ác tính cao nhất trong các thứ ung thư, và cũng hiểm độc nhất trong chính cùng loại của nó. Một trường hợp mà gần hết một đời y sĩ, bác sĩ trưởng khu được gặp. Căn bệnh đã xảy ra cho một người bệnh quá trẻ, chỉ ba mươi tám tuổi. Triệu chứng phát lộ ở nơi di căn chứ không phải tại sang thương gốc. Cuối cùng, tế bào ác tính đã lan lên vỏ não và ức chế cảm xúc của bệnh nhân.

Mọi người hăng hái góp ý để chứng minh rằng sự di căn của bệnh lên vỏ não đã ức chế cảm giác của bệnh nhân. Bà Mary xác nhận điều đó. Người bệnh đã không cần các loại thuốc giảm đau cực mạnh có chất morphine.

Tôi im lặng nhìn qua khung cửa sổ. Nắng chiều bắt đầu kéo dài trên sân cỏ, lan vào mấy hành lang của khu ngoại chẩn. Những người bệnh, trong chiếc áo xám rộng thùng thình, đi phất phơ bên cây treo nước biển. Họ cứ đi, chẳng cần biết đang làm gì và sẽ đến đâu. Họ hơn ai hết, biết rõ rằng, cuộc đời này là chốn tạm dung. Chẳng còn bao lâu nữa, họ sẽ sang một nơi khác. Một nơi, không ai biết được như thế nào.

Có phải, đời người chỉ là một chặng đường chuyển sinh, được tạo thành từ một gặp gỡ ngẫu nhiên để tạo hình, rồi người ta lớn lên, hành xử với nhau bao điều vui sướng cũng như khốn khổ, để rồi lui chân và tàn lụi, nhường chỗ cho kẻ khác.

Có phải, con người đã sinh ra từ không, để có, nên phải trở về không. Tồn tại chỉ là tạm bợ mà tiêu mất là vĩnh viễn. Cây trái, hoa lá hãy thuận theo gió mùa. Con người, sinh vật hãy tuân theo lẽ tuần hoàn của tạo hóa. Xin con người giữ trọn cái ban sơ trên hành trình vào cõi tạm.

Trong phòng, mọi người vẫn hăng say thảo luận. Họ cùng nhau thỏa mãn với kết luận đưa ra. Nhưng không ai, kể cả bác sĩ trưởng khu, biết được rằng, căn bệnh dù ác tính đến đâu, dù hiểm độc đến đâu, dù xâm lấn cả vỏ não cũng chỉ ức chế được cái đau của thể xác. Với John, hay bất người bệnh nào, nó không thể ức chế được cơn đau từ trái tim. Nỗi niềm khổ đau bên trong ấy, không ai ngăn chặn nổi. Chính cái khổ đau ấy, con người đã chứng minh sự hiện diện, đích thật, của chính mình trong cuộc đời.

Sau buổi thảo luận tại khu ung thư, tất cả mọi người có dính líu vào chuyện trị liệu đều phải xuống họp với ban phẫu nghiệm tử thi của khu bệnh lý.

Bác sĩ trưởng khu dẫn đầu. Ông hăng hái cho biết, đây là lúc chúng ta nhìn thấy tận mắt sang thương gốc và di căn trên vỏ não.

Tôi lê bước theo sau đoàn người. Con đường từ khu ung thư ở lầu hai xuống khu bệnh lý ở tầng hầm trở nên dài dịu vợi. Những hành lang bệnh viện trở nên âm u hơn, sâu hun hút và dài dằn vặt.

Toán người bỏ thang máy, đi thang chân. Tiếng chân bước hăng say, rầm rập. Tôi lẽo đẽo theo sau. Chúng tôi đang đi đâu. Tôi không biết. Tôi không thấy một chút ánh sáng nào ở cuối đường. Tôi không thấy một chút hào quang nào trên đường. Tôi không cảm nhận được chút vinh dự nào trên sự lầm than và khốn khó của kiếp người.

Đoàn người xuống đến tầng hầm. Tôi vẫn đi sau lưng họ. Tôi đã bước vào hành trình này từ thuở sơ sinh, nên đã, đang và còn đi như thế. Tôi muốn quay lưng cũng không được. Tôi muốn đổi đường cũng không được. Chỉ có độc đạo. Đầu đường là hư vô. Cuối đường là hư ảo. Tôi muốn phủ nhận tôi cũng không được. Làm thế, tôi tự xóa chính mình.

Những người trong khu bệnh lý đã chuẩn bị xong xuôi mọi sự. Chính giữa phòng, đèn trắng sáng choang, có đặt hai cái bàn dài. Trên bàn, phủ khăn trắng.

Hai bác sĩ trưởng khu ra dấu mọi chuyện đã sẵn sàng. Bên này, tôi là bác sĩ điều trị trực tiếp, tôi phải đứng trước. Sau lưng tôi là bác sĩ trưởng khu. Bên kia, một tên cùng số phận như tôi. Hắn cũng đứng đầu, tay cầm dao kéo, loại lớn của đồ tể. Ở dưới khu bệnh lý này, làm công việc phẫu nghiệm tử thi, người ta không nhã nhặn và lịch sự như các khu trị bệnh khác. Ở đây, người làm việc nín thinh, nhưng dụng cụ làm việc thì ồn ào. Không có sự nhân nhượng trong công việc. Người ta không cần thuốc tê, không từ tốn. Vì người làm việc vốn không biết đau, và dĩ nhiên, xác bệnh không còn biết đau nữa.

Tôi phải giới thiệu người bệnh và trình bày căn bệnh từ đầu tới cuối,

dĩ nhiên, mọi sự được nói ra từ trí nhớ. Ở đây, mọi người đều bận rộn, không có những giấy tờ lẩm cẩm và không có mấy thứ lễ nghi phiền phức.

Đến lượt phía bên kia. Chúng tôi tuy đã chuẩn bị vẫn không khỏi ngỡ ngàng. Có lẽ, mọi người đã quen một lời giới thiệu hay một vài câu mào đầu gì đó. Nhưng không, người bác sĩ phẫu nghiệm bên kia giở cái khăn trắng ra, ném xuống cuối bàn.

Đèn sáng trắng. Trên bàn, John đang nằm ngửa. Nhưng John không là anh như thuở nào. John không có đầu.

Người ta đã cắt đầu John ra chỗ khác. Bây giờ John trần truồng, da tái nhợt, lồng ngực anh bị mở toang ra. Cái cổ đứt trơ cùi xương, những cọng gân máu, và dây thần kinh lổn ngổn. Phần máu không đông và nước nhớt bám vàng úa lên màu vải trắng. Phía trên, người ta để trái banh hay cái gì đó, phủ khăn trắng để tạo hình dạng của đầu.

Người bác sĩ phẫu nghiệm banh lồng ngực, vừa chỉ sang thương, vừa nói liên tục. Giọng anh trầm khàn. Tựa như anh đang đọc kinh cầu siêu. Nói như không kịp thở một hồi lâu, anh xoay xác John lại, chỉ sang thương ở cột sống lưng. Rồi, anh lại đọc kinh.

Ánh đèn trên trần tỏa xuống trắng hơn. Ánh đèn hai bên bàn càng vàng vọt hơn. Tôi ngửi được, phảng phất đâu đây mùi hương nhang ngào ngạt. Cùng với lời đọc kinh trầm khàn của anh bác sĩ phẫu nghiệm, hình như, tôi nghe tiếng mõ gõ liên hồi, xen lẫn vài tiếng chuông ngân vang vọng.

Tôi mơ màng, thấy tôi đang đi trên con đường quê cũ. Trên trời, mây xám xịt, chung quanh, cây trơ cành rũ rượi, dưới đất, lá vàng ngập hết lối đi. Xa xa, cuối đường, có một đám tang đi trong im lặng, không có tiếng kèn, không tiếng khóc.

Người bác sĩ phẫu nghiệm chấm dứt phần trình bày. Anh mời mọi người sang cái bàn bên cạnh. Tôi nhìn cái bàn phủ khăn trắng ấy. Tôi chùn chân, cảm thấy rờn rợn.

Mọi người tiến bước. Tôi bị bỏ rơi ra sau. Không ai chờ đợi ai. Chẳng ai đùn đẩy ai. Họ đi trong một trình tự an nhiên. Họ tham dự với một cung cách thanh thản.

Người bác sĩ phẫu nghiệm giở nốt cái khăn trắng cuối cùng. Trên mặt bàn rộng thênh chỉ có cái đầu John trơ trọi. Cái đầu nằm yên, trơ vơ trên mặt bàn rộng, phủ khăn trắng xóa. Cái đầu nằm riêng rẻ, không có thân thể đi theo. Cái đầu trở nên lạc lõng tội nghiệp. Trên đầu ấy, tóc vàng của John không còn nữa. Người ta đã cạo nhẵn tóc anh. Mặt John tái nhờn nhợt. Hai mắt anh nhắm nghiền. Đôi môi John co rúm, mím lại.

Giữa đầu có một lằn xẻ dọc từ phía sau ra tới trước trán. Người ta đã bổ dọc đầu John.

Ánh sáng trong phòng nhòe nhoẹt. Bóng đèn trên trần cứ chớp tắt liên hồi. Tôi thấy tôi còn đứng trong phòng với John, ngày nào. Đôi mắt ấy không còn xanh biếc nữa. Ánh mắt ấy không còn buồn thảm nữa, mà dửng dưng, xa lạ. John đưa tay vẫy, môi mấp máy.

Tôi choáng váng, lùi lại. Hai tay tôi quơ quào, tìm một điểm tựa. Nhưng không còn ai sau lưng tôi. Chẳng ai để ý đến tôi nữa. Mọi người đang nôn nóng để nhìn ngắm cái đầu chết lặng trên bàn.

Tôi lẳng lặng bước ra cửa. Xen lẫn giọng anh bác sĩ phẫu nghiệm tử thi như tiếng đọc kinh cầu siêu, tôi còn nghe tiếng John vọng theo, khàn đục, nghẹn đàm:

– Bác sĩ Trần, cứu tôi. Bác sĩ Trần, cứu tôi. Bác sĩ...Trần, ...cứu...tôi....

Tôi gục đầu, rảo bước. Tiếng chân tôi đuổi tôi suốt dãy hành lang, âm u và hun hút. Tiếng John vẫn vọng sau lưng:

– Bác sĩ Trần...., bác sĩ Trần....

Tôi đi thất thểu, quanh co trong mấy hành lang. Vài người bệnh, kéo lê cái giá treo nước biển, nghiêng đầu, lờ đờ nhìn tôi. Mấy người y công cong lưng đẩy chiếc xe lăn, ngơ ngác ngó theo. Trên những chiếc xe lăn ấy, người bệnh ngồi ngây dại, thất thần.

Tôi ra khỏi cửa bệnh viện. Nắng vàng trải suốt con đường. Từng vạt nắng gắn bó mấy bóng cây dật dờ trên nền đá. Chúng cứ đong đưa, lả lướt trên đường.

Gió hiu hiu. Mấy chiếc lá vàng đùa giỡn, xua đuổi nhau, chạy lan man trên đường.

Nắng trùm phủ cả chiếc băng đá. Tôi cảm thấy ấm áp trong cơn gió chiều thổi mơn man qua bệnh viện.

Tôi ngồi đây với chút nắng vàng còn lại trong ngày. Tôi ngồi đây để làm gì. Tôi không rõ cũng như tôi không biết phải làm gì trong thời gian sắp tới. Tôi chẳng biết tôi sẽ ra sao trong những ngày còn lại ở quê người.

Thôi, xin cám ơn một chút nắng còn lại trong chiều.❐

Đón đọc:

Lão tượng Di Lặc và nàng Nậm Mây

Tác phẩm mới nhất của nhà văn

Phạm thị Hoài

Văn Nghệ xuất bản và phát hành.

Sao không là gió

THẢO CHI

Hôm nay không có nắng
mà trời cũng không mưa
ngày hiu hiu trôi chậm...
sương mù giăng lưa thưa

Có áng mây đi lạc
bên góc trời bơ vơ...
một lát rồi biến mất
làm tan vù câu thơ!

Gió ơi! Đi dâu vắng?
tôi thèm hôn giọt mưa
muốn vuốt ve sợi nắng
ôm mặt trời ngủ trưa...

Mặt trời không thèm đến
tôi gặm nhù cô đơn...
buồn vàng hoe ngọn nến
sương dầy hơn...dầy hơn...

Anh, sao không là gió?
bay về chải tóc mềm...
không là humming bird?
hút mật hoa trước thềm...

Hôm nay không nắng, gió
và không giọt mưa êm...
tôi đứng lên khép cửa
cuộn mình trong chăn. Quên!

Những chuyện vặt vãnh

Lê Minh Hà

Hội nghị tổ chức vào áp Tết. Là hội nghị tổng kết thành tích thì còn có lý. Đằng này là hội nghị khoa học chuyên ngành. Sang đến ngày thứ hai đã như chợ chiều, dù vẫn đủ mặt bá quan văn võ. Cơ chừng nhiều người chỉ chờ xong mỗi việc ấy là "phắn". Nhưng dù sao thì cũng phải kéo cho qua chiều.

Bữa trưa, tôi thay mặt cơ quan chủ đề tài ngồi với mấy vị khách trọng. Anh - Viện phó phụ trách chuyên môn viện N. mãi tận trưa hôm qua mới từ Sài Gòn bay ra dự hội nghị. Chị - Tiến sỹ hóa ngành bảo quản, một trong những tiến sỹ đàn bà đầu tiên của nhà mình. Cả hai đều được mời tham gia đề tài. Và một ông. Mọi cuộc thù tiếp đều rất cần một nhân vật như thế: hơi kém duyên, nhưng nói năng rổn rảng, và tự tin vào khả năng cuốn hút của mình. Sự có mặt của họ từa tựa đĩa nộm tú ụ ở một bữa cỗ. Sau khi đã chán những món thừa Protein, phải có một món gì đấy đủ chua cay mặn ngọt để cầm đũa lên đặt đũa xuống, nếm náp, nhấm nháp, để ngồi tiếp với nhau.

Đúng vào lúc phải ngồi tiếp với nhau như thế chờ giờ họp chiều thì Thiếu đi tới ghé tai tôi thì thào hỏi nên phát phong bì đầu giờ hay cuối giờ. "Tùy anh!" - Tôi cũng thì thào - "Chiều còn phần tổng kết đề tài. Phát trước cũng được. Nhưng chỉ cho mấy ông bà đại biểu tỉnh xa thôi. Để họ còn tranh thủ lên chợ Bắc Qua..." Thiếu cười cười với tất cả, rồi tất tả bỏ đi. Còn lại vẫn bốn người. Ông "Nộm" có vẻ buồn ngủ sau khi đốn đổ mấy chai bia. Và anh. Và chị. Cả hai đều trạc tuổi nhau. Hơn tôi tới sáu khóa. Anh thì bệ vệ ra mấy năm nay. Còn chị, từ ngày tôi có quan hệ công tác với cơ quan bên đó lúc nào tôi cũng thấy chị gầy thế. Dáng của những người đàn bà "thiếu vitamin Anh" như mấy cậu kỹ sư phòng chị vẫn hay cười vụng với nhau. Nói chung tôi luôn luôn kính trọng nhưng không thích những kiểu đàn bà như thế: Quá thông minh. Quá thành đạt. Quá

chậm chồng.

Từ đầu bữa chỉ có đàn ông chúng tôi động tới chai bia. Nhưng anh uống rất ít, nói rất ít. Như chị. Nhưng khi Thiếu đi khỏi, chị bỗng chép miệng: "Ông này lành mặt lành tính thế mà đời toàn lên bờ xuống ruộng."

Thiếu lành thật. Mà cũng vì lành nên đời mới khổ đến hẹn lại lên tam tứ phen như chị bảo. Lành hết phần anh em ở cơ quan, hết phần vợ ở nhà. Bà vợ hen rụt đầu rụt cổ, gầy xiêu vẹo, nhưng lúc nào cũng chải chuốt. Hồi xe máy chưa nhiều như bây giờ, mốt nhất cũng chỉ tới Mipha, Eska dân đi Đức đi Tiệp tha về, vợ Thiếu dắt Mipha đi ngoài phố trông cũng rất gì gì và này nọ. Nhìn, chẳng thể nào tưởng tượng ra mối quan hệ giữa chị và ông chồng lù đù lảo đảo đèo hai thùng nước vo gạo đi phía trước.

- Hình như vợ Thiếu làm gì ở cơ quan chị phải không ạ?

- Vâng. Làm văn thư. Chị ấy trước học mỹ thuật, đâu như sơn mài. Bệnh là bệnh dị ứng, làm sơn mài ốm càng khỏe, phải nhảy qua Sư phạm Ngoại ngữ. Nhà khó, cơ quan ưu tiên cho một chuyến đi Nga. Là nói hồi đi Nga còn khá cơ. Mà khổ anh ạ. Bà ấy sang đó đúng mùa đông không thở nổi phải xin về. Được mấy cái bàn là hoa dâu nồi áp suất tha về bán không đủ trả nợ mua hàng mang đi. Bây giờ thì tươm rồi. Anh không biết nhỉ? Ông Thiếu bên anh là hàng xóm chung cầu thang với tôi đấy. Ông bà ấy vừa có cháu ngoại rồi đấy?

Tôi gật đầu. Tôi còn được mời liên hoan nhân vụ Thiếu lên chức ông. Nhưng cũng chỉ biết tới đó. Tám giờ vàng ngọc ở cơ quan với tôi không phải là giờ ngồi ngáp, hút, chuyện "phẽu" với mấy tướng ông tướng bà cùng phòng. Từ hồi xóa bao cấp, ai thiếu việc bị giảm biên cứ thiếu, tôi thì xoay như chong chóng gặp gió mà vẫn không hết việc. Dĩ nhiên là những việc ra tiền ra bạc. Thành thử chẳng còn đầu óc nào để tâm tới chuyện mọi người. Kể cũng tệ. Chẳng hiểu mình cùn thế tự bao giờ? Nhưng có lúc thấy xót xa. Có điều không bao giờ tôi nói điều ấy, ngay cả giả dụ với vợ. Nàng chắc sẽ cười âu yếm: "Lại lên cơn lãng mạn rồi!" Hay ngắn gọn hơn: "Lại sỹ!" Mấy năm trước, lúc chỉ có lương để nộp, cũng lời nhiếc đấy, vợ tôi nói với ngữ điệu khác. Khó tả lắm. Nghe cứ như bị nhồi một cuộn giẻ vào dạ dày. Nhưng ra ngoài, gặp mặt bè bạn, ai cũng bảo vợ chồng tôi có hơi đẫy ra hoặc hơi gầy đi, còn tính tình thì chẳng khác hồi sinh viên...

... Chị vẫn đang nói về Thiếu. Và anh cùng ông bạn kia lắng nghe. Anh ngồi, ngả đầu ra thành ghế, nhìn chéo qua vai chị. Anh chị học trên tôi. Lúc tôi vào trường thì cả hai đã bảo vệ luận án tốt nghiệp, đã có tên

trong danh sách được nhà trường giữ lại làm cán bộ giảng dạy. Hình như ngày xưa anh có để ý đến chị. Nếu thành thì đó sẽ là một cặp kỳ khôi trong mắt chúng tôi. Chị kỹ càng trong ăn mặc, trong xử sự, cực khéo tay, bọn con gái học cùng tôi trầm trồ thế, đúng nề nếp con nhà tư sản. Anh áo quần xốc xếch, đảng viên, giống chị mỗi lối làm việc, làm ra làm. Từ hồi chuyển vào Sài Gòn, chẳng hiểu do môi trường công tác mới phải giao dịch nhiều hay nhờ cô vợ mới, thấy anh trịnh trọng hẳn ra.

Chị đang kể về con gái đầu của Thiếu. Thiếu lấy vợ muộn, con gái đầu mới mười bảy tuổi, xinh, khổ nỗi bị câm. Chẳng hiểu biến chứng từ bệnh gì mắc hồi ba bốn tuổi. Nhìn gương mặt với những đường nét thanh tú y như mẹ, nhưng cởi mở, luôn dìu dịu một nụ cười tôi tội, chẳng ai nghĩ nó không nói được. Trước chưa được phân nhà, cả gia đình năm nhân mạng của Thiếu phải ở nhờ bên ngoại. Nhà một đầu thành phố. Cơ quan một đầu. Trường dành cho trẻ câm điếc một đầu. Ngày bốn buổi Thiếu đạp xe đi làm, đưa đón con học, chợ búa và lấy nước vo gạo về nuôi lợn. Vợ đã hen, lại đẻ liền ba đứa con cho kịp độ tuổi sinh nở của chồng như mấy cô cùng phòng vẫn đùa nhả, lại có tính đài các, mọi việc trong nhà Thiếu phải gánh vác tuốt. Anh em cũng thông cảm không phân công Thiếu đi công tác xa nhà lâu, cũng không trách móc chuyện Thiếu chuyên môn đi sớm về sớm, và năm hai kỳ ai cũng giơ tay bầu Thiếu lao động tiên tiến chẳng thắc mắc gì. Sau này con bé câm lớn. Nó thay được bố khoản mua rau cỏ và lấy nước vo, thay được mẹ khoản trông em, Thiếu mới đỡ đầu đâm ra đít đâm vào. Nhưng đến đoạn ấy thì ông Thiếu "già" lại chóng mặt vì lo giữ con, chỉ sợ con tật nguyền có thằng nào Sở Khanh nó lừa. "Có mà giữ giời! Ông để ra vài phút nhìn con ông xem! Nó xinh thế, lại tuổi dậy thì chỗ nào cần phồng thì phồng chỗ nào cần xẹp thì xẹp, chúng nó bây giờ bảo thế nào nhỉ..." - Bà tổ trưởng công đoàn quay sang cô bé kỹ sư mới về nhận công tác - "... Chúng mày bây giờ nói thế nào nhỉ? À điện nước đầy đủ! Con bé điện nước đầy đủ thế thì thằng nào chả muốn lăn tăn. Ông định giữ con thì chỉ có mỗi cách lên Hàng Thiếc thửa một cái "chuồng cọp" (*) mà nhốt nó..." Cười vào mặt ông bố quá lứa chán, bà nghiêm giọng: "...Mà anh chị tính thế nào ấy chứ! Chẳng lẽ giữ con bé ở nhà làm vú non hết đời nó. Xem đứa nào có lòng gả phắt đi. Trong họ nhà tôi có con bé cháu liệt từ lúc ba tuổi, đặt đâu ngồi đấy, người cứ vẹo đi thế này này..." - Bà vặn cái lưng hình vại về phía tôi - "...Thế mà lấy được thằng chồng kỹ sư, kỹ sư thật như các ông ấy chứ không phải chuyên tu tại chức đâu nhé. Nó vừa đẻ được đứa con gái ba cân đấy. Thật nhìn thằng cháu rể tôi cứ ước thằng con rể được một phần như nó cho con gái mình đỡ khổ. Thế mà hồi đầu mọi người gàn quải chúng nó mãi, lại còn chê thằng cu rể

nhà quê mất cha mất mẹ..."

Thiếu chưa kịp tự mình tìm rể thì con bé câm đã tự kiếm được người yêu. Một thằng bé mặt mũi sáng láng, phải tội cũng câm điếc. Đèo nhau ngoài đường, con bé cứ phải ngồi quay nhìn ra sau đẩy lưng thằng người yêu làm hiệu tránh ô tô xe máy rầm rầm len lách. Thiếu đến cơ quan mặt dài ngoẵng: "Các ông các bà khuyên thế, tôi cũng để kệ xem chúng nó thế nào. Buổi tối việc nhà hòm hòm con bé nhót xuống đường đi chơi với thằng ấy là tôi cũng phải lén mẹ nó đi theo. Chỉ sợ có thằng đi xe máy nào "ngẩu" tông phải chúng nó. Mà khổ! Chúng nó nắm tay nhau là vì có hai cái mồm đều không nói được cả hai có bốn cái tai không nghe được cả bốn. Thế mà nhiều người không biết lại cứ bảo con nhà thế này thế nọ...Mẹ nó thì chống phá quyết liệt. chẳng hiểu moi đâu ra chuyện con cái người câm điếc thường cũng câm điếc, rồi lại sợ di truyền cách đời bệnh hen của mẹ nó..." Thiếu thở dài. Các bà các cô cùng phòng cũng thở dài. Tôi có hẹn với bên Tổng Công ty phải đi, không nghe được tiếp, và bây giờ ngồi đây hóng hớt qua chị.

..."Thằng bé được ba cân hai, xinh, mẹ khỏe con khỏe. Được hai tháng rồi. Nó đã biết quay đầu hóng tiếng chân mẹ nó. Vậy là nó sẽ bình thường. Không! Hình như bố nó không phải là cái cậu học cùng trường câm điếc Xã Đàn với con bé. Mà điều đó có quan trọng gì! Cái chính là nó được sinh ra bởi một con người. Cái hôm đầy tháng nó... Thật mình cả đời bao nhiêu bạn bè, bao nhiêu chỗ để nhờ vả, mà chưa bao giờ thấy vậy..."

Chị cười. Tiếng cười sung sướng. Anh thôi nhìn bâng quơ. Cả tôi, cả ông bạn cùng mâm đều ngỡ ngàng. Vẻ sung sướng đó thường chỉ có ở người được thấy hạnh phúc là có thật.

..." Tôi nằm lơ mơ... Bay mười bảy tiếng đồng hồ. Lại còn dừng bốn tiếng ở Singapore. Tới Nội Bài lại phải chui ngay vào ô tô cơ quan chờ cả giờ ngoài nắng. Y như phải chui vào cái quan tài sắt. Nhược hết cả người... Đúng lúc sắp thiếp đi thì nghe ngoài hành lang có tiếng chân rình rịch rình rịch, lại có cả tiếng lợn éc. Rồi có tiếng gõ cửa... Các anh không tưởng tượng được đâu. Một lũ, toàn trẻ trẻ trạc tuổi con ông Thiếu. Đứa nào cũng hoa chân múa tay, mặt mũi tươi roi rói, ú a ú ớ. Con lợn trắng da cứ hồng lên ụt à ụt ịt, sạch tinh tươm, khéo chúng nó lấy bàn chải mát xa cho nó không chừng. Tôi chẳng hiểu gì. Hóa ra chúng nó nhầm tầng. Chúng nó dắt lợn đến mừng thằng cu cháu ông Thiếu đầy tháng. Cả cầu thang năm tầng ai ở nhà cũng mở cửa ra nhìn... Sau đó tôi cứ buồn mãi. Con bé xinh xắn thế, ngày nào cũng đi qua cửa nhà tôi, gặp tôi bao giờ

cũng cười cười ra ý chào. Các anh có bao giờ để ý cái cười của người câm không? Tôi thì thấy trẻ con và người câm điếc cười là thật nhất! Thế! Tôi cũng để ý thấy cái lưng con bé cưng cứng, cũng đoán ra, mà chẳng đoán thì các bà hàng xóm cũng nói dăng dăng, vậy mà tôi không hỏi thăm bố mẹ nó với nó một câu. Lại cho mình như thế là có ý. Rồi nó sinh con, con nó tròn tháng. Giá không có đám rước người với lợn kia dẫu chẳng đi công tác thì mình cũng không biết đích ngày, thì mình chắc cũng chỉ có vài lời đãi bôi, góp mấy đồng với hàng xóm mua cân đường hộp sữa rồi cử bà nào tính xởi lởi tới thăm. Cái lòng tử tế của người bình thường như mình nhiều khi bệnh hoạn qúa, đích thị là bệnh hoạn chứ chẳng phải tinh tế ý tứ gì cả. Tôi cứ nghĩ mãi về đám bạn của cháu nhà anh Thiếu. Chúng nó mừng ra mặt. Cứ y như chúng nó là bố là mẹ của đứa trẻ vậy..."

Có một lần tôi về cơ quan đúng lúc cả phòng theo Thiếu ra quán cơm bụi ngoài cổng viện. Mặt mũi ai cũng có vẻ xúc động. Thiếu kéo tôi theo. "Ăn mừng con bé nhà ông Thiếu vừa đầy tháng!" Bà tổ trưởng công đoàn thông báo. Và tôi đã hô "Ông ngoại muôn năm!". Không biết trước khi tôi về Thiếu có kể cái chuyện chị vừa kể không?

Thiếu đang xăng xái xua mọi người vào họp tiếp. Anh đập đập vai tôi: "Cho mình điếu thuốc!" Ông bạn thích đùa cùng mâm cười ha hả: "Thấy chưa! Tôi đã bảo mà! Bỏ thuốc là việc dễ nhất trần đời. Tôi bỏ có lẽ đến ngót trăm lần." Và ông quay sang tôi, giữ nguyên âm lượng: "Này cậu! Cơ quan chủ quản xem thế nào phát phong bì kết thúc hội nghị sớm sớm cho anh em còn về. Cuối năm, để khách giao dịch đến chúc tết chờ ở cơ quan không tiện."

Chị đứng lên, lại vẻ lạnh lẽo thường ngày: "Hồi đi làm nghiên cứu sinh ở Ba Lan tôi cũng đốt thuốc khiếp lắm. Nhưng định bỏ là tôi bỏ luôn chứ không có như các anh. Ôi... chán mớ đời...

Có cả tiếng cười trong giọng nói rành rọt của chị. Nhưng không hiểu sao, có thể là tại vừa nghe chuyện chị, tôi cảm thấy trong giọng nói rành rọt có chen tiếng cười ấy rất nhiều ngán ngẩm. Và còn một điều gì đó nữa, một điều gì như quá sức con người.❐

12. 1998

Chú thích:

*: Lồng bằng sắt, dùng chắn ngoài ban công ở các nhà cao tầng chống trộm.

Văn sĩ ngại ngần

Phùng Nguyễn

Câu hỏi *what do you do for a living* được cất lên với giọng thì thầm cố ý bởi vì trong cái thư viện này (hoặc bất cứ thư viện nào khác) người ta không nên lớn tiếng, điều này được xem như là một trong những cung cách ứng xử của người dân ở các xứ sở văn minh mà người đàn bà trên dưới ba mươi tuổi ngồi ở phía bên kia chiếc bàn dài với chồng sách khá cao trước mặt nhất định phải thuộc nằm lòng cho dù người đàn ông mà câu hỏi được gởi đến không nghĩ rằng bà ta quan tâm mảy may nào đến nhận xét của ông ta về điều này mà có lẽ đang quan tâm đến câu trả lời của ông hoặc đến những ý nghĩ mà ông có trong đầu liên quan đến chính bà ta, chẳng hạn như cặp mắt xanh biếc phía dưới hai hàng lông mi màu nâu cong vút, cặp môi thoa son màu hồng nhạt, hai hàm răng trắng bóng đều đặn, bộ ngực trẻ trung dưới chiếc áo lụa mỏng, nhưng ngay cả cái hình ảnh xinh đẹp của bà ta cũng không làm giảm đi chút nào nỗi băn khoăn đang dấy lên trong lòng ông, tại sao lại hỏi tôi có làm ăn gì không, ai mà chẳng phải làm ăn, tôi thì lúc nào chẳng phải làm ăn từ lúc đặt chân lên xứ này mười mấy năm trước, mới chưa được hai tuần lễ đã chui vào trong tiệm pizza hành nghề ... rửa mâm, cái nào cái nấy to như cái trống đồng, xốt cà chua và những tảng phô mai vàng khè bám đầy, ngay cả cái máy rửa chén kỹ nghệ cũng không tẩy nổi, rồi còn phải nhào bột nướng bánh cho đến khuya, về đến nhà mệt đừ mà vẫn phải ngồi bệt xuống gỡ cho hết mớ bột dẻo quẹo dính khắn vào dế đôi giày bố ẩm mốc, vậy mà thấy vui hơn những lúc vào chính cái thư viện này lục lọi đủ thứ sách vở có liên quan đến cuộc chiến tranh đã biến mình thành tàn phế, đã xua đuổi mình ra khỏi đất nước của mình, chỉ để chán chường nhận ra những điều viết ra trong đó cũng gian lận, cũng tàn nhẫn, cũng độc ác không kém gì cuộc chiến tranh vừa qua, điều này khiến người đàn ông giận dữ,

cũng giận dữ không kém lúc xem bộ phim ngu xuẩn The Iron Triangle, ở đó anh chàng giải phóng quân hiền lành một cách ngu xuẩn, tên lính Mỹ trung hậu một cách ngu xuẩn, cô gái ngây thơ mặc chiếc áo dài trắng đi lang thang giữa hai lằn đạn một cách ngu xuẩn cuối cùng ngã xuống bởi những viên đạn của những người lính Cộng Hòa kiêu căng, tàn bạo một cách ngu xuẩn, tất cả đều ngu xuẩn và tồi tệ, nhưng cũng chưa đủ làm người đàn ông cảm thấy bẽ bàng cho đến khi ông khám phá ra mình là người Việt Nam duy nhất trong số khán giả hiện diện, điều này khiến cho ông cảm thấy cô đơn vô cùng, cái cảm giác đơn độc sẽ trở lại với ông trong những năm tháng sau này khi mọi điều, mọi việc mà ông đã từng quen thuộc đột ngột rời bỏ ông, gia đình, bè bạn, những đứa con xinh đẹp bây giờ không còn chạy ùa ra chào đón ông mỗi buổi chiều tan sở, bây giờ chỉ có mỗi mình ông đi ra đi vào trong căn apartment hai phòng bỗng dưng trở nên quá rộng, chiếc bàn ăn trở nên quá dài, những đêm trở nên quá sâu, những ngày trở nên quá thừa thãi, và ông đã có thể trở nên điên loạn nếu không ngồi xuống chiếc bàn giấy vào một đêm đầu mùa Đông, viết nhăng nhít trên những tờ giấy học trò về một kỷ niệm nhỏ xảy ra cho ông đã lâu, rồi một kỷ niệm khác, rồi một điều khác nữa, những điều chợt đến với ông không theo một thứ tự thời gian hay không gian nào hết, đôi khi chúng kéo đến trùng trùng điệp điệp làm ông muốn ngộp thở, đôi khi chúng trốn chạy vào những ngõ ngách sâu kín nhất làm ông phải lục lọi muốn hụt hơi để mang chúng vào giữa những lằn kẽ màu xanh nhạt, dồn ép chúng lại, kéo giãn chúng ra, chặt tay chặt chân chúng, gắn sừng lên đầu chúng, nhồi nhét những điều ông cho là cần thiết vào cái bụng teo tóp hay trương phình của chúng cho đến khi cả bọn biến thành một đứa bé láu lỉnh, một người đàn ông ngu đần, một người đàn bà quyến rũ, một thể khối hỗn độn, một bức tranh nhạt nhòa hay tất cả những điều đó, những điều không thực nhưng có đủ quyền lực nâng ông ra khỏi cảnh ngộ của mình dù chỉ trong chốc lát, giúp ông trôi lờ lững trong những vùng không gian khác nhau vào những thời điểm khác nhau, cuối cùng biến thành một niềm tự hào vô cớ và rất đáng tội nghiệp (nếu lúc bấy giờ ông có thể hiểu được như vậy) về khả năng sáng tạo của mình đến độ ông tự buộc mình cho ra đời một cách đều đặn những sản phẩm được dựng nên từ cùng một bộ khung cũ mèm với những tảng màu rắc rối một cách không cần thiết và lừa đảo chính mình về những tác động lớn lao của những sản phẩm đó, điều mà mãi sau này ông mới thú nhận một cách bối rối với người bạn trẻ mà ông chỉ mới quen biết qua những bức điện thư đến từ một nơi rất xa xôi, người đã cho rằng có khi cũng chẳng cần đến văn chương và lạ lùng thay trong cùng một lúc cho ông có được nỗi bình yên về những điều đã

Len lén nụ hôn
LÊ NGUYÊN

Nguyện làm con sóng nhỏ
Vỗ mạn thuyền em reo
Trăng thề soi bến đỗ
Sóng nương thuyền trôi theo...

Xin làm làn gió mát
Ru võng trưa hạ nồng
Nhạc ve buồn man mác
Say giấc mơ phượng hồng!

Hóa thân là chăn ấm
Quyện hình hài khuya đông
Anh - chiếc giày cô Tấm
Xe duyên ai dượm nồng!

Giấu mình trong cuốn tập
Anh là tờ thư xanh
Đêm mùa thi bắt gặp
Ai lén cầm...hôn nhanh!

viết xuống bởi vì đó là cảm xúc hoặc đến từ cảm xúc, và chính là lời nói của người bạn đã kéo ông trở lại với chiếc bàn giấy bụi bặm, ở đó những trang giấy lại được trải ra và cảm xúc lại có dịp chảy xuống giữa những hàng kẽ thẳng băng màu xanh nhạt, nhảy múa, ca hát, than thở, khóc lóc như những bóng ma trong veo của thời niên thiếu, những bóng ma xanh xao của tháng năm bệ rạc ở quê nhà, những bóng ma xám xịt của nửa đời lưu lạc, những cảm xúc sẽ đến cho những điều đã qua và sắp tới, có khi chỉ vì một điều xem chừng rất bình thường như câu hỏi người đàn bà bản xứ vừa mới đặt ra cách đây vài giây, what do you do for a living, cùng với nụ cười thật tươi và ánh mắt dịu dàng, câu hỏi làm ông bối rối không duyên cớ nhưng đồng thời không thể làm ngơ, cho nên cuối cùng ông trả lời *I'm a writer*, một cách ngại ngần. ❐

Tình đầu

Phạm Hải Anh

Buổi chiều, chị Tì đi học về, hớn hở thì thào :

" Chị có người yêu rồi!"

Chị lôi trong cặp ra một mẩu thước kẻ nhựa gẫy, đưa cho tôi, vẻ đắc thắng :

"Nó bỏ thư vào trong cặp chị. Chị xé tan cái thư trước mặt nó. Chị bảo :'Tôi không hề yêu bạn'. Nó tức quá, bẻ gẫy cái thước kẻ rồi bỏ đi. Ghê không? "

Tôi mân mê mẩu thước gẫy, tư lự :

"Em cũng thích yêu."

Chị Tì nhìn tôi, vẻ kẻ cả :

"Mày còn bé quá, chưa được. Hồi học lớp ba chị vẫn còn chưa có người yêu nữa là!"

Năm ấy chị Tì học lớp bốn, còn tôi mới vào lớp vỡ lòng. Tôi học sớm trước tuổi, người bé loắt choắt, chữ viết run lẩy bẩy, nhưng cũng sáng dạ nên được bầu làm lớp phó. Lớp trưởng tên là Phong, cao to, và theo tôi là rất đẹp trai. Phong lại ngồi ngay cạnh tôi. Cho nên khi nảy ra ý định sẽ yêu một người, tôi nghĩ ngay đến nó. Mấy ngày liền, tôi canh cánh về bí mật của mình, làm sao để Phong biết là tôi đã chọn nó. Viết thư thì không thể, vì chúng tôi mới đang tập tô đến chữ "con mèo", nhiều hơn tôi không biết viết, mà chắc Phong cũng không đánh vần được. Vậy thì tôi phải nói với nó. Nhưng nó là một học sinh mẫu mực. Trong giờ học, cái đầu tròn xoay của nó lúc nào cũng hướng thẳng lên bảng. Giờ ra chơi mà nói chuyện thì tụi bạn sẽ chế là "hai vợ chồng". Tôi đã cho Phong hai cái kẹo, hôm qua lại cả miếng mực khô nướng, nhưng nó vẫn không hiểu ý tôi. Thậm chí trong giờ, tôi đã đánh liều huých khuỷu tay vào nó, thì thào :

"Tớ bảo cái này..."

Thường ngày, chúng tôi vẫn mày tao, nhưng bây giờ yêu nhau rồi thì phải khác. Tôi xưng ấy tớ cho lịch sự. Phong quay đầu lại, nhìn tôi. Bọn ở lớp vẫn gọi nó là "Phong trố". Tôi vốn không để ý, tự nhiên lúc ấy lại thấy đúng thế thật. Khi tôi định thần lại thì Phong đã quay đi. Tôi buồn, rồi bỗng mừng vô kể vì mình buồn thế, chắc là yêu thật rồi!

Tôi không muốn nhờ chị Ti "quân sư". Nhỡ thằng Phong có bẻ thước kẻ vì tôi, chị ấy thế nào cũng kể công. Nhưng làm thế nào để Phong để ý đến tôi bây giờ ? Tôi chợt nghĩ có lẽ mình phải khóc mất. Tôi nghe nói nước mắt đàn bà lợi hại lắm, mặc dù chưa ai gọi tôi là đàn bà cả, nhưng thằng Phong cũng chỉ bé như tôi thôi, chắc nước mắt tôi cũng đủ làm nó sợ rồi.

Cả giờ tập đọc, tôi không khóc được vì lớp ồn. Minh béo đánh vần mãi không ra chữ 'O'. Cô giáo nhắc :

"Thế con gà nó gáy thế nào ?"

Minh béo nhanh nhẩu :

"Thưa cô con gà kêu cục tác ạ."

Cô giáo lắc đầu, bảo đấy là gà mái, còn gà trống gáy thế nào, giống cái chữ gì ở đây ? Minh béo ngẫm nghĩ một lúc:

"Thưa cô, gà trống nó gáy cúc cù cu ạ."

Cả lớp cười ồ. Cô giáo cho thằng Minh ngồi xuống.Thằng Phong ra vẻ hiểu biết, thì thào :

"Ngu thế, gà gáy ò ó o chứ, thế mà không biết!"

Tôi bênh:

"Nó nói cũng đúng đấy. Con gà nhà tớ gáy cúc cù cu rõ ràng!"

Thằng Phong bĩu môi:

"Mày cũng ngu, đấy là con gà nhà mày, còn gà trong sách gáy khác chứ!"

Tôi không cãi được lý luận của thằng Phong. Nhưng tôi nghĩ thầm mình sẽ không thèm yêu nó nữa.

Sang giờ làm tính, thằng Phong đã quên chuyện lúc nãy. Nó quay sang tôi xin mực. Rồi bù lại, nó cho tôi mượn cục tẩy mới nguyên. Tôi cảm động, nhưng vẫn không khóc được. Giá lúc này, thằng Phong nhìn thấy nước mắt tôi, thế nào nó cũng yêu tôi. Tôi thò tay vào khóe mắt miết miết, nó khô khốc. Tôi lan man cố nghĩ ra đủ thứ chuyện buồn, ví dụ tôi chết đi, cả nhà và chị Ti nữa sẽ hối hận biết chừng nào. Hối hận vì cái gì

thì tôi không biết, nhưng chắc chắn là sẽ hối hận, cả bọn lớp tôi, cả thằng Phong nữa. Mọi khi nghĩ đến thế là tôi đã khóc được rồi, nhưng hôm nay chả hiểu sao tôi không khóc được, chỉ thấy buồn ngủ. Cô giáo đi đâu rồi. Cả lớp cắm cúi làm tính. Thằng Phong đang hí hoáy vừa viết, vừa khụt khịt mũi. Tôi ngáp. Nước mắt ứa ra. Tôi mừng quá, thế là có cách, chả cần khóc nữa mà vẫn có nước mắt cho Phong xem. Khi quai hàm mỏi trẹo đi thì ngón tay trỏ của tôi cũng vừa đủ loáng một chút nước kỳ diệu ấy. Tôi huých Phong, chìa ngón tay cho nó xem, nói bằng giọng cảm động:

"Nước mắt của tớ đấy!"

Phong nhìn chằm chằm vào đầu ngón trỏ của tôi, khịt khịt mũi như thể đánh hơi. Rồi nó nói, cụt lủn:

"Đếch phải. Đây là nước mũi!"

Tôi không kể chuyện này cho chị Ti nghe. Hai chục năm sau, tôi lấy chồng. Nhưng tôi vẫn thích hát: *"...Những mối duyên đầu, thường hay khổ đau..."*.❐

Đón đọc:

Trong Mê Cung

Truyện ngắn

Nguyễn Trung Hối

Tựa Trần Hồng Châu
Thơ cảm đề Hồng Khắc Kim Mai
Bạt Nguyễn Mộng Giác

Tạp chí Văn Học
xuất bản

Lâm Chương, ngựa hồ hí gió bắc

Triều Hoa Đại phỏng vấn

Thưa anh Lâm Chương, trước khi vào vấn đề, tôi cứ phân vân mãi, không biết giới thiệu về anh như thế nào với độc giả. Một nhà thơ, một nhà văn, hoặc cả hai?

Thưa anh Triều Hoa Đại, có những người cầm bút, coi chuyện làm thơ viết văn như nghiệp dĩ, và lẽ sống. Nếu không sáng tác, đời họ không còn ý nghĩa. Với tôi thì khác. Làm việc tùy hứng, sáng tác không đều. Có khi cả năm không được bài nào. Vì thế, chưa bao giờ, tôi dám tự nhận mình là nhà văn nhà thơ. Không phải làm bộ màu mè khiêm tốn đâu. Thật tình, tôi chưa xứng với danh xưng ấy.

Vậy xin anh vắn tắt ít dòng tiểu sử, để độc giả có được một khái niệm về tác giả?

Bìa sau tập truyện *Đoạn Đường Hốt Tất Liệt*, đã có ghi tóm tắt tiểu sử rồi. Nếu nói chi tiết hơn, tôi được sinh ra từ nơi chốn ruộng đồng, và lớn lên từ làng mạc. Mắt quen nhìn màu xanh cây lá. Tai nghe quen tiếng con dế gáy, con cu gù, con nhái kêu... ngoài đồng nội. Những thứ ấy, đầy ắp trong hồn tôi. Có lẽ, vì thế mà tôi yêu thơ chăng? Vào những năm đầu thập niên 60, tôi bỏ nhà đi bụi đời ra miền Trung, sống lất phất lang bang ở Nha Trang. Tôi yêu những người dân hiền hoà và thành phố êm đềm thơ mộng của miền biển này hết sức. Nha Trang, lại có những người học trò làm thơ, được in thành sách, như Thanh Nhung và Cao Hoành Nhân với *Tiếng Thơ Miền Trung*, như Sương Biên Thùy (là Lê Mai Lĩnh bây giờ) với *Nỗi Buồn Nhược Tiểu*, như Sao Trên Rừng (là Nguyễn Đức Sơn bây giờ) có bài đăng trên Sáng Tạo. Tôi phục những thi sĩ học trò này lắm. Và tôi đã bắt chước làm thơ. Những bài thơ đầu tiên, đọc nghe rất "thê thảm",

chẳng báo nào chịu đăng, kể cả bích báo nhà trường cũng chê. Những năm về Sài Gòn, tôi tập viết văn xuôi, ông Mai Thảo đăng trên Nghệ Thuật, trong mục "Những Người Viết Mới". Tôi mắc cở, không gửi cho Nghệ Thuật nữa. Tôi gửi bài cho báo khác, chẳng thấy đăng. Nghe thuật lại rằng, có một nhà văn lớn (đã mất rồi) đọc bài bản thảo của tôi, lần nào cũng kêu lên: "Thằng Phá Hoại. Thằng Phá Hoại." và ném vào sọt rác. Từ ấy, tôi không viết văn xuôi. Sau này, nghĩ thương ông Mai Thảo. Ông cho Thằng Phá Hoại vào mục "Những Người Viết Mới" là nâng đỡ lắm rồi.

Trong một cuộc phỏng vấn, nhà văn Thảo Trường có nói:"Tôi bị CS bỏ tù lâu vào tận đáy vực của họ, để thấy một điều rõ ràng là họ giả dối một cách thiệt tình, họ tàn nhẫn rất nhiệt tâm, độc ác nhân danh lòng nhân đạo". Anh cũng đã từng trải qua những trại tù. Vậy anh có ý kiến hoặc có thêm lời bổ túc gì không?

Nhà văn Thảo Trường đã có quá nhiều kinh nghiệm về người CS. Cách nói của ông có vẻ khôi hài, nhưng rất chính xác. Tôi cũng muốn nói thêm rằng, dưới chế độ CS, không biết họ giáo dục thế nào, mà lòng người mang đầy nọc độc hận thù, rồi từ đó trở nên nham hiểm, và tráo trở một cách lạ thường, ngoài sức tưởng tượng của tôi.

Tôi nghĩ đâu phải chỉ có người CS là giả dối, độc ác. Bất luận ở đâu cũng có ánh sáng và bóng tối, có ngày và đêm, có thiện và ác. Anh có chia xẻ ý nghĩ đó không?

Vâng, đời sống ở đâu cũng có hai mặt. Nhưng tôi muốn nhấn mạnh là người CS (đa số thuộc ngành Công An), họ độc ác thái quá. Họ làm việc ác bằng cái tâm bình thường. Họ không biết họ đang làm ác. Thế mới nguy cho người khác chứ. Cũng có người tốt, nhưng ít lắm.

Đức Khổng Khâu có dạy: "Nhân chi sơ, tính bổn thiện." Anh nghĩ sao về lời dạy này?

Anh Triều Hoa Đại ơi! Hình như anh đang du tôi vào cái thế phải cãi lại lời thánh nhân. Ngay từ khi còn bé, đứa trẻ đã biết giành vú mẹ, giành đồ chơi. Ai dạy cho nó cái tính ích kỷ ấy? Bản năng chiếm đoạt tư hữu, đã có sẵn trong tâm thức bẩm sinh rồi. Lớn lên, vì nhu cầu đời sống, va chạm với xã hội, bản năng ấy càng phát triển thêm, chứ không hề giảm bớt. Nhưng do ý thức và quy luật xã hội ràng buộc, nên người ta đè nén, hoặc

che đậy bản năng bằng bộ mặt lương thiện đấy thôi.

Đọc xong Đoạn Đường Hốt Tất Liệt, *độc giả có nhận định rằng anh hằn học, chua chát với đời quá. Đó cũng là điều anh đã nói với một người bạn. Thế thì có cách nào Lâm Chương viết khác đi được không?*

Tôi không phải người viết văn làm thơ chuyên nghiệp, và cũng không thích chìu theo thị hiếu người đọc. Nói thế nghe dễ mất cảm tình quá. Nhưng đấy là sự thật. Xưa nay, tôi chưa từng nhận được đồng xu cắc bạc nào từ bài viết của mình. Nhưng tôi vẫn viết, vì tôi thích. Và chỉ viết những gì tôi muốn viết. Tôi không hề đắn đo xem phải viết thế nào, hành văn ra sao. Cứ nghĩ thế nào là viết thế ấy. Đi lính, có những kỷ niệm vui buồn khó quên. Đi tù, là vết thương không bao giờ lành được. Tôi cứ săm soi hoài nỗi đau nhức ấy. Thú thật với anh, trước kia tôi chẳng biết CS là gì, lòng không một hận thù nào về phía đối nghịch. Ngoài trận mạc, bắt được tù binh, tôi thấy họ đáng thương hơn là thù địch. Chỉ khi đi tù, tôi mới nhìn rõ chế độ CS, và bản chất con người của chế độ ấy. Tôi ngạc nhiên vì họ quá căm thù, và lúc nào cũng muốn trút tai hoạ lên đầu tôi. Làm sao tôi có thể viết khác được? Tôi thường viết tự truyện, phần hư cấu rất ít. Chỉ viết những gì đã trải qua, và đã có kinh nghiệm. Không có kinh nghiệm, mà viết theo tưởng tượng hoặc nghe người khác kể, thường là sai bét cả. Chưa từng cầm cây súng đối diện địch quân, mà dám viết về trận mạc. Chưa từng bị CS hành xác, mà viết chuyện trong tù và chửi bới loạn cả lên. Tôi phục những vị ấy. Quả là thiên tài.

Đời sống vốn đã quá nhiều khổ đau và thù hận. Anh có nghĩ rằng đã đến lúc mình nên chuyển đổi cách viết để vượt lên trên thói thường của thế tục, tạo ra những cái đẹp hơn, tốt hơn?

Tôi khó mà viết khác với lòng mình. Đang sống nơi thế tục, muốn vượt lên trên những điều thế tục, không dễ. Chỉ có thánh nhân mới làm được. Tôi không tin có ai ở cõi đời này chịu lấy ân báo oán, và bị tát má bên này, lại đưa má bên kia cho người ta tát thêm. Phật và Chúa khuyên thế, vì các Ngài là giáo chủ. Tôi nghĩ, làm người trước hết phải thành thật với chính mình. Tôi nói lên những ẩn ức trong lòng tôi. Tôi không thêu dệt đặt điều nói xấu kẻ tôi ghét. Đời tôi khắng khít với nỗi đau khổ nhiều hơn niềm vui sướng. Tôi nhớ kẻ hành xác tôi nhiều hơn nhớ người yêu. Nếu tôi viết khác đi, nghĩa là viết như người cao thượng, là tôi viết láo. Ai mà cảm thông với kẻ giả dối bao giờ.

Khi người ta nói đến những trại tù CS, thì mỗi người mô tả một cách khác nhau, cũng giống như những người mù sờ voi vậy. Ở đây, xin anh mô tả lại cảnh đời khốn khó ấy, và những kinh nghiệm phấn đấu để sống còn?

Tuổi tù của tôi còn thua nhiều người lắm. Và ở tù là một bất hạnh, chứ không phải là chiến công để tự hào. Ông Vũ Thư Hiên, ở tù kiểu khác. Ông Đoàn Viết Hoạt, ở tù kiểu khác. Những người được xếp vào loại Nguy quân Nguy quyền, ở tù kiểu khác nữa. Đã có quá nhiều người kể chuyện tù rồi, và cũng không thiếu những lời chửi bới. (Chửi không thuyết phục được ai. Tôi chỉ đưa ra một thực trạng. Để người khác nhận định và có thái độ.) Ra Bắc, có một thời gian, thi sĩ Tô Thùy Yên và tôi ở cùng một trại, chứa khoảng 250 tù nhân. Suốt thời gian chung trại, tôi không hề biết có Tô Thùy Yên ở đây. Trong tù, ai cũng muốn thu nhỏ thân phận của mình, lẩn vào đám đông. Nghĩa là biến mình thành một bóng mờ, chứ không phải hạ mình làm tên hèn mạt. Ở tù dưới chế độ CS, đừng làm gì cho họ chú ý, nhất là phải "ngoan". Hạng cắc ké như tôi mà chống đối, họ triệt tiêu ngay. Không thể so sánh với mấy ông Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế. Mấy ông ấy đã được quốc tế chú ý rồi, họ không dám giết. Thêm một kinh nghiệm nữa, khi đi lao động bên ngoài, gặp rắn rít, cóc nhái, ếch ương, cào cào, châu chấu, dế nhủi... đều phải coi đó là món ăn, là nguồn protéin dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Đừng hy vọng vào thịt cá của trại. Những kỳ lễ lớn, làm một con heo, chia mỗi người được vài miếng thịt bằng đầu ngón tay là cùng. Ngày thường, sắn khô nước muối là tiêu chuẩn trường kỳ. Thôi, mình qua câu hỏi khác đi anh.

Anh không muốn nói thêm về chuyện tù thì thôi. Sang vấn đề khác. Anh nghĩ sao về câu nói của F. R. Leavis, khi ông ta cho rằng; "Văn chương có đời sống riêng của nó."?

Xin lỗi. Tôi không hiểu ý của Leavis muốn nói gì.

Anh có thể cho biết vài nguyên nhân hình thành những truyện trong Đoạn Đường Hốt Tất Liệt?

Sống ở đây, chẳng có gì vui, và tôi cũng khó thích nghi với xã hội này. Cuối tuần, cùng vài ba ông bạn bày cuộc nhậu lai rai đỡ buồn. Khi nhậu, nói đủ thứ chuyện trên trời dưới đất. Nghe chuyện nào thấm thía, bạn khuyến khích nên viết lại. Tôi chỉ viết chuyện của tôi thôi. Chuyện của người khác, tôi không viết được. Có lần, tôi thử viết chuyện tình của bạn,

bị chê là gượng gạo, không thực. Do đó, tôi biết rằng tôi thiếu khả năng viết truyện tình cảm. Không thể viết hư cấu như thực, thì không thể làm một nhà văn đúng nghĩa. Đại loại là thế, nguyên nhân hình thành các truyện, phần lớn đều ở trên bàn nhậu.

Sau khi đọc xong Đoạn Đường Hốt Tất Liệt, *có người đưa ra nhận định: "Cái ông nhà văn này đánh phá "cách mạng" chẳng nương tay, chuyện ấy không lấy gì làm khó hiểu, nhưng cái khó hiểu là ở chỗ ông ấy đánh phá cả "phe ta". Ông ấy mô tả một thanh niên sợ khổ, trốn lính, nhưng khi bị bắt đi lính thì hèn nhát (truyện Định Số) chẳng hạn." Anh có đồng ý với nhận định ấy không? Anh có cần "biện bạch" gì không?*

Chả có gì phải biện bạch. Người thanh niên trong truyện Định Số là tôi đấy. Và nhân vật trung đội trưởng trong các truyện khác, cũng là tôi đấy. Trong các tự truyện, người ta thường kể về niềm tự hào. Tự truyện của tôi, nói lên nỗi đớn nhục. Tôi vốn hèn nhát, nhưng trong vài trường hợp nào đó, ở vào cái thế "chẳng đặng đừng", đành phải xung phong thôi. Nếu chẳng may, tôi tử trận, người ta sẽ ca tụng tôi là "anh hùng vị quốc vong thân". Ngoài trận mạc, phải liều mạng bắn giết nhau, chứ thật tâm, tôi ngán lắm. Tôi không giấu giếm điều đó. Trên đời này, tôi không tin nhiều thứ, nhất là không tin có quá nhiều anh hùng. Ai mà chẳng sợ chết. Chẳng qua vì tự ái, hoặc vì động cơ thúc đẩy nào đó, phải tỏ ra gan dạ. Tôi rất ghét những tên núp dưới những chiêu bài, và luôn mồm cổ võ cho người đi trận. Họ có gan thì cầm súng ra chiến trường, đừng xúi dại người khác. Còn nữa, có những cấp chỉ huy ở một nơi xa, rất an toàn, cầm máy vô tuyến, điều quân vào trận. Nếu thắng, ông ta là người hưởng công đầu, báo chí truyền thông ca tụng ông ta là tài ba anh dũng. Thật nhảm! Tự mình dấn thân vào nơi gió cát mới quan trọng, chứ ra lệnh cho người khác vào chốn hiểm nguy, ai mà chả làm được. Qua cái câu "nhất tướng công thành, vạn cốt khô" cho ta thấy rằng, kẻ có lòng nhân ái, tiếc mạng sinh linh, không thể nào trở thành tướng tài được. Lý luận kiểu của tôi, nhiều người không chịu. Nhưng tôi không thể nói khác những gì tôi nghĩ.

Lại nữa, vẫn theo đọc giả, thì trong truyện" Giải quyết cấp thời" anh đã cho một cán bộ làm tình với bò. Người ta bảo rằng, có lẽ vì bị tù lâu năm, nên anh đem lòng oán ghét, mà nói xấu "cách mạng" đấy thôi, chứ làm gì có chuyện ấy. Nhận xét ấy có đúng không?

Trên cõi đời ô trọc này, có những điều người ta không nói, không có

nghĩa rằng điều ấy không xảy ra. Mặt trái cuộc đời, có nhiều điều ghê gớm, trí tượng tượng của người bình thường, không dám nghĩ tới. Những năm đi tù trên đất Bắc, tôi biết nhiều chuyện động trời: Có người tù hình sự trạc 45 tuổi. Hồ sơ bản án ghi: nhiều lần "hủ hoá" với con gái ruột của mình. (Văn chương trong sáng của "cách mạng", người ta tránh tiếng làm tình, thay vào đó bằng chữ hủ hoá). Vào tù, ông ta được chỉ định chăn bò. Những người tù hình sự khác bắt gặp ông ta đang "hủ hoá" với bò. Thêm chuyện khác: Một ông già nhà quê, bán được con heo, mang tiền đi thăm con gái, có chồng ở xa. Con gái của ông bàn với chồng, cắt cổ cha ruột của mình để lấy trọn số tiền bán heo, chôn xác dưới sàn nước rửa chén. Người con trai của ông già, đi bộ đội, về phép ngang đấy, ghé lại thăm vợ chồng người chị, lúc hai vợ chồng này đang vắng nhà. Trong khi ngồi chờ, đứa cháu nhỏ ngây thơ, kể lại cho cậu nó nghe chuyện cha mẹ nó giết ông ngoại, và chỉ chỗ chôn xác. Anh đào sàn nước lên, quả thấy xác ông già. Thế là anh giết vợ chồng người chị, và đi tù. Những chuyện ấy, dù một người viết văn giàu tưởng tượng, cũng không hư cấu nổi. "Giải Quyết Cấp Thời" là chuyện thật. Nếu người đọc không tin, là tại tôi bất tài, không đủ khả năng thuyết phục. Tôi không thích CS, nhưng không vì lẽ đó mà tôi bịa chuyện nói xấu họ. Những truyện tôi viết, thường vẫn dành cho họ một kết thúc có "hậu", một chút tình người.

Trong ba cảnh đời: Chiến tranh, tù đầy và lưu lạc, cả ba cảnh ấy chẳng lấy gì làm vui, nhưng nếu được chọn lựa một trong ba cảnh ấy thì anh sẽ chọn cảnh nào,vì sao?

Dĩ nhiên tôi chọn lưu lạc. Tôi sợ chiến tranh và tù đầy lắm rồi. Đó cũng là lý do tôi chưa dám về thăm quê hương. Mỗi lần nghĩ đến một xứ sở đang bị cai trị bởi một thứ luật giống như luật rừng xanh, tôi ớn xương sống. Nếu tôi mò về xứ, rủi ro ở tù lần nữa, với sức khoẻ hiện thời, chắc tôi bỏ thây trong tù.

Nhà văn Haruki Murakamai tác giả được ưa chuộng nhất ở Nhật (hiện đang sống xa tổ quốc) thì thực sự tin tưởng rằng chỉ có thể "tìm thấy quê hương" khi ở xa nó. Anh cũng là một nhà văn và đồng thời cũng đang xa lìa tổ quốc, anh có cùng quan điểm với Murakamai không?

Khổ quá. Anh cứ gọi tôi là nhà văn. Tôi chỉ là chứng nhân thời đại, và đang viết bản tường trình về những gì đã nghe thấy mà thôi. Ý nhà văn Haruki Murakamai muốn nói tìm thấy quê hương ở trong lòng mình. Tôi

cũng nghĩ thế. Người xa quê hương viết về quê hương thắm thiết hơn người ở tại quê nhà.

Anh làm thơ (đã lâu) và viết văn (mới đây), vậy thì mỗi khi muốn diễn đạt một điều gì anh thường tìm đến thơ, hay văn trước?

Tùy trường hợp. Thơ nói lên những rung động cảm xúc của lòng mình. Văn mới diễn tả hết những chi li đời sống.

Anh nghĩ gì về Thơ và những người làm thơ ở trong và ngoài Tổ Quốc?

Nghĩ gì về Thơ? Trả lời câu hỏi này, chắc phải làm một bài luận giải dài dòng lắm. Xin để dành cho những nhà chuyên khảo về thơ. Phần kế, những người làm thơ ở trong và ngoài tổ quốc? Rất tiếc, tôi không có dịp đọc nhiều thơ trong nước, nên không dám có nhận định tổng quát. Riêng về ông Bùi Minh Quốc, gần đây thơ ông đã lan tràn trên các mặt báo hải ngoại. Hiện tại, thơ ông là một khí cụ đấu tranh rất tốt, nhưng tôi e rằng qua một giai đoạn lịch sử, sẽ bị đào thải. Đó không phải là thơ, theo quan niệm thiển cận của tôi. Còn ở hải ngoại? Rõ ràng thơ đang trên đà lạm phát. Tiền bạc lạm phát là điều đáng buồn, nhưng thơ lạm phát là hiện tượng đáng mừng. Trong cả trăm bài thơ, ta cũng chọn được một bài hay. Nhưng mấy ông toà soạn gặp bài nào cũng đăng, làm độc giả cứ hoa cả mắt lên. Vì thế mà thơ bị rẻ rúng. Lỗi này, tại toà soạn. Trong mục thư tín, những người được vài bài văn, bài thơ đăng báo, các ông toà soạn đều gọi họ là văn thi sĩ cả. Nếu theo cách gọi ấy, thì ở hải ngoại, văn thi sĩ nhiều như lá trên rừng, không kể xiết. Còn vài loại thơ nữa cũng đang thịnh hành: thơ thời sự, thơ tố cộng. Suy cho cùng, loại này không phải là thơ, nhưng nó vẫn hiện diện, vì nhu cầu nhất thời. Thời thế qua đi, nó sẽ bị lãng quên. Những người làm thơ đã có một thế đứng vững chắc trên thi đàn Miền Nam trước 75, hiện nay họ vẫn còn đang vun bồi thêm cho sự nghiệp của họ, như Du Tử Lê, Tô Thùy Yên, Viên Linh... Ngoài ra, những người tuổi trẻ tuổi hơn, làm thơ khởi sắc trước 75, bây giờ ra hải ngoại, vẫn tiếp tục sáng tác đều đặn, đã khẳng định tài năng của mình, như Hoàng Lộc, Trần Hoài Thư, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Triều Hoa Đại, Hoàng Xuân Sơn, Thành Tôn, Cao Xuân Tứ... Còn những tên tuổi mới gia nhập làng thơ hải ngoại, và được nổi bật, rất nhiều, khó mà ghi đầy đủ, như Quan Dương, Trần Mộng Tú, Thường Quán, Trân Sa, Cao Đông Khánh... Sở dĩ tôi nói khó ghi đầy đủ, vì hoa thơm cỏ lạ cứ chen nhau. Mà cỏ lạ thì nhiều lắm, đếm không hết.

Chắc anh cũng có đọc ít nhiều về các nhà văn ở trong nước, anh thấy văn phong của họ thế nào? Họ vì cái "nghiệp" mà viết, hay viết nhu một đòi hỏi "thế thời phải thế"?

Càng lúc anh càng du tôi vào những câu hỏi khó. Vâng, tôi cũng có đọc văn ở trong nước. Đặc biệt, tôi thích lối hành văn của người miền Bắc. Câu văn gãy gọn, dứt khoát. Cách diễn đạt tư tưởng, cách dùng từ của họ cũng mới lạ. Nhất là những câu đối thoại, làm tôi bất ngờ lý thú. Tôi có cảm tưởng như tôi là người VN cổ xưa, bỗng sống dậy nghe họ nói chuyện, vẫn hiểu nội dung nhưng lối suy nghĩ và cách sử dụng ngôn ngữ đã khác biệt với tôi lắm rồi. Chúng ta ở xa tổ quốc, chữ nghĩa mỗi ngày một hao mòn dần. Người viết ở trong nước, có lợi thế hơn chúng ta, họ luôn luôn bắt gặp những ngôn từ nóng hổi, mới được sản sinh ra từ xã hội. Khi nói tới chuyện văn học, ta nên gạt bỏ những thành kiến chính trị, thì mới nói hết được. Tôi thích lối dựng truyện của người miền Bắc. Họ không trải rộng theo diện tích mặt bằng. Chỉ một vấn đề nhỏ thôi, nhưng họ phân tích và xoáy sâu vào trọng điểm. Tại sao họ viết hay thế? Tôi nghĩ, có lẽ do đời sống quá khổ ải và thiếu thốn, nên tấm lòng người miền Bắc có khuynh hướng thu hẹp lại, tần mần tỉ mỉ từng chi tiết. Cũng đồng thời một món ăn, người thừa thãi vật chất, thấy không có gì đáng quan tâm, nhưng người đang thiếu thốn, thấy quan trọng và có nhiều suy nghĩ . Truyện của họ, đã thể hiện điều đó. Dĩ nhiên tôi không nói tới những rác rưởi trong văn học, sáng tác do nhu cầu thời thế phải mạt sát những người không cùng chính kiến với họ. Còn người nào viết như cái nghiệp hay không, chỉ người ấy biết. Hoàn cảnh của họ, khó mà đòi hỏi phải viết thật những gì họ nghĩ. Nhưng đã không viết thật được, thì cũng đừng viết bậy. Tôi muốn nói tới nhà văn Bảo Ninh. Anh này chẳng hiểu gì về người lính VNCH. Trong "Nỗi Buồn Chiến Tranh", khoảng cách giữa sự thực và hư cấu của anh còn xa nhau lắm. Với cái đầu đầy những thiên kiến xấu về phía đối nghịch, viết để phục vụ cho chế độ của anh thì tốt, nhưng giá trị văn học còn phải xét lại. Một tác phẩm thiếu tính trung thực như thế, mà ở hải ngoại có nhiều người lăng xê. Cũng lạ.

Anh có ước mơ tác phẩm của anh được bày bán trong nước không?

Ai chẳng ước mơ điều đó. Nhưng ngày nào CS còn thống trị đất nước, tác phẩm của tôi không hy vọng có mặt trong nước. Kể cả bản thân tôi nữa, cũng đành làm ngựa Hồ hí gió Bắc mà thôi.

Có lẽ vì "thương yêu" người cầm bút, mà người ta trao cho họ quá nhiều trách nhiệm. Theo anh, khi viết văn làm thơ, anh có nghĩ rằng mình có ít nhiều trách nhiệm với độc giả không?

Những kẻ làm thơ viết văn, may mắn có một tác phẩm hay, được mọi người tán tụng. Họ tưởng họ vượt lên khỏi con người tầm thường, để trở thành thần. Và tự kê vai gánh vác sứ mạng hướng dẫn người khác, bằng cách dạy đời. Lỗi cũng tại chúng ta thổi phồng họ quá đáng. Một nhà văn Mỹ, khi nhận giải Nobel, dõng dạc tuyên bố rằng: "Nếu một kẻ cầm bút không nói lên được thực trạng xã hội đương thời, và làm ngơ trước trách nhiệm đấu tranh cho người bị áp bức, họ không xứng đáng là nhà văn." Câu tuyên bố nghe ghê quá. Viết văn làm thơ, chứ đâu phải làm chính trị, mà bảo phải vùng lên tranh đấu? Chẳng qua vì xã hội bất công và bản thân bị đè nén, gây tác động trong lòng, nên họ viết để giải toả ẩn ức. Và điều ấy, vô tình trùng hợp với nguyện vọng xã hội đương thời. Khi ngồi viết, nếu cứ nghĩ viết để phục vụ cho một ý đồ nào đó, mất cả hứng. Sống trong một xứ chiến tranh nghèo đói, bị áp bức đủ điều, nhưng nếu thích, ta cũng có quyền làm thơ ca tụng tình yêu chứ? Với tôi, tất cả đều tùy hứng. Tôi không đặt nặng vấn đề, mình phải viết thế này, thế kia để phục vụ cho ai cả.

Thời của quá khứ đã qua đi, bây giờ là của hiện tại và trước mặt là thời của tương lai, anh có nghĩ rằng đã đến lúc cần phải đổi cách viết, tìm những đề tài mới, nghĩa là quên đi những "chua chát" và "hằn học" để hướng về một ngày mai tươi sáng với chan chứa tình người?

Đổi cách viết để tìm một hướng đi mới cho tương lai, là điều quá tốt. Nhưng khổ nỗi, tôi chỉ có thể viết được những kinh nghiệm đã có trong quá khứ mà thôi. Ngay đến hiện tại, tôi cũng chẳng viết được gì về cái xã hội xa lạ này.

Số lượng sách xuất bản và người tiêu thụ ở hải ngoại mỗi ngày một sút giảm một cách đáng lo ngại, nhà văn Nguyễn Mộng Giác trong một bài viết ở Văn Học (số Xuân Kỷ Mão) đã phải làm một bài tính trừ buồn thảm. Thưa anh, liệu có cách nào chúng ta cứu vãn được "tình thế" buồn thảm ấy chăng?

Ông Nguyễn Mộng Giác bi quan là phải, thế hệ sau chúng ta, ở hải ngoại người đọc thơ văn VN sẽ tuột dốc một cách thảm hại. Nhưng tôi có

lối nhìn khác, lúc ấy chế độ CS cũng đã biến thể hoặc tiêu tùng rồi. Nên văn học hải ngoại sẽ "quy hồi cố hương". Và qua sự gạn lọc của thời gian, những tác phẩm thiếu tính trung thực, xu thời theo chế độ này hay chế độ kia, để mạt sát phía đối nghịch, sẽ bị đào thải đầu tiên.

Người ta kỳ vọng vào số 70 triệu độc giả ở trong nước, vậy thì theo anh đã đến lúc chưa cho sự hợp tác văn hoá giữa trong và ngoài Tổ Quốc?

Có phải ý anh muốn nói giao lưu văn hoá? Hải ngoại đã đưa bàn tay ra từ lâu rồi. Những người làm văn nghệ trong nước cũng thập thò đưa tay ra bắt. Nhưng chính quyền làm cái hàng rào chắn kỹ quá, nên những gì trong nước phổ biến ra ngoài thì được, ở ngoài muốn xâm nhập vô trong rất khó. Sự bất công ấy, chỉ có thể giải quyết bằng cách đạp bỏ chế độ mà thôi.

Bạn bè bảo với nhau: Lâm Chương ở đâu thì cũng vẫn chỉ là Lâm Chương, có nghĩa là: Dù lưu lạc nơi đâu, bất cứ trong hoàn cảnh nào, Lâm Chương cũng chẳng khác gì ngựa Hồ, mỗi khi gió bắc lồng lộng thổi về thì chẳng bao giờ quên cất lên tiếng hí đau thương, điều ấy anh thấy thế nào?

Cám ơn anh và bạn bè đã nghĩ như thế về tôi. Những gì tôi viết đã thể hiện lòng tôi. Không hề làm dáng văn chương. Với câu hỏi này, xin anh cho tôi tỏ vài lời tâm sự. Cảnh sắc thiên nhiên của đất Mỹ rất đẹp, nhưng tôi thấy trong cái đẹp ấy không có hồn. Tôi nhớ thương cái xóm nhỏ nghèo nàn của tôi. Đường đất. Bờ ruộng. Hàng cây. Con rạch. Những thứ đó, cũng còn đang nhớ thương tôi. Khi đi lính, qua những làng mạc tiêu điều của miền Trung. Tôi yêu mến mảnh đất khô cằn này, và muốn được hoà mình sống với những người dân áo rách, nhưng tấm lòng đầy đôn hậu. Khi đi tù, tôi sửng sốt trước vẻ đẹp hùng vĩ của núi non miền thượng du. Rời khỏi nơi đó, lòng tôi mang theo núi rừng, và hình ảnh chất phác của người dân sơn cước. Hình như những nơi nghèo nàn cơ cực của quê hương, có sức gắn gắn bó mãnh liệt với tôi, hơn là chốn phồn hoa đô hội. Với tâm tính ấy, nên đời tôi mạt rệp là phải.

Anh còn điều gì cần bổ túc thêm cho buổi nói chuyện của chúng ta hôm nay không?

Xin cám ơn độc giả đã theo dõi buổi nói chuyện của chúng ta hôm nay.❐

Thử bàn về một số vấn đề "kinh điển" trong lý luận văn học nhân đọc bài viết của nhà văn Thế Uyên

Hoàng Ngọc-Tuấn

Để đáp lại lời mời gọi trong bài "Đàm luận với Nam bán cầu" đăng trênVăn Học số 155, tôi xin có đôi điều góp ý với nhà văn Thế Uyên. Do khuôn khổ giới hạn của một bài báo, tôi chỉ giới hạn trong những điều mà Thế Uyên gọi là "kinh điển" mà thôi.

1. Vấn đề kinh điển:

Nhà văn Thế Uyên mở đầu bài "đàm luận" của mình bằng cách "đi một đường kinh điển" như muốn khẳng định những chân lý căn bản mà mọi người phải chấp nhận. Nhưng thế nào là "kinh điển"? Theo Hán-Việt Từ-Điển của Đào Duy Anh (nxb. Trường Thi, Sài Gòn, 1957), kinh là "sách", điển là "phép tắc". Theo Từ Điển Tiếng Việt của Viện Ngôn Ngữ Học (nxb. Trung Tâm Từ Điển Ngôn Ngữ, Hà Nội, 1992), kinh điển là "có giá trị mẫu mực, tiêu biểu cho một học thuyết, một chủ nghĩa".Theo Từ Điển Trung Việt (nxb. Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1993), chữ kinh điển là "tác phẩm có tính quyền uy". Như vậy, hẳn cái "kinh điển" mà nhà văn Thế Uyên đề cập đến là một hay một vài tác phẩm lý luận văn học nào đó có tính quyền uy, đưa ra những phép tắc có giá trị mẫu mực để các nhà phê bình dựa vào đó mà "xét một tác phẩm dù là thơ hay văn". Tôi không tin rằng văn học nhân loại cần bất cứ một thứ "kinh điển" nào, vì lý luận văn học không phải là sự áp dụng cứng nhắc theo những phép tắc đã định sẵn. Lý luận văn học là một ngành nghiên cứu mang tính khoa học. Nó phát triển không ngừng, song song với những cách tân không ngừng trong sáng tạo văn chương. Vì nó là lý luận, nó luôn luôn sinh động, uyển

chuyển, phức tạp, luôn luôn được đào sâu, mở rộng, luôn luôn chấp nhận những sự thách đố và lật đổ, và luôn luôn xây dựng những quan điểm mới. Phê bình gia, khi "xét một tác phẩm dù là thơ hay văn", thì cần sâu sắc và sáng tạo trong lý luận. Đã có "kinh điển" rồi thì còn gì là lý luận nữa! Hãy thử nhìn lại thực trạng nền lý luận và phê bình văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa: một nền "lý luận" và "phê bình" suông đuột và rập khuôn cứng nhắc theo "kinh điển" của cái gọi là mỹ học Marxist-Leninism. Và hãy thử nhìn lại những hậu quả của nó trong sáng tác và tư duy nghệ thuật!

Bản thân khái niệm "kinh điển" trong văn học là một điều sai lầm. Tuy nhiên, dù sao chúng ta cũng nên kiên nhẫn lần theo những điều mà nhà văn Thế Uyên gọi là "kinh điển" xem sao.

2. Vấn đề cái đẹp

"Kinh điển" đầu tiên mà Thế Uyên nêu lên là:

> *giá trị đầu tiên của một tác phẩm văn học trước hết là phải hay đã, cũng như giá trị đầu tiên của một giai nhân là phải đẹp đã. Tác phẩm không hay, phụ nữ không đẹp, đâu có thể xếp loại là tác phẩm văn học, là giai nhân được. Hay về văn chương hoặc hay về ý tưởng, nếu hay được cả hai diện đó thì càng tốt. Nếu có mới thì tốt hơn nữa, nhưng cái mới phải đạt tới mức giá trị tối thiểu để được công nhận là văn chương. Mới mà dở thì mới chỉ là một thử nghiệm, chưa thành văn chương.* (Báo đã dẫn, trang 119)

Trước hết, "kinh điển" này không giảng giải thế nào là "hay", thế nào là "đẹp", nhưng nó đòi hỏi văn chương phải "hay" và giai nhân phải "đẹp", tưởng như con người đã sẵn có một tiêu chuẩn thống nhất và vĩnh cửu về cái "hay" của văn chương và cái "đẹp" của giai nhân vậy. Không những thế, "kinh điển" này còn phân biệt cái "hay" ở hai "diện": "hay về văn chương" ,và "hay về ý tưởng".

Tiếp theo đó, "kinh điển" này đề cập đến cái "mới". Nó không cho biết thế nào là giá trị của cái mới, nhưng nó đòi hỏi rằng "cái mới phải đạt tới mức giá trị tối thiểu để được công nhận là văn chương". Ở đây, tôi chỉ muốn nhắc là nhà văn Thế Uyên nên cẩn thận: Khi bộ trường thiên tiểu thuyết Genji Monogatari ra đời, không ai vảo thời ấy công nhận giá trị của nó cả, không phải vì nó không "hay", cũng không phải vì nó không "mới", nhưng chính vì nó quá mới so với những tiêu chuẩn thẩm mỹ đương thời,

và thậm chí có thể nó quá hay, nhưng là hay đối với những tiêu chuẩn thẩm mỹ của một trăm năm sau đó.

Khi nhà văn Thế Uyên viết: "Mới mà dở thì mới chỉ là một thử nghiệm, chưa thành văn chương", thì điều này lại càng phi lý. Nếu đem những tiêu chuẩn thẩm mỹ cũ ra làm thước đo, thì cái mới (triệt để mới) nào là chẳng "dở"? Chỉ có những cái mới rất nhỏ, không triệt để, nghĩa là vẫn chủ yếu đặt nền móng khá chắc chắn trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ cũ, thì mới được đánh giá tương đối công bình. Một tác phẩm cực kỳ mới như Ulysses của Joyce, tác phẩm dẫn đường cho những tiêu chuẩn thẩm mỹ của văn học thế kỷ 20, khi ra đời vào năm 1922, bị chê bai thậm tệ, bị chính quyền Mỹ cấm phát hành đến hơn một thập niên, chính quyền Anh cấm đến hơn ba mươi năm, và chỉ được phát hành tại Pháp (vì Joyce viết bằng Anh ngữ, và độc giả Pháp rành Anh ngữ vào thời ấy rất hạn chế). Bị nước Anh cho là "dở" như thế, nhưng sau này chính nhà văn Anh lừng danh George Orwell lại phát biểu:"Ước gì tôi chưa từng được đọc nó. Một tác phẩm như thế làm tôi mang tự ti mặc cảm. Đọc nó, tôi cảm thấy mình như một người bị cắt dái." (thư George Orwell gửi Brenda Salkeld năm 1934, do Paul Gray trích đăng trong bài "The Writer: James Joyce" [tuần báo TIME số đặc biệt về nghệ thuật thế kỷ 20, June 8, 1998, Vol. 151, No. 22]).

Tôi đồng ý với nhà văn Thế Uyên rằng có thể có những cái "mới" dở. Đó là những cái tưởng chừng là mới ở nơi này, nhưng thực ra là cũ ở nơi khác, cho nên chúng ta có thể dựa vào những tiêu chuẩn đã sẵn có ở nơi khác kia để đánh giá cái mới này (ví dụ: những tiêu chuẩn thẩm mỹ của thơ Đường đã thành hình từ thế kỷ thứ 7, nhưng đến thế kỷ thứ 10 người Việt mới bắt đầu làm thơ chữ Hán theo Đường luật; những bài thơ đầu tiên được viết bởi các thiền sư Pháp Thuận, Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh, Viên Chiếu, quả là mới đối với văn chương ta thời ấy; tuy nhiên, người Việt thời ấy có thể đánh giá những tác phẩm mới này là hay hay dở, dựa trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ sẵn có của thơ Đường.) Cũng có những cái "mới" dở vì không thoát ra khỏi được cái cũ, mà cũng không có đủ giá trị tự thân để tạo nền móng cho những tiêu chuẩn thẩm mỹ mới. Thời đại nào cũng có không biết bao nhiêu người cố gắng làm cái mới, nhưng cũng chỉ có một số người xây dựng được những tiêu chuẩn thẩm mỹ mới và có giá trị dài lâu.

Trong đoạn văn trên, nhà văn Thế Uyên xem cái mới như một giá trị thứ yếu, có thêm thì càng tốt, không có thì cũng không sao cả. Theo tôi, điều này hoàn toàn sai. Trong nghệ thuật sáng tạo, việc thực hiện những tác phẩm hay trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ có sẵn không phải là dễ, nhưng việc xây dựng được những tiêu chuẩn thẩm mỹ mới bằng những

tác phẩm mới đây tính thuyết phục lại thực là việc cực kỳ khó khăn và đòi hỏi một ý chí sáng tạo và một tài ba ngoại hạng. Sau Đệ Nhất Thế Chiến, nhạc sĩ vĩ cầm Fritz Kreisler chu du khắp năm châu để trình diễn những kiệt tác trong kho tàng âm nhạc Âu châu. Thỉnh thoảng, ông lại giới thiệu đến khán giả một tác phẩm xuất sắc bị thất lạc vừa được ông tìm thấy đâu đó trong các bộ sưu tập bản thảo xa xưa. Trong số những tác phẩm này, lừng danh nhất là hai bản Praeludium và Allegro mà ông cho rằng ông tìm lại được và chuyển soạn từ bản thảo bị thất lạc của nhạc sĩ Gaetano Pugnani (1731-98), người cùng thời với Mozart. Sau khi nghe Kreisler trình diễn, giới phê bình âm nhạc Âu châu nhận định rằng hai bản nhạc này của Pugnani là hai tác phẩm cực kỳ hoàn hảo và đầy tính cách tân xét trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ âm nhạc thời Cổ Điển. Họ còn cho rằng hai tác phẩm này có nhiều điểm vượt qua cả nhạc vĩ cầm của Mozart, và lấy làm tiếc rằng Pugnani đã để cho hai kiệt tác này thất lạc nên đã không được giới âm nhạc thời ấy đánh giá đúng đắn. Từ năm 1920, hai bản nhạc này được phổ biến, trình tấu và ca ngợi khắp nơi. Thế nhưng, đến năm 1935, Kreisler lại thành thực công bố rằng hai bản này và nhiều bản khác nữa đã được chính ông sáng tác, phỏng theo phong cách của các nhà viết nhạc nổi tiếng ngày xưa, chứ không phải sưu tầm được ở đâu cả. Từ đó, những "kiệt tác" này không còn giá trị nữa. Kreisler vẫn được xem như một diệu thủ vĩ cầm, nhưng về mặt sáng tác ông chỉ được xem là người có tài bắt chước phong cách xưa chứ không xứng danh là một khúc tác gia nghiêm túc. Xét trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ âm nhạc của thế kỷ 20, những tác phẩm của Kreisler thực là lạc hậu, không phát sinh từ hành động sáng tạo nghiêm túc, và tất nhiên là không hay ho gì, và thậm chí không cần thiết. Thực vậy, một nhạc sinh hạng giỏi trong các nhạc viện hôm nay có thể nghiên cứu và bắt chước các phong cách xưa hoặc dựa trên những tiêu chuẩn thẩm mỹ xưa để sáng tác những nhạc phẩm rất hoàn chỉnh; nhưng chúng chỉ được xem như những bài tập hoặc những khúc "pastiche" để giải trí chơi vui, chứ không đáng được gọi là những công trình sáng tạo đích thực. Những ví dụ vừa nêu khiến tôi nghĩ rằng nếu một nhà văn Việt Nam hôm nay cứ tiếp tục bám vào những tiêu chuẩn thẩm mỹ của ngày xưa hoặc cứ tiếp tục bắt chước những phong cách cũ để thực hiện tác phẩm, thì dù ông/bà ta có xuất bản bao nhiêu sách đi nữa, ông/bà ta vẫn chỉ là một học sinh viết văn, hay là một ông Kreisler trong văn chương Việt Nam mà thôi.

3. Vấn đề hình thức và nội dung

Điểm "kinh điển" thứ hai của nhà văn Thế Uyên là

> *khi xét một tác phẩm dù là thơ hay văn, chúng ta xét theo hai khiá cạnh văn thể và ý tưởng, hay hình thức và nội dung. Văn thể/hình thức là dụng cụ là phương tiện chuyên chở, là cái khung cái dàn sáo cho ý tưởng/nội dung, bởi thế một khi ý tưởng nội dung đã thay đổi, hoặc tràn ngập ra ngoài hoặc quá tải cho cỗ xe văn thể cũ, thì phải thiết kế cái mới cho thích hợp hơn.* (Báo đã dẫn, trang 119)

Qua đoạn văn trên, chúng ta thấy, theo Thế Uyên: 1) văn thể và hình thức chỉ là một, ý tưởng và nội dung chỉ là một; 2) văn thể / hình thức đứng tách rời khỏi ý tưởng / nội dung; 3) văn thể / hình thức chỉ đóng vai trò "chuyên chở" hoặc làm "cái khung, cái dàn sáo" cho ý tưởng / nội dung; 4) khi ý tưởng / nội dung đã "thay đổi" (về phẩm chất?), hoặc "tràn ngập ra ngoài" hoặc "quá tải" (về số lượng?), thì phải "thiết kế" một văn thể / hình thức mới cho thích hợp hơn.

Xin nói ngay là việc phân chia nội dung và hình thức trong tác phẩm văn học là điều đã lỗi thời. Trong hầu hết các từ điển thuật ngữ lý luận văn học trên thế giới hiện nay người ta đều cho hình thức và nội dung là hai yếu tố không thể tách rời ra được. Trong bộ The New Encyclopaedia Britannica (một trong vài bộ bách khoa toàn thư được xem là hoàn hảo nhất hiện nay, và là bộ sách rất thông dụng trong tủ sách gia đình ở các nước Âu Mỹ), ở phần Macropaedia, chương The Art of Literature, ta sẽ đọc được đoạn văn rất ngắn gọn mà tôi xin chuyển ra Việt ngữ sau đây:

> Suốt lịch sử văn học, rất nhiều phê bình gia vĩ đại đã chỉ ra rằng việc phân biệt giữa hình thức và nội dung là một việc giả tạo (artificial), trừ khi làm điều đó với mục đích phân tích. Hình thức xác định nội dung. Nội dung xác định hình thức. Thực vậy, vấn đề phân biệt giữa hình thức và nội dung nếu được đặt ra thì thường chỉ được đặt ra bởi những phê bình gia lưu tâm đến chính trị, tôn giáo, hay ý thức hệ hơn là đến văn chương; bởi vậy, họ phản đối những nhà văn nào khiến họ thấy có vẻ như là đã hy sinh tính cách chính thống (ideological orthodoxy) để chạy theo sự hoàn thiện về hình thức (formal perfection), hay hy sinh cái thông điệp (message) để chạy theo phong cách (style). (The New Encyclopaedia Britannica, ấn bản năm 1986, quyển 23, trang 90)

Quan niệm của Thế Uyên không những lỗi thời mà còn sai ở những chỗ: 1) không phân biệt được sự khác nhau hiển nhiên giữa văn thể (là cái vỏ bọc thô sơ của hình thức) và hình thức (là cái tinh yếu để xác định nội dung), cũng như giữa ý tưởng (là cái chất liệu có trước khi tác phẩm thành hình) và nội dung (là cái hiện hữu gắn bó với hình thức, chỉ có sau khi tác phẩm đã thành hình); 2) nhìn thấy hình thức đóng một vai trò rất thụ động và phụ thuộc, trong khi nội dung đóng vai trò tích cực chủ yếu trong việc hình thành tác phẩm văn chương.

Về những vấn đề này, ngay từ năm 1812, trong cuốn Wissenschaft der Logik, Hegel đã đưa ra những nhận định rất rành mạch. Theo ông, cần phải phân biệt những cái gọi là chất liệu (Material), nội dung (Inhalt) và hình thức (Form). Hegel dùng chữ chất liệu để gọi cái chưa mang một hình thức được xác định nào cả; nó là một thứ nội dung phi nghệ thuật tính. Một câu chuyện, một ý tưởng, một tin tức nào đó, nếu được thuật lại hay viết lại theo nhiều cách khác nhau mà vẫn không bị sai lệch gì về nội dung thông tin, thì chỉ mới nằm ở dạng chất liệu, chứ chưa phải là một nội dung mang nghệ thuật tính, nội dung của một tác phẩm nghệ thuật đích thực. Đối với Hegel, nội dung phải là cái chất liệu đã mang một hình thức được xác định; cái nội dung này không thể tồn tại như chính nó bên ngoài cái hình thức nhất định của chính nó. Nếu hình thức thay đổi, nội dung bị thay đổi theo cùng một lúc. Về ý niệm hình thức, Hegel nhận định rằng một hình thức không thể tồn tại độc lập với một nội dung nhất định của chính nó. Trong một tác phẩm nghệ thuật, cái gì thay đổi mà khiến nội dung phải thay đổi theo, thì cái đó mới đúng là hình thức tinh yếu (wesentlich); cái gì thay đổi mà không khiến nội dung phải thay đổi theo, thì cái đó không tinh yếu (unwesentlich), và không đáng được gọi là hình thức. Mối tương quan chặt chẽ giữa nội dung và hình thức (trong đó, hình thức hoàn toàn được xác định bởi nội dung, và nội dung hoàn toàn được xác định bởi hình thức) được Hegel mô tả bằng chữ hoán chuyển (Umschlagen). Nhận định của ông được thu tóm trong một câu đáng nhớ:

> *Nội dung chẳng là gì cả ngoài sự hoán chuyển của hình thức vào nội dung, và hình thức chẳng là gì cả ngoài sự hoán chuyển của nội dung vào hình thức (der Inhalt nichts ist als das Umschlagen der Form in Inhalt, und die Form nichts als Umschlagen des Inhalts in Form).* (Enzyklopadie der philosophischen Wissenschaften im Grundrisse, nxb. Meiner, Hamburg, ấn bản 1959, đoạn 133).

Theo Hegel, hành động sáng tạo một tác phẩm chính là hành động

xây dựng một hình thức cho một chất liệu; khi đã có được một hình thức, chất liệu tiên khởi hoàn toàn biến đổi từ cái không có phẩm tính nghệ thuật thành cái có phẩm tính nghệ thuật và, do đó, trở thành nội dung của tác phẩm nghệ thuật. Ở đây, hình thức trở thành sự diễn tả của một nội dung mà nội dung này không thể hiện hữu bên ngoài cái hình thức của riêng nó. Đoạn văn sau đây của Hegel có thể minh họa cho nhận định của ông:

> Hình thức chính xác (rechte) tự nó là nội dung, không thể đứng tách rời khỏi nội dung. Một tác phẩm nghệ thuật mà không có một hình thức chính xác thì chính vì đó nó không phải là một tác phẩm nghệ thuật đúng nghĩa, một tác phẩm nghệ thuật thực sự (wahres Kunstwerk) [...] Những tác phẩm nghệ thuật thực sự, nói cách ngắn gọn, là những tác phẩm mà nội dung và hình thức của chúng chứng tỏ là một sự đồng nhất hoàn hảo. Người ta có thể nói rằng nội dung của cuốn Iliad là cuộc chiến ở thành Troy, hay nói cụ thể hơn nó là sự phẫn nộ của Achilles; nói như vậy là nói hết mọi sự mà chẳng nói được điều gì cả, bởi gì cái làm cho Iliad trở thành Iliad chính là cái hình thức thi ca mà nội dung của nó vận vào. Cũng theo cách đó, có thể nói nội dung của Romeo và Juliet là thảm cảnh tan nát của một đôi tình nhân vì sự thù nghịch của hai gia đình; nhưng như thế thì còn quá xa để đạt đến tấn bi kịch bất tử của Shakespeare. (Sách đã dẫn, đoạn 133, phần bổ túc).

Những khám phá này của Hegel đã được giới nghiên cứu về lý luận nghệ thuật tiếp tục khai triển cho đến hôm nay và đã tạo cơ sở cho những cung cách nhận định và phê bình khách quan hơn và khoa học hơn. Trên cơ sở đó, chúng ta có điều kiện để quan sát và tiếp cận các tác phẩm nghệ thuật nói chung, và văn học nói riêng, một cách tốt hơn, đồng thời xét lại một số quan niệm cũ về những cái gọi là "hình thức" và "nội dung" trong phê bình văn học. Thực vậy, có những cái chúng ta thường tưởng lầm là hình thức, thực ra không phải là hình thức; và có những cái mà chúng ta thường tưởng lầm là nội dung, thực ra chỉ mới là chất liệu (một thứ ý tưởng mà hình thức không tinh yếu nào cũng có thể chuyên chở được). Trong thực tế, nhiều người trong chúng ta còn lầm tưởng rằng "văn thể" là hình thức, và "ý tưởng" là nội dung. Đúng ra, văn thể mới chỉ là cái vỏ chung chung, chưa đáng gọi là hình thức (của tác phẩm nghệ thuật); và ý tưởng mới chỉ là chất liệu chung chung, chưa đáng gọi là nội dung (của tác phẩm nghệ thuật). Chúng ta hãy thử xem xét tác phẩm Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du để nhìn thấy một số minh họa cho nhận định

này.

a. Sau khi đọc xong Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Nguyễn Du muốn sử dụng câu chuyện về đời của Thúy Kiều để thực hiện một tác phẩm thi ca. ỏCâu chuyện Thúy Kiềuõ (cái có thể rút ra từ Kim Vân Kiều Truyện và kể lại dưới một hình thức khác) không còn là nội dung của Kim Vân Kiều Truyện, nó chỉ là một khối chất liệu phi hình thức. Nguyễn Du dùng khối chất liệu này kết hợp với những khối chất liệu khác (như các điển tích, các ý niệm triết lý Phật-Lão-Nho, các mảnh cổ thi, v.v. . .) để thực hiện Đoạn Trường Tân Thanh. Thử lấy một ví dụ nhỏ: Nguyễn Du lấy chất liệu từ hai câu thơ trong bài Thương Sơn Tảo Hành của Ôn Đình Quân ("Kê thanh mao điếm nguyệt / Nhân tích bản kiều sương") để sáng tạo câu thơ 2030 của Đoạn Trường Tân Thanh ("Tiếng gà điếm nguyệt dấu giày cầu sương"). Ở đây, có sự giống nhau về chất liệu, nhưng sự khác nhau về hình thức đã tạo nên sự khác nhau về nội dung: 2 câu thơ của họ Ôn gợi đến những điều rất khác với câu thơ của họ Nguyễn. <f1>ở 2 câu thơ của họ Ôn, mỗi câu có 5 chữ Hán được trình bày với thủ pháp ỏtịnh trí ý tượngõ (ở mỗi câu, 5 danh từ được đặt liền nhau không cần bất cứ tính từ hoặc giới từ nào); ở câu thơ của họ Nguyễn, tuy thủ pháp ỏtịnh trí ý tượngõ cũng được sử dụng, nhưng gồm 8 danh từ hỗn hợp Hán và Nôm với tiết tấu khác hẳn. Ôn Đình Quân có chữ "mao" (cỏ), và "bản" (ván), mà Nguyễn Du không có. Ngược lại, họ Nguyễn có nhóm chữ "dấu giày", khác hẳn với nhóm chữ "nhân tích" (vết người) của họ Ôn. Khi qua đến bản dịch Anh ngữ của Huỳnh Sanh Thông, câu thơ của Nguyễn Du lại trở thành: "Cockcrow from moon-lit huts; fresh marks of shoes on dew-soaked bridge" (tiếng gà từ những túp lều trăng chiếu; những dấu giày tươi rói trên chiếc cầu đẫm sương), thì sự khác biệt về hình thức và đồng thời về nội dung càng trở nên rành rành. Chỉ riêng về từ loại, thơ họ Ôn có 10 danh từ; thơ họ Nguyễn có 8 danh từ; bản dịch của họ Huỳnh lại có 5 danh từ, 3 tính từ, và 3 giới từ.

b. Để thực hiện một tác phẩm nghệ thuật gọi là Đoạn Trường Tân Thanh, Nguyễn Du phải sáng tạo một hình thức tinh yếu cho những chất liệu sẵn có. Hình thức của Đoạn Trường Tân Thanh không phải chỉ là thể thơ lục bát. Thể thơ lục bát là cái bề ngoài nông cạn nhất và dễ nhìn thấy nhất của tác phẩm; nó chỉ là cái khuôn thô sơ dùng để làm vỏ bọc cho cái xứng đáng được gọi là hình thức. Cái khuôn thô sơ này

rất dễ sử dụng; từ một chú mục đồng, đến một anh văn công tuyên truyền, đến một bậc nho sĩ, ai biết cách sử dụng nó đều có thể mượn nó như một phương tiện đơn giản để "xuất khẩu thành thơ". Tất nhiên, trong số những bài thơ "xuất khẩu" này có thể có những bài có giá trị nghệ thuật, nhưng nhất định sẽ có nhiều bài chỉ là "vè" với một nhúm chất liệu đơn giản đặt vào một cái khuôn thô sơ. Ví dụ, tôi thử lấy chất liệu từ bản dịch của Huỳnh Sanh Thông ("The study-room turned icy, metal-cold / brushes lay dry, lute strings hung loose on frets") để làm câu lục bát: "Phòng học lạnh lẽo như đồng / bút lông khô mực cần đờn lỏng dây". Phê bình gia văn học không thể nhận xét rằng câu lục bát này giống cả hình thức lẫn nội dung với câu lục bát sau đây của Nguyễn Du: "Buồng văn hơi giá như đồng / trúc se ngọn thỏ tơ chùng phím loan". Nhận xét như thế là quá nông cạn về lý luận văn học. Tốt hơn, nên nhận xét rằng câu lục bát của Nguyễn Du và câu lục bát của tôi tuy sử dụng cùng một khuôn (thể thơ lục bát) và cùng một chất liệu, nhưng vì chúng khác nhau về hình thức (cách dùng từ, trật tự các từ, âm điệu, v.v...) nên nội dung (cái được xác định bởi hình thức) cũng khác nhau. Chỉ mô tả một cái phòng học lạnh lẽo, trong đó cây bút lông để khô mực và cây đàn để lỏng dây không ai đụng tới, câu lục bát của Nguyễn Du nói lên được nỗi buồn tao nhã, sang cả của chàng Kim Trọng văn chương nết đất thông minh tính trời, còn câu thơ lục bát của tôi lại gợi đến thái độ thất tình của một anh học trò lười [illegible], tầm thường.

c. Cái đáng gọi là hình thức thực sự của Đoạn Trường Tân Thanh (mà nội dung nghệ thuật của tác phẩm này được thể hiện trọn vẹn không chút suy suyển) chính là toàn bộ từng chữ và cách nó được chọn (Nôm hay Hán, thuộc từ vựng hàn lâm hay bình dân, v.v...), từng câu và cách nó được xây dựng (tiết tấu, âm điệu, cú pháp, v.v...), từng biện pháp tu từ, từng trường hợp chọn điển tích, chọn cổ thi Trung quốc để phóng tác ra thơ Nôm, v.v... của chính tác phẩm này. Nói cho thực đầy đủ và chính xác, hình thức của Đoạn Trường Tân Thanh chính là toàn bộ 22778 chữ trong 3254 câu, với tất cả những đặc tính tế vi nhất của mỗi chữ; và sự thay đổi một chữ nào đó ắt sẽ gây một vấn đề tranh luận về nguyên tính của tác phẩm (trong thực tế, những cuộc tranh luận về "bản nào là bản gốc" vẫn tiếp tục diễn ra).

d. Nội dung của Đoạn Trường Tân Thanh (trong ý nghĩa nghệ thuật đích thực) không thể được diễn giải hay truyền đạt bằng cách nào

khác ngoài chính hình thức của riêng nó. Nó không phải là một mớ ý tưởng rút ra được và kể lại được sau khi chúng ta đọc tác phẩm. Chúng ta không thể nói: "Nội dung của Đoạn Trường Tân Thanh là như thế này...v.v. và v.v... ". Sẽ không thể có một nghệ sĩ thiên tài nào viết một tiểu thuyết (dựng một cuốn phim, vẽ một bức tranh, soạn một bản nhạc, hay viết lại một trường thi) có khả năng chứa đựng toàn bộ, không thêm bớt, nội dung của Đoạn Trường Tân Thanh; cùng lắm, nhà sáng tạo nghệ thuật chỉ có thể sử dụng lại cái khối chất liệu tìm thấy sau khi đọc kỹ tác phẩm này (cái khối chất liệu đã trở nên quá giàu có hơn so với cái khối chất liệu tìm thấy nơi Kim Vân Kiều Truyện) để tạo nên những tác phẩm khác mang giá trị khác. Cũng thế, chúng ta chỉ có thể tốn vô lượng giấy mực và thì giờ để suy diễn về, hay bàn bạc về nội dung của Đoạn Trường Tân Thanh. Còn khi chúng ta thực sự muốn nắm bắt được chính xác nội dung của nó, chúng ta chỉ còn có một cách là đọc trực tiếp toàn bộ tác phẩm (nghĩa là phải trực tiếp đi xuyên qua từng chi tiết tế vi của hình thức tác phẩm).

Không nắm được những kiến thức căn bản nêu trên, nhà văn Thế Uyên đi hết từ sai lầm đến sai lầm khác khi cho "Trong nhiều trường hợp cái mới về nội dung ý tưởng được chú trọng nhiều hơn cái mới về hình thức văn thể", hay khi cho sự thay đổi của thế lục bát từ trước đến nay chỉ là những sự thay đổi về ý tưởng (mặc dù ông thừa nhận là nhiều người đã thay đổi cách ngắt câu, cách viết hoa, xuống hàng hay ngắt nhịp, v.v...), hay khi ông đánh giá văn xuôi của Mai Thảo và Nguyên Sa, v.v...

Điều đáng nói là những sai lầm này khá phổ biến. Chúng ta cứ vẫn thấy nhan nhản từ quốc nội đến hải ngoại những bài phê bình, nhận định và tranh luận rất tự tin và sôi nổi về thái độ nhưng rất bấp bênh về kiến thức và lý luận văn học, trong đó các tác giả không chủ yếu truy tầm giá trị nghệ thuật của văn chương mà chủ yếu theo đuổi những ý đồ chính trị, tôn giáo, hay ý thức hệ. Thái độ này thể hiện qua việc bình văn theo kiểu đưa ra vài nhận xét hời hợt về cái gọi là "hình thức" của tác phẩm, rồi tập trung xoáy sâu vào cái gọi là "nội dung" của tác phẩm. Công tác xoáy sâu này, kỳ thực, chỉ là công tác suy diễn về những ý tưởng mà người bình văn nhặt được từ tác phẩm, rồi so sánh kết quả của sự suy diễn với những cái khuôn có sẵn trong mớ định kiến chính trị hay đạo đức mà người bình văn đã bị tiêm nhiễm. Qua kiểu bình văn này, những "nội dung" nào phù hợp với những cái khuôn sẵn có thì được cho là "hay", nếu không, thì bị chê

bai hoặc kết án. Kiểu bình văn phi nghệ thuật như thế dần dần in vào ý thức của người viết và của quần chúng, và nhất định làm sinh ra những hậu quả tai hại. Cái tai hại hiển nhiên nhất là một nền văn học thiếu những tác phẩm mang giá trị to lớn về nghệ thuật và cực kỳ khó khăn trong việc cách tân.

Cuối cùng, tôi cũng xin nhà văn Thế Uyên lưu ý đến kết cấu và cách đặt nhan đề của bài viết "Đàm luận với Nam bán cầu" của ông. Ông đã lập nên một cuộc " đàm luận" giả giữa ông và Nguyễn Hưng Quốc, trong đó ông sử dụng năm đoạn văn của Nguyễn Hưng Quốc (hai đoạn trích từ thư riêng, ba đoạn trích từ bài "Sống và viết như những người lưu vong") để làm các vế đối đáp. Nhan đề của bài viết có vẻ không ổn, vì khi trích dẫn bài viết đã xuất bản của người khác để tranh luận, chúng ta cũng không thể xem tổng thể bài viết của mình là một cuộc "đàm luận" được, vì "đàm luận" phải có đối thoại qua lại, trong khi ở đây thực chất chỉ là một sự bình luận (tôi đề nghị nhan đề bài viết nên được đổi thành "Bình luận về một số nhận định văn học của..."; nếu không, chẳng mấy chốc, chúng ta sẽ thấy nhan nhản những bài viết có nhan đề "Đàm luận với Aristotle, Khổng Tử, Nguyễn Du...").

Hoàng Ngọc-Tuấn
University of New South Wales
13/3/1999

Tìm mua tác phẩm mới nhất của
Điệp Mỹ Linh

tưởng như trở về

tập truyện
Sách dày 190 trang, bìa màu, giá 10 MK

Địa chỉ liên lạc: Điệp Mỹ Linh
P.O. Box 401, Alief, Texas 77411 U.S.A.

Hà Nội: Thành Phố Trong Sông
Hồi ký của Giáo Sư Nguyễn Đình-Hoà

Thạch Hãn

Đầu tháng 4, nhà xuất bản McFarland phổ biến một đề sách có nhan *From the City Inside the Red River*, một cuốn hồi ký của Giáo Sư Nguyễn Đình-Hoà, nguyên Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Sài gòn, nguyên Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Việt Học ở Đại Học Nam Illinois (SIU), nay đã nghỉ hưu và hiện cư ngụ tại miền Bắc California.

Cuốn hồi ký dày 217 trang được tác giả bắt đầu từ năm 1954 và hoàn tất trong thời gian giáo sư nghỉ hưu ở California. Ngoài tựa chính, sách còn có tiểu tựa *A Cultural Memoir of Mid-Century Vietnam*, lưu ý người đọc đến chủ đích của cuốn sách. Có thể nói đây là một tập sách đề cập đến nhiều vấn đề văn hóa Việt Nam, khởi đi từ khoảng giữa thế kỷ, từ năm 1947, lúc tác giả ở vào tuổi thanh niên, lòng tràn đầy nhiệt huyết mang hoài bão đóng góp vào công cuộc phát triển và xây dựng một nước Việt Nam đang bừng dậy khí thế đánh đuổi ngoại xâm giành độc lập. Graham Tucker, một người bạn của tác giả trước đây đã từng phục vụ tại Việt Nam, trách nhiệm về ấn phẩm (Publications) ở Phòng Thông Tin Hoa Kỳ (USIS), trong bài giới thiệu, xác định giá trị của tập hồi ký như sau: "*I admire Dr. Hoà's life story as being, first, a basic source of information about Vietnam's cultural and intellectual history. Of particular interest to me is the information he provides regarding the literary, artistic, moral, and humanistic education given a Vietnamese through seven decades. It has been noted that young Asians performed well in American schools. This book may offer some understanding why this is the case.*" (tr. x) (Tôi thán phục câu chuyện đời của Tiến sĩ Hoà, khi xem nó như một thứ tư liệu căn bản về lịch sử văn hóa và trí thức Việt Nam. Điều đáng cho tôi quan tâm

chính là những thông tin ông cung cấp liên quan đến các lãnh vực văn học, nghệ thuật, đạo đức và nền giáo dục nhân bản dành cho một người Việt Nam qua suốt bảy thập niên. Những người trẻ Á châu được tiếng học giỏi trong các trường học ở Mỹ. Cuốn sách này giúp giải thích tại sao họ lại giỏi giang đến thế.)

Tác giả cẩn thận ghi chép những gì mình tai nghe mắt thấy hay học hỏi được ở trường, thầy, bạn cũng như gia đình. Trong 15 chương sách, người đọc bước vào một thế giới đa dạng, khởi đi từ một căn phố dùng làm Toà Lãnh sự Hoa Kỳ vào năm 1948, lúc tác giả nhận được học bổng theo học tại Union College ở Schenectady, tiểu bang New York; và kết thúc bằng chuyến về thăm quê hương vào năm 1994, sau khi tác giả lấy lại được sức khỏe từ một tai nạn gây thương tích đầu gối không lâu trước đó.

Năm 1948, lúc làm thư ký tại Tòa Lãnh Sự Mỹ ở Hà Nội, tác giả chiếm được cảm tình của một giáo sư nhân chủng học nổi tiếng ở đại học Yale là Joseph Embree, lúc đó đang làm Tùy viên Văn hóa. Qua sự sắp đặt của giáo sư Embree, tác giả được Viện Giáo Dục Quốc Tế (IIE) cấp học bổng bán phần để theo học tại Union College. Tác giả phải tự lo liệu chi phí vận chuyển và tiêu dùng. Ngày 28 tháng 8 năm 1948, tác giả hân hoan cầm trong tay sổ thông hành do chính phủ Pháp cấp cho một công dân thuộc Liên Hiệp Pháp (Union Francaise), rời Hà Nội, bắt đầu một chuyến xuất ngoại đầu tiên trong đời. Tỉ mỉ ghi lại nhiều chi tiết chuẩn bị cho chuyến đi, tác giả đưa người đọc đi ngược dòng thời gian trở lại với Hà Nội vào khoảng giữa thế kỷ. Ba mươi sáu phố phường tấp nập ngược xuôi, cảnh sinh hoạt của thị dân, những kỷ niệm vui buồn của thời học sinh, từ sơ cấp cho đến trung học, tác giả dùng phần lớn chương 2 để cập đến những vấn đề văn hóa căn bản, như lịch sử hình thành các khu phố của Hà Nội, đời sống gia đình, (đại gia đình) rồi từ đó đưa ra những điểm đặc trưng về văn hóa và phong tục Việt Nam. Trong chương 3, tác giả ghi thêm nhiều chi tiết về gia đình, nhất là về thân mẫu, các thầy giáo, anh em, và bạn bè. Cuối chương, Giáo sư Nguyễn kết luận:

"I owe my childhood education to my father and mother and brothers and sisters, and to all my teachers. But it would unfair not to emphasize the strong influence of my boyhood friends both in a school and out of school. Mùi, the son of a rickshaw renter, and Thuy, the son of a Bank of Indochina janitor, were two teachers of mine, too. I recall that an uncle of mine one day remarked in front of my parents that perhaps I should not spend too much time with either of these two boys. He used the adjective nghèo hèn, which is a compound word meaning "poor and

lowly." "They may be nghèo, but they are not hèn," my father quickly responded. à... Afterwards that uncle of mine who had hinted that a government clerk's son should not befriend the son of a humble merchant or wage earner, never brought up the matter of class consciousness again." (tr.38)

(Tôi mang ơn cha mẹ, anh chị và thầy giáo đã dạy dỗ tôi lúc tuổi còn thơ. Nhưng nếu không nhấn mạnh đến ảnh hưởng của những người bạn thuở thiếu thời, bạn học cùng trường hay bạn ở cùng xóm, thì quả là bất công. Mùi, con của một phu xe; và Thuy, con của một ông gác dan nhà băng Đông dương, cũng là thầy tôi vậy. Tôi còn nhớ có lần một người chú nói trước mặt bố mẹ tôi rằng tôi không nên dành quá nhiều thì giờ giao du với hai người đó. Chú tôi dùng tính từ *nghèo hèn*, một từ kép có nghĩa là thấp kém và nghèo nàn. Bố tôi tức thì đáp lại, "Họ có thể nghèo, nhưng họ không hèn." Từ đó về sau, chú tôi, người trước đây ngụ ý rằng con của một thầy Ký như bố tôi thì không nên giao du với con cái của những người công nhân hay lái buôn, từ đó trở đi, chẳng bao giờ nói đến chuyện phân chia giai cấp.)

Sinh hoạt trí thức và văn hóa của Hà Nội vào giai đoạn giữa thế kỷ chiếm các chương 4 và 5. Tác giả giới thiệu hệ thống giáo dục sơ học và trung cấp, các học hiệu dành cho học sinh thời đó. Sinh hoạt văn hóa như báo chí được tác giả ghi lại khá chi tiết. Bên cạnh Hà Thành Ngọ Báo, Phổ Thông Bán Nguyệt San, hay các truyện Tàu như Thủy Hử, Tam Quốc Chí, tác giả mô tả hệ thống giáo dục Việt Pháp bên cạnh nền cựu học tuy đã suy đồi nhưng vẫn còn hiện diện (tr. 46-47). Nói đến văn hóa, tác giả còn cẩn thận ghi thêm những sinh hoạt của Bắc Kỳ Vệ Sinh Công Ty, cơ quan chuyên trách rút hầm cầu cho cả thành phố, giữ gìn vệ sinh và sức khỏe cho thị dân. (tr. 47). Mỗi lần đổ thùng, người ta đưa một biên nhận viết trên một miếng giấy to bản. Chủ ý của tác giả ở đây nhắc nhở cái văn bằng mà người đời thường khoe khoang nhiều khi cũng chỉ như tấm biên nhận của sở vệ sinh, như lời thân mẫu tác giả từng đùa khi nói với cậu con trai út của bà rằng "cái bằng yếu lược của mày trông giống như cái giấy của sở vệ sinh" (tr. 47). Trong khi đó thì cái bằng của người anh cả thi đỗ 10 năm về trước lại trông thật đẹp, có in hình *lưỡng long chầu nguyệt*, hai con rồng lượn quanh một mặt trăng có hai phần âm dương.

Những người bạn học ở Trường Bưởi được tác giả ghi lại thật chi tiết ở chương 5. Đây là lúc Giáo sư Nguyễn nhắc lại nhiều kỷ niệm vui buồn của thời niên thiếu, những ngày bên thầy và bạn giờ đây người còn kẻ mất. Đặc biệt ở cuối chương 5, tác giả dành khoảng một trang bàn về chữ Nôm, chữ quốc ngữ, giới thiệu khái quát về âm thanh trong tiếng Việt.

Gia thế và sự nghiệp của giòng họ Nguyễn Đình chiếm hai chương tiếp theo, 6 và 7. Qua việc thuật lại giòng giõi tác giả luồn vào đó những biến cố lịch sử cận đại cũng như hiện đại. Hệ thống chính quyền và các tổ chức chính phủ bảo hộ, các hoạt động của thân nhân trong hệ thống hành chánh đương thời được tác giả mô tả tỉ mỉ. Cũng trong chương này, tác giả còn nhắc đến một thế hệ thanh niên sống bên lề, bê tha rượu chè và thuốc phiện. Ma túy đã đẩy nhiều thanh niên Việt Nam vào đường trác táng rồi đi đến chỗ tự hủy diệt. Chính quyền bảo hộ giữ độc quyền bán rượu và nha phiến, dụ dỗ thanh niên Việt đi vào đường nghiện ngập cốt bẻ gãy tinh thần đấu tranh giành độc lập tránh cho họ những hiểm nguy về chính trị. Tác giả có ông chú thứ ba tên là Đình-Chúc, một kế toán viên bảnh trai và tài ba, lại viết chữ đẹp, theo bè bạn sa chân vào động hút, tính tình trở nên hung hăng mỗi lúc lên cơn chưa kịp thuốc, ăn cắp tiền của vợ để thỏa mãn cơn ghiền, mất hết nhân cách, suốt ngày nằm dài trên giường trong tăm tối. Nhẹ hơn thì có những thanh niên lêu lổng, suốt ngày chỉ biết bát phố; đêm đến nếu có tiền thì lai vãng các phòng trà, sàn nhảy ở Phố Hàng Bông, Hàng Buồm, vui đùa nhảy nhót với gái gọi (tr. 71). May thay, Giáo sư Nguyễn nhận xét, thành phần này chỉ gồm một ít thanh niên con nhà giàu có được nuông chiều đến hư hỏng:

"This lifestyle–of necessity parasitic since their parents still supported some of them–reflected the genera; indifference to the political and social conditions of their society, and in a sense was partly responsible for the slow disintegration of the social fabric of traditional Vietnam in the 1930s and 1940s.

Fortunately those dandies(?) were only a minority, spoiled sons of well-to-do families in urban centers. The vast majority of young men, by contrast, had to struggle to make a living upon graduation from secondary school or even primary school... (tr. 71)

(Lối sống trác táng này– hẳn nhiên mang tính cách ký sinh vì một số còn ăn bám bố mẹ–phản ánh sự thờ ơ chung chung trước những tình huống chính trị và xã hội của xã hội họ sống, và trong một chừng mực nào đó, họ chịu một phần trách nhiệm đã làm cho xã hội cổ truyền Việt Nam dần dần băng hoại trong những thập niên 1930 và 1940. May mắn thay, những kẻ hoang đàng (?)[ở đây tôi đánh dấu hỏi vì theo từ điển Merriam Webster, "dandy"[dandies] có nghĩa (1) những người ăn mặc chải chuốt–man unduly attentive to dress–, (2) một vật gì thuộc vào hạng tốt, a thing excellent in its class. Theo văn mạch, tôi đoán ý tác giả muốn chỉ những người có đời sống bê tha, trác táng.] như thế chỉ là một số ít con nhà giàu ở thành thị được nuông chiều quá mức. Phần lớn các thanh niên,

trái lại, phải phấn đấu mưu sinh sau khi hoàn tất trung học, có khi vừa xong tiểu học. Một số trở thành công chức cấp thấp, hay giữ những chân thư ký trong các tư sở. Một số khác kiếm được việc làm tốt hơn trong hệ thống nhà nước bảo hộ hay hệ thống quan lại, một số khác lại còn đi Tây du học.) (tr.71)

Sinh hoạt nghệ thuật và giải trí của thị dân Hà thành nói riêng và của người Việt Nam nói chung chiếm phần lớn chương 8. Ở đây, tác giả ghi lại những sinh hoạt văn nghệ, thi phú, các buổi trình diễn cải lương, kịch nghệ như những hình thức giải trí tao nhã. Việc học hỏi sử dụng những nhạc cụ cổ truyền và hiện đại được các thanh niên thời bấy giờ chú ý. Bên cạnh sự phát triển của một nền tân nhạc Việt Nam thể hiện qua các sáng tác và sinh hoạt của Văn Cao, Nguyễn Xuân Khoát, Lê Thương, Dương Thiệu Tước, Thẩm Oánh, Vũ Khanh, v.v, thanh niên thời bấy giờ cũng đã có cơ hội thưởng thức những bản nhạc Tây phương như "J'ai deux amours,""Guitare d'Amour," "C'est à Capri," v.v. trong khi thế hệ cha ông thích xem cải lương, thanh niên thời bấy giờ lại còn có thêm một hình thức giải trí mới lạ và hấp dẫn hơn: xi-nê-ma. Cũng trong chương này, tác giả dành một nửa số trang ghi lại những tập tục, những mê tín dị đoan của người Việt trong việc sinh con đẻ cái, việc đặt tên cũng như quan niệm của người thời bấy giờ về phái tính (nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô).

Lập gia đình năm 1952 tại Nữu Ước trong thời gian theo học bậc Tiến sĩ tại New York University, Giáo sư Nguyễn chính thức kết hôn với vị hôn thê của ông từ Sàigòn đến. Nhân lúc thuật lại lễ thành hôn của mình, tác giả dẫn người đọc đến sự tích trầu cau và tục nhuộm răng của người Việt ở Chương 9. Tác giả thú nhận mình chưa hề được nha sĩ săn sóc răng cho đến năm 25 tuổi, lúc đã ở Mỹ. Sau hai năm theo học ở Union College, tác giả hoàn tất bậc cử nhân, nay đã thực sự "vào đời." (tr. 123) Để cho kinh nghiệm sống của mình được trọn vẹn, tác giả đã đứng đường đón xe (hitch-hike), xách một chiếc valise có nhãn chữ U của Union College, tay cầm một tấm bìa lớn cắt hình bản đồ Mỹ có ghi hàng chữ "VIETNAM STUDENT ENJOYING US". Cứ thế mà đi, tác giả vượt qua hơn hai ngàn dặm, gặp nhiều người tốt bụng dễ thương, đủ mọi thành phần xã hội. Từ đó, giáo sư Nguyễn bắt đầu một học trình mới tại New York University.

Lập gia đình, sinh con đầu lòng vào năm 1954, tác giả tiếp tục học trình tiến sĩ tại trường Giáo Dục Đại Học New York. Năm 1957, giáo sư hồi hương theo lời mời của viện trưởng Viện Đại Học Sàigòn Nguyễn Quang Trình vào năm 1955 lúc ông này đến thăm Hoa thịnh Đốn. Chỉ hai hôm sau ngày hồi hương vào tháng 8 năm 1957, Bộ trưởng Giáo Dục Nguyễn Dương Đôn bổ nhiệm tác giả vào chức Khoa Trưởng Đại Học

Văn Khoa Sàigòn. Ông đảm nhiệm chức vụ này cho đến năm 1962 khi ông thay thế giáo sư Nguyễn Khắc Kham trong chức vụ Giám Đốc Nha Văn Hóa. Trong thời gian phục vụ tại Đại học Sàigòn, Giáo sư Nguyễn đã phải đối phó với nhiều vấn đề quan trọng về tổ chức và quản trị, nhưng gay cấn nhất vẫn là làm thế nào để không bị những tranh chấp giữa hai giới khoa bảng tốt nghiệp từ các Đại học Pháp và bạn đồng liêu của họ xuất thân từ các trường Đại học ở Mỹ lôi kéo. Tác giả cẩn thận mô tả lại những nỗ lực nhằm xây dựng một nền giáo dục Đại Học để một mặt đáp ứng được nhu cầu phát triển, một mặt tiến kịp những học hiệu ở các quốc gia Tây phương. Đáng kể là những hội thảo về văn hóa giáo dục quốc tế giáo sư có trách nhiệm đứng ra tổ chức ở trong nước, hay tham dự ở ngoại quốc. Nhân cơ hội này, tác giả lược thuật lại những tiến bộ của ngành giáo dục đại học nói riêng và nền học thuật nước nhà nói chung trong khoảng thời gian từ ngày thành lập trường Cao đẳng Đông đương cuối năm 1949 cho đến khi miền Nam trở thành Việt Nam Cộng Hòa với tổng số 4 viện đại học trên phần đất miền nam vĩ tuyến 17.

Song song với các công tác giảng huấn, Giáo sư còn đóng góp vào việc hình thành những truyền thống và lễ nghi trong khuôn khổ đại học, điển hình là việc cấp phát văn bằng Tiến Sĩ Danh Dự cho các yếu nhân trên thế giới. Theo đề nghị của tác giả, Phủ Tổng thống chấp thuận cấp ngân sách cho Bộ Giáo Dục để tổ chức lễ cấp phát văn bằng mỗi khi có quốc khách thăm viếng. Giáo sư Nguyễn đã dùng lễ phục đại học của mình để làm kiểu mẫu theo đó hơn 30 áo lễ được may để cho giáo sư đại học sử dụng trong các buổi lễ. Kết quả là Viện Đại Học Sàigòn cấp phát ba bằng tiến sĩ danh dự cho Tổng Thống Lý Thừa Vãn của Hàn Quốc cuối năm 1958; Quốc Vương Bhumipol của Thái Lan năm 1959 và Thủ Tướng Tungku Abdul Rahman của Mã-lai-á năm 1961. Việc chuẩn bị cũng gây nhiều tranh cãi giữa hai ý kiến đối nghịch: một bên muốn rập khuôn nghi lễ và y phục của các Đại học Pháp, trong khi người chủ chốt lại chủ trương theo nghi thức của Mỹ. Chưa nói đến những vấn đề có tính cách nghiêm trọng hơn như đường lối hay phương pháp giáo dục mà sự khác biệt giữa hai hệ thống vốn gây ra những tranh chấp gay cấn, chỉ mỗi việc nên mặc kiểu áo nào thôi cũng đã tạo ra nhiều tranh cãi.

Nhận lời hồi hương, ngoài việc phục vụ quốc gia, tác giả còn muốn được sống cạnh thân phụ, lúc này đã cao tuổi. Chương 12 dành một phần lớn thuật lại cảnh sống gia đình, kẻ Bắc người Nam. Sau khi đất nước chia đôi, gia đình tác giả hầu hết đã di cư vào Nam, trong khi hai người chị và một số họ hàng khác ở lại miền Bắc. Việc liên lạc thư từ giữa hai miền tuy vẫn có nhưng rất chậm và rời rạc, thường phải qua trung gian một quốc

gia đệ tam như Pháp hay Gia Nã Đại. Đám táng của thân phụ cũng được tác giả mô tả đầy đủ chi tiết về lễ nghi, tập tục và phong tục, từ trang 160 đến trang 165.

Chương 13 là một bài tiểu luận ngắn về nguồn gốc của dân tộc Việt Nam. Tác giả lược thuật nguồn gốc "con rồng cháu tiên," (tr. 172) rồi từ đó giải thích lý do tại sao thiên hạ có câu "Dù ai đi ngược về xuôi/Nhớ ngày giỗ tổ mồng mười tháng ba." Những trang sử hào hùng của dân tộc được tác giả cô đọng lại, rồi đưa ra những nhận xét về chế độ bảo hộ và các phong trào tranh đấu giành độc lập từ đầu kỷ cho đến nay.

Chương 14 mô tả cảnh sống của người dân Việt Nam cả hai miền Nam Bắc trước và sau ngày Cộng sản chiếm miền Nam. Trận đói năm Ất dậu giết hàng vạn người ở miền Bắc, cảnh thân nhân họ hàng sống đói rách trong các trại cải tạo, hay liều mình vượt cơn sóng dữ biển Đông đi tìm tự do để rồi chết đuối một cách thảm hại. Tác giả qua những chi tiết liên hệ đến gia đình giòng họ đã giúp người đọc nhìn được toàn cảnh Việt Nam dưới chế độ Cộng sản.

Chỉ trong khoảng 200 trang sách, tác giả gởi đến người đọc khá nhiều vấn đề văn hóa Việt Nam. Đây là một đặc điểm của cuốn sách. Với một lượng thông tin đồ sộ như thế, tác giả khéo léo cầm chân người đọc bằng những chi tiết có tính cách cá nhân, dễ gây sự chú ý. Khi viết hồi ký, yếu tố chủ quan bao giờ cũng rõ nét, tác giả thường có khuynh hướng "xấu che, tốt khoe" hay quy trách nhiệm cho sự thất bại của mình về những yếu tố ngoại lai mà mình không kiểm soát được. Thế nhưng *From the City Inside the Red River* đã không vấp phải những khuyết điểm đó. Bằng một sự điềm đạm và cẩn trọng, Giáo sư Nguyễn thuật sự một cách trung thực, những dữ kiện được củng cố bằng những ngày tháng rõ ràng. Đây là một cuốn sách mà tác giả đã bỏ thật nhiều tâm huyết, như lời hứa với thân phụ ngày rời Hà Nội là ông sẽ giữ gìn gia phả giòng họ Nguyễn Đình và nhất quyết không làm ô danh. Rất nhiều chi tiết thuật lại với ngày tháng rõ ràng cho thấy tác giả dụng tâm tôn trọng sự thật. Các từ tiếng Việt được bỏ dấu rất cẩn thận, và được phiên dịch ra tiếng Anh hầu như toàn bộ. Đây là một điểm đáng khen của cuốn sách. Độc giả hiểu được ngay những điều muốn nói, cho dù việc phiên dịch có lúc trở nên rườm rà, chi li. Ngay nhan sách cũng đã gây sự chú ý: *Thành phố bên trong Sông Hồng Hà*. Đây là cách phiên giải bằng tiếng Anh của hai chữ Hà Nội. Giáo sư Nguyễn vốn là một nhà ngữ học, lại có một quá trình giảng dạy ngôn ngữ và văn hóa Việt lâu dài ở các Đại học Mỹ cho nên chúng ta hiểu được tại sao tác giả lại cất công phiên dịch chi li như thế. Nhân danh, địa danh, vốn là những danh từ riêng, độc đáo dùng để chỉ nơi chốn, tên người, và thường có ý nghĩa độc

đáo riêng của chúng. Ngay cả việc đặt tên người, chỉ trừ những gia đình mà cha mẹ là những người có học, tên tuổi nhiều khi được đặt để một cách tùy tiện, không chọn lựa trước. Vì thế nhiều khi nếu đem tên người ra giải nghĩa, chúng ta sẽ gặp những cảnh khôi hài ngộ nghĩnh. Hãy thử tưởng tượng khi chúng ta dịch tên Mỹ như "Brown" chẳng hạn ra tiếng Việt thành "Nâu," nghĩa đó không gợi cho ta được một liên tưởng nào đến người được đặt tên. Cũng vì thế khi cố dịch tên gọi Hà Nội ra tiếng Anh là "the city inside the river," người ta có thể nghĩ ngay đến thủy cung của Hà Bá. Suốt từ đầu đến cuối cuốn sách, chúng ta sẽ gặp rất nhiều trường hợp tác giả dịch ra tiếng Anh những nhân danh và địa danh như thế. Phần lớn các từ được dịch giúp người đọc rất nhiều, nhưng cũng không ít trường hợp gây khó khăn. Chẳng hạn khi nói đến các ổ thuốc phiện, tác giả dịch "động tiên nâu" là "Brown Immortal grottoes,"; hay Trường Bưởi là "Pomelo School", có chỗ lại dịch là "Grapefruit School."

Như trên đã nhận xét, cuốn sách có thể được xem như là một cuốn tự điển văn hóa Việt Nam thu gọn. Tác giả đã đưa vào sách quá nhiều chi tiết, và những chi tiết này thường sắp đặt theo diễn tiến của chuyện kể cho nên nhiều lúc người đọc phải thu nhận nhiều đề tài khác nhau. Và cũng chính ở chỗ đó, người đọc có cái lợi là không nhất thiết phải đọc hết toàn bộ cuốn sách mới thu nhận được chủ điểm. Cứ mỗi chương tác giả cho người đọc một vài nét đặc trưng, khái quát, không có nhu cầu phải đi theo một trình tự từ đầu đến cuối.

From the City Inside the Red River là một tư liệu cần thiết cho những ai muốn tìm hiểu một cách tổng quát về văn hóa Việt Nam. Phần thư tịch (Bibliography) và Tiểu dẫn (Index) giúp ích rất nhiều cho những ai muốn tra cứu. Đây là một cuốn sách thế hệ thanh thiếu niên Việt Nam cần đọc, cần có trong mọi tủ sách gia đình.❐

From the City Inside the Red River: A Cultural Memoir of Mid-Century Vietnam by Nguyễn Đình-Hòa, 217 pp., hard cover, McFarland & Company, Inc. Publishers, Box 611, Jefferson, North Carolina 28640. Sách không ghi giá bán.

hộp thư

● Thư từ liên quan việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

Chuc Phi & Kim Phi (Garden Grove, báo do Quý Phạm tặng), Lưu Phương Nguyễn (Hamburg Germany), Khanh Nhan (Minneapolis MN), Calif. State Polytechnic University, Pomona Library, Lai Nguyễn (Fair Lawn NJ), University of Berkeley, CA (báo bị thất lạc), Trương Mỹ Vân (Vancouver Canada), Nhat Hoang (Dallas TX), University of Aidelaide Australia, Thu Doan (Plano TX), Nguyễn Thanh Quan (The Netherlands), K. Phuong Schalch (Switzerland), Đặng Hiên (Fountain Valley, CA) Tran Viet Hung (Hawthorne CA), Lê thị Thấm Vân (Milpitas CA), Hồ Minh Dũng (Atlanta GA), Đỗ thị Ngọc (Westminster CA), Trần Đình Bình (Gardena CA), Hoàng Đỗ (Spokane CA), Nguyễn Thanh Châu (Phoenix AZ), Anh Ho (San Diego CA, gia hạn và đổi địa chỉ), Dr. Phan văn Thính (Rockville MD), Nguyễn Tấn Ích (San Jose CA), Nguyễn thị Bé (Fairfax VA), Nguyễn Quí Đức (New York, NY), Bùi Mạnh Cẩn (Neuilly Plaisance France), Bùi Diễm Âu (Gaitherburg MD), Nguyễn Phượng Bảo (San Diego, CA; mua báo tặng cho Nguyễn văn Trung Kitchner Canada), K-Phuong Schalch-Le (Oberager Thụy Sĩ), Nguyễn văn Hân (San Diego CA), Lee's Grocery (Dallas, TX), Nguyễn Quang Hân (Marboro NJ), James Meyers (Florissant MO), Chung Hồng Huân (New Orleans LA)

● Bài nhận được trong tháng:

"Tài liệu về tác giả kịch thơ Viễn Khách" gửi từ Seattle WA, "Hợp cẩn" gửi từ Ontario Canada, "Vỹ Dạ hoang vu", Băn khoăn", "Cảm hoài" gửi từ San Jose CA, "Nẻo về", "Mùa hoa kim quất" gửi từ Oslo Norway, "Tôi sợ nhớ", "Ngọn tháng Giêng" gửi từ Fountain Valley CA, "Nửa" gửi từ San Jose CA, "Sương gieo chứ không phải Sương siu" gửi từ San Jose CA.

Những bài nhận được trên đây đều gửi qua bưu điện, và không kể những bài gửi qua e-mail Văn Học đã nhận được đầy đủ. Trân trọng cảm tạ sự cộng tác của quí bạn.

Hiện nay Tòa soạn Văn Học dùng nhu liệu V N U Windows để đánh máy, dùng Pagemaker để layout. Trong trường hợp quí văn hữu có sẵn software convert các font đang dùng sang font V N U, xin các bạn chuyển giùm qua V N U trước khi gửi e-mail bằng attach, để tránh các lỗi chính tả khi chuyển hệ. Xin cảm ơn quí văn hữu trước.

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Về
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giá $8.00
Đêm Hè
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Còn Đó Bóng Hình
Tập truyện Song Thao, giá $8.00
Những Chiếc Mặt Nạ Cười
Tập truyện Kinh Dương Vương, giá $8.00
Vầng Trăng Nội Thành
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm, giá $10.00
Những Người Thích dấu Huyền
Tạp bút Đặng Trần Huân, giá $10.00
Một Mình Em, Đến Giữa Đời
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Lần Cuối, Sài Gòn
Truyện, tạp luận Nguyễn Quốc Trụ, giá $10.00
Đoạn Đường Hốt tất Liệt
Tập truyện Lâm Chương, giá $10.00
Một Dây Trầm
Tập truyện Hoàng Du Thuy, giá $10.00
Cơn Giông Ngày Về
Tập truyện Ninh Hạ, giá $10.00

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683 *Điện thoại: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu Bang_____ Zip_____ _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, đề trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THU VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu đề trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

DU KHÁCH NÀO TỚI VÙNG ORANGE COUNTY CŨNG ĐỀU GHÉ LẠI

VĂN KHOA

9200 Bolsa Ave., Ste. # 123,
Westminster, CA 92683
(Trong khu Phước Lộc Thọ)

Tel: (714) 892-0801

• Sách Mới Về Mỗi Tuần • Đầy Đủ Sách Báo Và CD's/ Băng Nhạc V.N., Tự Điển, Sách Học Anh Văn Có Băng, Videos, Băng Đọc Truyện, Postcards. Chuyên Xuất Bản Sách Mới Sáng Tác

SÁCH MỚI VỀ:

1.Nói Thầm Với Đá (177 p.) *Lệ Hằng* $10.00
2.Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê (309 p.) *Minh Võ* $15.00
3.Nguyên Sa, Tác Giả Tác Phẩm 2 (373 p.) *Đỗ Cường soạn* $15.00
4.Tổ Hợp Đầu Tư/Mutual Funds (330 p.) *T.S.Hà Hưng Quốc* $16.00
5.Giải Thoát Trong Lòng Tay (966 p., 2 vol.) *Rinpoche, Trí Hải* $35.00
6.Thơ Nguyên Sa I (128 p.) *Nguyên Sa* $12.00
7.Những Gương Mặt Tỷ Phú Saigon Trước 75 (193 p.) *D.Đ. Dũng* $9.00
8.Hành Trình Cuối Đông (346 p.) *Tiêu Dao Bảo Cự* $16.00
9.Đọc Cô Quái Khách (777 p., 2 vol.) *Kim Dung, H.G. Nhạn dịch* $24.00

SÁCH VĂN KHOA MỚI XUẤT BẢN:
Góc Trời Ngô Thuy Miên (56 p. 8 x 11, tập nhạc) Ngô Thuy Miên $13.00

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301
WESTMINSTER, CA 92683, USA
TEL&FAX: (714) 527-5761

SÁCH MỚI

- SÀI GÒN TRONG MẮT TÔI, *biên khảo*, Phụng Nghi 12MK
- DÒNG THAMES THÌ THẦM, phiếm luận, *Vĩnh Phúc* 12MK
- THỰC PHẨM RAU ĐẬU QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, *biên khảo*, Tâm Diệu 12MK
- LẨU XÉP, *7 chuyện, 8 truyện*, Võ Đình 11MK
- CÔNG LÝ ĐÒI HỎI, *tiểu luận chính trị*, Nguyễn Minh Cần 18MK
- THƯ VỀ BLOOMINGTON, IL...., *truyện*, Lê Tất Điều 11MK
- ĐẠO ĐỨC KINH, Lão Tử, cựu Luật Sư Đinh Sĩ Trang *dịch, chú thích, gồm Anh, Việt, Hán* 20MK
- NHÌN CÂY THẤY RỪNG, *18 cuộc phỏng vấn liên quan đến Việt Nam với nhiều khám phá lý thú*, Đỗ Quyên 18MK
- EINSTEIN, ĐỜI SỐNG VÀ TƯ TƯỞNG, Nguyễn Hiến Lê 8MK
- ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ, Ernest Hemingway, Mặc Đỗ *dịch* 7MK
- MÀU TÍM, Alice Walker, Nguyên Thi *dịch* 15MK
- HÀNH TRÌNH CUỐI ĐÔNG, Tiêu Dao Bảo Cự 16MK
- MIỀN THƠ ẤU, *hồi ký* Vũ Thư Hiên 13MK
- NHỮNG GIỌT MƯA TRÊN GIÀN BÔNG GIẤY, *tiểu thuyết*, Nguyễn Hùng Vũ 14MK
- TRẮNG GÓA, *tập truyện đầu tay của* Lê Minh Hà, *nhà văn nữ trẻ hiện đang sống tại Đức* 10MK

Ngoài Hoa Kỳ, xin trả thêm 2MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK.
Thêm 3MK cho sách giá từ 19MK đến 28MK.
Riêng *Đêm Giữa Ban Ngày* thêm 5MK

Liên lạc với VĂN NGHỆ để nhận Thư Mục
với hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.

SỐ ĐẶC BIỆT:
GIÁ Ở HIỆU SÁCH: 6 MỸ KIM